

# CHUẨN TƯỚNG LÊ NGUYỄN VỸ

Thanh Sơn

Tướng Lê Nguyễn Vỹ về đảm nhiệm Chức Vụ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, khi ông còn mang cấp bậc Đại Tá, vào khoảng tháng 6 năm 1973, trong lúc vết thương ở chân của ông chưa lành hẳn, bước đi còn khập khễnh và chống gậy vì bị tai nạn trực thăng khi ông là Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Ông là một vị Chỉ Huy gan dạ nổi tiếng nhất của Sư Đoàn 5 Bộ Binh, lúc ông còn là Trung Đoàn Trưởng:

“Nhất Vỹ, nhì Gia”(Trung Tá Gia). Đây là câu nói tôi được nghe nhiều lần nơi Sĩ Quan và Binh Sĩ khi rời Quân Trường về trình diện Sư Đoàn vào tháng 1.1968. Rất nhiều đồng bào và anh em Chiến Sĩ thuộc các Đơn vị bạn quanh vùng Lái Thiêu, Bình Dương cho đến các Tỉnh biên giới Bình Long, Phước Long đều biết đến tên ông. Có lẽ vì một phần tinh thần chiến đấu kiên trì và dũng cảm, một phần vì tính tình nóng nảy như lửa đốt của ông.

Tinh thần kiên trì và dứt khoát chiến đấu chống cộng của ông đã biểu lộ qua câu chuyện của một Sĩ Quan Tham Mưu Sư Đoàn kể cho tôi nghe: “Ông Vỹ có một cô em gái đi theo việt cộng, viết thư khuyên ông nên quay về với “bác và đảng” và ông đã trao bức thư này cho An Ninh Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa để nghiên cứu”.

Sự chiến đấu dũng cảm của ông gần như mọi người thuộc Sư Đoàn đều biết vào Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972 ở An Lộc, việt cộng lừa 3 sư đoàn (công trường) số 5, 7, 9, trung đoàn thiết giáp T-54 và các đơn vị trọng pháo 130 ly để bao vây và tấn công Thị Xã An Lộc, Tỉnh Bình Long. Đại Tá Lê Nguyễn Vỹ, Tư Lệnh Phó Sư Đoàn cùng với Tướng Lê Văn Hưng, Tư Lệnh Sư Đoàn đã tích cực điều động các Đơn vị phòng thủ đẩy lui nhiều đợt tấn công ác liệt kéo dài ròng rã gần 3 tháng trời. Ở vào cao điểm khốc liệt nhất, khi việt cộng quyết định sử dụng toàn bộ lực lượng để dứt điểm chiến trường, chúng tung nhiều đợt pháo kích, sử dụng lực lượng xung kích chủ yếu, thiết giáp T-54 và bộ binh kết hợp tiến thẳng vào Trung Tâm Chỉ Huy của Tướng Lê Văn Hưng. Vì bị thiệt hại nặng nề do đạn pháo, các Đơn vị Việt Nam Cộng Hòa phải co cụm lại từng tụ điểm để chống trả. Khi thấy chiến xa và bộ binh địch xuất hiện từ xa, tất cả các loại súng cối của ta bắn ra xối xả, khiến bộ binh việt cộng phải gạt lùi lại phía sau, chỉ có thiết giáp việt cộng một hàng dọc, theo đường phố tiến vào nơi phòng thủ của Tướng Hưng. Vì lần đầu tiên người Lính Việt Nam Cộng Hòa nhìn thấy chiến xa địch và phần vì không tin tưởng vào vũ khí chống chiến xa M-72, hầu hết đều kinh hoàng và tìm nơi ẩn nấp. Ngay cả đến Lính phòng thủ trước cửa hầm của Tướng Hưng cũng vậy, khi nhìn thấy chiến xa đã tới gần, tất cả đều nhảy ào xuống hầm. Đại Tá Lê Nguyễn Vỹ đã nhanh nhẹn chụp lấy khẩu M-72 của người Lính đứng bên cạnh, ông bước lên miệng hầm. Trong khi ấy, Tướng Lê Văn Hưng đã cầm sẵn một trái lựu đạn nơi tay với ý định nếu việt cộng tràn vào, ông tung ra, tất cả cùng chết. Chiếc chiến xa đi đầu đã đến gần, nhưng vì chúng chưa định ra được chiếc hầm nào là hầm của Tướng Hưng đang thủ, chúng quay ngang, quay dọc để tìm kiếm. Thừa lúc ấy, Đại Tá Vỹ đã bắn ngay một quả đạn M-72 vào hông xe làm chiếc xe bốc cháy. Binh Sĩ lên tinh thần reo hò, và họ lần theo từng căn nhà, từng bờ tường để bắn những chiếc còn lại. Kết quả là gần 50 chiếc chiến xa địch bị bắn cháy ngay trên trận địa.

Tướng Lê Nguyễn Vỹ được thăng cấp cuối năm 1974. Ông đã phải đương đầu với một hoàn cảnh vô cùng khó khăn, vừa phải lo đối phó với áp lực của quân địch, và vừa lo chấn chỉnh Nhân sự, củng cố Đơn Vị v.v...

Ông làm việc không kể giờ giấc, ngày đêm, hết Bộ Tư Lệnh Căn Cứ ở Lai Khê, lại chạy tới các Căn Cứ ở Trung Đoàn, Tiểu Đoàn để kiểm tra, đốc thúc đào hào, tu bổ hệ thống phòng thủ, đắp chướng ngại vật để cản chiến xa. Ông cũng lưu

tâm đặc biệt việc rèn luyện Tân Binh, thường xuyên mở lớp Huấn Luyện ôn tập cho các Cán Bộ và Binh Sĩ.

Đặc biệt về công tác bài trừ tệ nạn tham nhũng, ông làm rất hăng say. Sau khi Tướng Trần Quốc Lịch bị điều tra và bắt giam ở Quân Lao, một số các Cấp Chỉ Huy khác đã bị trừng phạt: Thiếu Tá Hồ Ngọc S. Tiểu Đoàn Trưởng/Tiểu Đoàn 3/Trung Đoàn 9. Đại Úy H. Đại Đội Trưởng Đại Đội 5 Trinh Sát bị giáng cấp xuống Trung Sĩ và một số nữa tôi không nhớ rõ. Việc bài trừ tham nhũng, không ai nghi ngờ thiện chí của Tướng Vỹ, ông rất nhiệt tình. Ông chỉ có một tật xấu duy nhất mà tôi ghi được là tính nóng nảy. Một câu chuyện xảy ra vào lúc tôi còn làm việc tại Trung Tâm Hành Quân, Phòng 3 Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn. Hôm ấy, một Binh Sĩ bị Quân Cảnh bắt về trình diện ông về tội đánh lộn và cướp giật ngoài Chợ Lai Khê. Câu chuyện tôi nghe được khi ông đang đứng nói với một Sĩ Quan khác trước cửa văn phòng: “Tôi chửi mắng cho một trận, mặt hấn cứ trơ trơ ra, không tỏ vẻ ăn năn hối hận gì, tưởng thế là xong. Thành linh tôi quay trở ngược cây gậy đập tới tấp, cu cậu không biết đường mà đỡ, bị một trận nên thân”. Những việc như vậy, ông thường làm, nhưng lại chưa ai nghe nói ông cạo đầu hoặc nhốt chuồng cọp Binh Sĩ.

Trong một buổi lễ khai giảng Khóa Huấn Luyện Tân Binh lẫn Cán Bộ và Lính cơ hữu của Trung Tâm Huấn Luyện ở Lái Thiêu, ông công kích kịch liệt trong gần một tiếng đồng hồ về nạn tham nhũng. Ông nói rất nhiều, nhưng chỉ có một câu mà tôi nhớ hoài, không bao giờ quên:

“Chúng nó đã móc ngàm vào với nhau rất chặt chẽ, mình phải gỡ ra từ từ mới được”

Trong một phiên họp ở Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn, ông gọi những người được gọi gắm nhiều năm, hết đời Tư Lệnh này đến đời Tư Lệnh khác, sống lưu cư tại Trung Tâm Huấn Luyện Sư Đoàn là những con heo. Ông nói: “Chúng nó ăn no béo mập như những con heo”. Ông muốn “búng” đám người này đi mà cũng không làm được. Có lẽ vì họ có cái “gốc” lớn mà rễ của nó đã mọc tới Sài Gòn. Sức lực của ông cũng có hạn, đôi vai ông cũng nhỏ bé như vai mọi người, không lớn rộng như vai Từ Hải! Tuy nhiên tôi ghi nhận, trong thời gian ông làm Tư Lệnh, tệ nạn tham nhũng, nếu không muốn nói là đã bị chặn đứng thì cũng giảm đi rất nhiều, không còn cảnh ăn chơi phê phởn trong khi người khác cặm cụi làm việc.

Nhìn chung, từ ngày Tướng Vỹ về Sư Đoàn, ông đã cải tổ, xây dựng được nhiều vấn đề. Ông đã mang lại niềm tin tưởng cho mọi người.

Việt cộng càng ngày càng di chuyển người, vũ khí, lương thực về gần Sài Gòn hơn. Áp lực quân sự ngày càng gia tăng. Việc tiếp tế bằng phi cơ cho An Lộc-Chơn Thành quá tốn kém mà chỉ để bảo vệ những đống gạch vụn tại Thành Phố An Lộc và những vùng đất hoang vu, không người ở. Dân cư tại các Làng mạc, đồn điền đều đã di tản để tránh bom đạn hồi năm 1972, một số chạy ngược lên Lộc Ninh, số còn lại chạy về Sài Gòn. Vào khoảng cuối năm 1974, các Lực lượng phòng thủ An Lộc và Chơn Thành được lệnh triệt thoái. Một việc làm Tướng Vỹ buồn lòng không ít khi một Tiểu Đoàn của Trung Đoàn 8 ở Chơn Thành rút lui, ông chỉ thị phải ưu tiên chở hỏa tiễn Tow về trên chuyến phi cơ đầu tiên để ông tái phối trí nơi khác (Tow là một loại hỏa tiễn chống chiến xa rất hiệu nghiệm và rất mắc tiền). Ông đích thân ra sân bay đón chờ. Khi chuyến bay đầu tiên hạ cánh, hàng bốc xuống hết, ông không thấy hỏa tiễn Tow đâu cả, mà chỉ toàn hàng câu lạc bộ như bia, nước ngọt, café sữa v.v... Thế rồi ông nổi cơn thịnh nộ, rồi đích thân lái xe jeep ủi sập hết đống hàng này.

Tình hình quân sự ngày càng nghiêm trọng, Tỉnh Ly Phước Long bị việt cộng tràn ngập vào ngày 3.1.1975, nhưng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa không có nỗ lực nào để tái chiếm. Những người Chỉ Huy quân sự nói chung và của Sư Đoàn 5 Bộ

Binh nói riêng đã bắt đầu lo ngại, nhưng tất cả đều đồng ý rằng, trong chiến tranh, hôm nay mất ngày mai chiếm lại là việc thông thường, không có gì lo âu quá đáng.

Khi Ban Mê Thuật thất thủ, Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa rút khỏi Cao Nguyên, Miền Trung và khi tuyến phòng thủ Miền Đông (Phan Rang-Long Khánh) bị bẻ, những Lực lượng còn lại của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đang lui dần về phía Cầu Xa Lộ Biên Hòa, tôi được lệnh chuẩn bị kế hoạch, trang bị nhẹ, dự trữ trong trường hợp Sài Gòn thất thủ, sẽ lui dần về Vùng IV để tiếp tục chiến đấu. Tôi không hiểu lệnh này phát xuất từ đâu !

Lúc này đoàn quân của Việt cộng ở phía Bắc Sài Gòn đã ép sát với phòng tuyến của Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Ở phía Quận Lý Phú Giáo, vào ngày 26 và 27.4.1975, phi cơ phản lực, cứ hai chiếc luôn phiên nhau thả bom vào những vị trí tập trung quân của địch để ngăn cản sức tiến quân của chúng. Đường bay nhào lộn kéo tới tận không phận Quận Lái Thiêu. Cán bộ Huấn Luyện Viên và các Khóa Sinh đều đưa mắt liếc nhìn, không ai nói với ai một lời, tất cả đang hiểu việc gì đang xảy ra.

Trung Tâm Huấn Luyện Sư Đoàn chỉ chấm dứt các hoạt động huấn luyện trên bãi tập vào ngày 28.4.1975 và được lệnh cấm trại 100% để lo phòng thủ. Tình hình ở Sài Gòn lúc đó đã quá lộn xộn và các đơn vị du kích cùng quân địa phương Việt cộng đã xuất hiện ở nhiều nơi quanh vùng Lái Thiêu, Bình Dương.

Khoảng 10 giờ đêm ngày 29.4.1975, tôi đã nhìn thấy bộ binh và chiến xa của Việt cộng đang di chuyển trên xa lộ Đại Hàn (Sài Gòn-Bình Dương). Bộ binh đi hai hàng dọc, kẹp sát lề đường, xen kẽ ở giữa là chiến xa T-54. Chúng chẳng thèm ngại trang lá cây gì cả và đang di chuyển về hướng Sài Gòn.

Thành lình tiếng súng cối 81 ly của Trung Tâm Huấn Luyện Sư Đoàn từ phía sau lưng bắn ra để cản bước tiến của chúng. Đạn nổ bốc khói mịt mù xa lộ. Chỉ trong chốc lát, chiến xa và bộ binh Việt cộng đã giàn hàng ngang tiến thẳng về phía Trung Tâm Huấn Luyện. Những khẩu phòng không trên pháo tháp của chiến xa địch đang nhả đạn, bỗng ngưng khựng lại. Chúng quay ngược ra xa lộ rồi tiếp tục di chuyển về hướng Sài Gòn. Chúng đi rất vội vã, hối hả. Rõ ràng chúng được lệnh tránh giao chiến dọc đường, bảo toàn lực lượng tối đa, tiến nhanh về Sài Gòn càng sớm càng tốt, Sài Gòn vào giờ này đang hỗn loạn, miếng mồi thơm ngon, béo bở đang đợi chờ, chúng không thể chậm trễ được.

Khoảng 8 giờ sáng, tôi không còn nhìn thấy lực lượng nào của Việt cộng di chuyển nữa. Tôi vẫn đứng ở ngoài phòng tuyến suy nghĩ miên man... Chúng đã lợi dụng đêm tối, len lỏi, vượt nhanh ngang qua hông những điểm phòng thủ chính yếu của Sư Đoàn 5 Bộ Binh, của Tiểu Khu Bình Dương. Chúng đã bỏ toàn bộ Lực lượng của Sư Đoàn 5 Bộ Binh về phía sau lưng rồi.

Bỗng tôi chợt nhớ tới câu chuyện hơn một năm về trước, khoảng tháng 12.1973. Hôm ấy, như thường lệ, tới phiên trực, tôi đem bản đồ vào phòng riêng của Tướng Vỹ vào buổi tối để ông duyệt xét lại tình hình tổng quát mà có những chỉ thị cần thiết cho các kế hoạch hành quân hôm sau. Thông thường, ông chỉ lướt qua 15 phút, vì Sĩ Quan Tùy Viên đã báo cáo tình hình hàng giờ, rồi ông nói chuyện linh tinh với chúng tôi. Ông người tầm thước, khoảng 1 thước 65, hơi mập, nước da đen sạm vì nắng, giọng nói hơi ồm ồm. Hình như ông đang bị cảm mất tiếng nên giọng nói hơi khó nghe. Tuy nhiên, tôi vẫn còn nghe rõ từng tiếng... Ông đang tỏ vẻ vui mừng về việc xúc tiến phòng thủ trong những tháng qua đạt kết quả tốt đẹp. Bỗng ông tâm sự: "Tôi nghi ngờ chúng nó không đánh mình ở ngoài này mà tìm cách len lỏi đi thẳng về Sài Gòn...". Điều nghi ngờ của ông hôm nay đã trở thành sự thật.

Trước tình thế này, Tướng Vỹ sẽ quyền biến ra sao? Tôi chờ đợi, nhưng tôi chợt nghĩ, tình hình sáng hôm nay đang diễn ra trên một quy mô lớn trên toàn quốc,

đã vượt ra ngoài vùng trách nhiệm và quyền hạn của một vị Tư Lệnh Sư Đoàn. Ông vẫn phải chờ lệnh, vì ông là một Quân Nhân có kỷ luật.

Khoảng 9 giờ sáng, Trung Tâm Huấn Luyện vẫn còn liên lạc tốt với Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn. Lệnh từ Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn vẫn truyền đi: “Tất cả sẵn sàng tại chỗ, chờ lệnh”. Tướng Vỹ đang chờ lệnh gì? Lệnh đánh tập kích phía sau lưng địch hay lệnh rút lui về Vùng IV? Ông chờ lệnh ai? Vào giờ này, Tổng Thống Tổng Tư Lệnh Quân Đội, Thủ Tướng Chính Phủ, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội, Tổng Tham Mưu Liên Quân, Tư Lệnh Quân Đoàn, đã chạy trốn hết rồi! Các Tân Tổng Thống hoặc vì già nua, hom hem ốm yếu, hoặc vì còn đang bàng hoàng ngỡ ngác trước kẻ thù, ai đủ uy tín và tư cách để ra lệnh cho ông ?

Khoảng 10 giờ sáng ngày 30.4.1975, Trung Tâm Huấn Luyện hoàn toàn mất liên lạc với Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn (có lẽ vào giờ này, Tướng Vỹ đã tự sát và Bộ Tư Lệnh đang rối loạn). Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện vô cùng bối rối. Ông ra lệnh khẩn cấp: “Di chuyển về hướng Sài Gòn”. Dẫn đầu hàng quân là các Khóa Sinh lớp Huấn Luyện Thái Cực Đạo. Đoàn Quân ra khỏi Doanh Trại chưa được 1/3, tôi đã nghe súng nổ ròn rã ngoài Chợ Lái Thiêu (Chi khu Lái Thiêu đã rút lui từ nửa đêm và việt cộng đã chế ngự khu vực này). Trung Úy Bích, Trưởng Ban 2 Trung Tâm Huấn Luyện đã bị trọng thương và Lực lượng đi đầu bị thiệt hại nặng. Đoàn quân phải lùi vào trong Doanh Trại để tìm hướng đi khác. Một vài anh em mở Radio để nghe tin tức. Thành tình nghe được bản tin của ông Dương Văn Minh trên Đài phát thanh. Lúc ấy giọng ông Dương Văn Minh nghe rất thiếu não, tiếng mạnh, tiếng yếu tựa hồ như một người sắp hết hơi. Tôi không nhớ hết nguyên bản văn, nhưng có vài đoạn chính yếu, tôi còn nhớ rõ từng tiếng. Đại ý bản văn nói, để tránh một cuộc đổ máu vô ích, ông kêu gọi binh lính việt cộng ngưng tấn công và Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa ở nguyên vị trí của mình vì ông đã: “Tôi tin tưởng sâu xa vào chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc của Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam”(nguyên văn), và ông tiếp: “Chúng tôi ở đây (tức Dinh Độc Lập) đang chờ những người anh em ở phía bên kia đến để làm lễ bàn giao...”. Bản tin được lập đi lập lại nhiều lần liên tục.

Sau khi nghe xong bản tin này, mọi người đều xôn xao nhốn nháo. Anh em Khóa Sinh lo sợ, trong khi làm lễ bàn giao, việt cộng nổi hứng đòi bàn giao luôn cái “chỗ đội nón”, thế là hơn 1500 Khóa Sinh đủ các lớp Huấn Luyện, đã hè nhau đẩy sập cả cổng chính lẫn cổng phụ, vứt súng đạn, lột bỏ quần áo, chạy ào ra đường như một đàn ong vỡ tổ, trước sự ngỡ ngác, bàng hoàng của Cán Bộ Quân Trường.

Tại căn cứ phòng thủ của Trung Đoàn và Tiểu Đoàn, sau khi nghe xong bản tin trên Đài phát thanh của Dương Văn Minh, anh em Binh Sĩ đã tự động vứt bỏ súng đạn để chạy về nhà.

Tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn ở Lai Khê, cái mệnh lệnh mà Tướng Vỹ trông đợi từ nhiều ngày qua để ông thi hành hôm nay đã đến. Mệnh lệnh không đến bằng hệ thống truyền tin quân đội, mà đến qua làn sóng điện của Đài phát thanh Sài Gòn: Lệnh bàn giao! Từ ngữ nghe thật hiền lành và êm ái. Nhưng, tự cổ chí kim, các kẻ chiến bại, sau khi bị tước đoạt hết khí giới, thông thường chỉ có chết hoặc bị bắt cầm tù, chưa thấy ai làm lễ bàn giao bao giờ. Tại sao hôm nay, ông Tân Tổng Thống miễn cưỡng lại dùng từ ngữ mập mờ này ?

Việt cộng vẫn bao vây Căn Cứ Lai Khê, đặt chốt ngăn chặn ở hai cổng phía Nam và phía Bắc. Chúng bắt loa chia vào bên trong Căn Cứ, phát thanh lời kêu gọi của Dương Văn Minh và kêu gọi Tướng Vỹ ra hàng. Ông chỉ đáp lại: “Yêu cầu các anh đối xử nhân đạo với thuộc cấp của tôi”.

Lúc đó, Tướng Vỹ triệu tập một phiên họp bất thường, thật ngắn ngủi, để giải thích cho mọi người rõ lệnh bàn giao là lệnh bắt buông súng đầu hàng. Ông nói: “Lệnh bắt chúng ta buông súng bàn giao cho địch, nói thẳng ra là lệnh bắt chúng ta buông

súng đầu hàng...” Ông phải nói thẳng vì sợ có người hiểu quanh co, mập mờ. Rồi ông tuyên bố: “Vì Tôi là một Tướng Chỉ Huy Mặt Trận, tôi không thể thi hành được lệnh này. Tôi nghĩ thân làm Tướng là phần nào đã hưởng vinh dự và ân huệ của Quốc Gia hơn các anh em nên tôi phải chọn lấy con đường đi riêng cho tôi”. Đoạn ông bình tĩnh bước ra sân nghiêm trang đứng dưới cột cờ của Bộ Tư Lệnh, tự sát bằng khẩu súng chỉ huy của mình.

Tôi không chứng kiến cảnh Tướng Vỹ tự sát và những diễn biến ở Lai Khê, chỉ viết theo lời tường thuật của anh bạn lúc tôi làm việc tại Trung Tâm Hành Quân. Tình cờ tôi gặp lại anh ít lâu sau đó. Trung Úy Khang, người Sĩ Quan trẻ tuổi, có nhiều nghị lực và rất giỏi môn võ Không Thủ Đạo. Anh được tuyển chọn là Sĩ Quan Tùy Viên kiêm Cận Vệ của Tướng Vỹ.

Con đường Tướng Vỹ chọn lựa ngày hôm nay đã có Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Lâm và nhiều vị Anh Hùng khác lựa chọn ngày trước. Ông đã xin nói gót. Ông không đi đơn độc một mình, vì vào giờ này, khắp nơi trên đất nước, đồng đội của ông, nhiều người cũng đang đi trên con đường đó như Trần Văn Hai, Lê Văn Hưng, Nguyễn Khoa Nam, Hồ Ngọc Cẩn v.v...

Được biết ngày nay, đồng bào và Chiến Sĩ trong nước đã suy tôn ông là ANH HÙNG DÂN TỘC. Và trong hàng ngũ của những người đang đấu tranh lật đổ bạo quyền ở trong nước, có Đơn vị đã mang tên ông : Chiến Đoàn Lê Nguyên Vỹ.

THANH SƠN  
Houston, 6.3.1988.

## Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ lưu tiếng ngàn thu

Phạm Phong Dinh

Ngày 13.4.1972, sư đoàn 9 Bắc Việt mở màn chiến dịch đánh chiếm An Lộc, sau khi pháo binh đủ loại của địch bắn cường tập vào tất cả vị trí phòng thủ của Chiến Sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa. Cộng quân dội cả một cơn bão lửa kinh khiếp lên đầu ba ngàn Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa, gồm các Đơn vị của Trung Đoàn 7, Trung Đoàn 8 thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Chiến Đoàn 52 thuộc Sư Đoàn 18 Bộ Binh, Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân, Pháo Binh và Trung Đoàn 9 Bộ Binh của Sư Đoàn 5 Bộ Binh triệt thoái từ Quận Lộc Ninh về.

Cơn hỏa pháo của địch dội lên chiến tuyến của quân phòng thủ dữ dội và kéo dài đến mãi 6 giờ chiều. Giặc muốn đánh phủ đầu quân ta bằng hỏa lực pháo, làm tiêu hao Lực Lượng Sư Đoàn 5 Bộ Binh và hy vọng tinh thần chiến đấu của Chiến Sĩ Ngôi Sao Miền Đông bị suy sụp. Trong lúc pháo địch nã liên hồi kỳ trận vào Thị Xã An Lộc ghim đầu quân ta xuống, thì trung đoàn 203 thiết giáp Bắc Việt vừa được điều động từ Hạ Lào vào Miền Đông, đã đưa hàng trăm chiếc T-54 và T-59 (loại T-54 của Nga sô do Trung cộng biến cải) áp sát vào mọi tuyến phòng thủ của các Đơn vị Việt Nam Cộng Hòa. Lực lượng thiết giáp địch ửi quá nhanh xuyên qua chiến tuyến của Sư Đoàn 5 Bộ Binh làm bộ binh thuộc sư đoàn 9 Bắc Việt địch không theo kịp, một phần lớn bị quân Sư Đoàn 5 Bộ Binh chặn đánh dữ dội. Vài chục chiếc tăng của cộng quân âm âm nghiền bánh xích tràn vào Thành Phố không có bộ binh từng thiết. Một chiếc T54 của giặc chạy đến gần hầm của Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, mũi súng đại bác quay ngang dọc, nhiều lúc nó đứng sững ngơ ngác giữa Đường phố và không biết phải hành động ra sao.

Chuẩn Tướng Hưng mặc chiếc áo thun quân đội màu xanh ô liu, một tay cầm khẩu M16, một tay thủ sẵn một quả lựu đạn. Chiếc xe tăng T-54 đang nổ máy ì ầm và đậu cách hầm Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn một khoảng ngắn. Chỉ cần nó quay mũi súng khạc đạn vào hay húc bừa và cán lên hầm, thì tất cả những người trong hầm khó mà thoát chết. Chuẩn Tướng Hưng định ninh trong lòng rằng, vạn nhất bọn cán binh Bắc Việt có tràn vào “bắt sống Sư Trưởng Sư 5 nguy giải về Hà Nội”, như ta đã nghe được qua điện đàm của địch, thì ông sẽ cho nổ lựu đạn và cùng hy sinh, để khỏi lọt vào tay giặc. Tuy nhiên, thời điểm hy sinh của người anh hùng vẫn chưa đến. Định mệnh sẽ dành cho người một cái chết xứng đáng hơn, tên tuổi của người sẽ đi vào lịch sử ngàn đời sau. Giờ đây, có một người chiến binh nổi tiếng dũng cảm nhất của Sư Đoàn 5 Bộ Binh sẽ đứng ra giải tỏa mối lo cho người Tư Lệnh của mình. Đại Tá Lê Nguyên Vỹ, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 8 Bộ Binh, được Chuẩn Tướng Hưng triệu về hầm chỉ huy kiêm nhiệm chức vụ Sĩ Quan Hành Quân Sư Đoàn. Đại Tá Vỹ cầm lấy khẩu súng bắn hỏa tiễn chống tăng M-72 của một người Lính đứng gần “Em để Qua làm thịt thằng này”. Gương khẩu M-72 ra hết chiều dài ở thế kích hỏa, Đại Tá Vỹ thò đầu lên khỏi miệng hầm, ông gác khẩu M-72 để cho cái nòng phụt hậu của nó xoay về hướng trống, để khi xạ kích lửa phụt hậu không phụt trúng những người trong hầm. Chiếc T-54 vẫn loay hoay chạy chầm chậm tênh hênh giữa đường. Đại Tá Vỹ lấy đường nhắm, ba ngón tay miết lên miếng cao su kích hỏa. Một tiếng đánh xẹt rợn người của chiếc hỏa tiễn phóng về chiếc tăng địch, một làm lửa màu cam phụt mạnh về phía sau. Trúng rồi, quả đạn bắn trúng vào hông chiếc T54. Một tiếng nổ kinh hồn vang dậy, một khối lửa đỏ và khói trắng mù mịt bao phủ lấy chiếc T-54. Chiếc tăng địch nằm chết lịm, xa đoàn 4 người bị kẹt trong lòng xe và bị cháy thui theo. Sĩ Quan và Chiến Sĩ nấp trong hầm mừng quá nhảy lên reo hò vang trời. Một anh Chiến Sĩ ôm lấy Đại Tá Vỹ la lớn: “Trúng rồi, Đại Tá!”. Quả M-72 của Đại Tá Vỹ có tác dụng vực dậy tinh thần chiến đấu của Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Ông đã

chứng minh cho thuộc cấp hiệu năng diệt chiến xa địch của M-72, đồng thời xác định danh hiệu mà các Cố Vấn Hoa Kỳ của Sư Đoàn 5 Bộ Binh và Trung Đoàn 8 Bộ Binh đã gọi ông là “Trung Đoàn Trưởng xuất sắc nhất Quân Đoàn III”. Tinh thần quân ta lên rất cao, khắp chiến tuyến tin báo bắn hạ tăng địch dồn dập gửi về.

Đại Tá Lê nguyên Vỹ đích thực là một khuôn mặt lừng lẫy của Miền Đông từ khi ông về phục vụ dưới cờ Sư Đoàn 5 Bộ Binh từ năm 1968. Ông nổi danh là một Chiến binh quả cảm, một Sĩ Quan mẫn cán, năng nổ, có tài tham mưu và chỉ huy. Ông đi lần lên đến chức vụ Trung Đoàn Trưởng là nhờ những chiến công gặt hái được ngoài chiến trường. Tiếng tăm của Đại Tá Vỹ đã trở nên quen thuộc với các Chiến Sĩ trong những Tỉnh thuộc trách nhiệm bảo vệ của Sư Đoàn 5 Bộ Binh gồm Bình Dương, Phước Long và Bình Long. Ngay cả vị Cố Vấn Quân Đoàn III trong bản phúc trình hàng năm gửi lên MACV (Military Assistance Command of Vietnam) đã viết như sau: “Đại Tá Lê Nguyên Vỹ, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 8 Bộ Binh thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh, là Trung Đoàn Trưởng giỏi nhất Quân Đoàn III. Đại Tá Vỹ đủ khả năng để trở thành một Tư Lệnh Sư Đoàn...”. Với bản báo cáo súc tích như thế này, đã đủ giải thích cái lon Chuẩn Tướng và chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh của Đại Tá Vỹ, sau khi Chuẩn Tướng Hưng rời Sư Đoàn về Cần Thơ làm Tư Lệnh Phó Quân Đoàn IV & Quân Khu IV vào khoảng tháng 11.1973. Người Mỹ rất cao ngạo, khó tánh và rất hà tiện lời khen các giới chức chỉ huy Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng một khi họ đã chịu công nhận bản lĩnh các vị Tướng lãnh Việt Nam Cộng Hòa thì chắc chắn họ đã nhận xét đúng với lương tâm của họ. Ta hãy nghe thêm phúc trình của hai vị Cố Vấn Trưởng và Phó của Sư Đoàn 5 Bộ Binh, vốn có nhiều kinh nghiệm tham mưu, hành quân và tiếp xúc trực tiếp với Đại Tá Lê Nguyên Vỹ. Đại Tá John G. Hayes, Cố Vấn Trưởng Sư Đoàn 5 Bộ Binh phúc trình lên Cố Vấn Quân Đoàn III ngày 7.2.1970 như sau: “Đại Tá Lê Nguyên Vỹ, nhận chức ngày 20.12.1968, có 19 năm quân ngũ. Đại Tá Vỹ là một cấp Chỉ Huy Trưởng xếp hạng trên trung bình. Ông có khả năng, rất xông xáo, có nhiều sáng kiến trong lúc chạm địch và trong khi Huấn luyện Binh Sĩ”. Trung Tá Roy E. Couch, Cố Vấn Phó Sư Đoàn 5 Bộ Binh, trong bản phúc trình ngày 4.2.1970 thì lại đánh giá Đại Tá Vỹ cao hơn nữa: “Đại Tá Lê Nguyên Vỹ, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 8 Bộ Binh là một Sĩ Quan tài ba, rất nhiệt tâm, rất nghiêm chỉnh và rất được việc. Một người Quốc Gia nhiệt tình. Đáng được thăng chức”.

Sau chiến thắng An Lộc, Đại Tá Vỹ được điều động về làm Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 21 Bộ Binh một thời gian. Trong một tai nạn trực thăng, ông đã thoát chết nhưng bị thương nhẹ ở chân. Chiến trường miền Tây khá yên tĩnh sau thời điểm Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Sư đoàn 1 Bắc Việt ẩn náu trong các vùng U Minh tối tăm và vùng biên giới tránh né không dám đụng độ với các Sư Đoàn thiện chiến của miền Tây. Những ngày chỉ huy Chiến Sĩ Tia Sét Miền Tây là những ngày khá nhàn nhã của Đại Tá Vỹ, chưa cần đến những trận đánh lớn có mặt Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Các Đơn Vị Địa Phương Quân Quân Khu IV đã lớn mạnh và có khả năng đảm đương hầu hết các cuộc giao tranh ở vùng đồng bằng. Nhờ vậy Đại Tá Vỹ được gọi đi học Khóa Chỉ Huy và Tham Mưu Cao Cấp bên Mỹ. Khi ông trở về Việt Nam, cái ghế và văn phòng Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh đang chờ đợi ông. Đại Tá Vỹ được bổ nhiệm chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, thay thế Chuẩn Tướng Trần Quốc Lịch và được vinh thăng Chuẩn Tướng khoảng cuối năm 1974, phụ giúp Chuẩn Tướng Vỹ là một dàn Sĩ Quan tài năng của Quân Đoàn III, vị Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 5 Bộ Binh là Đại Tá Trần Văn Toàn, Đại Tá Từ Văn giữ chức Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn, Đại Tá Nguyễn Mạnh Tường Sĩ Quan Hành Quân Sư Đoàn, Trung Tá Nguyễn Minh Tánh Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh, Đơn Vị Thiết Giáp cơ hữu của Sư Đoàn 5 Bộ Binh và Trung Tá Nguyễn Bá Mạnh Hùng Trung Đoàn Trưởng Trung

Đoàn 8 Bộ Binh, Trung Đoàn hãnh diện một thời có vị Trung Đoàn Trưởng lừng lẫy Đại Tá Lê Nguyên Vỹ.

Chuẩn Tướng Vỹ, dưới con mắt kính trọng của Chiến Sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh, ông là một vị chỉ huy siêng năng và đáng kính. Chuẩn Tướng Vỹ làm việc không kể giờ giấc, ngày đêm. Mới vừa thấy ông ở Bản Doanh Bộ Tư Lệnh đóng ở Lai Khê, thì sau đó ông đã lên trực thăng đi thăm các Trung Đoàn, Tiểu Đoàn để thăm hỏi sinh hoạt và đời sống của Chiến Sĩ, kiểm tra, đốc thúc các Đơn vị củng cố Đơn vị phòng thủ, đắp chướng ngại vật cản chiến xa. Giống như những vị Tư Lệnh năng nổ khác, Chuẩn Tướng Vỹ lưu tâm đặc biệt đến việc Huấn Luyện Tân Binh, thường xuyên mở lớp Huấn luyện và ôn tập cho Sĩ Quan và Binh Sĩ.

Một đặc điểm khác trong cá tính của Chuẩn Tướng Vỹ, là ông nổi tiếng thanh liêm và chống tham nhũng, làm người ta nhớ lại hình ảnh của Thiếu Tướng Nguyễn Văn Hiếu hồi còn làm Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Tuy nhiên bản tính của Chuẩn Tướng Vỹ bộc trực và rất dễ nổi nóng trước cái ác và cái xấu. Chuẩn Tướng Vỹ rất hăng hái trong công tác bài trừ tham nhũng trong Sư Đoàn. Một số Sĩ Quan mà dưới thời Chuẩn Tướng Trần Quốc Lịch được ông này dung túng làm chuyện càn quấy, ăn chặn trên đầu trên cổ và trên xương máu của Chiến Sĩ, đã bị Chuẩn Tướng Vỹ trừng trị thẳng cánh. Như trường hợp một người Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 3 Trung Đoàn 9. Một Đại Úy Đại Đội Trưởng Đại Đội 5 Trinh Sát, đã bị phạt giáng cấp xuống làm Trung Sĩ. Trong một buổi khai giảng Khóa Huấn Luyện Tân Binh tại Trung Tâm Huấn Luyện Sư Đoàn 5 Bộ Binh ở Lái Thiêu, ông đã công kích tệ nạn tham nhũng trong vòng một tiếng đồng hồ. Ông nhiều lần than thở với các Sĩ Quan thân cận: "Chúng nó đã móc ngàm với nhau rất chặt chẽ, mình phải gỡ ra từ từ mới được". Cái chặt chẽ mà ông thường nhắc đến, là tập đoàn con ông cháu cha nhiều như lũ ruồi nhặng và có mặt khắp nơi, khắp chức vụ trong Trung Tâm Huấn Luyện Sư Đoàn. Ông gọi bọn tham sống sợ chết, bọn tham nhũng, ăn xén ăn bớt khẩu phần Khố Sinh là "lũ heo". Chuẩn Tướng Vỹ thường nói: "Chúng nó ăn no béo, mập như những con heo". Một cá nhân nhỏ bé như ông, một cái lon Chuẩn Tướng chưa đủ sức mạnh để giúp ông đương đầu với bọn ăn chơi phè phỡn trên xương máu Chiến Sĩ. Thiếu Tướng Hiếu, người Tư Lệnh tiền nhiệm của ông, một thời được sự che chở của Phó Tổng Thống Trần Văn Hương để làm Chủ Tịch Ủy Ban Bài Trừ Tham Nhũng cũng đã gặp nhiều khó khăn.

Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ sinh trưởng trong một gia đình Nho Học, danh gia ở Thị Xã Sơn Tây. Giòng họ Lê ở Sơn Tây nhiều người đỗ đạt, những người phục vụ trong Quân Đội thì thăng lên đến những chức vụ cao cấp, như trường hợp Trung Tướng Lê Nguyên Khang, Tư Lệnh Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, sau 1972 ông giữ chức Phó Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, phụ tá Đại Tướng Cao Văn Viên. Chuẩn Tướng Vỹ là con đầu trong một gia đình gồm hai em gái và một em trai. Ông gia nhập Quân Đội và được đưa đi học Trường Bộ Binh Đập Đá ở Huế trong năm 1951 và Tốt nghiệp với cấp bậc Chuẩn Úy, được điều về phục vụ trong Tiểu Đoàn 19 Bộ Binh, dưới quyền chỉ huy của Đại Úy Đỗ Cao Trí. Khi được vinh thăng Đại Úy, ông được cử đi làm Quận Trưởng Quận Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Từ năm 1968, Trung Tá Lê Nguyên Vỹ được tin nhiệm lên làm Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 8 Bộ Binh của Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Trong Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, Đại Tá Vỹ được Chuẩn Tướng Hưng, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh giao cho kiêm nhiệm luôn chức vụ Sĩ Quan Phụ Tá Hành Quân Sư Đoàn. Sau chiến thắng An Lộc, Đại Tá Vỹ lại một lần nữa hành trang về miền Tây đèo nhận Sư Đoàn 21 Bộ Binh với chức vụ Tư Lệnh Phó. Trong một lần bay trực thăng quan sát hành quân, máy bay bị bắn rơi, Đại Tá Vỹ bị thương ở chân phải nằm Quân Y Viện một thời gian. Cuối năm 1974, sau Khóa học Chỉ Huy Tham Mưu Cao Cấp ở Hoa Kỳ, Đại



Tá Vỹ trở lại với các Chiến Binh Sư Đoàn 5 Bộ Binh đồng cam cộng khổ ở An Lộc, Lần này với tư cách Chuẩn Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn, thay thế Chuẩn Tướng Trần Quốc Lịch.

Chuẩn Tướng Vỹ là một trong những vị Tướng hiếm hoi có tinh thần tự trọng cao độ, không bao giờ ỷ lại vào mọi sự trợ giúp của phía Hoa Kỳ. Người ta thấy ở ông tinh thần tự lực cánh sinh và có nhiều sáng kiến khi phải đương đầu với những vấn đề khó khăn. Trong một buổi họp bàn về phòng thủ, một vị Trung Đoàn Trưởng báo cáo tình hình xây dựng hàng rào phòng thủ gặp nhiều trở ngại vì thiếu cọc sắt viện trợ của Quân Đội Hoa Kỳ, Chuẩn Tướng Vỹ không kềm được sự tức giận: “Cái gì cũng Mỹ... Mỹ nó bỏ anh rồi biết không? Vùng này thiếu gì tre gai, cho Lính trồng dọc theo hàng rào phòng thủ. một thời gian sau sẽ thành một vòng đai tre gai dày đặc, việt cộng nào mà vào được”. Tuy sáng kiến của ông rất hay và ít tốn kém, nhưng Quân Ta không có đủ thời gian để thực hiện. Mọi sự đều đã quá muộn màng.

Vừa phải nâng cao đời sống Binh Sĩ và gây dựng lại tinh thần chiến đấu suy sụp của Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Chuẩn Tướng Vỹ còn phải lo đối phó với áp lực địch ngày càng nặng trong Khu vực trách nhiệm, nhất là Tỉnh Bình Long và Thị Xã An Lộc. Sau ngày chiến thắng Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, An Lộc mấy năm sau vẫn là một đồng gạch đá đổ nát và quãng đường từ Chợ Thành lên An Lộc vẫn hoang vắng rợn người. Tuy vậy Quân Đoàn III vẫn phải điều các Liên Đoàn Biệt Động Quân lên trấn giữ. Sự dàn trải Binh lực chặt chẽ như vậy vẫn không làm Đại Tá Vỹ an tâm. Ông đã có cái nhìn xa và có tính cách chiến lược về mưu toan của địch quân. Ông thường tâm sự với các Sĩ Quan Tham Mưu: “Tôi nghi ngờ chúng nó không đánh mình ở ngoài này mà tìm cách len lõi đi thẳng vào Sài Gòn”. Sự phán đoán đó về sau đã hoàn toàn đúng. Quân đoàn Bắc Việt không giao chiến với Sư Đoàn 5 Bộ Binh, tìm cách len lõi xuyên qua những điểm bố trí của Sư Đoàn để hồi hải tiến về Sài Gòn dứt điểm Chính Quyền chủ bại Dương Văn Minh. Suốt đêm 28.4.1975, tại các vị trí quan sát, quân Sư Đoàn 5 Bộ Binh thấy rõ binh đội Bắc Việt và chiến xa địch đi hàng hàng lớp lớp bên Xa Lộ Đại Hàn Bình Dương-Sài Gòn công khai và không cần ngụy trang cây lá. Binh Sĩ trong Trung Tâm Huấn Luyện bắn súng cối vào đội hình của địch, chúng phản kích qua loa rồi gấp rút di chuyển tiếp, chỉ để lại một vài bộ phận khống chế Chợ Lái Thiêu.

Vào trung tuần tháng 4.1974 Quận Chợ Thành bị bỏ ngõ, Căn Cứ Lai Khê, Bản Doanh của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh coi như là Tiền Đồn đương đầu trực tiếp với các sư đoàn cộng quân. Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư Lệnh Quân Đoàn III lên Lai Khê bàn với Chuẩn Tướng Vỹ, rằng nên di chuyển Bộ Tư Lệnh về Phú Lợi, và bố trí một Trung Đoàn trấn thủ Lai Khê. Tuy nhiên Tướng Vỹ đã thẳng thắn từ chối: “Nếu tôi di chuyển đi Phú Lợi, Lính tráng sẽ nói mình di tản chiến thuật sao? Tôi quyết sống chết cũng ở nơi này”. Riêng Tướng Toàn, trước áp lực rất mạnh của quân đoàn Bắc Việt bao vây trong lãnh thổ Quân Khu III và tình hình tuyệt vọng của Sư Đoàn 18 Bộ Binh ở Long Khánh, mặc dù Chiến Sĩ Sư Đoàn 18 Bộ Binh đã chiến đấu anh dũng cầm chân một quân đoàn địch, ông đã cho di chuyển Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III về đóng chung với Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp, vì ông cũng kiêm nhiệm luôn Chỉ Huy Trưởng Thiết Giáp. Như vậy chính Tướng Toàn là người nẩy ra ý nghĩ di tản trước cả thuộc cấp. Hơn một tuần sau, cũng chính ông là viên Tư Lệnh Quân Đoàn đào ngũ bỏ chạy ra nước ngoài trước nhất, chỉ sau ông Thiệu, Tổng Tư Lệnh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và ông Viên Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa có vài ngày.

Trong tình hình dầu sôi lửa bỏng đó, Trung Tá Nguyễn Minh Tánh, Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh xin phép Chuẩn Tướng Vỹ về Sài Gòn vài ngày có việc riêng. Trung Tá Tánh về đến Sài Gòn, ông chứng kiến bầu không khí nặng nề đầy lo

sợ ở hậu phương vì sự “di tản” rộn rịp của các Giới Chức Quân Sự Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và đủ mọi thành phần dân chúng. Tình hình ngày càng suy sụp khi Sài Gòn bị bao vây bốn mặt. Trung Tá Tánh quyết định trở lại Lai Khê, để giữ tròn lời hứa với Chuẩn Tướng Vỹ và cùng sống mái trận cuối với giặc bên Đồng Đội. Danh dự của một người Sĩ Quan có liêm sỉ, trách nhiệm của một Thiết Đoàn Trưởng đối với thuộc cấp, bổn phận của người Chiến binh quyết đổ máu xương bảo vệ Tổ Quốc oằn nặng như khối đá tảng trên đôi vai nhỏ bé của người Chiến Sĩ Mũ Đen. Trung Tá Tánh trở lại chỉ huy Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh tới những giờ phút cuối cùng nhất của cuộc chiến đấu của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và chứng kiến cái chết hào hùng của vị Chủ Tướng.

Ngày 28.4.1975, Chuẩn Tướng Vỹ quyết định cho di chuyển Bộ Tư Lệnh nhẹ Sư Đoàn 5 Bộ Binh về Phú Lợi, một Cú Điểm chỉ cách Thị Xã Bình Dương vài cây số, Đại Tá Trần Văn Thoàn, Tư Lệnh Phó Chỉ Huy, Trung Đoàn 8 của Trung Tá Nguyễn Bá Mạnh Hùng cũng được điều động về Phú Lợi, cùng với Chi Đoàn 3/1 Kỵ Binh của Đại Úy Nguyễn Văn Thiệp. Chuẩn Tướng Vỹ nhận định tình hình vô cùng bất lợi cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa nên cho phép Sĩ Quan thuộc cấp tìm đường lo cho vợ con di tản, nhưng bản thân các Sĩ Quan phải ở lại cùng chiến đấu với Sư Đoàn. Phu nhân của Đại Tá Thoàn có quốc tịch Pháp nên đã lo được giấy tờ đi Pháp cùng với gia đình của Tướng Vỹ. Hiện Phu nhân của Chuẩn Tướng Vỹ đang định cư ở Tiểu Bang Virginia, Hoa Kỳ. Chiều ngày 29.4.1975 Bộ Tư Lệnh quyết định bỏ Căn Cứ Lai Khê di chuyển về Bình Dương, những quân trang quân dụng không mang theo được, giấy tờ quan trọng đều được đốt tiêu hủy. Trong Căn Cứ Lai Khê về đêm, nổi lên những đám lửa nhỏ đỏ rực. Đêm 29.4.1975 chính là đêm dài nhất trong chiến sử của Chiến Sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh và của cả Sư Đoàn 25 Bộ Binh của Chuẩn Tướng Lý Tòng Bá bên hướng Căn Cứ Củ Chi. Dàn pháo 175 ly của Pháo Binh Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã tích cực bắn yểm trợ cho Sư Đoàn 25 Bộ Binh khi Căn Cứ Củ Chi bị cộng quân tấn công từ sáng ngày 29.4.1975, nhưng cũng không giúp được gì nhiều. Cuối cùng thì Chuẩn Tướng Lý Tòng Bá và một Cận Vệ trung thành đã xa vào tay giặc trên một cánh đồng ngập nước, khi Chuẩn Tướng Bá cố gắng tìm về các Đơn Vị Biệt Động Quân ở Hóc Môn.

Sáng ngày 30.4.1975 họp Tham Mưu Sư Đoàn xong. Chuẩn Tướng Vỹ và toàn Ban Sĩ Quan ngồi bên chiếc Radio chờ nghe Tướng Dương Văn Minh đọc diễn văn quan trọng. Đúng 10 giờ, có tiếng của Tướng Minh. Tướng là diễn văn kêu gọi Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa chiến đấu đến giọt máu cuối cùng, hay tổ chức di tản về miền Tây tiếp tục cố thủ. Thực chất chỉ là một bản nhật lệnh ngăn ngừa, khô khan và nhục nhã kêu gọi Chiến Sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa các cấp buông súng, ai ở đâu ở đó và chờ binh đội cộng quân đến bàn giao. Tiếp theo là lời kêu gọi buông súng của Tướng Nguyễn hữu Hạnh, Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Vận nước đã đến hồi cáo chung, Chuẩn Tướng Vỹ, một Chiến Sĩ tuân thủ nghiêm ngặt Kỷ Luật Quân Đội, u buồn bảo các thuộc cấp: “Từ nay tôi không còn là người chỉ huy nữa, vậy các anh hãy tự lo liệu lấy”. Nhưng trước khi chia tay, Chuẩn Tướng Vỹ đã mời các Sĩ Quan cùng ăn một bữa cơm cuối cùng với ông. Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ đã họp Bộ Tham Mưu và các Sĩ Quan Trưởng Phòng và nói: “Mặc dù có lệnh trên, nhưng tôi cương quyết không đầu hàng. Tôi sẽ có cách tự xử trí riêng của tôi”. Nhìn khuôn mặt trầm buồn và ánh mắt u uất của người Tư Lệnh, các Sĩ Quan đoán chắc thế nào ông cũng tử tiết để bảo toàn danh dự người làm Tướng, nên họ đã khéo léo dấu hết súng.

Bữa cơm vĩnh biệt được dọn ra, những hạt cơm trắng ngần trong khoảng khắc âm đạm đó dường như có vị mặn của máu và cứng ngắt như những hạt sỏi. Mọi người còn đang dùng cơm thì Chuẩn Tướng Vỹ bỗng bỏ đi ra ngoài về hướng

chiếc “trailer” của Quân Đội Mỹ bàn giao lại khi rút quân về nước. Các Sĩ Quan kinh hoàng nghe hai tiếng nổ đanh gọn phát ra từ chiếc trailer. Mọi người hồi hải chạy ủa tới mở cửa thì thấy Chuẩn Tướng Vỹ nằm trên vũng máu và người đã thực sự ra đi, trên tay còn cầm khẩu Bereeta 6.35 ly mà mọi người không nhớ là nó còn nằm trong chiếc trailer. Chuẩn Tướng Vỹ đã bắn từ càm, viên đạn trở lên đầu. Đại Tá Tham Mưu Trưởng Từ Vấn, Trung Tá Hùng và các Sĩ Quan Tham Mưu đã mặc quần áo tươm tất cho vị Tư Lệnh. Trung Tá Tánh đang dẫn Đoàn Thiết Giáp chuẩn bị lên đường thì nhận được tin vị Chủ Tướng của mình đã tử tiết. Ông đứng nghiêm chào người Chiến binh nằm xếp hai tay lên ngực, những chiếc huy chương được các Chiến Hữu gài trên áo.

Tất cả Sĩ Quan Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh đều có mặt khi các sĩ quan và binh đội cộng sản vào tiếp quản Doanh Trại. Sĩ quan sư đoàn cao cấp của địch đã nghiêng mình kính phục khí tiết của Chuẩn Tướng Vỹ và nói: “Đây mới xứng đáng là con nhà Tướng”. Nhân đó các Sĩ Quan xin họ cho mai táng Chuẩn Tướng Vỹ trong sân Bộ Tư Lệnh gần cột cờ, nhưng quân việt cộng không thuận. Chiến Sĩ Sư Đoàn phải chuyển thi thể Chuẩn Tướng Vỹ ra an táng trong rừng cao su gần Doanh Trại Bộ Tư Lệnh. Bà Vỹ và con cái đã di tản được ra ngoại quốc. Trung Tá Tuấn, Quận Trưởng Bến Cát, là anh ruột của Bà Vỹ bàn với nội tướng là Bà Tuân xin đến gặp cấp chỉ huy cộng quân. Bà Tuân phải nói dối là vợ của Chuẩn Tướng Vỹ, để xin nhận xác chồng về cải táng. Bà còn đào mộ lấy xác Chuẩn Tướng Vỹ đem về chôn tại Hạnh Thông Tây, Gò Vấp. Năm 1987, Cụ Thân mẫu của Chuẩn Tướng Vỹ ở ngoài Bắc cùng với người anh con bác là ông Lê Nguyên Hoàng vào Hạnh Thông Tây cải táng một lần nữa. Hài cốt của Chuẩn Tướng Vỹ được đem hỏa thiêu và được mang về Thờ ở Từ Đường họ Lê tại Quê nhà ở Tỉnh Sơn Tây.

Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ, người Anh Hùng của Dân Tộc Việt Nam, người Chiến Sĩ dũng mãnh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, người Anh cả đức độ của Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã tự sát để bảo toàn Danh Dự của một Người Chỉ Huy. Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ, một đời tận tụy với Đất Nước, đã hiến dâng cho Tổ Quốc những giọt máu đỏ thắm, tinh khôi cuối cùng của mình. Tên tuổi và tấm gương chiến đấu của người mãi mãi lưu lại trong Sử Sách Việt Nam và được Dân Tộc Việt Nam ngàn đời phụng thờ hương khói.

# CHUẨN TƯỚNG LÊ VĂN HƯNG

Phạm Phong Dinh

Tình hình chiến sự trong lãnh thổ Quân Khu III từ cuối năm 1971 bước sang đầu năm 1972 tương đối yên tĩnh. Nhưng cuộc hành quân lớn của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa trong năm 1970 đã đẩy lui 3 sư đoàn Bắc Việt 5, 7 và 9 về bên kia biên giới Cambodia, đồng thời phá hủy những căn cứ tiếp vận hậu cần của địch như 713, 354, 353 và 708. Trong khoảng thời gian từ tháng giêng 1972 đến đầu tháng 3.1972, những Chiến Sĩ Viễn Thám của ta hoạt động phía sau hậu cứ địch đã báo cáo sư đoàn 5 Bắc Việt đang tập trung quân trong Khu vực Thị Trấn Snoul, trên Quốc Lộ 13 và cách Quận Lộc Ninh chừng 30 km về hướng Tây-Bắc. Hai sư đoàn 7 và 9 Bắc Việt điều quân tới tập trung ở Khu vực đồn điền cao su Chup và Dambe. Trong cuối năm 1970, Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí đã có kế hoạch tấn công tiêu diệt hay đánh gục cho tan tành những sư đoàn này, với sự phụ tá của những vị Tư Lệnh Sư Đoàn năng nổ nhất, như Thiếu Tướng Nguyễn Văn Hiếu, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Thiếu Tướng Lâm Quang Thọ, Tư Lệnh Sư Đoàn 18 Bộ Binh và Thiếu Tướng Nguyễn Xuân Thịnh, Tư Lệnh Sư Đoàn 25 Bộ Binh. Không may Cố Đại Tướng Trí bị Tử Nạn trực thăng trong đầu năm 1971. Vị kế nhiệm là Trung Tướng Nguyễn Văn Minh thận trọng hơn, ông chủ trương rút dần Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa về bên này biên giới. Các Lực Lượng Quân Đoàn III rút tới đâu, quân cộng ngày càng tập trung ngày càng đông đảo và áp sát biên giới. Các Chiến Sĩ Sư Đoàn 25 Bộ Binh của ta bắt được trên xác một cán binh Bắc Việt tài liệu tiết lộ sư đoàn 9 Bắc Việt phải làm sao điều quân tới vùng Lưỡi Câu sát biên giới Việt-Miên trước ngày 24.3.1972 chuẩn bị phối hợp với sư đoàn 7 Bắc Việt. Chỉ trong vòng ba ngày sau đó, một cán binh thuộc toán trinh sát của sư đoàn 7 Bắc Việt ra hồi chánh đã cung cấp tin tức quan trọng. Rằng toán trinh sát của anh ta có nhiệm vụ phải dò và sửa soạn lộ trình chuyển quân từ Tây Ninh sang Bình Long.

Mặc dù không cho là quân bắc cộng sẽ tấn chiếm Bình Long, nhưng Trung Tướng Minh vẫn thận trọng cho thành lập Chiến Đoàn 52, gồm hai Tiểu đoàn của Trung Đoàn 52 Bộ Binh thuộc Sư Đoàn 18 Bộ Binh, các pháo đội Pháo Binh 105 ly và 155 ly lên trấn đóng tại một Căn Cứ Hỏa Lực nằm trên Liên Tỉnh Lộ 17 cách Thị Xã An Lộc 15 cây số về hướng Bắc. Ngày 2.4.1972, để mở màn cho chiến dịch tấn công An Lộc, cộng quân đã tạo hỏa mù khi chúng điều động trung đoàn 24 độc lập đánh dứt điểm Căn Cứ Hỏa Lực Lạc Long của Sư Đoàn 25 Bộ Binh trong Tỉnh Tây-Ninh do một Tiểu Đoàn thuộc Trung Đoàn 49/Sư Đoàn 25 Bộ Binh trấn giữ. Áp lực địch ngày càng đè nặng lên vùng biên giới, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III lệnh cho các Căn Cứ Biệt Động Quân Biên Phòng di chuyển về ngoại vi Tây Ninh, thiết lập vòng đai bảo vệ. Chỉ trừ có mỗi Căn Cứ Hỏa Lực Tổng Lê Chân do Tiểu Đoàn 2 Biệt Động Quân của Đại Úy Ngôn xin được tiếp tục Tử Thủ và được Tướng Minh chấp thuận. Căn Cứ Tổng Lê Chân được giữ vững cho đến tháng 4.1974, Đại Úy Ngôn là một trong những khuôn mặt trẻ đầy triển vọng. Chỉ trong một thời gian cực ngắn từ cấp bậc Trung Úy, người Sĩ Quan trẻ ấy đã được vinh thăng lên đến Trung Tá trong năm 1974. Sự thất thủ kế tiếp của Căn Cứ Thiện Ngôn cũng nằm trong Tỉnh Tây Ninh, với hiện tượng lạ lùng là địch quân không đếm xỉa gì đến những khẩu pháo nguyên vẹn 105 và 155 ly của ta. Khi Quân Sư Đoàn 25 Bộ Binh đến giải vây thì quân địch đã di chuyển biệt dạng, tạo một dấu hỏi lớn cho các giới chức Quân Đoàn III Quân ta vẫn không biết cộng quân muốn dò trò gì và mục tiêu chính nó nằm ở đâu.

Chỉ đến khi một Chiến Đoàn quân Việt Nam Cộng Hòa gồm một Lực lượng của một Thiết Đoàn Kỵ Binh phối hợp Trung Đoàn 9 của Sư Đoàn 5 Bộ Binh bị địch phục kích thiệt hại nặng trên Quốc Lộ 13 cách Lộc Ninh chừng 5 km về hướng Bắc, Quân Ta buộc phải rút về Lộc Ninh. Vài giờ sau, Lực lượng trú phòng Lộc Ninh đã có

thể nghe tiếng bánh xích của đoàn chiến xa T-54 Bắc Việt lăn bánh ầm ầm trên Quốc Lộ thẳng tiến về phía Thị Trấn, cùng lúc với những quả đạn pháo đầu tiên của pháo binh địch dội lửa trên đầu Bộ Chỉ Huy nhẹ của Trung Đoàn 9 Bộ Binh. Chiến Sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh kháng cự dữ dội, với sự trợ lực của Không Quân Hoa Kỳ và bom CBU, một loại bom chùm nổ tỏa trùm trên một diện tích rộng chống biển người, làm địch quân bị dội ngược trở ra. Trung Đoàn 9 Bộ Binh đứng mảnh cảm cực sang đến ngày 6.4.1972, quân của sư đoàn 5 Bắc Việt xung phong biển người ào ạt, pháo binh Trung Đoàn 9 Bộ Binh chúc mũi bắn trực xạ nhưng vẫn bị buộc phải triệt thoái ra khỏi Thị Trấn trong vài giờ giao tranh. Chiến đoàn 52 của Sư Đoàn 18 Bộ Binh được lệnh hành quân ứng cứu Lộc Ninh từ Liên Tỉnh Lộ 17, nhưng khi Chiến Đoàn 52 vừa tới Ngã Ba Quốc Lộ 13 thì bị chặn đánh dữ dội và bị thiệt hại nặng. Trong khi đó, một Tiểu Đoàn khác của Chiến Đoàn 52 trong lúc hành quân tảo thanh Khu vực phía Tây Căn Cứ Yểm Trợ, tình cờ đi đúng vào hướng sau lưng của một đơn vị cộng quân đang lui húi dần quân phục kích Quân Bạn. Các Chiến Sĩ Sư Đoàn 18 Bộ Binh của ta chỉ còn có mỗi một việc là trút tất cả các loại hỏa lực lên lưng địch, gây thiệt hại nặng nề cho quân phục kích, giải tỏa một phần áp lực địch đè nặng lên Chiến Đoàn 52.

Muốn chiếm Lộc Ninh, phải đánh gục Chiến Đoàn 52 của Sư Đoàn 18 Bộ Binh, pháo và tăng địch chuyển hướng hỏa lực dội lửa trên đầu Chiến Đoàn 52. Lại có lệnh cho Chiến Đoàn 52 rút Quân về Tỉnh Lộ An Lộc để bảo toàn Lực lượng và bỏ ngõ Lộc Ninh. Các Chiến Sĩ Chiến Đoàn 52 phải rút về bằng đường rừng. Các Chiến Sĩ Trung Đoàn 9 Bộ Binh và Chiến Đoàn 52 lần lượt về được An Lộc và tham gia tuyến phòng thủ mới. Đến giờ phút ấy Trung Tướng Minh mới biết chắc mục tiêu chính mà địch cần tiến chiếm đúng là An Lộc. Trung Tướng Minh đã phản ứng chính xác và kịp lúc khi quyết định điều động Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh cùng Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân nhảy vào An Lộc thiết lập chiến tuyến phòng thủ trong ngày 5.4.1972. Đến đây một người Hùng mới của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa xuất hiện cứu nguy cho Quân Khu III và tình trạng hiểm nghèo của Sài Gòn. Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Sư Đoàn Ngôi Sao Miền Đông.

Trước đó một thời gian ngắn, trong dịp Kỷ Niệm ngày ăn mừng Chu Niên của Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Cựu Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã đến tham dự và gắn lon mới cho nhiều Sĩ Quan, Chiến Sĩ hữu công. Đại Tá Tư Lệnh Lê Văn Hưng, Trung Đoàn Trưởng xuất sắc nhất của Sư Đoàn 21 Bộ Binh được cân nhắc lên làm Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh và vinh thăng Chuẩn Tướng. Trung Tá Mạch Văn Trường, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 8 Bộ Binh của Sư Đoàn 5 Bộ Binh được vinh thăng Đại Tá nhiệm chức, sau chiến thắng An Lộc ông được thăng Đại Tá thực thụ, một thời gian sau Đại Tá Trường lại được vinh thăng Chuẩn Tướng và được đề bạt lên làm Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh cho đến ngày 30.4.1975.

Có thể đánh dấu ngày 7.4.1972 như là ngày địch xuất quân trong kế hoạch tấn chiếm An Lộc khi pháo binh, chiến xa và bộ binh địch bất ngờ tiến công Phi Trường Quản Lợi do hai Đại Đội của Sư Đoàn 5 Bộ Binh trấn giữ. Cộng quân quyết tâm chiếm cho bằng được Phi Trường Quản Lợi để làm bàn đạp tấn công An Lộc. Vì Phi Trường Quản Lợi nằm trên một ngọn đồi cao về hướng Đông Thành Phố, rất thuận lợi thiết trí pháo uy hiếp và là địa điểm quan sát các mục tiêu trong An Lộc rất lý tưởng. Chiến Sĩ ta buộc phải rút lui sau khi đã cố gắng phá hủy 2 khẩu 105 ly. Có một hiện tượng lạ vài ngày trước đó là đột nhiên các đồ hộp bày bán trong Chợ An Lộc thượng vàng hạ cám cái gì cũng biến mất sạch. Mãi sau Tỉnh Báo của ta mới khám phá ra là các bộ phận hậu cần địch đã trà trộn vào Thành Phố vét sạch sẽ những gì có thể để dành lâu ăn dần được. Tuy nhiên trong cuộc đại tấn công mùa hè

1972, các Chiến Sĩ ta trên các Mặt Trận cũng tịch thu được nhiều thực phẩm khô rất lạ do Trung Cộng sản xuất. Thí dụ như bánh bột lương khô được đóng thành thời như bánh in, ăn khá ngon, nhưng khổ cái là chỉ ăn thật ít và cần nhiều nước uống. Nhiều Chiến Sĩ ta không biết, ăn chừng vài thời đã thấy bụng trướng phình lên, vì bột lương khô gặp nước nở to ra tạo cảm giác no tạm thời. Một loại đồ hộp khác mà cán binh Bắc Việt gọi là "ruốc", thực ra là một dạng thịt chà bông, ăn thử thấy cũng khá ngon. Với cuộc triệt thoái Quân Ta ra khỏi Phi Trường Quản Lợi, quân cộng áp sát vào An Lộc và hình thành thế trận bao vây Thị Xã nhỏ bé này. Từng ngày càng trở nên bất lợi cho Quân phòng thủ An Lộc, Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa quyết định tung vào Mặt Trận Lữ Đoàn 1 Dù của Đại Tá Lê Quang Lưỡng. Các Chiến Sĩ Mũ Đỏ được lệnh hành quân bộ từ Căn Cứ Lai Khê lên Khu Vực Quận Chợ Thành, với nhiệm vụ đánh thông đường lên An Lộc và bảo đảm an toàn cho các Đoàn quân xa của ta vận chuyển tiếp liệu và đạn dược lên An Lộc. Tuy nhiên, khi những Đơn vị tiền phương của Lữ Đoàn 1 Dù còn cách An Lộc 15 km về hướng Nam, thì đã chạm súng dữ dội với một trung đoàn quân cộng thuộc sư đoàn 7 Bắc Việt Khu vực suối Tàu Ô. Chính là ở đây, sư đoàn 7 Bắc Việt đã thiết trí nhiều hầm ngầm, công sự vững chắc để cách đứt nguồn viện binh và tiếp liệu từ phía Nam lên. Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù không tiến qua được, Chiến Sĩ Mũ Đỏ nhận lệnh tiến lên các điểm cao Đồi Gió (Windy Hill) và Đồi 169, từ đó khống chế và quan sát hướng tấn công phía Nam của địch.

Chiến được Phi Trường Quản Lợi rồi, lẽ ra địch phải thừa thắng tràn xuống dứt điểm An Lộc, nhưng sư đoàn 9 bộ binh chủ lực địch bỗng nhiên khựng lại gần cả tuần. Sự kiện đó đã khiến cho Chuẩn Tướng Hưng, Tư lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa nhiều cơ hội phối trí Lực lượng phòng thủ và Lữ Đoàn 1 Dù đủ thời gian thiết lập vị trí bảo vệ An Lộc từ hướng Tây-Nam trên các ngọn Đồi 169 và Đồi Gió. Thì ra viên tư lệnh sư đoàn 9 Bắc Việt dự trù càng quét các Tiền Đồn Biệt Động Quân Biên Phòng và Chiến Đoàn 52 phải mất tuần lễ. Trên thực tế lệnh rút lui quân quá nhanh của Tướng Minh hóa ra lại làm cho các đơn vị tiếp vận cộng quân không theo kịp đà tiến của các sư đoàn bộ binh Bắc Việt. Sư đoàn 9 Bắc Việt buộc phải dừng quân bổ xung quân số và tiếp liệu. Trong thời gian đó, vì địch đã chiếm mất Phi Trường, Không Quân Việt Nam Cộng Hòa chỉ còn có thể dùng vận tải cơ C-123 và trực thăng Chinook CH-47 tiếp tế cho Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Tuy nhiên việc tiếp tế ngày càng khó khăn và địch dùng súng phòng không bắn hạ được một chiếc CH-47. Không Quân Việt Nam Cộng Hòa chỉ còn có thể dùng vận tải cơ C-123 bay trên cao thả dù xuống. Với độ cao nhiều cây số để tránh hỏa tiễn SA-7 và đạn phòng không địch, mức độ chính xác của dù rơi xuống vị trí Quân Ta là một vấn đề đau đầu. Phần lớn những kiện hàng đều rơi ngoài vòng rào phòng thủ hoặc rơi vào vị trí quân cộng.

Trong thời gian địch sốt ruột chờ đợi tiếp liệu thì từ miền Tây, các Chiến Sĩ thuộc Sư Đoàn 21 Bộ Binh dưới quyền trực tiếp điều động của Thiếu Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi đã đổ quân xuống Khu vực Quận Chợ Thành về hướng Nam An Lộc chừng 15 km. Trung Đoàn 8 của Đại Tá Mạch Văn Trường thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh tại Căn Cứ Dầu Tiếng Bình Dương được cấp tốc trực thăng vận nhảy vào An Lộc ngày 11.4.1972, nâng Tổng số quân phòng thủ lên đến 3000 Chiến Sĩ, một con số hết sức là nhỏ bé so với 3 sư đoàn bộ binh chính quy Bắc Việt số 5, 7 và 9, nhiều trung đoàn pháo, chiến xa và đặc công. Còn có thể kể thêm sư đoàn bình long, còn gọi là công trường bình long, một sư đoàn hiệu năng chiến đấu tồi, hỗn hợp lực lượng việt cộng và Khmer Đỏ. Trong những ngày đại chiến kinh hồn giữa Chiến Sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh đánh cho "banh ta lông" rất sớm. Đẻ đương đầu với áp lực quá mạnh từ bốn hướng của địch, Chuẩn Tướng Hưng đã thiết trí các tuyến chiến đấu như sau:

- Hướng chính Bắc và hướng Tây-Bắc: Trung đoàn 8 Bộ Binh. Trong lần tổng tấn công đợt hai ngày 19.4.1972, Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù được điều động lên tăng viện cho Trung Đoàn 8.

- Hướng chính Tây và Tây-Nam: Trung đoàn 7 Bộ Binh và Bộ Tư Lệnh Hành Quân Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

- Hướng Nam: Địa Phương Quân-Nghĩa Quân Tiểu Khu Bình Long, do Đại Tá Trần Văn Nhựt Chỉ Huy.

- Hướng Tây-Nam: Trên các cao điểm Đồi Gió và Đồi 169:Lữ Đoàn 1 Dù.

- Hướng Đông: Tiếp giáp với Trung Đoàn 8 ở hướng Bắc và Địa Phương Quân ở Hướng Nam là khu vực trách nhiệm của các Chiến Sĩ Mũ Nâu Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân.

- Chiến Đoàn 52 của Sư Đoàn 18 Bộ Binh phụ trách phòng thủ Khu Vực Trung Tâm Thành Phố An Lộc.

Tình hình ngày càng nghiêm trọng, dân chúng trong Thành Phố lục đục tìm cách di tản ra khỏi An Lộc. Có hai nhóm lớn thoát ra khỏi Thành Phố hồi hải chạy về hướng Nam dọc theo Quốc Lộ 13, do một Linh Mục Công Giáo và một kia do một Đại Đức Phật Giáo. Trong những ngày đầu phong tỏa An Lộc, cộng quân đã làm ngờ mặc cho dân chúng muốn đi đâu thì đi. Nhưng đột nhiên dịch thay đổi thái độ bắn hù dân chúng chạy ngược trở vào. Sau này Quân Ta mới biết là địch đã nghĩ đến việc lợi dụng 6.000 miệng ăn dân chúng để làm cho Quân Dân An Lộc cùng chết đói, không còn sức kháng cự. Thâm độc và ác độc đến thế là cùng. Địch biết rõ là Quân Ta thà chịu khổ chịu đói chứ không bao giờ để cho dân chết đói, họ sẽ chia xẻ phần thực phẩm ít ỏi của họ cho dân. Ôi, đi giải phóng người ta mà tính toán chi ly và giết dân bạo tàn như vậy đó. Riêng hai nhóm vượt thoát được khỏi An Lộc chỉ đi đến được Xã Tân Khai, phía trên Chợ Thành thì bị giặc chặn đường bắt hết. Sau mấy phùa bắt dân ngồi chồm hổm nghe thuyết trình quán triệt chính sách, phương hướng nhiệm vụ, mục đích và yêu cầu, tất cả những người trong hạn tuổi lao động đều bị bắt buộc xin "xung phong" vào đội dân công phục vụ chiến trường. Riêng người già và trẻ con thì đăng chiếu cố cho muốn đi đâu thì đi sau khi đã "phấn khởi" hiến tặng những gói của cải lương thực nhỏ bé để gọi là ủng hộ công cuộc giải phóng miền Nam. Trước đó, khi làn sóng đồng bào lũ lượt rời bỏ Thị Xã An Lộc thân yêu của một đời người tìm về vùng yên bình, Đại Tá Trần Văn Nhựt, Tỉnh Trưởng Bình Long, đã cho xuất kho thực phẩm phát những khẩu phần gạo xấy cho đồng bào. Chính ông cũng rưng rưng đứng bên đường phát từng bao gạo xấy cho dân, chúc đồng bào lên đường bình an và hẹn ngày trở lại. Nếu không có Trung Đoàn 15 thuộc Sư Đoàn 9 Bộ Binh của ta chiếm được Tân Khai thì có lẽ số trẻ con và người già ấy đã sớm lên thiên đàng vì đói và bệnh tật rồi. Số người bị bắt đi lao dịch từ đó không còn ai nghe biết tung tích nữa. Có những toán dân vài ngàn người chạy qua khỏi Khu vực Tàu Ô về được Chợ Thành chỉ còn độ vài trăm người. Cuộc di tản lớn nhất của 12.000 đồng bào ra khỏi An Lộc ngày 12.6.1972 mà báo chí Thế Giới đã gọi là "lá phiếu bằng chân dành cho Việt Nam Cộng Hòa", đã bị cộng quân tàn sát man rợ bằng các loại hỏa lực. Chúng dội những cơn bão lửa đạn và chết chóc lên trên đám thường dân vô tội, tiếng kêu khóc thảm thiết vang dậy đến tận cõi trời cao, thịt xương, máu, óc, tay chân người văng tung toé vương vãi dọc theo con Đường 13. Mười ngàn đồng bào chạy thoát qua khỏi, bỏ lại đằng sau lưng oan hồn của hai ngàn người thân. Cùng với Quốc Lộ 1 từ Quảng Trị về Huế, Quốc Lộ 13 trở thành hai con đường của chết chóc và kinh hoàng và là chứng tích rõ ràng, tính cảm thú khát máu của cộng quân, mà ngay cả bọn báo chí thiên tả, thân cộng hay phản chiến khi đứng ngấp chân trong những vũng máu thịt đau thương ấy cũng phải ú ớ như sống cơn ác mộng.

Cuối cùng thì sư đoàn 9 Bắc Việt địch cũng đã có thể mở một cuộc đại tấn công An Lộc lần thứ nhất vào khuya rạng sáng ngày 13.4.1972 với màn pháo kích phủ đầu lên khắp mọi nơi trong Thành Phố, chiến xa địch áp sát An Lộc. Pháo kích kéo dài đến 6 giờ sáng thì địch xua quân tấn công tất cả vị trí của Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Tại chiến tuyến của phía Tây của Trung Đoàn 7 Bộ Binh, chiến xa T-54 khạc đạn vào công sự phòng thủ của Quân Ta giữ đội, buộc quân Trung Đoàn 7 Bộ Binh lùi dần vào trong Thành Phố. Súng phóng hỏa tiễn M-72 của Quân Ta bắn ra rền trời, nhiều chiếc tăng địch đứt xích hay nổ pháo tháp bị khựng lại ngoài rào An Lộc. Nổ ám ảnh cùng sợ hãi T-54 của Quân phòng thủ biến mất một cách thần kỳ. Những Tổ M-72 được lệnh chờ chiến xa địch đến gần ít nhất là 50 thước trở xuống mới khai hỏa. Trong thời điểm những năm đầu thập niên 70, phía Hoa Kỳ đã viện trợ cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa loại M-72A1 loại cũ, sức công phá của hỏa tiễn và nhiệt độ của nó không được mạnh và cực nóng như về sau này. Tác năng chủ yếu ban đầu của M-72 chỉ dùng để bắn phá công sự hầm hố giặc. Vì vậy, thật hết sức gian nan vất vả và vô cùng nguy hiểm cho những Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa khi dùng súng M-72 đương đầu với khối sắt thép dày trên dưới 30 cm của chiến xa T-54 địch trong một khoảng cách từ thàn từ 50 đến 20m. Điều đó cho thấy mức độ thiện chiến của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, người Lính khổ ải của chúng ta phải đem xương thịt chống ngăn với sắt thép của lũ cuồng nô như thế nào.

Tại chiến tuyến của Trung Đoàn 8 Bộ Binh, là nơi chịu áp lực nặng nhất, vì sư đoàn 9 Bắc Việt dốc toàn lực tung nhiều chiến xa T-54 của Nga sô và T-59 (T54 biến cải) của Trung cộng làm thành một mũi đột phá rất mạnh. Trong vòng 48 tiếng đồng hồ vừa đổ quân xuống, Đại Tá Mạch Văn Trường Trung Đoàn Trưởng cùng các Sĩ Quan Tiểu Đoàn Trưởng nhanh chóng thiết lập phòng tuyến chánh, đồng thời đảm nhiệm luôn trọng trách làm "Tổng tiền đồn" cho Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Lần đầu tiên trong ngày 13.4.1972, các Chiến binh Trung Đoàn 8 đương đầu với một lực lượng hùng hậu chiến xa địch và một lực lượng binh đội vượt trội của địch ồ ạt tấn công vào. Yểm trợ hỏa lực cho Trung Đoàn 8 có Tiểu Đoàn 52 Pháo Binh của Thiếu Tá Hoàng Trung Liêm. Pháo Binh đã đóng một vai trò rất quan trọng, Thiếu Tá Liêm và các Sĩ Quan Pháo Đội Trưởng đã chắm các điểm hỏa tập tiên liệu trên đường tiến của giặc. Cho đến khi tăng địch và bộ binh từng thiết địch hùng hổ ào ạt tiến vào, súng cối 81 rải đạn nổ đi đùng lên từng thước vuông một lên đội hình địch. Trong khi đó Chiến Sĩ Trung Đoàn 8 chặn đánh quân bộ binh từng thiết dữ dội. Pháo và đạn đủ loại của Quân Ta bắn ra rền trời làm bộ binh địch bị thương vong rất nhiều, chúng hoảng sợ bỏ chạy trở ra, bỏ mặc cho đoàn chiến xa ũi sâu vào. Các xe tăng địch không có bộ binh bảo vệ, chúng vội vã đóng nắp pháo tháp lại rồi cứ húc bừa vào. Hỏa tiễn M-72 từ chiến tuyến của Trung Đoàn 8 tập trung bắn vào các xe tăng địch, những mảng lửa màu da cam nổ bùng lên xuyên phá vào vỏ thép dày của chúng. Cuốn sổ tay ghi công của Đại Tá Trường đã đầy nghẹt tên các Chiến Sĩ diệt tăng địch, ông định khi chiến cuộc tàn sẽ trình thưởng cấp tướng thưởng. Nhưng ngày qua ngày, người Đại Tá đau lòng gạch bỏ tên từng người một. Những người Anh Hùng Vô Danh ấy chỉ với thịt xương và lòng yêu Đồng Bào yêu Tổ Quốc đã lần lượt Anh Dũng Hy Sinh trong cơn bão lửa tàn nhẫn của chiến tranh.

Trong ngày đầu tiên của cơn lửa đỏ An Lộc, Chiến Sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh của ta được chứng kiến một tấm kịch kỳ cực nhất từ trước tới nay. Nhiều xe tăng T-54 đã xông vào được bên trong Thành Phố, nhưng không thấy dáng bộ binh Bắc Việt nào đi theo sau. Có một chiếc T-54 tà tà chạy từ đầu Bắc An Lộc cho tới tận đầu Nam như là đi duyệt binh, rồi quay trở lại ngơ ngác đứng sừng giữa Đường phố vắng tanh không bóng người. Có một tiếng đùng ghê rợn của hỏa tiễn M-72 phóng đi từ nơi ẩn nấp của quân phòng thủ bắn trúng pháo tháp làm chiếc tăng nổ tung lên. Bốn chiếc



khác cũng chạy lòng vòng trong Thành Phố, trong đó có một chiếc chạy ngo ngác quanh Khu vực Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh của Tướng Hưng nhưng không biết và bị Quân Sư Đoàn 5 Bộ Binh trong công sự tiêu diệt nốt. Người bắn cháy chiếc T-54 này là Đại Tá Lê Nguyên Vỹ, nguyên trước là Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 8 Bộ Binh. Ông được điều động về hàm chỉ huy làm Tư Lệnh Phó Hành Quân Sư Đoàn. Sau chiến thắng An Lộc Đại Tá Vỹ được đề bạt lên làm Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 21 Bộ Binh, trong năm 1974 ông được gởi đi học Khóa Chỉ Huy Cao Cấp tại Hoa Kỳ, khi trở về ông lại được vinh thăng Chuẩn Tướng và làm Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

Chuẩn Tướng Hưng mặc chiếc áo thun màu xanh ô liu, tay cầm cây M-16 nắm chặt tay người Chiến Hữu xúc động không nói lên lời. Một chiếc T-54 khác ngừng lại, xa đoàn 4 người nhảy ra đưa tay xin hàng vì hết đạn dược. Một trong 4 tù binh thành khẩn khai rằng anh thuộc trung đoàn 203 chiến xa vừa di chuyển từ Hạ Lào vào tới mới có một ngày đã nhận được lệnh là cứ vào... tiếp thu Thành Phố, địch đã chạy nhân dân sẽ đón chào mừng. Thì ra là thế. Đến chiến hữu cùng chung chiến tuyến mà còn bị lừa gạt một cách đau đớn như vậy.

Một hậu quả nghiêm trọng khác của sự non kém trong việc khai triển nhị thức Bộ Binh-Thiết Giáp của viên tư lệnh sư đoàn 9 Bắc Việt là ông ta đã nướng tới 400 sinh mạng trong ngày đầu của chiến dịch An Lộc. Chiến sự tiếp tục diễn ra khốc liệt thêm hai ngày nữa, tinh thần Quân Nam lên rất cao với khẩu hiệu quyết chiến "Tử thủ hay là chết". Trong ngày 15.4 Quân Sư Đoàn 5 Bộ Binh hạ thêm được 11 chiếc T-54 nữa. Một chiếc T-54 chạy đến phía trước hầm Chuẩn Tướng Hưng liền khạc đạn thẳng vào, làm bị thương một Sĩ Quan Ban 3 Hành Quân và vài Sĩ Quan Tham Mưu khác. Chuẩn Tướng Hưng may mắn vô sự. Trong hầm Chuẩn Tướng Hưng còn có Đại Tá Trần Văn Nhứt, Tỉnh Trưởng Bình Long, Chỉ Huy Lực Lượng Địa Phương Quân. Ngoài ra còn có Đại Tá Lê Quang Lưỡng, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 1 Dù và Trung Tá Phan Văn Huấn, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù cùng tham chiến. Thêm sự có mặt của Đại Tá Lê Nguyên Vỹ. Những con mãnh hổ Bình Long, Năm vị Chiến Tướng kiệt xuất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Chỉ một thời gian ngắn sau chiến thắng, Đại Tá Trần Văn Nhứt cũng được vinh thăng Chuẩn Tướng, và được điều về làm Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh ngoài Quân Khu I. Đại Tá Lê Quang Lưỡng được vinh thăng Chuẩn Tướng, đảm nhiệm Tư Lệnh Sư Đoàn Nhảy Dù. Trung Tá Phan Văn Huấn được vinh thăng Đại Tá và vẫn tiếp tục Chỉ Huy Liên Đoàn 81 Biệt cách Nhảy Dù cho đến ngày cuối cùng. Đại Tá Lê Nguyên Vỹ được tin nhiệm trong Chức vụ Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 21 Bộ Binh, Đại Tá Mạch Văn Trường được đề bạt lên nắm Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 5 Bộ binh, rồi sau này trở thành Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh.

Tổn thất nặng nề trong cuộc tấn công lần thứ nhất ngày 13.4.1972 kéo dài qua ngày 16.4.1972, với 23 xe tăng bị bắn cháy, buộc quân bắc cộng phải ngưng giao chiến trong những ngày kế tiếp. Trong khi chờ đợi sư đoàn 9 Bắc Việt tái tổ chức đội hình, sư đoàn 7 Bắc Việt và sư đoàn 5 Bắc Việt được lệnh điều quân tấn công Lữ Đoàn 1 Dù tại Đồi 169 và Đồi Gió. Địch quân cần những điểm cao chiến lược này để quan sát Thị Xã An Lộc và thiết trí đại pháo đội vào Thành Phố. Nhờ được những Căn Cứ này, cộng quân sẽ kiểm soát được Khu Vực phía Nam Thị Xã, yểm trợ cho các trung đoàn của sư đoàn 7 Bắc Việt chốt chặn trên Quốc Lộ 13 không cho các Đơn Vị của Sư Đoàn 21 Bộ Binh và Sư Đoàn 9 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa lên giải cứu An Lộc. Ngày 18.4.1972, địch quân tung hai trung đoàn 275 và 141 với 6 chiếc T-54 yểm trợ tấn công Quân Mũ Đỏ dữ dội. Tiểu đoàn 6 Dù trên Đồi 169 chiến đấu dũng mãnh, bắn cháy hết 6 chiếc T-54, nhưng vẫn buộc phải phá hủy những khẩu 105 ly và triệt thoái. Hai Đại Đội Dù và Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn 1 Dù rút

vào được mặt Nam An Lộc, trong khi hai Đại Đội khác rút quân về hướng Nam qua ngã Sóc người Miên Srok Toncui, sau đó liên lạc được với những chiếc UH1 của Không Quân Việt Nam Cộng Hòa đáp xuống bốc được về Chơn Thành.

Ngày 22.4 địch toan chuyển quân vòng đánh thốc lên từ hướng Nam nhưng đụng phải các công sự phòng thủ dày đặc của hai Tiểu Đoàn Dù thuộc Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù thiết trí chằng chịt trong rừng cao su. Cộng quân lại... Rùng rùng kéo lên hướng Bắc và hướng Tây. Ngày 25.4.1972 Bệnh Viện duy nhất của An Lộc bị trúng đạn pháo và bị tê liệt hoàn toàn. Cuộc pháo kích lên Bệnh Viện nằm trong tính toán độc ác của quân cộng. Chúng muốn giết càng nhiều Chiến Binh và thường dân bị kẹt trong An Lộc để gây bầu không khí chết chóc và kinh hoàng, tác động lên tinh thần chiến đấu của quân phòng thủ. Người dân An Lộc còn sống sót sau cơn lửa binh sẽ nhớ mãi mỗi thương đau này. Có tổng cộng hơn 6.000 người vừa Chiến Thương vừa thường dân nằm điều trị tại Bệnh Viện tử vong vì pháo dập xuống. Thường dân và Chiến Thương của Quân Ta kể từ giây phút đó ai bị thương ở đâu đành cắn răng nằm ở đó chờ Chiến Sĩ Quân Y của ta đến băng bó và chờ tân thương. Trong lịch sử chiến tranh Thế Giới, chưa có một Đội Quân nào nở nhả tâm bắn hạ phi cơ tải thương. Nhưng tại nước Việt Nam này, có một đội quân cao ráo công lý nhưng bắn hạ tất cả những gì được coi là biểu trưng cho nhân đạo. Tất cả các máy bay mang dấu hiệu tải thương hình thập tự đỏ của Không Quân Việt Nam Cộng Hòa và Mỹ đều bị cộng quân bắn hạ không thương tiếc. Thấy người chết vì không được cho đi tân chữa trị đã chất chồng và sinh thúí khủng khiếp. Dưới những cơn hỏa pháo kinh hồn, Chiến Sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh vẫn phải đầu đôn đảo cho những oan hồn ấy một nắm mồ tập thể. Hết sức đau xót, giữa những khoảng khắc ngắn ngủi ngưng nghỉ của pháo địch, Chiến Sĩ An Lộc hồi hải đào hố chôn xác Đồng Đội, những nắm mồ chưa kịp lấp đầy đất lại bị pháo giặc cày xới lên thảm thương. Pháo địch dứt, Quân Ta lại xông ra khom lưng đào hố mai táng cho những người đã chết. Con suối ngoài rìa Thành Phố là nguồn cung cấp nước cho Quân dân An Lộc đã chứng kiến nhiều cái chết thê thảm của dân chúng và Chiến Sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Những người tìm cách men đến suối đều bị quân cộng bắn chết. Có một Sĩ Quan trong Bộ Tham Mưu của Chuẩn Tướng Hưng xuống suối tắm bị việt cộng bắn sè nằm chết bên bờ suối. Nhận được tin, Chuẩn Tướng Hưng khiển trách các Sĩ Quan Tham Mưu: "Ai cho phép mấy ông ra đó tắm, mấy tháng nay tôi không tắm mà có sao đâu".

Tên tuổi của Chuẩn Tướng Hưng được biết đến từ khi ông còn là một Sĩ Quan chiến đấu trên chiến trường miền Tây, và được xưng tụng là một trong những con mãnh hổ dũng cảm nhất. Từ chức vụ Đại Tá Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 31 Bộ Binh thuộc Sư Đoàn 21 Bộ Binh, ông được điều động lên Quân Khu III làm Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Bị quân giặc bao vây trùng điệp, ngày đêm bị hàng chục ngàn quả đạn pháo giặc liên tục dội xuống, nhưng không biết nhờ phép nhiệm màu nào mà chiếc hầm chỉ huy không bị trúng một quả nào. Sự kỳ diệu này còn xảy ra cho chiếc hầm của Chuẩn Tướng Lý Tông Bá, Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh tại chiến trường Kontum, giúp Chuẩn Tướng Bá đánh thắng quân số ba sư đoàn địch. Hình ảnh dũng cảm và quen thuộc mà Chiến Sĩ Tử Thủ An Lộc ngưỡng mộ người Tư Lệnh của họ, là Chiến Sĩ Lê Văn Hưng đầu đội nón sắt, quần lính áo thun màu ô liu, tay xách cây M16 như bất cứ người Lính Khinh Binh nào. Ông làm việc trung bình 20/24 giờ một ngày bên chiếc đèn mù mờ ánh sáng, chỉ ngã lưng trên chiếc ghế bố nhà binh chừng vài tiếng đồng hồ trong chiếc hầm kích thước 4mx10m chen chúc hàng chục Sĩ Quan Tham Mưu và Chỉ Huy các cấp. Chuẩn Tướng Hưng là người biết lo xa, ông đã cho mang vào hầm ba máy phát điện nhưng chỉ sử dụng một máy, ưu tiên cho hệ thống truyền tin và chỉ huy siêu tần số, chỉ một bóng đèn

nhỏ 45 watt đủ soi sáng căn hầm. Vị Chuẩn Tướng tài ba này muốn hệ thống truyền tin luôn bảo đảm liên tục, Quân Ta thường xuyên nghe tiếng vị Chỉ Huy dũng mãnh của họ trên máy kích lệt, tinh thần Chiến Sĩ lên rất cao. Xăng nhớt thiếu hụt trầm trọng cho chiếc máy phát điện, nhiều Chiến Sĩ xách can xăng đi thu nhặt xăng từ những xe cơ giới hư hại bị hy sinh không ít.

Phi Trường mất, Bệnh viện bị phá hủy, tiếp liệu cạn kiệt buộc Không Quân Việt Nam Cộng Hòa và Không Lực Mỹ làm việc cật lực để giải cứu. Những chiếc dù được khoét lỗ trên đỉnh được thả từ cao độ an toàn cho phi cơ sẽ rơi xuống với vận tốc rất lớn, không bọc gió nhiều như dù thường và không bị gió đẩy bay tạt ra ngoài Khu vực thả. Một số dù tiếp liệu đều rơi vào được trong Sân vận động. Tuy vậy, muốn chạy ra kéo dù vào công sự lại là một vấn đề... nhứt nhối khác nữa. Địch đã ăn không được thì phá cho... hôi, chúng cứ từng từng pháo kích liên tục lên trên Sân vận động ra rả cả ngày lẫn đêm. Rồi một khi có những Chiến Sĩ liều mạng nhào ra lấy được tiếp liệu, việc phân phối thực phẩm, thuốc men, đạn dược cho gần 10.000 nhân khẩu Quân dân càng là một công tác điên đầu. Mãi sau Chuẩn Tướng Hưng mới chỉ định Đại Tá Lê Quang Lương, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 1 Dù chịu trách nhiệm chia chác "chiến lợi phẩm". Từ đó bất cứ Quân hay dân đều được Quân Dù chia cho số lượng đồng đều để cùng nhau tồn tại, chờ giờ phản công diệt địch. Chính là trong lúc dầu sôi lửa bỏng như vậy, người dân An Lộc nói riêng và người hậu phương nói chung mới thấm thía và nghiêng mình cảm xúc trước tấm lòng cao cả của người Lính Việt Nam Cộng Hòa. Chỉ có 3.000 Chiến binh, không được nghỉ ngơi, không có lấy một khoảng khắc để chợp mắt, miệng khô cổ khát, người này đáì cho người kia uống, bụng đói, vết thương lở loét, vậy mà người Chiến Sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh của chúng ta vẫn giữ vững tấm lòng son, quyết không buông súng đầu hàng. Còn gì có thể kể ra thêm nữa để ca ngợi các anh? Chưa bao giờ tình Quân dân được thể hiện rõ rệt và dạt dào ý nghĩa như ở bên bờ Sông Mỹ Chánh, ở miền Tây mù Kontum, và ngay ở đây, trong Thành Phố An Lộc. Để đền đáp tấm lòng của người Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa, nhiều đồng bào An Lộc còn để dành một ít thực phẩm tươi và rau cải, đều đem đến tặng lại cho Quân Ta. Trên khuôn mặt đen nhẻm vì nắng gió, bụi đất của Chiến Sĩ, đồng bào đã nghẹn ngào nhìn thấy những giọt nước mắt lăn tròn hay những nụ cười cảm kích phô hàm răng trắng nhớn.

Kế hoạch mới tấn công An Lộc được một viên Trung Úy hời chánh viên thuộc sư đoàn 9 bộ binh tiết lộ. Theo lời kể của anh thì viên tư lệnh sư đoàn 9 Bắc Việt đã bị Cục R khiển trách nặng nề vì gã chót lờ đại hứa ầu là sẽ chiếm An Lộc trong vòng 10 ngày, làm đài phát thanh Hà Nội bị hổ to, khi loan tin chắc ăn như bấp là An Lộc đã được giải phóng và là thủ đô của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Càng ngổ ngáo hơn, đài việt cộng còn loan báo ngày 20.4.1972 là ngày ra mắt của cái gọi là "Chánh phủ Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam". Trước đó, các Chiến Sĩ Biệt Động Quân phục kích địch tại Đồn Tổng Lê Chân đã lấy được trên xác chết một cán binh Bắc Việt "bản tự tình khúc" của sư đoàn 9 bộ binh gửi về Cục R. Rằng sở dĩ ông ta không hoàn thành sứ mạng vì pháo đài bay B-52 đánh bom dữ tợn quá, tiếp liệu không điều đến kịp và Sư Đoàn 5 Bộ Binh của Việt Nam Cộng Hòa cứng đầu cứng cổ không chịu hàng. Gã tư lệnh sư đoàn 5 Bắc Việt thấy đối phương bị thất sủng bèn gửi điện văn về được thay thế sư đoàn 9 Bắc Việt và hứa là chắc chắn đánh chiếm An Lộc trong vòng hai ngày. Nhờ vậy Phóng viên chiến trường trong và ngoài nước đã hồi hộp theo dõi cuộc quyết chiến giữa hai Sư Đoàn cùng mang tên số 5 của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa và quân bắc cộng. Mặt nam của Sư Đoàn 21 Bộ Binh của ta đánh rất rát từ Chợ Thành lên để giải tỏa Quốc Lộ 13, buộc sư đoàn 7 Bắc Việt phải tung ra hai trung đoàn đóng chốt tại Khu vực Tàu Ô mới cắm chân được. Nhờ sự có mặt của Sư Đoàn 21 Bộ Binh, Sư Đoàn 5 Bộ Binh của ta nhẹ được gánh nặng

rất nhiều. Trong khi địch phải chia xẻ lực lượng, cho nên ngày quyết định tổng tấn công An Lộc, hỏa lực pháo và tăng địch vẫn hầy còn rất kinh khủng, nhưng áp lực của bộ binh địch thì sút giảm khá nhiều. Trong suốt thời gian cuộc chiến, quân cộng đã nã lên An Lộc tổng cộng trên 200.000 quả đạn pháo. Mọi thứ vật chất và kiến trúc trong Thành Phố hầu như bị hủy hoại đến tận viên gạch cuối cùng. Nhưng chỉ trừ có một thứ, là trái tim dũng cảm của người Lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Ngày 11.5.1972 trận đại chiến giữa hai Sư Đoàn 5 của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và Bắc Việt khai diễn. Pháo địch cường kích lên tất cả mọi chiến tuyến của Quân Ta, bộ binh địch điên cuồng vác AK-47 và B-40 xông lên như những cơn sóng cuộn cuộn. Bọn tướng lãnh sư đoàn giặc đã học được một vài bài học vỡ lòng về nghị thức Bộ Binh-Thiết giáp, nên lần này chúng điều động khá hơn trận thứ nhất ngày 13.4.1972. Pháo Binh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Dù của ta cũng bắn trả đì đùng như trong ngày tận thế. Sư đoàn 5 Bắc Việt từ hướng chính Tây, sư đoàn 9 Bắc Việt từ hướng Tây-Bắc với những chiếc T-54 âm âm cán lên vòng rào phòng thủ của Quân Ta làm thành mũi nhọn đột phá cho bộ binh xông vào. Chiến Sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Sư Đoàn 18 Bộ Binh, Dù, Biệt Cách Dù, Biệt Động Quân, Địa Phương Quân đứng sẵn lưng bắn hỏa tiễn M-72 thẳng vào tăng địch. Nhiều chiếc nổ tung hay đứt xích nằm gục ngay sát chu vi chiến hào phòng thủ. Một chiếc T-54 hoảng kinh quay tới quay lui thế nào không biết làm chiếc tăng bị lật qua một bên, xa đoàn mở nắp pháo tháp bỏ chạy về phía sau. Bức hình chiếc T-54 bị lật nghiêng được đăng tải trên báo toàn Thế Giới, như là một biểu tượng thảm bại thê thảm của bắc quân. Tuy nhiên viên tư lệnh sư đoàn 5 Bắc Việt lỡ đem cái đầu ra hứa với cấp trên, gã nhất quyết xua tất cả bộ binh và chiến xa tấn công khắp chiến tuyến của ta. Cộng quân đánh dữ quá, có nhiều vị trí của Quân Ta bị thủng, tăng địch biết rõ hàm chỉ huy của Tướng Hưng và Đại Tá Nhựt, chúng chạy ào vào và nã súng vào hầm. Nhưng những Chiến Sĩ gan dạ nhất của Sư Đoàn 5 Bộ Binh với nhiều kinh nghiệm bắn M-72 trong vòng một tháng qua, đã dũng cảm bắn cháy nhiều chiếc ngay trước cửa hầm Chuẩn Tướng Hưng. Những chiếc xe cháy đen khét lẹt nằm cam nín nhục nhả khắp Phố xá An Lộc. Mặt Đông Nam của An Lộc có nguy cơ bị địch tràn ngập. Các Chiến Sĩ Truyền Tin Sư Đoàn 5 Bộ Binh vẫn bảo đảm rất tốt hệ thống liên lạc. Tướng Hưng tức khắc điều động một Tiểu Đoàn Dù ra tăng viện. Quân Mũ đỏ của ta xông lên trám chỗ thủng và đánh hăng quá, tăng địch bị bắn cháy nhiều chiếc. Sư Đoàn 5 Bộ Binh nhất định không chịu lui xuống. Suốt ngày 11.5 sáng ngày 12.5, địch tổ chức 30 đợt tấn công dữ dội lên An Lộc. Quân Sư Đoàn 5 Bộ Binh cũng nhất định không chịu nhường một tấc đất nào. Bom đạn, khói lửa, mùi diêm sinh khét lẹt, bụi bốc mù mịt, thịt xương vung vãi, tiếng hò hét xung phong sát phạt của hai bên vang rền một thứ âm thanh hỗn độn và rùng rợn. Tại địa điểm trấn thủ của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù, bọn tướng tá quân bắc cộng đã nướng trọn một trung đoàn của sư đoàn 9 Bắc Việt, đến người cuối cùng. Kể từ giây phút đó vị trí của Biệt Cách Dù hoàn toàn yên tĩnh. Sang đến ngày 13 tháng 5 thì cộng quân đã bị Quân Ta đẩy lùi ra khỏi chiến tuyến. Địch cố tổ chức tấn công một cách yếu ớt lần nữa trong ngày 14.5.1972, nhưng vẫn bị đánh lui. Chiến Sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa chỗi dậy từ chiến hào xung phong lên mở cuộc phản công, cán binh sư đoàn 5 Bắc Việt địch ôm súng bỏ chạy tán loạn ra khỏi những vị trí trong Thành Phố bị chúng chiếm trong một tháng qua. Cuộc đại chiến cuối cùng này đã buộc địch quân trả giá quá đắt. Coi như trung đoàn 203 chiến xa Bắc Việt bị xóa sổ, tăng địch nổ cháy đen nằm ngổn ngang khắp Thành Phố, ngay trước hầm Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh cũng có mấy chiếc. Ba sư đoàn 5, 7 và 9 Bắc Việt cố gắng tập trung lực lượng, tái tổ chức vội vã, khuấy rối và bao vây An Lộc sang đến tháng 6.1972, nhưng tình hình Thành Phố ngày càng sáng sủa thêm lên, tinh thần Binh Sĩ lên rất cao. Quân Ta không những phòng thủ

trong chiến hào mà còn phóng ra những cuộc hành quân truy quét địch ngoài chu vi Thành Phố. Ngày 8.6.1972, Trung Đoàn 48 của Sư Đoàn 18 Bộ Binh tăng viện và Trung Đoàn 7 thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh của ta tảo thanh đến tên lính cộng cuối cùng trong Khu vực trách nhiệm. Kể từ giờ phút các Chiến Sĩ "Ngôi sao Miền Đông" reo hò cắm lá Cờ Tổ Quốc bay phát phới trên đỉnh Đồi 169, chiến cuộc An Lộc coi như đánh dấu chấm hết. Một trang sử chói lọi của Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã được viết lên bằng những dòng chữ vàng.

Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn III & Quân Khu III Nguyễn Văn Minh hân hoan loan báo tin chiến thắng An Lộc. Ngày 18.6.1972 dân chúng miền Nam được nghe Xướng Ngôn Viên Đài Phát Thanh Sài Gòn và Đài Phát Thanh Quân Đội bằng giọng nghệt mũi cảm xúc thông báo Sư Đoàn 5 Bộ Binh và các Lực lượng thống thuộc đã chiến thắng. An Lộc được giữ vững. An Lộc Anh Dũng. Lữ Đoàn Biệt Cách Nhảy Dù chưa kịp tận hưởng hương vị chiến thắng, chưa kịp nhìn thấy những đàn em bé chạy tràn tung tăng ra ngoài Đường phố reo hò nắm tay, ôm chân Chiến Sĩ ta, đuổi bắt nhau âm ỉ trên những chiếc chiến xa địch cháy đen nằm câm nín buồn thảm, đã phải xốc ba lô lên vai chuẩn bị cho một chuyến đi xa. Quảng Trị. Các Chiến Sĩ Mũ Xanh Biệt Cách Nhảy Dù trong khoảng khắc đã biến đầu mắt dạng trên những chiếc trực thăng quạt cánh phành phạch, khuất dần sau những cụm mây trắng ở cuối trời. Các anh đã trở về Đơn vị và sẵn sàng lao mình vào những rừng xanh núi thẳm, âm thầm từng Toán ba người một đi tạo mùa xuân cho Dân Tộc. Người dân An Lộc vinh danh các anh bằng hai câu thơ:

An Lộc Địa Sử Ghi Chiến Tích  
Biệt Cách Dù Vị Quốc Vong Thân

Hai câu thơ mà đã lưu truyền trong sử sách này do Cô Giáo Pha tặng cho người Lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Cô bị thương vì đạn pháo giặc và được các anh Biệt Cách Dù cứu đem vào Bệnh Viện. Mỗi chiều cô giáo trẻ cứ nhất định xin các anh Mũ Xanh khiêng cô ra ngoài cho cô nhìn được Thành Phố An Lộc ngày càng đồ nát thảm thê. Một cái Nghĩa Trang nhỏ với những mộ bia đơn sơ nhưng nồng nàn tình Chiến Hữu do các Chiến Binh Biệt Cách Dù thiết lập gần kề bên để an táng những Chiến Sĩ Vị Quốc Vong Thân đã làm cho Cô Giáo xúc động nghẹn ngào. Từ trái tim vỡ nát ứa máu vì thương cảm những người Lính Vô Danh ấy, cô đã thốt lên hai câu thơ bất diệt.

Ngày 7.7.1972 Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu và Trung Tướng Nguyễn Văn Minh bắt ngờ hạ cánh trực thăng tại Sân Cờ Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Các Chiến Binh Sư Đoàn 5 Bộ Binh tung nón reo hò chào mừng vị Cựu Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh của họ trong thập niên 60, lúc đó là Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu. Tổng Thống Thiệu ứng khẩu một bài diễn văn ngắn khen ngợi tinh thần chiến đấu của tất cả Quân Dân tại An Lộc. Ông trình trọng tuyên bố, để tưởng thưởng công lao xương máu của Chiến Sĩ An Lộc, tất cả các Chiến Sĩ có mặt tại An Lộc đều được vinh thăng một cấp, bất kể thuộc Binh Chủng Tiếp Vận Không Tác Chiến hay Binh Chủng Tác Chiến. Lại một màn reo hò vang dậy trời đất của Chiến Sĩ ta, trong khi Tổng Thống Thiệu trân trọng gắn lên ngực Chuẩn Tướng Hưng chiếc huy chương cao quý Đệ Tam Đẳng Bảo Quốc Huân Chương.

Năm 1974 Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng từ giã các Chiến Binh Sư Đoàn 5 Bộ Binh đồng lao cộng khổ của An Lộc Anh Dũng về trình diện Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư Lệnh Quân Đoàn IV & Quân Khu IV với Chức vụ quan trọng Tư Lệnh Phó. Dưới sự chăm sóc của Thiếu Tướng Nam và Chuẩn Tướng Hưng Quân Đoàn IV gồm các Sư Đoàn 7, 9, 21 Bộ Binh. Lực Lượng Địa Phương Quân-Nghĩa Quân đã đem lại những ngày an bình cho miền Tây. Hai vị Dũng Tướng đã là một cặp Chiến binh kiệt xuất tạo nên bức tường thành vững chắc cho Quân Khu IV. Cho đến cái

ngày oan nghiệt 30.4.1975, hai vị Tướng nhiều lần nhận được đề nghị khẩn thiết của người Mỹ muốn giúp hai vị và gia đình di tản sang Hoa kỳ, nhưng cả hai vị Tướng đã khẳng khái từ chối. Hơn thế nữa, Chuẩn Tướng Hưng còn mạnh mẽ khẳng định với Chiến Sĩ Miền Tây: “Không hợp tác với Dương Văn Minh. Không đầu hàng cộng sản. Tử chiến đến cùng” .Cho đến 4 giờ chiều cùng ngày, hai vị Tướng còn cố liên lạc với các Đơn Vị hỏi xem có nhận được lệnh hành quân và phóng đồ bố trí chiến đấu chưa. Tất cả đều trả lời không. Hóa ra viên Đại Tá được giao trọng trách chuyển lệnh đã bỏ trốn mất. Hai vị Tướng uất ức thở than cho vận nước, Hai người thần thái ung dung đứng dưới Cột Cờ Bộ Tư Lệnh mỉm cười từ giã nhau, sau cái bắt tay vĩnh biệt. Chuẩn Tướng Hưng vẫn với bộ quân phục tác chiến bộ binh trở lại Văn Phòng Tư Lệnh Phó trong Trại Lê Lợi nằm trên Đường Hòa Bình Cần Thơ, gặp lại vợ con nói lời vĩnh biệt. Người bình tĩnh và ân cần khuyên nhủ Bà Chuẩn Tướng Hưng gắng sức sống nuôi con, dạy dỗ con nên người, nói cho chúng biết về người cha đã chết như thế nào cho Tổ Quốc. Người cũng trân trọng từ biệt các Chiến Hữu: “Tôi không bỏ các anh để đưa vợ con ra ngoại quốc. Tôi cũng không chịu nhục đầu hàng. Các anh đã từng cộng tác với tôi, những lúc các anh làm lỗi tôi có rầy la. Xin các anh tha thứ cho tôi những lỗi lầm nếu có”. Những người Lính ôm lấy Lá Cờ Vàng và cây súng thân thương vào lòng khóc nức nở. Họ biết giây phút vĩnh biệt người Chủ Tướng chỉ trong một khoảng khắc mỏng manh nữa thôi. Chuẩn Tướng Hưng cố xô đẩy đui mọi người ra ngoài, bình tĩnh đóng kín cửa Văn Phòng lại. Có tiếng súng nổ chát chúa từ bên trong vọng ra. Bà Chuẩn Tướng Hưng và các Chiến Hữu phá cửa xông vào. Bà Hưng khuỵu người xuống bên tấm thân nhuộm máu của chồng. Chuẩn Tướng Hưng nằm rũ người tựa vào giường nửa trên nửa dưới, hai cánh tay giang ra và vẫn còn đang giật mạnh, toàn thân người run rẩy từng cơn, đôi mắt còn mở to uất hờn. Người đã tự bắn vào tim để tỏ rõ tiết tháo người Chiến Sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Máu từ trong tim người thấm ướt mảng áo ngực và loang ra đỏ thẫm tấm drap trắng. Thời điểm người Anh Hùng thăng thiên đúng 8 giờ 45 phút tối ngày 30.4.1975. Khoảng 11 giờ khuya, Thiếu Tướng Nam gọi điện thoại qua chia buồn. Bà Chuẩn Tướng Hưng nghe rõ tiếng thở dài của người Tư Lệnh phía bên kia đầu giây. Hồi 9 giờ Bà cũng có nhận được điện gọi từ Chương Thiện của người Anh Hùng Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn xin lệnh tiếp tục chiến đấu. Người Dũng Tướng ấy sa vào tay giặc vào chiều ngày 1.5.1975, rồi bị lũ cuồng sát đem xử bắn tại Sân Vận Động Cần Thơ một vài tháng sau.

Những người Anh Hùng của Dân Tộc Việt Nam, những Chiến Sĩ Dũng Mãnh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa suốt đời tận tụy cho Nước non, đã hiến dâng cho Tổ Quốc những giọt máu đỏ thẫm tinh khôi cuối cùng của mình. Tên tuổi và tấm gương chiến đấu của Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng mãi mãi còn ghi trong Sử Sách và được Dân Tộc Việt Nam ngàn đời phụng thờ hương khói.

Diễn đàn phụ nữ 196&197-2000.

\*\*\*

# Tướng Lê Văn Hưng

Bà Lê Văn Hưng  
Nhũ danh Phạm Thị Kim Hoàng

Ngày 21.4.1975 khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức, trao quyền lại cho Cụ Trần Văn Hương, tôi còn nhớ rõ lời ông Thiệu nói: “Mất một Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Quân Đội còn Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu, Đồng bào còn một Chiến Sĩ Nguyễn Văn Thiệu. Tôi Nguyễn sẽ chiến đấu bên anh em Chiến Sĩ”. Lời tuyên bố của ông Thiệu đã gây cho tôi sự xúc động. Thế rồi lời tuyên bố ấy cũng đã bay theo gió, khi số lớn cấp chỉ huy trực tiếp điều hành guồng máy Quốc Gia đã vỗ cánh chim bay sang ngoại quốc, tìm nơi ẩn trốn an lành, bỏ mặc Quê Nhà, Dân Tộc và Quân Đội đang chết đuối trong cuồng phong súng đạn tơi bời, Thiếu Tướng Nam, Phú. Chuẩn Tướng Hưng, Hai, Vỹ. Nhắc đến đây tôi không ngăn nổi tiếng nấc nghẹn ngào.

Ồi! Tiếng súng nổ rền vang trên khắp Lãnh thổ. Mùa Hè năm 1972, Nhà Văn Phan Nhật Nam đã mệnh danh là Mùa Hè Đỏ Lửa. Mùa Hè máu, Mùa Hè cuối đày yêu thương, Mùa Hè tận cùng vực thẳm. Còn Mùa Hè 30.4.1975 bi thương thâm ngàn nào? Chúng ta còn đủ ngôn từ để diễn tả tận cùng nỗi thương tâm kinh hoàng của sinh ly, tử biệt, cuống cuống ấy không? Tin thất trận từ các Vùng I, II và III bay về dồn dập. Có những nơi chưa đánh đã bỏ cho địch tràn vào. Cũng có nơi quyết liều tử chiến. Thảm thương thay, cuộc rút quân hỗn loạn bi đát chưa từng có trong Lịch Sử và Quân Sử.

Đài VOA và BBC tuyên bố những tin thất bại nặng nề về phía Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa khiến lòng dân càng thêm khiếp đảm. Những Đoàn Quân thất trận, tả tơi manh giáp, không người chỉ huy, cuống quýt chạy như đàn vịt bị săn đuổi. Tinh thần Binh Sĩ rối loạn hoang mang tột độ. Họ thì thảo bảo nhau: “Tổng Thống Thiệu, Thủ Tướng Khiêm, Đại Tướng Viên đã cao bay xa chạy, còn đánh đấm gì nữa. Ông Tướng này, ông Tỉnh nọ, đã trốn đi ngoại quốc, chúng ta còn đánh làm gì”. Họ còn hỏi nhau: “Bao nhiêu năm chúng ta chiến đấu cho Tổ Quốc, hay chiến đấu cho tập đoàn tham nhũng? Hay cho cá nhân ai đây?” Mất người chỉ huy, những Quân Nhân như rắn không đầu, rối rít tan rã. Lại có những câu hỏi: “Quân không Tướng chỉ huy thì sao?” Có những kẻ chủ tâm dè bĩu, thường chỉ trích chê bai: “Có những Ông Tướng mà biết đánh giặc cái gì! Chỉ có Lính đánh để các Ông Tướng hưởng”.

Lời phê bình của những kẻ bất mãn hay những kẻ có tâm địa hạn hẹp, thật chẳng khác nào ếch ngồi đáy giếng. Cho dù có những vị Tướng bê bối, làm cho Quân Đội bị nhục, thì cũng có những Vị Tướng trong sạch đức độ, lỗi lạc, tài ba, đáng cho Dân Quân khâm phục, những phần tử bất mãn ấy đã vô tình hay cố ý không thấy việc tối quan hệ của sự hỗ tương, hỗ trợ, giữa các Tướng lãnh, Sĩ Quan Binh Sĩ thật cần thiết cho Quân Đội và Quốc Gia như thế nào. Đối với những vị cao minh, hiểu biết giá trị hy sinh của những người Tuấn Tiết, tôi trang trọng cúi đầu cảm tạ tri ân.

Có nhiều người đã nêu lên câu hỏi với tôi: “Tại sao Tướng Nam, Tướng Hưng chết làm chi cho uổng? Tại sao các ông Tướng ấy không tiếp tục chiến đấu? Tại sao các ông không trốn sang ngoại quốc?” Lại có người nghiêm khắc trách tôi: “Bà thật dờ. Nếu là tôi, tôi quyết liệt can ngăn không để cho các ông ấy chết. Vợ con như thế này, Ông Hưng chết đành bỏ vợ con lại sao?” Ngay cả vài vị phu nhân của các Tướng lãnh, hoặc còn ở trong tù, hoặc đã an nhàn nơi xứ người, cũng thốt ra những lời chỉ trích tôi. Nghe những lời phê bình ấy, tim tôi đau nhói. Tôi tôn trọng sự nhận xét “Theo tầm hiểu biết của họ”. Tôi ngán ngẩm không trả lời, chỉ mỉm cười lắc đầu.

Nhưng hôm nay tôi phải lên tiếng. Lên tiếng để tạ ân những người đang âm thầm chiến đấu ở Việt Nam, để tạ ân những người hùng can đảm đã, đang và sẽ tiếp tục đánh đuổi cộng sản cứu Quê Hương, để trả lời những người đã nêu lên nhiều câu hỏi đó. Tôi trân trọng những vị nào đã có những lời chỉ trích nên bình tâm suy nghĩ lại, trước khi phán đoán vì... những vị Tướng lãnh bách chiến bách thắng lại lẽ nào chịu xuôi tay nhục nhã trước nghịch cảnh, trước kẻ thù? Những vị Tướng đã từng xông pha trong mưa đạn, bao lần thử thách với tử thần, với nhiều chiến công từ cấp bậc nhỏ lên tới hàng Tướng lãnh, đã từng khắc phục gian nguy, xoay ngược thế cờ, chuyển bại thành thắng trên khắp Mặt Trận, lẽ nào những vị Tướng ấy chỉ nghe hai tiếng “buông súng” rồi giản dị xuôi tay tự sát hay sao?

Viết đến đây tôi mạn phép nêu lên câu hỏi: “Thưa toàn thể Quý Vị Sĩ Quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Ngày Quý Vị nhận lãnh Chiếu Mũ Sĩ Quan Trường Võ Bị, Quý Vị còn nhớ sáu chữ gì trên chiếc mũ ấy không? Sáu chữ mà Quý Vị trịnh trọng đội lên đầu là: “Tổ Quốc, Danh Dự, Trách Nhiệm”. Ngày mãn Khóa Sĩ Quan với những lời tuyên thệ, Quý Vị hẳn nhớ? Cũng như những điều tâm niệm ai lại chẳng thuộc lòng? Những vị bỏ nước ra đi trước binh biến, những vị ở lại bị sắp hàng vào trại tù cộng sản, tôi xin tạ lỗi, vì thật tình tôi không dám có lời phê phán nào. Tôi chỉ muốn nói lên tất cả sự thật về cái chết của hai vị Tướng Nguyễn Khoa Nam và Lê Văn Hưng. Hai vị Tướng này đã ba lần từ chối lời mời di tản sang ngoại quốc của Viên Cố Vấn Mỹ. cương quyết ở lại tử chiến, bảo vệ Vùng đất Vùng IV. Viên Cố Vấn Mỹ hối thúc, đợi chờ không được, sau cùng chán nản buồn bã bỏ đi.

Trước đó, vào ngày 29.4.1975, lời tuyên bố của Vũ Văn Mẫu và Dương Văn Minh trên Đài phát thanh Sài Gòn ra lệnh tất cả người Mỹ phải rời Việt Nam trong vòng 24 tiếng đồng hồ, thì chính lúc “Kế hoạch hành quân mật của hai Tướng Nam-Hưng đã hoàn tất”

Tướng Nguyễn hữu Hạnh, người thay thế Tướng Vĩnh Lộc vào những ngày giờ cuối tới tấp điện thoại về Cần Thơ. Ông Hạnh đã dùng tình cảm chiến hữu, dùng nghĩa đàn anh thân thuộc, khẩn khoản yêu cầu Tướng Hưng về hợp tác với Dương Văn Minh và Nguyễn hữu Hạnh. Thâm tâm có lẽ ông Hạnh lúc đó muốn dò xét thái độ của hai Tướng Vùng IV như thế nào. Nhiều lần, qua cuộc điện đàm với Tướng Nguyễn hữu Hạnh. Tướng Hưng đã luôn khẳng định: “Không hợp tác với Dương Văn Minh. Không đầu hàng cộng sản. Tử chiến tới cùng”.

Khi Tổng Thống Thiệu từ chức, trao quyền lại cho Cụ Trần Văn Hương và rồi vì hoàn cảnh đắm chìm của vận mệnh đất nước, trước nhiều áp lực nên Cụ Hương đã trao quyền lại cho Dương Văn Minh, để rồi “Ông Tướng hai lần làm đổ nát Quê Hương, ồ hoen lịch sử này, hạ mình ký tên dâng nước Việt Nam Cộng Hòa cho cộng sản”. Vị Tướng lãnh trấn thủ một Vùng, tùy hoàn cảnh đất nước và tình hình chiến sự Địa Phương, trọn quyền quyết định, xoay chuyển thế cờ, không cần phải tuân lệnh một cách máy móc theo cấp chỉ huy đầu não đã trốn hết, thì còn chờ lệnh ai? Phải tuân lệnh ai? Tóm lại, lúc đó lệnh đầu hàng của Dương Văn Minh và lời kêu gọi của Nguyễn hữu Hạnh đã không được Tướng Nam và Tướng Hưng đáp ứng.

Viết đến đây, tôi xúc động lạ thường. Tôi ghen ngào rơi lệ khi nhớ đến một số Sĩ Quan Binh Sĩ đã bật oà khóc lên khi nghe lệnh đầu hàng của Dương Văn Minh. Anh em đã ôm lá cờ Tổ Quốc, ôm khẩu súng vào lòng nức nở. Có những Chi Khu Trường và những Đồn Trường nhất định đã không chịu đầu hàng. Họ đã Tử Thủ đến viên đạn chót và viên đạn chót dành để kết liễu đời mình. Cấp bậc của những anh em ấy không cao, chỉ chỉ huy Khu nhỏ, hay một Đồn lẻ loi, nhưng tinh thần tranh đấu của anh em cao cả và hùng thế đầy.

Trong khi Sài Gòn bỏ ngõ đầu hàng thì Cần Thơ vẫn an ninh tuyệt đối. Kế hoạch hành quân đã thảo xong. Vũ khí lương thực đạn dược sẵn sàng. Tất cả đều



chuẩn bị cho các cánh quân di chuyển, sẽ đưa về các tuyến chiến đấu. Kế hoạch di quân, phản công và bắt tay nằm trong lệnh mật hành quân đó. Vùng IV có nhiều địa thế chiến lược, có thể kéo dài cuộc chiến thêm một thời gian. Bởi lúc đó, cho đến ngày 29.4.1975, chưa có một Đồn nào, dù ở Quận Lý xa xôi hẻo lánh ở Vùng IV đã lọt vào tay giặc cộng.

Nhưng, Cần Thơ, sáng ngày 30.4.1975, dân chúng nhốn nháo hoang mang. Đã có một số Binh Sĩ bỏ ngũ. Tại Thị Xã, cảnh náo loạn đáng buồn chưa từng có đã xảy ra. Từng nhóm đông đảo bọn ác ôn và thừa nước đục thả câu đã ra tay cướp giật tài sản ở các Cơ sở Mỹ và ở những nhà tư nhân nào đã bỏ trống, bất chấp tiếng súng nổ can thiệp của Cảnh Sát duy trì an ninh trật tự công cộng. Chúng cướp giật, đập phá, hò hét như lũ điên. Chắc chắn trong số này có bọn cộng sản nằm vùng có ý đồ gây rối loạn áp đảo tinh thần Binh Sĩ.

Lúc ấy Tướng Nam và Tướng Hưng vẫn còn liên lạc với các cánh quân chạm địch. Nhiều cánh quân nòng cốt được đưa về Thị Xã Cần Thơ để bảo vệ Bộ Chỉ Huy Quân Đoàn, nằm chung quanh vòng đai Alpha. Từ 2 giờ đến 4 giờ chiều ngày 30.4, giờ đã điếm. Đúng theo kế hoạch lệnh hành quân bắt đầu. Nhưng hỏi ôi! khi liên lạc đến các cấp chỉ huy của các Đơn vị thì mới hay họ chưa biết tí gì về kế hoạch, chưa rục rịch chi hết, ngoài việc thay đổi các cuộc bố trí từ sáng cho đến giờ phút này.

Tìm kiếm Đại Tá An Ninh, người mà đã lãnh nhiệm vụ phân phối phóng đồ và lệnh hành quân mật đến các Đơn Vị, thì mới vỡ lẽ ra vị Sĩ Quan này đã đưa vợ con tìm đường tẩu thoát sau khi ném tất cả vào tay Đại Úy dưới quyền. Ông này cũng đã cuốn gói trốn theo ông Đại Tá đàn anh, cho có thầy có trò. Các phóng đồ và lệnh hành quân mật cũng đã biến mất. Thiếu Tướng Nam và Hưng tức uất không sao tả nổi. Tôi không ngăn nổi tiếng nấc nghẹn ngào khi hồi tưởng lại về bối rối của Thiếu Tướng và sự đau khổ thất vọng của Hưng. Những đường gân trán nổi vòng lên, răng cắn chặt, biểu lộ sự đau đớn và chịu đựng kinh hồn. Người đập tay đánh âm xuống bàn khi thấy kế hoạch sắp xếp thật tinh vi bị kẻ phản bội hèn nhát làm gãy đổ bất ngờ. Hưng ngược mắt nhìn tôi như muốn hỏi:

- Có đồng ý đem con đi lãnh nạn không?

Tôi cương quyết từ chối. Tôi không cầu an ích kỷ, tìm sống riêng, bỏ mặc người trong cảnh dầu sôi lửa đỏ. Tôi nhất định ở lại, cùng chịu hoạn nạn, cùng liều chết. Hưng hỏi tôi:

- Thành công là điều chúng ta mong ước, nhưng rủi thất bại, em định liệu lẽ nào?

Tôi đáp:

- Thì cùng chết! Các con cũng sẽ thế. Em không muốn một ai trong chúng ta lọt vào tay cộng sản.

Và để khỏi phải sa vào tay giặc cộng, tôi bình tĩnh thu xếp cho cái chết sắp tới cho mẹ con tôi, đường giải thoát cuối cùng của chúng tôi. Bốn giờ 45 chiều ngày 30.4.1975, Tướng Hưng rời bỏ văn phòng ở Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV về Bộ Chỉ Huy Phụ, nơi chúng tôi tạm trú. Hưng không muốn chứng kiến cảnh bàn giao ô nhục sắp tới giữa Thiếu Tướng Nam và tên thiếu tá việt cộng Hoàng Văn Thạch. Năm giờ rưỡi chiều ngày 30.4 khi Hoàng Văn Thạch tiến vào Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn là lúc Hưng gọi máy liên lạc với Tướng Mạch Văn Trường, ra lệnh đưa hai Chi Đội Thiết Giáp tới án ngữ ở Dinh Tỉnh Trưởng để bảo vệ Bộ Chỉ Huy Sư Đoàn 21 mới về đóng nơi đây. Sau đó Hưng tiếp tục liên lạc với các Đơn Vị đang tiếp tục chạm súng ở các Tiểu Khu. Đồng thời Hưng mời Tướng Mạch Văn Trường cùng các Đơn Vị Trưởng ở chung quanh vòng đai Thị Xã Cần Thơ về họp.

Sáu giờ 30 chiều ngày 30.4 khi các Sĩ Quan vừa ra đến cổng, có một Toán Thân Hào Nhân Sĩ quen biết tại Cần Thơ đang chực sẵn. Họ gồm khoảng 10 người. Họ xin gặp Tướng Hưng, với tư cách Đại diện dân chúng Thị Xã, yêu cầu:

- Chúng tôi biết Chuẩn Tướng không bao giờ chịu khuất phục. Nhưng xin Chuẩn Tướng đừng phản công. Chỉ một tiếng lệnh của Chuẩn Tướng phản công, việt cộng sẽ pháo kích mạnh mẽ vào Thị Xã Cần Thơ sẽ nát tan thành bình địa như An Lộc. Dù sao, vận nước đã như thế này rồi, xin Chuẩn Tướng hãy vì dân chúng, bảo toàn mạng sống của dân, dẹp bỏ tánh khí khái, can trường...

Nghe họ nói, tôi cảm thấy đau lòng lẫn khó chịu. Tôi cũng không ngạc nhiên về lời yêu cầu đó. Bởi mới tuần lễ trước, việt cộng đã pháo kích nặng nề vào Khu Cầu Đồi, cách Bộ Tư Lệnh không xa, gây thiệt hại cao về nhân mạng và tài sản của đồng bào. Dân chúng Cần Thơ còn khiếp đảm. Hưng như đứng chết lặng trước lời yêu cầu ấy. Một lát sau, Hưng cố giọng nở nụ cười trả lời:

- Xin các ông yên lòng. Tôi sẽ cố gắng hết sức để tránh gây thiệt hại cho dân chúng.

Toán người ấy ra về. Hưng quay sang hỏi tôi:

- Em còn nhớ tấm gương Cụ Phan thanh Giản? Bị mất ba Tỉnh Miền Đông, rồi cũng vì dân chúng mà Cụ Phan đã nhún mình nhường thêm ba Tỉnh Miền Tây cho quân Pháp. Cụ Phan không nở thấy dân chúng điêu linh và cũng không để mất tiết tháo, không thể bó tay làm nhục Quốc sĩ Cụ Phan Thanh Giản đã nhin ăn rồi uống thuốc độc quyền sinh.

Trầm ngâm vài giây, Hưng tiếp:

- Thà chết chứ đâu thể bó tay trợ mắt nhìn việt cộng tràn vào.

Sáu giờ 45 chiều ngày 30.4.1975, Tướng Nam điện thoại cho Hưng, hỏi tình hình các nơi. Hưng báo với Tướng Nam về việc Đại diện dân chúng Thị Xã đến yêu cầu thả với Hưng. Hưng cũng cho Tướng Nam biết đặc lệnh truyền tin mới nhất sẽ giao cho người tín cẩn phân phối Tướng Nam cho Hưng hay là ông đã cho thu băng lời kêu gọi dân chúng và lời yêu cầu này sẽ do Đài Cần Thơ phát thanh. Nhưng mưu sự tại Nhân, thành sự tại Thiên. Thêm một lần nữa, sự gây đổ đau lòng. Đài Cần Thơ bị nội ứng trước đó, khoảng 1 giờ, viên Giám Đốc Đài bị uy hiếp, thay vì phát thanh cuốn băng của Thiếu Tướng Nam trước, chúng thay cuốn băng có lời kêu gọi của Thiếu Tá cộng sản Hoàng văn Thạch. Khoảng mười phút sau, Đài mới phát thanh cuốn băng của Tướng Nam. Muộn màng rồi. Không còn níu kéo được sự tin tưởng nơi dân chúng và Binh Sĩ được nữa. Hàng ngũ các Đơn Vị đã thưa thớt lại càng thêm thưa thớt.

Bây giờ 7 giờ 30 tối ngày 30.4.1975, Hưng gọi tôi lên văn phòng làm việc. Đây là giờ phút nghiêm trọng nhất, không có ai hiện diện hết. Sau khi kể cho tôi nghe hết sự đổ vỡ từ trưa đến giờ phút đó, Hưng nhấn mạnh:

- Hoàng, em đã hiểu sự thất bại do các nguyên nhân sau đây: Vị Đại Tá không tuân lệnh, nên giờ chót không điều động quân về các vị trí chiến lược, trù liệu theo kế hoạch. Việc níu kéo sự tin tưởng của dân chúng và Binh Sĩ không thành. Lời kêu gọi trống rỗng của Tướng Nam không có tiếng vang. Cũng như lời yêu cầu của dân chúng Thị Xã Cần Thơ.

Quắc đôi mắt sáng, Hưng nhìn tôi dần giọng:

- Em phải sống ở lại nuôi con.

Tôi hoảng hốt:

- Kia mình, sao mình đổi ý?

- Con chúng ta vô tội, anh không nở giết con.

- Nhưng không thể để con sống với cộng sản. Em sẽ thay mình làm chuyện đó. Chỉ cần chích thuốc ngủ cực mạnh cho con. Chờ em một chút, chúng ta cùng chết một lúc.

- Không thể được. Cha mẹ không thể giết con. Anh van mình! Chịu nhục, cố sống ở lại thay anh, nuôi con trở thành người công chính. Phú quý vinh hoa địa vị hãy để phòng, những thứ đó dễ làm mờ ám lương tri. Nhớ! Giang San Tổ Quốc là trọng đại hơn hết. Gắng chịu cúi lòn, nhục nhã để nuôi con và cũng nuôi luôn ý chí để có ngày còn phục hận cho Đất Nước chúng ta.

- Nếu vì con, mình thương con, sao mình không đi ngoại quốc?

Hưng đanh mặt lại, nghiêm khắc nhìn tôi trách móc:

- Em là vợ anh. Em có thể nói được câu ấy sao?

Biết mình vụng về, lời lẽ xúc phạm đến người, tôi vội vàng tạ lỗi:

- Xin mình tha thứ, chẳng qua vì quá thương mình nên em mới nói thế.

Giọng Hưng thật nghiêm trang mà cũng thật trầm tĩnh:

- Nghe anh nói đây. Người ta trốn chạy được. Chớ anh không bao giờ trốn chạy. Mấy ngàn Binh Sĩ dưới tay, hồi nào sinh tử có nhau, giờ bỏ mặc họ. tìm sống cho riêng mình sao? Anh cũng không đầu hàng. Bây giờ thì rút cũng không kịp nữa, vì vào mật khu mà không có nguồn tiếp liệu vũ khí đạn dược, lương thực thì không cầm cự được lâu. Đã muộn rồi, việt cộng đang kéo vào đưng để anh không dẫn được nổ súng vào đầu chúng, thì gây thiệt hại cho dân chúng và anh em Binh Sĩ. Anh không muốn thấy bóng dáng một tên việt cộng nào.

Tôi phát run lên hỏi:

- Nhưng mình ơi! Còn em? Em phải làm gì trong lúc này?

Nắm chặt tay tôi, Hưng nói:

- Vợ chồng tình nghĩa bao nhiêu lâu, anh hiểu em và em hiểu anh. Em chỉ là con cá nhỏ nhưng biết mang ý chí kinh ngư. Gắng chịu nhục. Dù phải chịu trăm ngàn sự nhục nhã để nuôi con, để phục hận cho Quê Hương. Cải trang, cải dạng, len lỏi mà sống. Anh tin em, vì anh, vì con, vì nợ nước tình nhà, em có thể chịu đựng nổi! Nghe lời anh đi. Anh van mình, anh van mình.

Tôi không sao từ chối được trước ánh mắt van nài, trước những lời tha thiết ấy:

- Vâng, em xin nghe lời mình.

Hưng sợ tôi đổi ý, tiếp lời thúc giục:

- Em hứa với anh đi, hứa một lời đi.

- Em xin hứa. Em xin hứa mình ơi! Nhưng xin cho em hai điều kiện. Nếu cộng sản bắt em phải sống xa con, nếu giặc cộng làm nhục em, lúc ấy em có quyền tự sát theo mình chứ ?

Hưng suy nghĩ giây lâu, gật đầu đồng ý và ra lệnh cho tôi:

- Em mời Má và đem các con lên lầu gặp anh.

Tôi quay đi. Ánh mắt bỗng chột đập vào lá cờ vẫn dựng ở góc phòng. Tôi vội vàng đem cờ đến bên người. Tôi nói:

- Bao nhiêu năm chiến đấu để bảo vệ Tổ Quốc. Bây giờ mình hãy giữ nó. Chúng tôi nhìn nhau cảm thông. Hưng ôm lá cờ, áp vào mặt, đôi mắt Hưng chột ướt. Sau cùng Hưng cũng ráng đứng lên hỏi tôi:

- Mau mời má và đưa mấy đứa nhỏ lên.

Khi mẹ tôi và các con lên văn phòng, Hưng nói rõ cho mẹ tôi hiểu vì sao người phải chết và tôi phải sống.

Vâng lệnh Hưng, tôi mời tất cả Sĩ Quan Binh Sĩ còn tụ họp dưới nhà lên văn phòng. Mọi người đứng xếp hàng nghiêm trang và vô cùng cảm động. Giờ phút từ biệt sanh ly giữa những người từng bao ngày sống chết bên nhau. Hưng đồng dục nói:

- Tôi không bỏ các anh và đưa vợ con trốn sang ngoại quốc. Như các anh đã biết, cuộc hành quân chưa chi đã bị gãy đổ nửa chừng. Tôi không phản công vào phút chót là vì dân chúng. Tôi không muốn việt cộng pháo kích bữa bãi, biến Cần Thơ thành An Lộc thứ hai. Tôi cũng không chịu nhục đầu hàng. Các anh đã từng cộng tác với tôi, nhưng lúc các anh làm lỗi, tôi rầy la. Rầy la không có nghĩa là ghét bỏ. Rầy la để mén thương nhau, để xây dựng nhau. Mặc dầu Đất Nước ta bị bán đứng, bị dâng cho cộng sản, nhưng các anh không trực tiếp chịu tội với Quốc dân. Chính những người trực tiếp nắm vận mệnh các anh, mới chính là những kẻ trọng tội các anh tha thứ cho tôi những lỗi lầm nếu có. Tôi bằng lòng chọn cái chết. Tướng mà không giữ được Nước, không bảo vệ được Thành, thì phải chết theo Thành, theo Nước, chớ không thể bỏ dân, bỏ Nước trốn chạy cầu an. Tôi chết rồi, các anh hãy về với gia đình, vợ con. Nhớ rõ lời tôi dặn:

- Đùng bao giờ để bị cộng sản tập trung các anh, dù tập trung dưới bất cứ hình thức nào. Tôi có lời chào vĩnh biệt các anh.

Tướng Hưng đưa tay chào và bắt tay từng người một. Mọi người đều khóc. Đến bên Thiếu Tá Phương, Trung Úy Nghĩa, Hưng gởi gắm:

Xin giúp đỡ giùm vợ con tôi. Vĩnh biệt tất cả.

Mọi người đều đứng yên không ai nói lên được lời nào. Mẹ tôi nhào lại ôm chầm lấy người, xin được chết theo. Hưng an ủi mẹ tôi. Yêu cầu mẹ tôi cố gắng chăm lo cho cháu ngoại. Hưng ra lệnh cho tất cả mọi người phải ra ngoài.

Không ai chịu đi Hưng phải xô từng người ra cửa. Tôi van xin:

- Mình cho em ở lại chứng kiến mình chết.

Người từ chối. Nghĩa hoảng sợ bỏ chạy. Hưng quay vào văn phòng đóng chặt cửa lại. Tôi gọi giật Nghĩa:

- Nghĩa trở lại với tôi.

Tôi bảo Giêng tìm dao nạy cửa. Giêng bỏ chạy như bay. Nghĩa trở lên, đứng trước cửa chờ đợi. Có tiếng súng nổ. Tiếng nổ nghe chát chúa. Tôi đưa tay xem đồng hồ 8 giờ 45 phút tối ngày 30.4.1975. Ngày kết liễu cuộc đời của chúng tôi. Lê Văn Hưng, anh đã chết. Giêng run run lấy dao nạy cửa. Cửa bật ra. Nghĩa lách mình nhường tôi chạy vào phòng trước. Hưng ngã người nằm trên, nửa người nằm dưới, hai cánh tay dang ra, cong lên và giật mạnh, toàn thân run rẩy từng cơn. Đôi mắt Hưng mở to căm hờn. Miệng Hưng há ra, đôi môi mấp máy. Tôi ôm chầm lấy Hưng hỏi:

- Mình, mình ơi! Mình còn lời gì dặn dò em nữa không?

Hưng không trả lời được tiếng nào. Nghĩa gào lên nức nở:

- Thiếu Tướng! Trời ơi, Thiếu Tướng!

Giêng chạy vào phụ Nghĩa đỡ lưng và chân, tôi đỡ đầu Hưng, đặt nằm ngay ngắn trên giường. Máu tim nhuộm thấm áo trận, ướt đẫm cả tấm drap trắng. Tôi đưa tay vuốt mắt cho người. Nghĩa vẫn gào khóc:

- Thiếu Tướng! Thiếu Tướng ơi!

Tôi bảo Giêng:

- Nói Hòa đưa Hải, Hà, Quốc lên nhìn xác ba lần cuối. Dặn Phương cho Khiết, Hoàng giữ cầu thang, bất cứ giá nào cũng phải ngăn chặn việt cộng. Tôi đi tìm đầu đạn và đuôi đạn. Còn khẩu súng, lạ lùng thay không biết khẩu súng ở đâu. Đến lúc tắm rửa người, thay drap dấy máu, tôi mới hiểu. Trước khi hồn lìa xác, với ý chí cuối cùng, người còn bình tĩnh nhét khẩu súng, giấu dưới nệm. Có lẽ người sợ tôi quá xúc động, quên lời hứa, tự sát theo. Bé Hải lúc ấy 5 tuổi, ôm hai chân ba khóc than, kể lễ thảm thiết. Bé Hà 2 tuổi, thơ ngây ôm chai sữa, lên nằm trên bụng ba, bé mở tròn đôi mắt to, ngạc nhiên không thấy ba đưa tay bế bé như mọi khi.

Nghĩa điện thoại khắp nơi tìm Thiếu Tướng Nam, không thấy trả lời. Tôi vội vã mở đặc lệnh truyền tin, lên máy gọi liên lạc với Thiếu Tướng. Lúc ra máy, chỉnh tần số, tôi chỉ nghe những giọng nói rặc mùi cộng sản trên các tầng số thuộc Đơn Vị của Chúng ta. Lũ việt cộng ngày 30.4 tràn vào nhà. Phương cương quyết chặn chúng ở cầu thang. Chín giờ rưỡi, 30.4 chuông điện thoại reo vang:

- Alô, Alô, ai đây?

- Dạ thưa chị đó à? Hồ Ngọc Cẩn đây.

Tôi bàng hoàng:

- Anh Cẩn! Có chuyện chi cần không?

Tôi cố gắng giữ giọng nói bình thường, để Cẩn không nhận biết sự việc xảy ra. Trong điện thoại về phía Cẩn, tôi có nghe tiếng sủng lớn nhỏ thi nhau nổ ầm ầm. Cẩn hỏi:

- Thiếu Tướng đâu chị? Cho tôi gặp ông một chút.

Tôi lúng túng vài giây:

- Ông đang điều động quân ngoài kia.

- Chị chạy ra trình Thiếu Tướng tôi cần gặp. Trung Úy Nghĩa đâu chị?

- Nghĩa đang ở bên cạnh Thiếu Tướng. Cẩn chờ một chút nhé.

Tôi áp chặt ống điện thoại vào ngực. Mím môi, nhìn xác Hưng rồi nhìn sang Nghĩa tôi hỏi:

- Đại Tá Cẩn đòi gặp Thiếu Tướng, làm sao bây giờ Nghĩa?

Nghĩa lúng túng:

- Cô nói Thiếu Tướng chết rồi

- Không thể nói như vậy được. Đại Tá Cẩn đang cự chiến với việt cộng.

Trí óc tôi chợt lóe sáng phi thường. Tôi muốn Cẩn chiến đấu anh hùng. Sống anh hùng, Chết anh hùng. Tôi đưa máy lên giọng quyết liệt:

- Thiếu Tướng không thể vào được. Cẩn cần gì cứ nói. Tình hình ở Chương Thiện ra sao? Anh còn đủ sức chiến đấu không? Tinh thần Binh Sĩ thế nào? Địch ra sao?

-Tụi nó dần tui tui quá. Tinh thần anh em vẫn cao. Chị hỏi Thiếu Tướng còn giữ y lệnh không?

- Cẩn vui lòng chờ chút.

Tôi lại áp ống điện thoại vào ngực. Cẩn chặt môi suy nghĩ. Tôi hiểu lời Cẩn hỏi. Trong tích tắc tôi biết khó cứu vãn tình thế. Nhưng tôi muốn Hồ Ngọc Cẩn phải luôn hiên ngang hào hùng. Tôi quyết định:

- Alô, Cẩn nghe đây: Lệnh Thiếu Tướng. Ông hỏi Cẩn có sẵn sàng tử chiến?

Cẩn đáp thật nhanh:

- Lúc nào cũng sẵn sàng, chớ chị.

- Tốt lắm, vậy thì y lệnh.

- Dạ, cảm ơn chị

Tôi buông máy gục xuống bên xác Hưng. Nước mắt trào ra, tôi kêu nho nhỏ:

- Vĩnh biệt Cẩn. Vĩnh biệt Cẩn.

Anh Cẩn ơi! Hồn anh có phản phát đâu đây, khi tôi ngồi viết lại những dòng này, nước mắt rơi trên giấy. Anh có biết cho rằng trả lời điện thoại với anh rồi, tôi đau khổ tột cùng không? Tha thứ cho tôi! Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, anh đã hiên ngang hào hùng đến giờ phút chót của cuộc đời. Hiểu rõ tôi, bên kia Thế Giới không thù hận, chắc anh hiểu rõ tâm trạng của tôi lúc bấy giờ, hẳn anh tha thứ cho tôi?

Kính thưa toàn thể Quý Vị thuộc thân bằng quyến thuộc của Đại Tá Cẩn. Kính thưa Quý Vị đã đọc những giòng chữ này. Xin Quý Vị chớ trách tôi sao dám quyết định. Ngộ biến tòng quyền. Tướng Hưng đã chết. Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam

chưa liên lạc được. Vợ người Lính Nghĩa Quân Trưởng Đồn, khi việt cộng tấn công, chồng chị bị tử thương, chị đã thay chồng phản công ác liệt. Tôi không thể để một người như Hồ Ngọc Cẩn đưa tay đầu hàng, hạ mình trước việt cộng vào Dinh Tỉnh Trưởng Chương Thiện.

Mười một giờ đêm ngày 30.4.1975, điện thoại lại reo. Lần này, chính giọng của Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam:

-Alô, chị Hưng!

Tôi vừa khóc, vừa đáp lời Thiếu Tướng:

- Thưa Thiếu Tướng...

Giọng Tướng Nam buồn bã u uất:

- Tôi biết rồi, chị Hưng. Tôi chia buồn với chị, nghe chị Hưng.

Tôi vẫn nức nở:

- Thiếu Tướng nghĩ sao về kế hoạch đã gây đổ?

- Hưng đã nói với chị nghe hết rồi hả? Đành vậy thôi, không phải lỗi chúng ta hèn nhát hay bỏ cuộc. Sự sụp đổ không cứu vãn được vì lệnh hành quân không được Đại Tá... thi hành, phóng đổ và lệnh không tới tay các Đơn Vị Trưởng, lời yêu cầu của dân chúng, lời kêu gọi của tôi quá muộn màng, không hiệu quả, khó cứu vãn nổi tình hình.

Nói đến đây, Thiếu Tướng Nam hỏi tôi:

- Chị biết Đài phát thanh bị nội ứng chứ?

- Thưa biết. Hưng cũng bảo tôi như Thiếu Tướng đã bảo vậy. Bây giờ Thiếu Tướng định liệu lẽ nào, có định phản công không?

- Chị quên còn dân chúng sao? cộng sản coi rẻ mạng dân, còn mình thì... Đàng chị thế nào?

- Thưa Thiếu Tướng, chúng nó đã tràn đầy dưới nhà. Có vài tên định nhào lên, nhưng bị Giêng cương quyết đuổi xuống. Hiện chúng đang thu dọn tài sản.

- Còn mấy chú đầu hết?

- Chỉ có Nghĩa và vài ba người Lính ở lại. Còn tất cả đã bỏ đi hết. Hưng đã chết rồi, tôi không màng đến tài sản. Miễn là chúng đừng đụng đến xác Hưng.

- Chị tắm liệm Hưng chưa?

- Thưa chưa, vừa tắm rửa, thay quần áo xong thì Thiếu Tướng gọi tới.

- Chị nên tắm liệm Hưng ngay đi. Tôi sợ không còn kịp. Chúng nó không để yên.

- Thiếu Tướng còn dạy thêm điều gì không? Chẳng lẽ Thiếu Tướng chịu đầu hàng thật sao?

Người thở dài trong máy. Người nói những lời mà đến chết tôi cũng sẽ không quên:

- Số phận Việt Nam khôn nạn thế đó, chị Hưng ơi! Tôi và Hưng đã sắp đặt tỉ mỉ, hoàn tất kế hoạch xong xuôi, còn bị phản bội giờ chót.

Người chép miệng thở dài:

-Thôi chị Hưng ơi!

Bỗng giọng người trầm xuống ngậm ngùi:

- Hưng chết rồi, chắc tôi cũng chết! Chúng tôi làm Tướng mà không giữ được nước thì phải chết theo nước.

Giọng người bình tĩnh và rắn rỏi:

- Cố gắng can đảm lên nhé chị Hưng. Chị phải sống vì mấy đứa nhỏ. Đêm nay có gì nguy cấp, nhớ gọi tôi. Nếu gọi không được, dặn Nghĩa gọi Thụy, lấy mặt mã mới.

- Dạ, cảm ơn Thiếu Tướng.

Nói chuyện với Thiếu Tướng xong, tôi bước ra lan can nhìn xuống, ở dưới sân, Sĩ Quan và Lính tráng đã đi hết. Trừ có Nghĩa ở lại. Cổng ra vào bỏ ngõ. Gió thổi đong đưa cánh cửa rít lên những tiếng kéo kẹt bi ai. Mảnh trăng cuối tuần 19.3. Âm lịch chênh chéch soi, về âm đạm thê lương như xót thương cho số phận Việt Nam Cộng Hòa, cho trò đời bể dâu hưng phế. Viết đến đây, tôi nhớ lại từng lời của Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam, của Đại Tá Tỉnh Trưởng Tỉnh Chương Thiện Hồ Ngọc Cẩn. Trọn đời tôi, làm sao tôi có thể quên giọng nói gấp rút của anh Cẩn, giọng trầm buồn của Tướng Nam.

Bây giờ sáng ngày 1.5.1975. Vừa tụng dứt đoạn Kinh Sám Tỉnh Thế trong nghi thức cầu siêu cho Hưng, tôi nghe có tiếng nấc sau lưng. Quay lại, chính là Trung Tá Tùng Bác Sĩ Trưởng Quân Y Viện Phan Thanh Giản, Cần Thơ. Ông đến thăm Hưng lần cuối. Ông cho biết phải trở lại Quân Y Viện ngay vì Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam đã tự sát, xác còn nằm tại Quân Y Viện. Tướng Nam đã bắn vào thái dương, lúc 6 giờ sáng ngày 1.5.1975. Cho đến chết, mắt Tướng Nam vẫn mở trừng trừng, uất hận, miệng người há hốc, đờn đờ. Sau cuộc điện đàm với người, tôi đã linh cảm, biết trước chuyện gì đã xảy ra. Nhưng khi nghe Bác sĩ Tùng báo tin, tôi xúc động vô cùng, tôi quỳ xuống, hướng về Quân Y Viện, nơi Tướng Nam còn nằm đó, cầu nguyện: Xin Thiếu Tướng tha thứ. Tôi không dám bỏ xác Hưng để đến vuốt mắt Thiếu Tướng và lo việc tẩm liệm cho Thiếu Tướng. Bây giờ linh hồn của Thiếu Tướng đã gặp Hưng, xin linh thiêng phò hộ cho mẹ con tôi thoát khỏi tay cộng sản. Xin thương xót cho Quê Hương, cho Dân Tộc chúng ta. Xin thương xót cho toàn thể anh em Binh Sĩ.

Trung Úy Nghĩa thay tôi đến viếng xác người. Trung Úy Thành, vị ân nhân đặc biệt, đến với tôi trong giờ phút nguy nan đó. Thành đã mời được Trung Tá Bia đến tẩm liệm cho Hưng. Những vị ân nhân trong cơn biến loạn ấy, trọn đời tôi xin ghi khắc ơn sâu. Tám giờ sáng ngày 1.5.1975, các Sĩ Quan Quân Đoàn, mặc thường phục, đến viếng xác Hưng. Mâu nhiệm thay, khi gặp lại cộng sự viên cũ, trong thoáng chốc, mắt Hưng hé mở, nhìn lên và từ trong đôi mắt người chết, có hai giòng lệ chảy. Mắt người chợt đỏ bừng lên.

Người khóc cho Quê Hương Đất Nước bắt đầu đắm chìm trong điều linh. Người khóc cho đám tàn quân khốn khổ. Cho đến lúc chết, hai Tướng Nam và Hưng chỉ phân tách nguyên nhân thất bại, làm hỏng kế hoạch của hai người. Chớ không ai lên tiếng nặng lời trách móc vị Đại Tá kia. Xin Quý Vị hiểu rõ giùm tôi. Tôi tôn trọng danh dự của hai ông, vợ con, gia đình của hai ông. Trong hoàn cảnh căng thẳng của Đất Nước, khi lòng người mất niềm tin, hai ông cũng như nhiều người khác, thật sự đáng thương hơn đáng trách. Không hiểu hai ông có đi thoát, hay bị bắt ở lại.

Vận nước ngàn cân treo sợi tóc, một vài người dù đánh đổi cả vận mệnh cũng không nâng đỡ nổi Tòa Nhà Việt Nam đang sụp đổ tang thương. Nhưng, một ngày chúng ta còn mang trong người dòng máu của Dân Tộc Lạc Hồng, còn hít thở được khí trời, là một ngày chúng ta còn nợ nần Quê Hương. Đó là món nợ thiêng liêng và cao quý mà ngôn từ loài người chưa thể diễn tả được sát nghĩa và thật đúng ý. Sao chúng ta không noi gương oanh liệt của Tổ Tiên, của Cha Ông, nói tiếp ý chí bất khuất của Tiên Nhân, để rồi vô tình làm lợi cho bọn cướp nước cộng sản ?

Đọc những gì tôi kể ở đoạn trên, những vị từng hỏi hay mỉa mai tôi, đã hiểu tất cả sự thật vì sao Tướng Nam và Tướng Hưng đã phải tự sát để bảo tồn tiết tháo. Không ai đem thành bại luận anh hùng. Cũng chớ bao giờ lấy tâm địa tiểu nhân để đo lòng người quân tử. Chúng ta những người còn sống, những người Việt Nam ở trong nước hay lưu vong khắp bốn phương trời, chúng ta phải tự nêu lên câu hỏi:

Chúng ta đã làm được gì cho đừng hổ thẹn với những người đã nằm xuống? Họ đã nằm xuống không phải là họ hèn nhát! Họ đã nằm xuống là vì muốn bảo toàn sâu chữ mà họ từng mang trên đầu: Tổ Quốc, Danh Dự và Trách Nhiệm. Nếu chưa làm được gì cho Quê Hương, xin hãy thận trọng lời phê phán vô ý thức. Đừng vô tình thành tàn nhẫn sỉ nhục những người dám chết cho Tổ Quốc.

Phạm Thị Kim Hoàng



# CHUẨN TƯỚNG TRẦN VĂN HAI

Phạm Phong Dinh

Đất nước Việt Nam Cộng Hòa trong công cuộc chiến đấu anh dũng chống làn sóng đỏ xâm lược của khối cộng quốc tế, mà con tốt thí là lực lượng cộng sản Bắc Việt, đã hun đúc và sản sinh không biết bao nhiêu Anh Hùng và Thần Tướng, với tấm lòng son sắt tận tụy với nền Tự Do của Tổ Quốc và Hạnh Phúc của Dân Tộc. Những Người Anh Hùng đó cùng với Đạo quân thiện chiến dũng mãnh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã chiến đấu miệt mài hơn hai mươi năm cho đến những giây phút cuối cùng, ngăn chống những cơn bão lửa tàn khốc từ phương Bắc hung hãn tràn xuống ở thế hạ phong, trong nỗi cô đơn và ngoảnh mặt quay lưng của lương tâm nhân loại. Người Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa, không chiến đấu cho một lãnh tụ thần linh nào, hay cho một chủ nghĩa dã man rùng rú nào, hoặc một thứ nguy công lý nhân danh chiến tranh để tàn sát con người. Họ chỉ đơn thuần chiến đấu để tự vệ. Giặc đến thì đánh đuổi chúng nó đi. Giòng máu chống xâm lăng của Tiên Nhân, Ông cha qua bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước cuộn cuộn trong huyết quản của mỗi Chiến binh Việt Nam Cộng Hòa từ những đống đổ nát ngổn ngang của chiến tranh.

Đất nước Việt Nam Địa Linh, Anh Hùng Hào Kiệt đời nào cũng có, đã viết nên những trang sử chiến đấu chống xâm lược chói lọi nhất trong lịch sử nhân loại. Trong hơn hai mươi năm cuối cùng của dòng lịch sử công chính Việt Nam, trong những giai đoạn đen tối và ảm đạm nhất của Dân Tộc Việt Nam, đã sáng lên tên tuổi những vị Thần Tướng, Anh Hùng mà những tấm gương chiến đấu và Tử Tiết của những vị ấy đã được Dân Tộc nghiêng mình cúi chào, trân trọng vinh danh Anh Hùng Dân Tộc. Nói hai mươi năm cuối cùng của dòng lịch sử công chính Việt Nam, là vì sau ngày 30.4.1975 cho đến thời điểm hiện tại, Dân Tộc Việt Nam không còn được đọc những dòng sử phản ánh sự thật. Những người cộng sản Bắc Việt đã bóp méo vắn vẹo, bôi xóa và xuyên tạc các sự kiện lịch sử, viết thành những trang dối trá. Chỉ khi nào Toàn dân Việt Nam lật đổ được bọn nguy quyền Hà Nội, mới có thể xé nát hết những trang láo khoét ấy để trả lại cho Lịch Sử những trang chân chính.

Lịch sử chiến đấu của Quân dân Việt Nam Cộng Hòa và muôn đời sau sẽ ghi công Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cùng những vị Anh Hùng Dân Tộc đã hiến dâng xương máu cho nền Tự do của Tổ Quốc và cho Hạnh Phúc trường tồn của Dân Tộc. Xin được vinh danh các Anh Hùng Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Phạm Văn Phú, Lê Nguyên Vỹ, Trần Văn Hai, Hồ Ngọc Cảnh và tất cả những Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa Vị Quốc Vong Thân.

Chuẩn Tướng Trần Văn Hai sinh năm 1926, nguyên quán Cần Thơ, tuổi Bính Dần. Khi đến tuổi nhập ngũ, ông đã tình nguyện đăng vào học Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, Khóa 7. Tốt nghiệp với cấp bậc Thiếu Úy, vị Sĩ Quan trẻ 26 tuổi trong năm 1952 đã lần nữa tình nguyện ra chiến đấu ngoài chiến trường miền Bắc. Thiếu Úy Trần Văn Hai được điều động ra phục vụ trong Tiểu Đoàn 4 Việt Nam, lúc đó do Thiếu Tá Đặng Văn Sơn làm Tiểu Đoàn Trưởng. Khi được vinh thăng, Đại Tá Đặng Văn Sơn được bổ nhiệm làm Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh, rồi sau đó Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân. Thiếu Úy Trần Văn Hai chỉ chiến đấu vồn vện ngoài Bắc có hai năm, năm 1954 Hiệp Định Đình Chiến Genève được ký kết, Đất Nước chia đôi, các Lực Lượng thuộc Quân Đội Quốc Gia Việt Nam rút về phía Nam vĩ tuyến 17 và làm nỗ lực chính chống đỡ cho nước Việt Nam Cộng Hòa non trẻ, dưới quyền lãnh đạo của Quốc Trưởng Bảo Đại và Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Trong thời gian phôi thai này, Trung Úy tân thăng Trần Văn Hai được điều lên Quân Khu IV Cao Nguyên.

Khi Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Quốc Gia sơ khai được thành lập trong tháng 5.1952, thì tiếp theo trong tháng 7.1952, toàn cõi Việt Nam đã được phân chia thành 4 Quân Khu như sau:

Quân Khu I : Lãnh thổ bao gồm miền Nam.

Quân Khu II: Lãnh thổ bao gồm miền Trung.

Quân Khu III: Lãnh thổ bao gồm miền Bắc.

Quân Khu IV: Lãnh thổ bao gồm các Tỉnh Cao Nguyên miền Trung.

Sau khi Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa rút về miền Nam, thì Việt Nam Cộng Hòa giữ lại danh xưng Ba Quân Đoàn I, II, IV và ấn định lãnh thổ Quân Khu (military region) như sau:

Quân Khu I: Bao gồm 6 Yếu Khu (sub-region): Cần Thơ, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Mỹ Tho, Miền Đông (gồm Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Bà Rịa) và Sài Gòn, Chợ Lớn. Mỗi Yếu Khu được phân chia thành nhiều Tiểu Khu (sector). Ngoài ra trong lãnh thổ Quân Khu □ còn có hai Tiểu Khu độc lập là Phú Quốc và Côn Sơn.

Quân Khu II: Bao gồm hai Yếu Khu: Huế (gồm Quảng Trị Thừa Thiên) Đà Nẵng (gồm Quảng Nam và Quảng Ngãi).

Quân Khu IV: Bao gồm hai Yếu Khu: Yếu Khu Cao Nguyên (gồm Kontum, Pleiku, Ban Mê Thuột và Đồng Nai Thượng), Yếu Khu Duyên Hải (gồm Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận).

Về trình diện Quân Khu IV, Trung Úy Hai có dịp công tác chung với Đại Úy Đặng Hữu Hồng, một Chuyên Viên Tình Báo cũng vừa mới được bổ nhiệm lên Cao Nguyên giữ Chức Trưởng Phòng 2, Quân Khu IV. Đại Úy Hồng nhận xét thấy vị Trung Úy trẻ rất tích cực trong nhiệm vụ được giao phó và có nhiều khả năng về tình báo nên đã đề nghị xin cho rút ông về làm việc trong Ban Binh Địa thuộc Phòng 2, Quân Khu IV. Điều đó chứng minh về sau, Đại Tá Hai đã được Cụ Trần Văn Hương, lúc ấy đang làm Thủ Tướng, tín nhiệm đề cử lên Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu về làm Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia sau Tết Mậu Thân 1968. Một thời gian sau, sự làm việc khẩn cần cùng khả năng Chỉ Huy của Trung Úy Hai đã chứng minh là ông xứng đáng được vinh thăng Đại Úy và được điều về làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 81 Địa Phương Quân (Bảo An) đồn trú tại Phan Thiết. Tuy nhiên con đường thăng tiến binh nghiệp của ông đã bị giạt lùi trong thời gian này, khi Đại Úy Hai được tuyên chuyển về làm Đại Đội Trưởng Đại Đội Chỉ Huy và Công Vụ của Trung Đoàn 44 thuộc Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Nhưng tưởng số mệnh đã để cho Đại Úy Hai chìm vào quên lãng với những công việc hành chánh và hậu cứ nhàm chán không xứng với tầm vóc và tài năng, thì người lại nhận được giấy cho đi học Khóa Chỉ Huy và Tham Mưu Cao Cấp tại Hoa Kỳ trong năm 1961. Khi tốt nghiệp trở về, Đại Úy Hai nhận được lệnh về trình diện Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ thuộc Tỉnh Khánh Hòa. Cuộc đời binh nghiệp của người từ đây gắn bó với Binh Chủng trẻ trung Mũ Nâu vừa mới được thành lập và có nhiều hứa hẹn. Định mệnh đã chỉ định một vị Tướng tài của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa về phụ giúp phát triển Trung Tâm Huấn Luyện này thành một trong những Trung Tâm mà đã cống hiến cho Quân Đội những Sĩ Quan và Chiến Sĩ ưu tú nhất. Bởi vì Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân không những huấn luyện cho Chiến Binh Mũ Nâu không thôi, mà còn nhận huấn luyện cho các Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt cùng các Đơn vị khác gửi người về học Khóa Rừng Núi Sinh Lầy và Viễn Thám. Tất cả những thành tựu đó đều có sự đóng góp rất lớn của Đại Úy Trần Văn Hai.

Lịch sử thành lập Binh Chủng Mũ Nâu và Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân gắn liền với tên tuổi của Đại Úy Trần Văn Hai. Ông là một trong những vị Sĩ Quan có nhiều đóng góp lớn lao trong tiến trình thành lập Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân vào ngày 1.8.1961. Chính Đại Úy Hai đã nghiền ngẫm, sáng tạo, đề

ngộ lên Chỉ Huy Trường và được chấp thuận cho ông được phụ trách lớp Hành Quân Biệt Động Rừng Núi Sinh Lầy. Chính khóa học độc đáo này đã cung hiến cho Đất Nước không biết bao nhiêu là Chiến binh thiện chiến và Sĩ Quan Chỉ Huy tài năng trên chiến trường, đóng góp những chiến thắng lừng lẫy trong Quân Sử Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Một mai đây, khi bình minh trở lại với Dân Tộc Việt Nam đau khổ, Trung Tâm Dục Mỹ có được tái lập, chắc chắn bức tượng đồng đen vinh danh cố Chuẩn Tướng Trần Văn Hai sẽ được trang trọng đặt ở nơi cao quý, nhắc nhở những Chiến binh Việt Nam Đệ Tam Cộng Hòa. Rằng vị cha đẻ Khóa Rừng Núi Sinh Lầy có khuôn mặt nghiêm trang từ ái và đôi mắt trầm buồn đó sẽ vui sướng biết ngần nào khi được nhìn thấy thế hệ tuổi trẻ Việt Nam mới tiến lên khôi phục lại hào khí Biệt Động Quân của một thời chiến đấu bảo vệ Đất Nước.

Đại Úy Trần Văn Hai không những cống hiến trí não xuất chúng của người cho Trung Tâm Dục Mỹ, mà người còn tận tụy đóng góp sức lực lao động cho bộ mặt của Trung Tâm. Lúc ấy Trung Tâm còn trong thời kỳ phôi thai, Cơ Sở Trường Ốc, Đường Sá Bãi Tập ngổn ngang trăm mối. Đại Úy Hai đã góp công lớn lao dựng nên khuôn mặt khang trang của Trung Tâm. Không biết bao nhiêu là mồ hôi và tâm sức của người đã đổ vào công việc xây dựng Trung Tâm Huấn Luyện lừng danh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Tất cả cho một Quân Đội hùng mạnh, một Binh Chủng lừng lẫy. Tất cả cho Tổ Quốc và chiến thắng. Người làm việc cật lực ngày đêm, trên những bãi đất ngổn ngang cây gỗ, tôn thiếc, trong tiếng âm ì của những chiếc xe ủi đất, mà trên đó Đại Úy Hai mặc độc một chiếc áo thun Quân Đội màu ô liu, lúc nào cũng dẫm ướt mồ hôi. Giữa cái nắng cháy da và gió rát của vùng rừng đang khai phá, giữa những đám bụi mù bốc cuộn cuộn trên những nẻo đường ngang lối dọc trần trụi đất đá. Đại Úy Hai làm việc hùng hục đến nỗi cả những người Cố vấn Hoa Kỳ phụ giúp xây dựng Trung Tâm cũng phải chào thua và tặng cho ông mỹ danh "Hai Highway" để tỏ lòng kính phục tấm lòng tận tụy và khả năng hiếm có của người. Mặc dù chỉ với những phương tiện kém cỏi và thô sơ chỉ trong một thời gian kỷ lục, Đại Úy Hai đã cùng với Chiến Sĩ Công Binh Việt Nam Cộng Hòa xây dựng lên được một Trung Tâm Huấn Luyện khang trang hoàn hảo, xứng đáng với tầm vóc Quốc Gia và cả Vùng Đông Nam Á. Khó có thể tưởng tượng được một vị Đại Úy mà trong thời điểm đó có thể đã giữ những chức vụ khá cao như Tiểu Đoàn Trưởng, Trung Đoàn Trưởng, Quận Trưởng, thậm chí Tỉnh Trưởng, mà lại có một tác phong bình dị của người Chiến binh như bất cứ một người Chiến binh bình thường nào khác. Cái đức tính cao quý đó luôn được Chuẩn Tướng Hai bộc lộ trong suốt cuộc Đời Binh Nghiệp của ông.

Trung Tâm Huấn Luyện đã được hoàn thành, giờ đây Đại Úy Hai có thể an tâm theo các Toán Huấn luyện viên và Khóa sinh Rừng Núi Sinh Lầy ra tận các bãi tập, cùng ăn cùng ngủ cùng chịu gian khổ trên những cánh đồng lầy hay trong những Khu rừng Trường Sơn âm u. Không thể nào có thể diễn tả hết được những nỗi cực nhọc thân xác của những người Chiến binh trải qua 42 ngày Rừng Núi Sinh Lầy, nhưng đồng thời cũng là niềm tự hào lớn. Phải là một con người thép, có ý chí thép mới có thể làm được nhiều chuyện lớn lao cho Đất Nước như vậy. Cái cá tính cao cả của Chuẩn Tướng Hai là một khi nhận nhiệm vụ nào, dù có khó khăn gian khổ đến mấy, người cũng quyết tâm hoàn thành cho đến thật hoàn hảo mới thôi. Vẫn thấy còn thiếu kém nhiều mặt, trên tay Đại Úy Hai lúc nào Đồng Đội và Khóa Sinh cũng thấy có nhiều loại sách tự học khác nhau. Người tâm sự với các Chiến Hữu và thuộc cấp: "Con đường binh nghiệp của chúng ta hãy còn dài, cấp bậc chúng ta hiện giữ tuy còn nhỏ, nhưng lần lần sẽ được nâng cao hơn. Nếu bây giờ chúng ta tự mãn với hiện tại, không biết cầu tiến, không lo học hỏi trao dồi thêm sinh ngữ, đọc nhiều

binh thư binh thuyết một mai cấp trên giao vào tay ta cả Đại Đơn vị, thì làm sao chu toàn được nhiệm vụ”.

Tài năng của Đại Úy Hai đã được xác định bằng chiếc lon Thiếu Tá và ông được bổ nhiệm làm Tỉnh Trưởng Tỉnh Phú Yên. Sự có mặt của Thiếu Tá Hai tại vùng đất tương đối màu mỡ nhất của Vùng cực Bắc Vùng II Chiến Thuật đã đem lại bầu sinh khí mới và niềm tin tưởng vào chế độ Cộng Hòa của người dân. Các vị Chỉ Huy Quân sự, các Viên Chức Hành Chánh và Dân chúng trong Tỉnh khó có thể nào quên được hình ảnh vị Tỉnh Trưởng năng nổ và tận tụy với mọi công tác nâng cao đời sống dân chúng, dồn mỗi nỗ lực bình định, bảo đảm giao thông trên trục Quốc Lộ 1 được thông suốt trong phần lãnh thổ Phú Yên, hành quân đánh phá các hang ổ việt cộng và những điểm tiếp vận vũ khí của chúng trên Vùng Duyên Hải.

Trung Tá Trần Văn Hai năm xưa, giờ là Chuẩn Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh, từng giữ những chức vụ lừng lẫy và cao tột bậc trong Hệ Thống Quyền Lực Quốc Gia, được đích thân Tổng Thống Thiệu cho trực thăng xuống Mỹ Tho rước đi, nhưng người đã khăng khải từ chối và quyết ở lại sống chết với Chiến Sĩ của mình. Khi được đồng đảo giới chức Quân Cán Chính tiễn ra trực thăng từ già Phú Yên, Trung Tá Hai với chiếc túi vải hành trang nhỏ đơn sơ đã cảm xúc nhấn nhủ: “Tôi cảm ơn các ông đã tận tình làm việc với tôi trong mấy tháng vừa qua. Có thể người ta cho rằng tội mình là những đứa dại, chỉ biết làm việc mà không biết đục khoét. Nhưng tôi tin là mình đã làm đúng”.

Rời Phú Yên về trình diện Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, vừa đúng lúc chiếc ghế Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân đang cần một khuôn mặt tài năng. Các Giới Chức Quân Sự Bộ Tổng Tham Mưu từng nghe tiếng tốt của Trung Tá Biệt Động Quân Trần Văn Hai ngoài Trung nên đã nhanh chóng bổ nhiệm ông vào Chức vụ này và được vinh thăng Đại Tá. Trong thời gian hai năm làm Tư Lệnh Mũ Nâu 1967-1968, Đại Tá Hai đã tỏ rõ tư cách, năng lực và sự dũng cảm của một người Chỉ Huy một Đại Đơn Vị khét tiếng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Trên thực tế, trách nhiệm của Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân rất khác biệt với các vị Tư Lệnh Sư Đoàn Bộ Binh. Người Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân chỉ làm công tác gần như thuần túy hành chánh, quản trị quân số, đào tạo và tuyển mộ, vị Tư Lệnh Mũ Nâu không có thực quyền điều động và Chỉ Huy trực tiếp hành quân.

Thông thường các Liên Đoàn Biệt Động Quân được điều động đi tăng phái cho các Đơn vị khác và nhận sự điều động và Chỉ Huy trực tiếp của vị Chỉ Huy Trưởng Đơn vị đó. Đại Tá Hai luôn ưu tư lo lắng theo dõi tình hình con cái Mũ Nâu tăng phái trên khắp bốn Quân Khu, nhưng hoàn toàn không có thể can thiệp gì để giúp đỡ Chiến Sĩ của mình. Người đã siêng năng đi thăm viếng các Đơn Vị Mũ Nâu trên khắp mọi vùng Chiến Thuật, hầu như ít khi ngưng nghỉ. Câu chuyện cảm động về một vị Tư Lệnh Mũ Nâu có mặt trên chiến hào tiền tuyến ở Khe Sanh lại là một huyền thoại khác nữa của người.

Cuối năm 1967, Liên Đoàn 1 Biệt Động Quân được lệnh gọi Tiểu Đoàn 37 Biệt Động Quân và một Đại Đội của Tiểu Đoàn 21 Biệt Động Quân ra Khe Sanh phối hợp chiến đấu với hai Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Thiếu Tá Hoàng Phó dẫn Quân ra Khe Sanh và nhận thiết lập chiến tuyến phía Đông dài một cây số của Căn Cứ. Đặc biệt, tuy với vũ khí cũ kỹ và trang bị thiếu kém so với đối phương, nhưng Mũ Nâu của ta đã được cho trấn đóng một Khu vực quan trọng nằm bao ngoài cùng Căn Cứ, phía bên trong là chiến hào của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ và Bộ Chỉ Huy Căn Cứ. Báo chí Thế Giới đã gọi chiến tuyến trấn giữ của Biệt Động Quân là “**Tiền đồn của tiền đồn**”. Với một vị trí khó khăn và hung hiểm như vậy, vũ khí lạc hậu yếu kém, Chiến Sĩ Mũ Nâu của ta đã chứng tỏ tinh thần quyết chiến của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và được nhận sự nể trọng của Lính Mỹ. Tuy nhiên vị

Tư Lệnh Mũ Nâu đã hết sức bồn khoăn ăn ngủ không yên, lo lắng cho những đứa con cô đơn của mình, ông quyết định phải ra Khe Sanh, nhìn tận mắt cảnh ăn ở, sinh hoạt và chiến đấu của Lính, ông mới an lòng. Đại Tá Hai cùng với Hai Sĩ Quan Tham Mưu là Đại Úy Trần Đình Đàng, thuộc Phòng 1 và Thiếu Tá Ngô Minh Hồng, thuộc Phòng 3 tháp tùng theo một chiếc vận tải cơ C-123 ra Khe Sanh. Thiếu Tá Ngô Minh Hồng sau vinh thăng Trung Tá và về làm Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân. Chiếc phi cơ đáp xuống chạy trên phi đạo dã chiến, bụi đất cuốn mù mịt. Khi chiếc C-123 vừa chạm đất thì pháo địch đủ loại từ bốn phía đã dồn dập dội xuống, tiếng nổ ùng oàng buốt óc. Chiếc C-123 không dám ngưng bánh, nó vẫn tiếp tục chạy chậm chậm trên phi đạo cho đến cuối đường. Trong thời gian đó, mọi người trên tàu đều phải nhảy xuống lăn mình vào những cái rãnh hai bên phi đạo để tránh đạn pháo, những kiện tiếp liệu được hời hả tuồn xuống. Khi đến cuối phi đạo, vận tốc phi cơ có chậm lại vì phải quay đầu chuẩn bị tăng tốc độ để cất cánh, những giây phút cực ngắn ngủi nhưng quý giá đó dành cho các Thương Bệnh Binh. Các Chiến Sĩ Quân Y và những người Lính Mũ Nâu phải thật nhanh chóng đẩy Thương Binh lên càng nhiều càng tốt, trước khi con tàu gầm rú chuyển bánh và tăng tốc độ. Báo chí Thế Giới đã ví von hoạt cảnh ấy như là những cuộc chạy đua 100 mét với thần chết. Có nhiều chiếc C-123 hay C-130 vừa cất cánh lên đã trúng đạn pháo địch vào đuôi và nổ vỡ rơi xuống tan tành.

Trong bối cảnh hỗn loạn, căng thẳng và chết chóc ấy, nhóm ba người của Đại Tá Hai không biết làm cách nào mà đã nhảy xuống được phi cơ và một vài giây phút sau, họ đã có mặt trong những dãy chiến hào tiền tuyến của Tiểu Đoàn 37 và 21 Biệt Động Quân. Những Chiến Sĩ Liên Đoàn 1 Mũ Nâu của ta chỉ có thể rưng rưng nước mắt xúc động không nói lên lời, nhận những lời khích lệ và thăm hỏi chân tình của người Anh Cả Binh Chủng. Người hỏi han tỉ mỉ từng Chiến Sĩ một, xem những thăng em của ông ăn làm sao, ngủ làm sao. Ông cảm xúc nhìn những Chiến binh mặt mũi đen nhem vì nắng gió biên giới, những bộ quần phục nhàu rách và hỏi thăm họ có được cấp phát thay thế hay chưa. Và nhiều điều thăm hỏi chứa chan tình Chiến Hữu khác nữa. Không ít những Sĩ Quan và Chiến Sĩ Mũ Nâu của Liên Đoàn 1 Biệt Động Quân đã từng một thời cùng Đại Úy Hai mài miệt học tập trên những căn cứ rừng núi sinh lầy của Trung Tâm Dục Mỹ ngày xưa. Sự hiện diện của vị Tư Lệnh Binh Chủng và là người thầy xưa trong vòng hai ngày đêm, cùng ăn cùng ngủ cùng chia xẻ gian nguy chết chóc ở chiến hào tiền tuyến của các Sĩ Quan Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân đã thổi bùng lên hùng khí chiến đấu của Quân Ta lên đến mức cao nhất. Vì vậy khi nổ ra cuộc tấn công lớn nhất của cộng quân trong toàn chiến dịch Khe Sanh, với một trung đoàn của sư đoàn thiện chiến 304 diện biên phủ cộng sản Bắc Việt lúc 9 giờ tối ngày 29.2.1968, thì Tiểu Đoàn 37 và 21 Biệt Động Quân của ta tuy với vũ khí yếu kém hơn của đối phương, đã đánh một trận long trời lở đất tiêu diệt hai tiểu đoàn địch. Từ sau cơn thảm bại Khe Sanh lần lượt nhận lệnh rút khỏi Khu vực, đánh dấu chấm hết cơn mộng đẹp chiến thắng một "Điện Biên Phủ" thứ hai của Võ nguyên Giáp.

Trận đánh ngày 29.2.1968 là trận đánh lớn nhất lên đến cấp trung đoàn của toàn chiến dịch Khe Sanh. Võ nguyên Giáp lượng giá sai khả năng tác chiến của Mũ Nâu và cho rằng chiến tuyến phía Đông là chỗ yếu nhất có thể đánh thủng. Trên thực tế, kế hoạch hỏa lực NIAGARA của Tướng Westmoreland và sức chiến đấu phi thường của Biệt Động Quân đã quyết định phần thắng về cho phía Đồng Minh. Sự có mặt đúng lúc của Đại Tá Trần Văn Hai đã là một niềm phấn khích vô bờ cho Chiến Sĩ ta giữ vững chiến tuyến và đánh bại đối phương. Rất tiếc trong thời điểm 1968 đó, báo chí và truyền thông Hoa Kỳ đã cố tình phớt lờ không hay rất ít tường thuật chiến thắng quyết định của Liên Đoàn 1 Biệt Động Quân, họ chỉ mô tả cuộc

chiến Khe Sanh như là một trận thư hùng giữa quân cộng sản Bắc Việt và Lính Thủy Quân Lục Chiến Mỹ. Võ nguyên Giáp đã tránh né tối đa cho quân giao chiến với Quân Đội Hoa Kỳ, mặc dù có những trận đánh đẫm máu giành đi gặt lại những ngọn đồi chiến lược nằm bao quanh Khu lòng trũng Khe Sanh. Nhưng chính trận đánh ngày 29.2.1968 lên đến cấp trung đoàn của địch vào vị trí của Tiểu Đoàn 37 và 21 Biệt Động Quân mới chính là trận đánh lớn nhất và quyết định cục diện Khe Sanh.

Giờ đây, viết lại những trang chiến sử chói lọi này, xin được vinh danh các Chiến binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã đánh tan tành một trung đoàn của sư đoàn thiện chiến 304 cộng sản Bắc Việt và làm cho tướng tá cộng quân bàng hoàng. Giáp buộc phải rút quân ra khỏi Khe Sanh. Sau trận thất bại Mậu Thân và Khe Sanh, uy tín Giáp bắt đầu tuột dốc. Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đập Giáp thêm một cú Mùa Hè Bão Lửa 1972 nữa, Hà Nội buộc phải cách chức Giáp và đưa Văn tiến Dũng lên thay. Từ chiến thắng Khe Sanh và Mùa Hè Đỏ Lửa, chúng ta có thể rút ra hai kết luận sau đây. Một Đạo quân dũng mãnh chiến đấu để bảo vệ Dân Tộc và Đất Nước là Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa rất khác xa với một đạo quân thực dân xâm lăng tạp nham, hèn nhát và không biết chiến đấu để làm gì của người Pháp tại Điện Biên Phủ. Trận đánh thắng Điện Biên Phủ 1954 và trận đại bại Khe Sanh 1968 của Giáp đều dùng thịt xương cán binh cộng sản để làm nền. Những tướng tá “huyền thoại” cộng sản Bắc Việt thực chất chỉ là những cấp chỉ huy “nướng quân” không hơn không kém.

Trước đó chừng một tháng, tức ngày 31.1.1968 việt cộng tấn công 44 Tỉnh Thành Việt Nam Cộng Hòa, đặc biệt chiến sự nổ lớn và kéo dài ở Huế và Khu vực Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định. Đại Tá Hai đã có dịp tỏ rõ tài năng quân sự, khi ông Chỉ Huy Biệt Động Quân giải tỏa áp lực địch trong Khu vực trách nhiệm. Quân Ta thắng lớn trên khắp Mặt Trận. Trong đợt tổng tấn công Mậu Thân 2 khởi điểm ngày 22.5.1968, Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân của Trung Tá Đào Bá Phước chịu trách nhiệm Mặt Trận Chợ Lớn. Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn đóng trong Trường Tiểu Học Phước Đức nằm trên Đường Khổng Tử. Chiều ngày 2.6.1968, Trung Tá Phước cùng những Sĩ Quan cao cấp của Cảnh Sát Đô Thành và Biệt Khu Thủ Đô đang họp hành quân trong Trường, thì đột nhiên có một chiếc trực thăng võ trang của Quân Đội Hoa Kỳ xuất hiện từ phía trái Đường Khổng Tử bay đến. Quân Ta chưa kịp nắm vững tình hình về chiếc phi cơ lạ thì chiếc trực thăng đã chúi mũi xuống phụt một trái hỏa tiễn thủng bức tường lầu nhì xuyên xuống tầng phía dưới. Chiến Sĩ Biệt Động Quân vội tung khói màu ra hiệu Quân Bạn, nhưng chiếc trực thăng đã quay lại quạt đại liên xuống dữ dội. Quả rocket và tràng đại liên oan nghiệt đã phụt trúng Bộ Chỉ Huy Hành Quân hỗn hợp và gây tử thương cho Sáu vị Sĩ Quan cao cấp Việt Nam Cộng Hòa. Những vị hy sinh gồm có:

Trung Tá Đào Bá Phước, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân.  
Trung Tá Nguyễn Văn Luận, Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia Đô Thành.  
Thiếu Tá Nguyễn Ngọc Sinh, Phụ Tá Trung Tá Luận.  
Trung Tá Lê Ngọc Trụ, Trưởng Ty Cảnh Sát Quốc Gia Quận 5.  
Trung Tá Phó Quốc Chụ, Giám Đốc Nha Thương Cảng Sài Gòn.  
Thiếu Tá Nguyễn Bảo Thùy, Chánh Sở An Ninh Đô Thành, ông là bào đệ của Trung Tướng Nguyễn Bảo Trị.  
Ngoài ra còn có những vị Sĩ Quan sau, bị thương nặng, nhẹ.  
Đại Tá Văn Văn Của, Đô Trưởng Sài Gòn bị thương nặng.  
Đại Tá Nguyễn Văn Giám, Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô, bị thương nhẹ.  
Trung Tá Trần Văn Phấn, Phụ Tá Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia bị cưa chân

Trong lúc xảy ra tai nạn, Đại Tá Trần Văn Hai đang ngồi trên xe Jeep trực chỉ về hướng Chợ Lớn để dự buổi họp hành quân với Trung Tá Phước. Xe của ông bị kẹt giữa hai khối đám đông dân chúng đang ùm ùm đổ ra Sài Gòn, cho nên khi ông đến được Trường Phước Đức thì thảm kịch đã xảy ra và kết thúc từ lâu. Có lẽ định mệnh dành cho người một cái chết khác bảy năm sau. Cao cả hơn và bi tráng hơn. Đó là cái ngày 30.4.1975.

Thủ Tướng lúc đó là cụ Trần Văn Hương chú ý đến cung cách Chỉ Huy và lòng trung trực thẳng thắn của Đại Tá Hai trong hai kỳ Mậu Thân. Đại Tá Hai đã cùng lên chiến tuyến với các Tiểu Đoàn Mũ Nâu để khích lệ tinh thần Binh Sĩ. Đặc biệt, để bảo tồn Danh Dự Quân Đội, ông nghiêm cấm Binh Sĩ không được phá quấy và cướp giật tài sản người dân. Thậm chí ông còn hạ lệnh sau mỗi lần diệt xong một ổ kháng cự của việt cộng, ba lô của Sĩ Quan và Binh Sĩ đều phải được lục soát kỹ, không cho phép Chiến Sĩ lợi dụng cảnh hỗn loạn và nhà vắng chủ để lấy của cải dân chúng. Hành động đạo đức này đã được thuộc cấp nể trọng, đến quý thần cũng phải cúi đầu. Thủ Tướng Hương đề nghị Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cho Đại Tá Hai về làm Tổng Giám Đốc Quốc Gia, thay thế Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan bị thương ở chân giải ngũ. Lực Lượng Cảnh Sát Quốc Gia sau thời điểm Mậu Thân điều tàn, lòng người rúng động, cần hình ảnh của một vị Chỉ Huy Cảnh Sát có thành tích chiến đấu vì dân, có đạo đức, thanh liêm trong sạch và lòng mẫn cán thu hút lòng dân, đưa dân đến gần hơn với những đường lối của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa. Đại Tá Hai là con người hội đủ điều kiện đó. Trong lĩnh vực quân sự, Cụ Hương cũng đã đề cử Trung Tướng Đỗ Cao Trí về nắm Tư Lệnh Quân Đoàn III. Hai nhân vật được đề cử đã tạo lên nhiều chiến công lớn, giúp cải thiện tình hình trị an và quân sự được ổn định một thời gian dài.

Nhận một Chức vụ cực quan trọng, là cánh tay mặt đắc lực của Chính Quyền, Đại Tá Hai đã hết lòng chu toàn nhiệm vụ. Cũng vì tính trong sạch thẳng thắn quá mà ông lại làm phiền lòng ông Bộ Trưởng Nội Vụ thời đó, vì ông không chịu sa thải một luật sư phụ tá mẫn cán để thay thế đàn em của ông Bộ Trưởng vào. Vì vậy mặt phí dành cho Cảnh Sát Quốc Gia bị thẳng tay cắt giảm quá nửa, gây khó khăn rất nhiều cho ông, nhưng người vẫn quyết làm những gì theo lương tâm và ông nghĩ đó là lẽ phải. Với Chức vụ cao tột bậc như vậy mà trong thời gian hơn một năm, ông cũng không xum xoe vào gặp cấp lãnh đạo cao nhất để cầu cạnh lợi lộc, vì điều đó trái với tính cách con người của ông. Đại Tá Hai chỉ đến gặp Tổng Thống Thiệu, Thủ Tướng Hương rồi Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, sau khi Thủ Tướng Hương rời khỏi chức vụ, khi có lệnh hoặc vì công vụ phải đích thân trình bày. Chưa bao giờ người ta thấy ông dùng công xa lộng lầy với còi hụ dẫn đường để khoe khoang, mỗi lần di chuyển công tác, người vẫn dùng chiếc Jeep Biệt Động Quân cùng với mấy người Cận Vệ ngồi phía sau. Đại Tá Hai Chỉ Huy Cảnh Sát Quốc Gia rất tốt và không cho phép nó đi lệch hướng, nhưng những thế lực muốn chi phối Lực Lượng Cảnh Sát vào những mục tiêu riêng lại không thích ông, vì ông không thuộc phe phái nào cả. Người chỉ có một phe phái lớn nhất, đó là Tổ Quốc. Khi được nghe phàn nàn về những bê bối trong Ngành Cảnh Sát, người đã trầm ngâm trả lời: "Tôi biết, nhưng vẫn đề không thể giải quyết một sớm một chiều, mà phải kiên nhẫn tìm ra những đầu mối, những tương quan thế lực chằng chịt thì mới ngăn chặn được. Từ ngày về đây tôi đã gặp khá nhiều khó khăn. Mình như người vác chiếc thang dài đi trong căn nhà hẹp, bốn bề đều đụng chạm. Không ai muốn mình làm những điều mình thấy cần phải làm".

Công việc sửa chữa làm sạch Ngành Cảnh Sát còn đang dang dở thì Thủ Tướng Trần Văn Hương rời khỏi Chức Vụ, Đại Tá Trần Văn Hai liền nhận Sự Vụ

Lệnh trở ra Vùng II Chiến Thuật làm Tư Lệnh Phó Quân Đoàn II dưới quyền Thiếu Tướng Nguyễn Văn Toàn. Trong thời kỳ binh lửa Mùa Hè 1972, Đại Tá Hai có dịp trở lại chiến đấu sát cánh với các Chiến Sĩ Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân lên giải tỏa đoạn Quốc Lộ 14 bị lực lượng cộng sản Bắc Việt chốt chặn tại Núi Chu Pao. Biệt Động Quân gặp nhiều khó khăn ở Khu vực Chu Pao, vì địa thế hiểm trở, núi đá chập chồng, bom đạn dội xuống các vị trí địch cố thủ sâu trong hang hốc đều vô hiệu. Đại Tá Hai dưới sự thúc dục nóng nảy của Tư Lệnh Quân Khu, đã đích thân điều Quân lên đánh và cùng với Sư Đoàn 23 Bộ Binh do Chuẩn Tướng Lý Tông Bá trực tiếp điều động lên giao tiếp được các Đơn vị ở Kontum.

Cuộc đời lên xuống thăng trầm vì những thế lực đè nén của người thật giống với cuộc đời của người Anh Hùng Nguyễn Công Trứ. Cũng giống như Cụ Nguyễn Công Trứ, trong bất kỳ tình cảnh nào, vị trí nào, Đại Tá Hai đều chu toàn hoàn hảo và hãnh diện với nhiệm vụ phục vụ Đất Nước của mình. Cụ Trứ đã chẳng từng nói: "Lúc làm Đại Tướng tôi chẳng lấy làm vinh, thì lúc làm lính thú tôi cũng chẳng thấy làm nhục". Có lần trong năm 1974, một vị Sĩ Quan Tiểu Đoàn Trưởng là Thiếu Tá Nguyễn Thanh Vân dẫn Tiểu Đoàn 95 Biệt Động Quân từ Căn Cứ Ben Het về Dục Mỹ tái trang bị và huấn luyện đã đến thăm người Anh Cả, người thầy cũ đáng kính của mình. Chuẩn Tướng Hai đã chân tình tâm sự với người Chiến hữu cũ, mãi về sau này nghiệm ra, Thiếu Tá Vân mới bàng hoàng nghĩ đó chính là lời nhắn nhủ và là trần trối cuối cùng mà người để lại cho hậu thế: "Bây giờ "Toi" cũng là Tá, cũng là Tiểu Đoàn Trưởng rồi, và "Moi" bây giờ cũng mang sao. Nhưng mình hãy xét mình và làm sao cho xứng đáng với cái lon của mình. Moi đã già rồi, tóc cũng đã bạc nhiều, rồi mai kia cũng phải ra đi, Toi hãy còn trẻ, tre tàn măng mọc mà Toi, thời gian là như vậy. Moi mong Toi sống cho đáng sống, đừng để Binh Sĩ dưới tay mình khổ sở vì sự kém tài bất đức của mình. Cũng như Moi đây, bây giờ được về đây dưỡng già, nhưng nhà binh mà Toi lúc lên voi xuống chó là chuyện thường tình, chỉ cần ta sống không thẹn với mình là đủ..."

Đất nước trong cơn nghiêng ngửa rất cần những Vị Chỉ Huy tài năng đứng ra chống đỡ. Một lần nữa, Chuẩn Tướng Trần Văn Hai được Tổng Thống Thiệu tin nhiệm trong Chức Vụ cực kỳ quan trọng ở miền Tây, ông được mời về làm Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh thay thế Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam lên làm Tư Lệnh Quân Đoàn IV & Quân Khu IV kể từ tháng 11.1974. Trong quá khứ những vị Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh đều được cân nhắc và thận trọng bổ nhiệm từ cấp cao nhất và đều là những vị thân cận với người nắm giữ Quyền Lực Quốc Gia. Tuy nhiên có những biệt lệ như trường hợp Thiếu Tướng Nguyễn Việt Thanh, Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam và Chuẩn Tướng Trần Văn Hai. Có những giai đoạn miền Tây và các Sư Đoàn đi xuống vì những Tướng Tá tham nhũng, thì người ta lại đưa lên những vị Tướng tài năng để ổn định tình hình và vực tinh thần Chiến Sĩ lên. Chuẩn Tướng Hai về nắm Sư Đoàn 7 Bộ Binh trong thời điểm đã khá muộn màng, người không còn có được bao nhiêu thời gian để cùng Chiến binh miền Tây làm tròn trách nhiệm Bảo Quốc An Dân. Từ phía Bắc, binh đội cộng sản đã ùm ùm tràn xuống như thác lũ, lần lượt đánh bức các Tỉnh Phước Long, Ban Mê Thuột, rồi toàn Quân Khu II, đến Quân Khu I, và sau cùng, trong những ngày tháng 4 năm 1975 hầu như Quân Khu III cũng rơi vào tay giặc. Những vị Tướng Miền Tây như Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai, Trần Bá Di, Hồ Ngọc Cảnh vẫn sẵn sàng dàn quân chờ, cuộc thư hùng cuối cùng với địch, quyết không hàng và không nhường giặc một tấc đất nào. Nhưng đã quá muộn, cục diện đã hoàn toàn nghiêng cán cân về phía đối phương, cộng thêm với lệnh buông súng từ người Tổng Thống không do ý dân bầu, đã là một vết đâm sâu nặng chết chóc cuối cùng lên đúng chỗ trái tim của những người Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa.



Chuẩn Tướng Trần Văn Hai trong ngày cuối cùng 30.4.1975 vẫn tươm tất uy nghi trong bộ quân phục Việt Nam Cộng Hòa ngồi trong Văn Phòng Tư Lệnh bình tĩnh chờ quân địch đến. Trước đó, sau khi nghe bại Tướng Dương Văn Minh đọc hàng lệnh trên Đài phát thanh, người đã ôn tồn khuyên bảo Sĩ Quan và Chiến Sĩ thuộc cấp, cho phép họ buông súng trở về gia đình, nhưng có một số nhất quyết ở lại Căn Cứ Đồng Tâm, Mỹ Tho và bố trí chiến đấu. Vì họ biết Chuẩn Tướng Hai sẽ không bàn giao Đồng Tâm cho giặc, hoặc người có bàn giao thì cái phương thức ông làm sẽ không phải là phương thức kiểu đầu hàng. Một con người đã từng chiến đấu bảo vệ những mảnh đất của Tổ Quốc hơn hai mươi năm, không lý do gì người giao lại cho giặc một cách dễ dàng. Chúng muốn lấy thì chúng phải trả một cái giá nào đó. Chuẩn Tướng Hai cảm xúc nhìn những đôi mắt u sầu của thuộc cấp đang cố giương súng bảo vệ ông. Ông cố thu lấy những hình ảnh đó vào tận cùng trái tim một lần sau chót. Trong trái tim bao dung cao cả của người còn có hình ảnh của Trung Tâm Dục Mỹ và rừng núi sinh lầy, những Chiến Sĩ Mũ Nâu, những Chiến Sĩ Cảnh Sát Quốc Gia mà đã từng một thời cùng người chiến đấu dũng cảm. Người trao lại cho một Sĩ Quan thuộc cấp một gói nhỏ, trong đó đựng một vài vật dụng cá nhân và tiền hai tháng lương Chuẩn Tướng là 70.000 đồng, nhờ trao lại cho Bà mẹ già ở Gò Vấp, Sài Gòn. Người Sĩ Quan rùng mình, mặc dù không biết những vật gì chứa trong gói vải đó, nhưng ông biết giờ phút chia tay với Chuẩn Tướng Hai sắp điểm.

Khoảng xế trưa, một lực lượng của Việt cộng thận trọng tiến vào Đồng Tâm và cho người đến yêu cầu Chuẩn Tướng Hai bàn giao Căn Cứ. Chuẩn Tướng Hai ngồi ngay ngắn sau chiếc bàn, bên trên có hai cái để gắn Lá Cờ Vàng Việt Nam và Lá Cờ Tướng Một Sao, bình tĩnh nghiêm nghị ra điều kiện. Ông chỉ bàn giao Căn Cứ khi nào có một người chỉ huy trưởng sư đoàn của đối phương đến Văn Phòng Sư Đoàn 7 Bộ Binh. Ngoài điều kiện đó, ông không muốn bàn chuyện nào khác. Tình hình rất căng thẳng và làm những người lính cộng bối rối, chúng trở ra và bàn tính. Mãi một lúc khá lâu, bọn chúng gọi đầu một người tự xưng là sư đoàn trưởng xin vào gặp Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa để làm thủ tục bàn giao. Người thủ trưởng sư đoàn rụt rè tiến vào văn phòng Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh, Chuẩn Tướng Hai bất thần rút súng lục ra nổ mấy phát vào tên sư trưởng địch. Với khoảng cách rất gần đó, người có thể giết chết gã dễ dàng, nhưng người chỉ bắn gã bị thương nhẹ. Người sư trưởng địch cùng mấy cận vệ lần nữa rút chạy ra ngoài. Lính Sư Đoàn 7 Bộ Binh giương súng lên sẵn sàng tử chiến và bảo vệ Tư Lệnh của mình. Nhưng một tiếng nổ đanh gọn và hào hùng đã vang lên từ phía bên kia cánh cửa đóng. Những Chiến Sĩ Sư Đoàn 7 Bộ Binh ứa vào. Chuẩn Tướng Trần Văn Hai đã Tử Tiết. Sau phát súng tượng trưng cho cuộc chiến đấu cuối cùng cương quyết không đầu hàng giặc, người đã dành cho chính mình, phát súng mà đã đưa tên tuổi của người đi vào Lịch Sử Dân Tộc đến ngàn đời sau.

Người Trung Úy thuộc cấp đã tìm được Bà cụ thân sinh của Chuẩn Tướng Hai trao lại di vật và hướng dẫn bà trở xuống Mỹ Tho. Bản thân vị Trung Úy cũng chưa trở về gặp lại vợ con của ông ở Sài Gòn. Người mẹ già với tám lưng đã còm cõi với thời gian đã mưu trí gạt được người lính Việt cộng gác cổng và đưa được thi hài Chuẩn Tướng Hai về Gò Vấp an táng.

Người Anh Hùng Dân Tộc, vị Thần Tướng Nước Nam Trần Văn Hai đã đi vào cõi thiên thu, nhưng tám gương chiến đấu anh dũng, tám lòng tận tụy phục vụ Tổ Quốc đến giây phút cuối cùng của người sẽ mãi mãi được những người còn sống và người đời sau truyền tụng và vinh danh.

Tài liệu: Ký ức về Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, Nguyễn Thanh Vân.

Tưởng niệm Chuẩn Tướng Trần Văn Hai Thượng Sĩ Nhất và Thượng Sĩ già

The Fall of The South-Vietnam Experience Black Tigers-Mike Martin.  
Diễn Đàn Phụ Nữ 193. 194-  
2000.

# CHUẨN TƯỚNG TRẦN VĂN HAI SỐNG VI TƯỚNG TỬ VI THẦN

Nguyễn Thanh Vân

Qua hơn 4.000 năm dựng nước, Lịch Sử Việt Nam đã có không biết bao nhiêu những Bậc Hùng Anh dũng cảm, hiên ngang kiên cường, bất khuất, không tiếc xương máu của mình để tài bồi cho Tổ Quốc non sông, ngày một hùng cường vững mạnh, đến nỗi giặc Bắc phương với 1.000 năm đô hộ, cuối cùng rồi cũng phải ngã đầu kinh sợ trước giống Lạc Hồng.

Hỏi ai trong chúng ta không có lần ngậm ngùi thương cảm và kính phục một Trần Bình Trọng với câu: “Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm Vương đất Bắc”, hoặc một Võ Tánh, một Hoàng Diệu, quyết chết theo thành để giữ tròn Danh Tiết mà mãi mãi ngàn đời cháu con vẫn hằng tưởng nhớ.

Lại còn biết bao những Anh Hùng Liệt Nữ khác, mà sự trung trinh tiết liệt sáng ngời như Bắc Đẩu giữa trời Nam.

Những vị đó rất xứng đáng được lưu danh thiên cổ với câu: “SINH VI TƯỚNG TỬ VI THẦN”, sống làm Tướng, chết làm Thần.

Nhưng không phải hễ ai được phong Tướng lúc sinh thời, rồi khi chết đều được thành Thần tất cả, mà còn phải xứng đáng là kẻ tài ba dũng lược, với tác lòng thiết thạch vì Nước quên mình, hoặc không tham sống sợ chết, không đầu hàng quân giặc, không sống vinh thân phì da trên xương máu của người dân và khi chết phải với da ngựa bọc thây ngoài chiến địa, hay tuần tiết theo thành, hoặc sừng sừng hiên ngang dẫu đầu rơi máu đổ, nếu chẳng may thất trận thua binh bị bắt. Chứ không khiếm nhược đầu hàng quân giặc, không bỏ chạy khi Quốc Biền Gia Vong, hoặc không để mình bị lụy thân vì tử sắc như Lữ Bố hay là chết vì sự nóng nảy hồ đồ, say sưa hưng hãm như Trương Dực Đức đời Tam Quốc và cũng không phải chết nhục nhã nơi cửa ải mỹ nhân, như rất nhiều những Tướng quân Đông Tây kim cổ mà vết nhơ còn để đến muôn đời.

Ồi! Lịch Sử ô nhục ngày 30.4.1975 vừa qua, với lệnh đầu hàng của tên Tướng to người mà mặt nhỏ gan teo, đã phải làm cho toàn Quân Lực miền Nam Việt Nam phải đi vào tử địa, khiến kẻ bị bắt, người bị tù đầy khốn khổ, kẻ bị chết thảm thương nơi bờ lũy bờ hào, mà uất khí oan hồn còn vất vưởng nơi rừng cây nội cỏ.

Có lẽ từ trong cõi vô hình, Họ đang căm hờn phẫn hận, nguyên rửa kẻ mặt Tướng bội vong, dâng mảnh dư đồ cho búa liềm cộng sản.

Thế nhưng, bên cạnh đó, cũng còn có những Tướng lãnh Anh Hùng mà dòng máu của Trần Bình Trọng, Hoàng Diệu... vẫn còn luân lưu trong huyết quản, nên những vị đó đã tự sát giữa Cơ Binh, hoặc trong Doanh Trại... mà đền ơn Tổ Quốc.

Đáng kính phục thay, những vị Anh Hùng Vị Quốc Vong Thân. Dù đã chết mà Anh linh còn đó, hòa nhập với hồn của núi sông, muôn đời và mãi mãi làm một vị “Thần” của Dân Tộc Rồng Tiên.

Đó là Tướng Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Lê Nguyên Vỹ... mà ở đây, chúng tôi muốn đặc biệt nói về cái chết của Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, một Chiến Sĩ Biệt Động Quân trong hàng chục năm dài và cũng là một Chỉ Huy Trưởng thanh liêm, trong sạch, nhưng đầy vẻ hào hùng, tự trọng, gan dạ và quả cảm của Binh Chung Mũ Nâu, khiến mỗi khi nhắc đến, không phải chỉ có đa số Sĩ Quan, Hạ Sĩ Quan trong Đại Gia Đình Binh Chung ngưỡng phục mà đến cả hàng Binh Sĩ cũng kính trọng vô vàn.

Chẳng những thế, người dân ở Tỉnh Phú Yên, các Chiến Sĩ trong Lực Lượng Cảnh Sát Quốc Gia, các cấp Chỉ Huy cho đến Tân Binh thụ huấn ở Trung Tâm Huấn

Luyện Lam Sơn (Dục Mỹ) và sau cùng là Chiến Hữu các cấp của Sư Đoàn 7 Bộ Binh, cũng đều mến mộ và tiếc thương cho một Anh Hùng khi ngã ngựa mà ngã ngựa trong vinh dự của một Tướng lãnh thà tự sát chết đi, còn hơn đầu hàng những kẻ “chấn vệt đội nón tai bèo”.

Theo người thân kể lại, thì Chuẩn Tướng Trần Văn Hai gốc người Cần Thơ, sinh năm 1926, tuổi Bính Dần, xuất thân là nhân viên công an thời Pháp thuộc, sau đó theo học Khóa 7 Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt... rồi với các Cấp bậc Thiếu Úy, Trung Úy, Đại Úy, ông đã phục vụ một cách đặc lực cho Quân Đội Việt Nam từ lúc phối thai cho đến mãi về sau này và cũng từng được đưa đi đào tạo tại Mỹ Quốc...

Ở cấp Đại Úy, Trần Văn Hai là một trong những người đầu tiên, thành lập Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ vào ngày 1.8.1961 và cũng là người khai sáng ra lớp: Hành Quân Biệt Động Rừng Núi Sinh Lầy, mà hễ ai từng được tham dự Khóa này cũng đều công nhận câu: “Thao trường đổ mồ hôi, Chiến trường bớt đổ máu” là đúng.

Hình ảnh một Đại Úy Trần Văn Hai giữa trưa hè nắng gắt, quần trần giày sô, áo thun màu cứt ngựa, Chỉ Huy xe ủi đất hùn hục suốt ngày đêm, làm bằng phẳng cả Khu vực của Trung Tâm, xẻ đường ngang lối dọc một cách vất vả, mồ hôi nhễ nhãi, cho kỳ đạt được sự khang trang đẹp mắt mới thôi.

Sự hăng hái làm việc của ông trong giai đoạn này, được các Cố Vấn Mỹ thời đó, vừa mến phục vừa thân thương đặt cho danh hiệu là “Hai Hight Way”, ngụ ý khen tặng cái khả năng hiếm có của ông, mặc dù với phương tiện thô sơ kém cỏi, mà chỉ trong một thời gian kỷ lục, ông đã hoàn tất sự xây dựng rất khó nhọc cho Trung Tâm một cách tuyệt hảo, chẳng khác nào như những kỹ sư xây dựng xa lộ cao tốc vậy. Đồng thời cũng đề nêu cao sự tận tụy của một Sĩ Quan mang cấp Đại Úy mà Đại Úy ở thời điểm năm 1961 thường có thể giữ những Chức vụ khá cao trọng như Tiểu Đoàn Trưởng, Trung Đoàn Trưởng, Tỉnh Trưởng v.v... trái lại đàng này, ông chỉ làm cái công việc Chỉ Huy xe ủi đất rất tầm thường và khiêm tốn, nhưng không hề bất mãn hay bỏ bê nhiệm vụ.

Rồi cũng với một hình ảnh Đại Úy Trần Văn Hai giữa cái gió cát từng cơn hất vào da thịt, vẫn giày sô, quần trần, áo thun màu cứt ngựa, chuyên tâm lo Huấn luyện lớp Rừng Núi Sinh Lầy... mà cái cực nhọc của những lớp học này nói sao cho hết. Từ Cán Bộ Huấn luyện viên, cho đến Sĩ Quan, Hạ Sĩ Quan khóa sinh và chính ông là người chịu trách nhiệm Huấn Luyện trực tiếp, đều cùng chung gian khổ với nhau.

Đằng đẳng nhiều năm dài như vậy, ông đã dẫn thân vào nguy hiểm gian lao, để đem hết khả năng đào luyện những Cán Bộ nòng cốt cho hầu hết các Đơn Vị Bộ Binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Nếu ai đã từng học qua một lớp căn bản Biệt Động Quân, hoặc lớp Sinh Lầy hay lớp Viễn Thám ở Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ, chắc cũng cho những điều nêu trên là đúng, mà Đại Úy Trần Văn Hai đã trực tiếp chịu trách nhiệm thực thi, hết lớp học này đến lớp học khác, đạt mức thành công theo tiêu chuẩn đòi hỏi của Bộ Tổng Tham Mưu.

Điều đáng nói thêm về ông ở đây, là ngoài việc theo dõi một cách kỹ lưỡng từng môn học, bận bịu suốt cả ngày đêm, thế mà cuốn sách tự học trên tay không lúc nào thiếu vắng nơi ông.

Có lần ông tâm sự: “Con đường binh nghiệp của chúng ta hãy còn dài, cấp bậc của chúng ta hiện giờ tuy còn nhỏ, nhưng lần lần sẽ được nâng cao hơn. Nếu bây giờ chúng ta tự mãn với hiện tại, không biết cầu tiến, không lo học hỏi trao dồi thêm sinh ngữ, đọc nhiều về Binh Thư Binh Thuật, thì một mai cấp trên giao vào tay ta cả Đại Đơn Vị, thì làm sao chu toàn được nhiệm vụ”.

Lời tâm sự đó, có lẽ là để tự rèn luyện cho bản thân ông, chuẩn bị một ngày nhận lấy chức vị Tướng lĩnh về sau này và cũng để khuyên nhủ các thuộc hạ phải trao dồi thêm tinh thần đó nữa.

Đáng trân trọng thay! Lời nói tuy bình dị, không ẩn chứa một triết thuyết nào cao diệu, nhưng cũng là lời: “nói được-làm được” của chính bản thân ông, đã minh chứng rõ ràng.

Thế rồi ông được thăng cấp Thiếu Tá và được bổ nhiệm vào chức vụ Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng Phú Yên (Tuy Hòa). Thời gian này ông đã hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách đầy đủ, được Quân, Dân, Cán, Chính Địa Phương mến phục. Ông cũng đem lại một thắng lợi chói ngời cho Tỉnh nhà qua trận chiến tại Vũng Rô, tịch thu hầu hết những khối lượng vũ khí đáng kể của cộng nô. Chúng đã xâm nhập từ miền Bắc, lén lút đưa vào cất giấu ở địa thế hiểm trở này, để mong thiết lập một kho vũ khí tiếp liệu, ngõ hầu cho các cán binh của chúng đánh phá miền Nam.

Chính Thiếu Tá Trần Văn Hai đã bẻ gãy hoàn toàn về người, cũng như về trang cụ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ở Địa Phương ông, khiến từ đây về sau “Mặt khu Vũng Rô” nằm dưới chân Đèo Cả, đã hoàn toàn vô hiệu hóa.

Có một giai thoại xảy ra khi ông còn làm Tỉnh Trưởng Phú Yên mà không biết nên cười hay nên khóc, hoặc cảm thương cho cái tính thẳng thắn, chống lại sự “dĩ công vi tư” của ông, mà phải đột nhiên giả từ Chức Vụ đang làm.

Đó là, có một vị Tướng lĩnh cao cấp và trên quyền ông, mà bà vợ của y cũng thuộc vào hàng có đôi chút nhan sắc và tiếng tăm trong giới văn nghệ sĩ Sài Gòn thời đó, bà ta nổi hứng thế nào không biết, hoặc có một công việc tư riêng nào chẳng hiểu đi phi cơ ghé lại qua đêm ở Tuy Hòa.

Lệnh từ trên đưa xuống cho Tỉnh Trưởng nơi đây, phải đem xe ra đón và chuẩn bị một chỗ nghỉ ngơi cho “Lệnh bà” trong Dinh Tỉnh Trưởng.

Nhận lệnh thì phải thi hành, nhưng thay vì đem công xa ra đón, ông đã mượn một chiếc xe du lịch của tư nhân thế vào và thay vì dọn một “Biệt phòng” dành cho yếu nhân ngủ lại trong Dinh Tỉnh Trưởng, thì ông thuê Khách Sạn cho bà Tướng qua đêm, đương nhiên là có đầy đủ tiện nghi và an ninh cẩn mật.

Việc làm của ông, xét ra thì đúng với đạo của cấp dưới, vừa tránh miệng tiếng dèm pha không tốt cho ông Tướng khỏi mang danh là chiếm dụng của công và ngay cho chính bản thân mình nữa. Đồng thời cũng để cho “Lệnh bà” thoải mái nghỉ ngơi, dạo phố ngắm cảnh, hơn là ngủ ở biệt phòng, có Lính canh gác túc trực mắt tự nhiên. Ý nghĩ của ông rất tốt đẹp và chu đáo, tiếng lành được dân chúng Địa Phương khen tặng.

Còn vị Tướng cao cấp kia thì sao? Và không biết “Lệnh bà” nói thế nào, mà trong vài ngày sau, vị Tướng kia lại đích thân bay ra Tuy Hòa, ngồi trên phi cơ gọi Tỉnh Trưởng ra trình diện. Quả thật, đúng là phong thái của một vị Tướng lĩnh cao cấp có khác.

Khi ông ra gặp vị Tướng đó ở phi cơ, sau cái chào cứng người theo quân kỷ, ông được vị Tướng ra lệnh với nội dung là chê trách ông, ngồi đầu Tỉnh mà để cho việt cộng xâm nhập quá nhiều ở địa phương, không làm tròn trách nhiệm, cần phải thay thế người khác?.

Ông khiêm tốn trả lời trước khi quay về nhiệm sở để chuẩn bị bàn giao cho người khác thay thế:

Xin tuân lệnh và nếu ai cũng có lòng lo cho dân như Thiếu Tướng, thì “Đất nước ta rồi đây sẽ khá”.

Về sau, các vị bô lão và Quân Dân Cán Chính của Tỉnh Ly này, thường hay kể cho nhau nghe về câu chuyện “Đất nước ta rồi đây sẽ khá” của ông, coi như một

bài học để đời. Bởi vì đất Tuy Hòa trong suốt thời gian ông làm Tỉnh Trưởng được tiếng là bình yên, giặc cộng ít khi dám bén mảng đến, thế mà cấp trên lại lấy lý do bất an ninh để thay thế, chỉ vì ông dám coi rẻ... Lệnh bà.

Câu chuyện của người dân Tuy Hòa kể lại, đúng sai như thế nào, nếu những kẻ hậu sinh về sau này muốn tìm hiểu thêm một đôi chút bề trái của sự việc, thì có thể tìm đọc về cái chết dững cảm của Tướng Trần Văn Hai, mà nhiều sách báo từ sau ngày 30.4.1975 của những người Việt di tản viết ra, hoặc của một vài cây bút ngoại quốc tường thuật lại, thì cũng tự đánh giá được về ông. Cũng như vị Tướng lãnh kia, nghe đâu trước ngày 30.4.1975 đã trốn chạy ra nước ngoài, "có lẽ là mưu cầu một kẻ sách nào đó, tái phản công cứu nguy cho Dân Tộc hay không thì không biết?" chỉ nghe người ta nói ông ta không có tên trong danh sách các vị "Sinh vi Tướng, Tử vi Thần" như những Tướng Nguyễn Khoa Nam, Lê Nguyên Vỹ, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai v.v... và đang tiếp tục sống, cuộc sống lưu vong nơi xứ lạ quê người, để ôn lại quãng đời làm Tướng... "nhưng chết không được thành Thần" của ông.

Mất nhiệm vụ Tỉnh Trưởng Phú Yên một ít lâu và với cấp bậc Trung Tá, Trần Văn Hai lại được bổ nhiệm về Binh Chung cũ, với Chức Vụ Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân Trung Ương.

Trong thời gian này, ông càng biểu lộ thêm về ý chí và tài năng của mình một cách khéo léo năng động, mặc dù chức vị chỉ thuần túy về Hành Chánh, Tham Mưu và Tuyển Mộ các Binh Sĩ Biệt Động Quân cho các Liên Đoàn, Tiểu Đoàn trực thuộc mà thôi.

Còn quyền điều động trực tiếp và Chỉ Huy Hành Quân Tác Chiến các "đứa con" của mình thì không có. Bởi vì các Đơn Vị Biệt Động Quân tác chiến này, chỉ có nhiệm vụ là tăng phái cho các Sư Đoàn Bộ Binh, hoặc các Đơn vị tác chiến khác, theo lệnh của Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa lúc bấy giờ.

Mang tiếng là Chỉ Huy Trưởng Binh Chung, nhưng chỉ biết ngồi nhìn các "đứa con" ruột thịt thân yêu của mình, lần lượt đặt dưới quyền của các vị Tư Lệnh chiến trường này, đến các vị Tư Lệnh chiến trường khác, rồi tha hồ cho các vị ấy bóp méo vo tròn, hay dở gì cũng chỉ là thân phận của những đứa "con ghẻ" không hơn không kém.

Ấy thế, mà lòng thương Đồng Đội, yêu mến kẻ dưới quyền, nhất là hàng Binh Sĩ, phải ngày đêm gian khổ xông pha vào các chiến trường lửa bỏng dầu sôi... đã thôi thúc ông luôn tìm cách hỗ trợ và an ủi họ.

Ông đã đi thăm viếng hết các Đơn Vị Tác Chiến Biệt Động Quân này, đến các Đơn Vị Tác Chiến Biệt Động Quân khác trên khắp 4 Vùng Chiến thuật, hầu như ít khi ngưng nghỉ, mà nổi bật nhất và cảm động nhất là hai sự kiện sáng chói sau đây: Đó là nhảy vào vùng bão lửa của Mặt Trận Khe Sanh và cùng chiến đấu với các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân trong hai lần tổng công kích Tết Mậu Thân của giặc cộng.

Nhảy vào Khe Sanh: Nói đến Khe Sanh, với một Căn Cứ nằm sâu trong vùng rừng núi hiểm trở miền Trung Việt Nam, sát ranh giới Hạ Lào, mà bất cứ một Quân Nhân nào nghe qua cũng đều rùng mình hãi sợ. Bởi vì nó chỉ là một vùng thung lũng nhỏ, chung quanh toàn là núi rừng san sát đầy vẻ lam sơn chướng khí, đường bộ đi vào thì không có, chỉ dùng bằng đường hàng không duy nhất mà thôi.

Người ta còn nhớ các Địa Danh Khe Sanh, Lao Bảo, Đường Số 9 Nam Lào của Vùng I Chiến Thuật thời đó, đã diễn ra không biết bao nhiêu những trận đánh kinh hồn giữa ta và giặc cộng, mà các Báo chí trên toàn Thế Giới lúc bấy giờ cũng thường hay nhắc đến.

Trong đó, trận đánh Khe Sanh hầu như nổi tiếng hơn hết, vì là nơi thử lửa của một Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến tinh nhuệ của Hoa Kỳ và hàng mấy sư đoàn của cộng sản Bắc Việt đang vây hãm bên ngoài.

Mà ác nghiệt thay! Tăng phái cho Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ tại Căn Cứ Khe Sanh, lại là Tiểu Đoàn 37 Biệt Động Quân do Thiếu Tá Hoàng Phổ Chỉ Huy (Một trong những Tiểu Đoàn con cưng của Binh Chủng) đã khiến cho Trung Tá Trần Văn Hai, người anh đầu đàn Biệt Động Quân, ngồi ở Bộ Chỉ Huy Trung Ương tại Sài Gòn ăn ngủ không yên.

Thật vậy, làm sao ăn ngủ cho yên được, khi Binh Chủng của mình đang có một Tiểu Đoàn bị vây hãm sống còn nơi chốn đèo heo hút gió, khó khăn về sự tiếp vận và tiếp liệu này. Đến nỗi các báo chí Tây phương đã có lần ví von "Nơi đây là một Điện Biên Phủ thứ hai". nhưng kẻ bị vây là Thủy Quân Lục Chiến Mỹ và một Đơn vị thiện chiến nhất của Biệt Động Quân chứ không phải là các Đơn vị "Phú Lang Sa" đồ hộ trước kia.

Hàng ngàn quả đạn pháo loại 122 ly, 130 ly, cứ thi nhau mỗi ngày rót vào Căn Cứ với ý đồ của giặc cộng là quyết san bằng nơi đây, làm cho Thủy Quân Lục Chiến Mỹ phải khiếp sợ. Nhưng không họ đã làm! Vì với một Đội Quân như Thủy Quân Lục Chiến Mỹ và Biệt Động Quân Việt Nam cũng thừa sức bẻ gãy ý đồ của chúng. Chỉ có điều là người Lính Hoa Kỳ và nhất là người Lính Việt Nam phải chịu ngày đêm gian khổ, ăn ngủ đi lại đều ở dưới hầm sâu bằng các địa đạo chi chít thông thương với nhau, trong một thời gian khá dai dẳng mà sự tử sanh chỉ nằm trong gang tấc.

Phát xuất từ lòng yêu thương đó, Trung Tá Trần Văn Hai đã bay ra Vùng □ Chiến Thuật ở Đà Nẵng, tháp tùng theo một chiếc phi cơ C-123 tiếp tế của Hoa Kỳ đáp xuống Khe Sanh, để thăm viếng, an ủi, cũng như nâng cao tinh thần chiến đấu của những người Lính Mũ Nâu dũng cảm thân yêu.

Đi theo ông, vồn vẹn chỉ có Hai Sĩ Quan Tham Mưu, đó là Đại Úy Trần Đình Đăng đại diện cho Phòng 1 Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Quân Lục Việt Nam Cộng Hòa và Thiếu Tá Ngô Minh Hồng đại diện Phòng 3.

Hành trình khi đáp xuống Khe Sanh thật muôn vàn nguy hiểm, sự sống chết cũng ở trong lần ranh chớp nhoáng. Hễ có bất cứ một loại phi cơ nào xuất hiện trên bầu trời của Căn Cứ Khe Sanh, là pháo bầy của giặc cộng được tăng cường nện vào Căn Cứ, chưa nói là lúc phi cơ đáp xuống mặt phi đạo càng ghê khiếp nhiều hơn.

Chiếc C-123 chở 3 thầy trò Trần Văn Hai cũng không thoát khỏi thông lệ. Khi bánh xe của phi cơ vừa chạm mặt đất, là mọi người bên trong đã ở vào tư thế sẵn sàng và khi cửa sau được mở ra, phải lập tức nhảy xuống, rồi lăn mình trên mặt đất cho đến khi rơi vào các giao thông hào cặp theo hai bên phi đạo. Có làm như vậy một cách nhanh nhẹn, thì mới tránh được mảnh đạn pháo và kể cả đạn bắn thẳng nữa.

Chiếc phi cơ cứ theo đà lăn bấn đến cuối phi đạo, rồi quay đầu lại để cất cánh, người thì tiếp tục nhảy ra lăn xuống dây thông hào, đồ tiếp liệu cũng được đập nhàu xuống hai bên thân phi cơ và khi phi cơ quay đầu lại là lúc những kẻ bị thương nhẹ chạy ụa vào, mang theo những chiếc băng ca của kẻ bị thương nặng tống đại vào bên trong, cho kịp đà phi cơ cất cánh bay về.

Trong hai ngày đêm giữa cái ốc đảo đầy máu lửa đạn bay đó, ông đã đi thăm từng Trung Đội Biệt Động Quân của Tiểu Đoàn 37, mà nếu muốn từ Trung Đội này sang Trung Đội kia, thì phải cúi đầu khom lưng chạy lúp xúp trong giao thông hào, dưới làn hỏa lực yểm trợ của các Trung Đội khác, bắn ào ào vào rừng để đánh lạc hướng địch quân. Bởi vì địa điểm đóng quân của Tiểu Đoàn 37 lại nằm "Trên tuyến

đầu” của Căn Cứ Khe Sanh, nên sự đi lại giao thông giữa các Trung Đội mới gian truân dường ấy.

Ồi! Cao quý thay với tấm lòng thương yêu Binh Sĩ một cách thân thiết, đã thúc đẩy ông lăn thân vào vùng nguy hiểm nói trên, chứ ông không có một trách nhiệm nhỏ nào trong trận đánh Khe Sanh này cả.

Nếu có thương Tiểu Đoàn 37 Biệt Động Quân và với tư thế của ông lúc bấy giờ, chỉ cần ở phòng Hành Quân tại Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Trung Ương Sài Gòn, mà theo dõi thì cũng được. Hoặc muốn chứng tỏ sự quan tâm của mình hơn, cứ bay ra Đà Nẵng vào Trung Tâm Hành Quân của Quân Đoàn I mà theo dõi trận đánh cho được xác thực rõ ràng, cũng đáng để cho đàn em trong Binh Chủng ca ngợi lắm rồi.

Đằng này, ông lại đích thân lăn vào tử địa, để nhìn mặt từng người Lính, an ủi họ, khích động lòng can đảm của họ, cùng chịu chung với cái rét lạnh của sương mù giá buốt, chia mận xẻ nòng với Binh Sĩ từng bữa cơm đạm bạc, thiếu thốn, ăn bốc ăn hốt, ăn vội vàng bên cạnh chiến hào, dưới từng cơn mưa pháo, quả thật là chưa có một vị Chỉ Huy “cao cấp” nào xứng đáng hơn được.

Nếu một Ngô Khởi đời Chiến Quốc, đã kê miệng của mình hút mủ nơi bàn chân “sưng tấy” lên của một tên Lính dưới quyền, để biểu lộ tình thương kẻ thuộc hạ, thì cũng chỉ để mua lòng người phục vụ dưới tay sống chết về mình, chứ không mang một ý nghĩa đậm tình thương Lính như con, mà người xưa thường hay răn đe các bậc Tướng quân.

Ngay như Mẹ của tên Lính được hút mủ đó, ở quê nhà nghe được, đã biết cái dụng ý của Ngô Khởi một cách rõ ràng, bà khóc với người hàng xóm:

“Thôi rồi, từ đây tôi không bao giờ gặp lại đứa con thân yêu này được nữa” và dưới sự ngạc nhiên của người hàng xóm, bà kể lể tiếp: “Nó sẽ cảm cái ơn vì nó mà hút máu mủ nơi chân, ắt nó phải liệu thân khuyến mã mà đáp đền”.

Quả thật, chỉ một thời gian sau, tên Lính đó đã dững cảm hy sinh đỡ lẫn tên mũi giáo cho Tướng quân Ngô Khởi, mà bỏ xác ở chiến trường.

Hay như Tào Tháo đời Tam Quốc, chôn cất, cúng bái, tế tự Diên Vi, kẻ hộ vệ đã hy sinh vì ông ta mà tử trận, cũng là nhằm mua chuộc những tên hộ vệ khác, hết lòng phục vụ cho mình mà thôi. Vẫn có ý đồ giả trá ở bên trong và cũng chẳng che mắt được ai.

Còn hành động của Trần Văn Hai, lăn mình vào vạ lằn nguy hiểm với Tiểu Đoàn 37 Biệt Động Quân thì lại khác. Bối cảnh chiến trường, địa vị của từng cá nhân trong vai trò Chỉ Huy, mà nhất là ở Mặt Trận Khe Sanh này, đâu có giống thời đại xa xưa như đã kể, cho nên ý đồ giả trá của ông tuyệt nhiên là không có, mà chỉ thuần là một tấm lòng biết thương Đồng Đội, biết làm tròn câu Huynh Đệ Chi Binh một cách đáng khâm phục hơn người.

Sở dĩ đưa các hình ảnh Ngô Khởi, Tào Tháo ra đây, để thấy cái “điểm lặn” và cái “chân tình” của kẻ làm Tướng. Hẳn nhiên với các Chức Vị Đại Nguyên Nhung của Ngô Khởi và Chức Vị Thừa Tướng lẫn át quyền Thiên Tử như Tào Tháo, thì Chức Vụ Chỉ Huy Trưởng một Binh Chủng nhỏ nhoi của Trần Văn Hai nào đâu sánh được. Nhưng tinh thần và lòng dạ thương kẻ thuộc quyền một cách chân thành và vô vị lợi ở ông, lại có phần trội hẳn hơn lên.

Hai trận công kích Tết Mậu Thân: Nhắc đến Tết Mậu Thân, chắc hẳn mọi người dân miền Nam Việt Nam đã từng sống trong năm đó, nghe qua không khỏi ngậm ngùi thương nhớ đến những người thân đã mất do việt cộng tàn sát. Hay còn có một vài dư ảnh khác bàng hoàng hiện lại, khi chính họ đã từng mục kích những trận ác chiến kinh hồn của Quân Dân miền Nam Việt Nam đập tan mộng cuồng ngông của giặc cộng hồi lúc bấy giờ.



Chính bọn độc tài đảng trị miền bắc đã xua hàng trăm ngàn những con thiêu thân, gồm toàn là những thiếu niên mặt còn non choẹt, vào bỏ xác miền Nam. Tội ác của chúng với mồ chôn "Tập thể" tại Huế, với sự đổ nát hoang tàn, máu loang thây ngã của bao những dân lành vô tội, cùng những Thành Phố phải chìm ngập trong cái mịt mù khói lửa đạn bay, giữa ngày Tết thiêng liêng của Dân Tộc, đã khiến cho Thế Giới Tự Do hết lòng căm phẫn và lên án.

Ngay tại Thủ Phủ Sài Gòn-Chợ Lớn, một Mặt Trận gay go và máu lửa nhất, cũng như hầu hết mấy chục Thành Phố khác của miền Nam, sự chiến đấu gan dạ phi thường của các Chiến Sĩ Mũ Nâu, đã khiến cho người dân miền phụng phục khôn lường.

Ở đây, chúng tôi muốn nhắc lại đến hai trận tổng công kích Tết Mậu Thân của giặc cộng vào Sài Gòn-Chợ Lớn, mà trong đó có công lao không nhỏ của Đại Tá Trần Văn Hai, đã góp phần làm nên chiến thắng vẻ vang cho Binh Chủng.

Muốn nói gì thì nói, trong cái hỗn loạn quân tình của miền Nam Việt Nam lúc đó, với hơn phân nửa quân số của toàn Quân Lực đang nghỉ phép Tết, mà trận đánh lại diễn ra bên cạnh Bộ Chỉ Huy đầu não của Biệt Động Quân, thì hình ảnh của Đại Tá Trần Văn Hai, gan dạ xông xáo, vẫn là cái "xương sống" cho các Đơn Vị Biệt Động Quân noi theo, trong nhiệm vụ tranh giành lại từng góc đường, khu phố và từng căn nhà do giặc cộng chiếm cứ.

Ông đã có mặt từ Tiểu Đoàn Biệt Động Quân này đến Tiểu Đoàn Biệt Động Quân khác trong tư thế một mắt một còn với giặc cộng, để thị sát Mặt Trận, chỉ thị cho thuộc cấp những mệnh lệnh kịp thời, cũng như làm nâng cao tinh thần chiến đấu của họ.

Dẫu cho các Đơn Vị Biệt Động Quân này, lúc đó có đặt thuộc quyền dưới bất cứ một Tướng lĩnh tài ba nào khác đi chăng nữa, mà nếu không có đích thân vị "Anh Cả" của Binh Chủng đốc thúc ngay tại Mặt Trận trực chiến, thì xuất sắc chiến thắng tuy có thành công, nhưng không nhanh chóng và lấy lừng cho bằng.

Tâm lý của các Chiến Sĩ ngoài chiến trường là thế, trước mặt Đơn Vị Trưởng tối cao của Binh Chủng mình, thì sự chiến đấu gan dạ, chắc chắn được khích động nhiều hơn là trước mặt một Đơn Vị Trưởng tối cao khác, mà mình tăng phái tới. Bởi vì nếu mình có hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc đi nữa, thì sự đề bạt của "Cha ghê" vẫn có phần hạn hẹp hơn "Cha ruột" của mình.

Đó là một trong những lý do chánh yếu, mà các Đơn Vị Biệt Động Quân trong hai trận tổng công kích Tết Mậu Thân của giặc cộng, đã giành được những chiến thắng lấy lừng bởi chính Đại Tá Trần Văn Hai, vị Anh Cả thân thương của họ thường xuyên có mặt ở ngay bên cạnh.

Riêng trong Trận Mậu Thân đợt II, có một sự việc đau lòng xảy ra, tưởng cũng xin sơ lược một vài nét ra đây, để quý độc giả hiểu thêm một chút của vấn đề.

Chúng tôi không nhớ rõ chi tiết về ngày tháng, nhưng biết chắc là vào thời điểm Mậu Thân II. Có một chiếc trực thăng võ trang của Quân Đội Hoa Kỳ, bay từ hướng Chợ Kim Biên phía nhà máy xà bông Cô Ba, bắn rocket làm vào mục tiêu là Trường Tiểu Học Phước Đức ở Quận 5 Chợ Lớn, trong đó có Bộ Chỉ Huy phản công của phe ta đang hội họp, để hoạch định phương cách tìm và tiêu diệt bọn cán binh cộng sản, đang còn lẩn khuất trong các Khu Phố tại vùng này.

Kết quả là Đại Tá Đào Bá Phước, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân, Trung Tá Biệt Động Quân Lê Ngọc Trụ đương kim Trưởng Ty Cảnh Sát Quận Năm, ông Phó Quốc Chụ Thuộc Nha Thương Cảng Đô Thành v.v... đều bị tử thương, mà Đại Tá Trần Văn Hai đang trên đường đi đến nơi để họp.

Nếu ông đi sớm hơn vài ba phút, thì chính ông cũng đã phải làm mồi cho rocket của Mỹ, tại ngôi Trường có tên là Phước Đức mà lại kém Phước Đức kia rồi.

Được biết trên đường di chuyển từ Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Việt Nam Cộng Hòa ở vùng Sài Gòn vào Chợ Lớn để hội họp, xe của ông bị nhiều lần trở ngại, vì dân chúng chạy hỗn loạn từ Chợ Lớn ra Sài Gòn lánh nạn, làm ách tắc giao thông. Thật "Phước Đức" chỉ có riêng cho mình ông hưởng mà thôi.

Theo tin đồn đãi, thì đây là một vụ bắn lầm của trực thăng võ trang Hoa Kỳ, vì chiến đấu trong Thành Phố tầm đạn đạo khó lòng điều khiển một cách chính xác được, nhất là trên trực thăng chú ý đầu bấm nút nhả đạn.

Đồng thời cũng có tin đồn, đây là một vụ thanh toán lẫn nhau giữa các phe phái trong hàng Tư lệnh cao cấp lúc bấy giờ (?). Việc này hiện nay chưa có tài liệu công bố rõ ràng, nên chúng tôi xin dừng sự việc ở đây, để nhường lại cho những Hồi Ký của những người trong cuộc kể lại về sau, chỉ nhấn mạnh ở lý do, vì sao Đại Tá Trần Văn Hai thoát chết mà thôi.

Phải chăng xe của ông bị cản trở một cách bất khả kháng trên Đường đến Trường Phước Đức, khiến ông không bỏ xác dưới đạn rocket, là Thượng Đế muốn dành cho ông một cái chết Anh hùng hơn, tỏ rõ chí khí hơn ở 7 năm sau này? Và các chữ "Sinh Vi Tướng-Tử Vi Thần", nếu có dành cho ông, cũng như các Tướng Nguyễn Khoa Nam, Lê Nguyên Vỹ, Lê Văn Hưng... mới đúng cái nghĩa khí của nó hơn và cũng được lòng người kính cần nghiêng mình tưởng nhớ nhiều hơn?

Hoặc phải chăng lịch sử còn muốn dành cho ông, về sau này nói lên tiếng nói trung trực và đáng để đời của ông, xuyên qua thời kỳ ông làm Tổng Giám Đốc Lực Lượng Cảnh Sát Quốc Gia, trong một buổi tuyên bố trên Đài Truyền Hình Sài Gòn một cách thẳng thừng rằng: Trịnh công Sơn, tên nhạc phản chiến đang được nhiều người ái mộ kia, chính là "cộng sản nằm vùng", là kẻ đâm sau lưng Chiến Sĩ, mà đáng tiếc thay thời đó người ta chưa nhận diện ra được, cho mãi tới ngày sau 30.4.1975, người dân miền Nam mới thấy hấn lộ rõ nguyên hình.

Hay phải chăng trong lúc thanh sát các tuyến đối đầu với địch quân, của tất cả các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân tham chiến đó, ông đã cấm triệt để Binh Sĩ Biệt Động Quân không được "thừa nước đục thả câu", như hà hiếp dân lành đang chạy loạn, lợi dụng hoàn cảnh chiến đấu giành lại từng Khu Phố, từng căn nhà cho dân, mà lục soát hôi của, lén lấy vàng bạc tư trang bỏ túi riêng, hoặc làm nhiều điều khuất tất khác.

Diễn hình nhất là sau mỗi lần diệt được các chốt của địch quân, ông đều bắt lục soát tại chỗ từ trong người cho đến từng ba lô của Sĩ Quan, Hạ Sĩ Quan và Binh Sĩ tham dự ngay lúc đó, để bảo toàn tối đa tài sản của người dân, làm cảm động lòng người cho đến quỷ thần chăng? Mà có được cái "Phước Đức" tràn đầy cứu mạng cho mình, cũng chưa biết chừng.

Người xưa thường nói, nếu lòng người thẳng ngay chính trực, thì trời đất luôn phò trì cứu đỡ, quỷ thần cũng phải nể vì, có lẽ đem áp dụng vào trận thoát chết của ông, cũng không phải là không có nguyên do.

Những điều mà mọi người trong Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân phải công nhận, là do tấm lòng trong sạch, cùng sự miễn cưỡng của ông trong lúc thi hành nhiệm vụ, đã được Thủ Tướng Trần Văn Hương chú ý. Cho nên sau khi dẹp yên giặc cộng trong Tết Mậu Thân đợt hai, ông được bổ nhiệm cấp tốc sang làm Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia, mà chính ông và Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân cũng không có ai có thể ngờ tới được. Bởi vì Chức Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia, luôn là Chức Vụ vô cùng quan trọng cho chế độ và là người tuyệt đối được tin tưởng mới cân nhắc vào Chức Vụ này.

Nhiều người thấy ông họ "Trần Văn" lại là dân miền Tây Nam Việt Nam, nói rặc giọng miền Tây và Thủ Tướng Trần Văn Hương cũng thế, cho nên ngộ nhận

Trần Văn Hai là con cháu, hoặc có giây mơ rễ má trong hàng bà con với Trần Văn Hương, mà được cân nhắc vào Chức Vụ béo bở này.

Sự thật thì không phải, ông và Thủ Tướng Trần Văn Hương không hề có một sợi dây hệ tộc nào, chỉ là sự trùng họ không hơn không kém.

Chính ông cũng xác nhận nhiều lần với những kẻ thuộc quyền thân cận như vậy.

Nếu suy nghĩ kỹ càng hơn, người ta mới hiểu cái dụng ý của Thủ Tướng khi cân nhắc ông, chẳng ngoài yếu tố về sự thăng thấn và liêm khiết của ông.

Không ai có thể phủ nhận được, Thủ Tướng Trần Văn Hương là một người trong sạch và cũng đã chọn mặt gửi vàng, phó thác trách vụ Thủ Lĩnh của Thành Tri “Diệt Tham Nhũng” trong thời Đệ Nhị Cộng Hòa vào tay ông nắm giữ.

Việc ông cân nhắc, bổ nhiệm, Trần Văn Hai nói trên có hai điều hợp lý:

Một là, Lực Lượng Cảnh Sát Quốc Gia, công cụ chính của chế độ trong việc kiểm soát, duy trì an ninh trật tự của dân chúng, phải cần người có đức liêm chính, có tài Chỉ Huy, thì mới giúp cho chế độ thu phục được lòng dân.

Hai là tình hình sau các trận Mậu Thân, sự tan hoang của nhiều Thành Phố cần phải được xây dựng lại và sự cảm nhận về Chánh Thể Cộng Hòa trong lòng người dân, rất cần được củng cố tối đa. Nếu một hành động hà hiếp, những lạm nào của bất cứ ai, bất kỳ ở nơi đâu, nhất là những Nhân viên cảnh sát, nếu có xảy ra, cũng đều gây nhiều bất lợi cho chế độ, làm bia cho sự tuyên truyền của đối phương.

Bởi thế, việc bổ dụng Đại Tá Trần Văn Hai vào Chức Vụ này, trong thời điểm này, có thể yên lòng rất nhiều cho Chánh Phủ, cũng như nâng cao thêm ý chí chiến đấu dũng cảm và tinh thần hy sinh vô vị lợi của người Chiến Sĩ Cảnh Sát Quốc Gia, một Lực Lượng bán quân sự trọng yếu đang cần.

Cụ Phan Bội Châu, một Học Giã mà cũng là một Nhà Ái Quốc đáng kính của nước ta, đã từng nói: “Nếu cuộc đời bằng phẳng thì anh hùng hào kiệt có ra chi”.

Quả thật là như vậy, kẻ viết bài này, đã có nhiều thời gian được biết về cuộc đời của Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, cũng như một số lớn các bậc đàn anh khác trong Biệt Động Quân biết nhiều về ông, phải công nhận đường binh nghiệp của ông không mấy gặp điều bằng phẳng, và có lẽ mỗi một bước thăng trầm đưa đến, đã khiến ông nhận rõ về chân giá trị của cuộc đời hơn, nhất là cuộc đời của một Võ Quan, trong thời đại hỗn loạn về binh quyền, xảy ra thường xuyên ở miền Nam trước đây, mà chính nó đã un đúc nên một Trần Văn Hai hào kiệt về sau này.

Sự kiện ông về nhận nhiệm vụ Chỉ Huy Trưởng Yếu Khu Dục Mỹ, kiêm Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Lam Sơn, là một ví dụ về bước đi xuống của ông, mà cái chân giá trị của cuộc đời, đã khiến ông có tư tưởng quay về với nẻo Chân như của Phật pháp đậm nét khá nhiều.

Thời gian này ông thường tịnh khẩu và hướng về Thiên định, bữa ăn trưa của ông rất đơn giản, đạm bạc, mà phần lớn là rau trái nhiều hơn.

Có lần tôi, vào năm 1974, nhân dẫn Tiểu Đoàn 95 Biệt Động Quân (Căn Cứ Benhet) về Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ để tái trang bị và huấn luyện, với tình nghĩa thầy trò cũ, tôi đã đến Trung Tâm Huấn Luyện Lam Sơn thăm ông, cùng có mặt của Đại Tá Nguyễn Văn Đương, Chỉ Huy Phó của ông, mà cũng là một Sĩ Quan Biệt Động Quân trước đây.

Trong lần thăm viếng ngắn ngủi này, ngờ đâu đó là lần sau chót tôi được diện kiến với ông, được nghe một vài lời khuyên bảo chân tình và về sau này nghiệm lại, tôi mới bàng hoàng nhận ra là lời trần trối của ông:

“Bây giờ “Tôi” cũng là Tá, cũng là Tiểu Đoàn Trưởng rồi và “Moi” bây giờ cũng mang “sao”. Nhưng mình hãy xét mình và làm sao cho xứng đáng với cái “lon” của mình. Moi đã già rồi, tóc cũng đã bạc nhiều, rồi mai kia cũng phải ra đi. “Tôi” hãy

còn trẻ, tre tàn măng mọc mà “toi”, thời gian là như vậy. “Moi” mong “toi” sống cho đáng sống, đừng để Binh Sĩ dưới tay mình khổ sở vì sự kém tài bất đức của mình. Cũng như “Moi” đây, bây giờ được về đây dưỡng già, nhưng “nhà binh” mà “toi”, lúc lên voi xuống chó là chuyện thường tình, chỉ cần ta sống không thẹn với mình là đủ...”

Sau khi tái huấn luyện tại Dục Mỹ xong, cuộc chiến đã ném tôi trở về trận địa vùng cao, còn ông thì lại “lên voi” một lần nữa, được bổ nhiệm làm Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh ở Mỹ Tho và có ngờ đâu với Chức Vị này, ông đã cùng với Tướng Nguyễn Khoa Nam đi vào vịnh cửu, mà hào khí còn để lại nghìn thu.

Tướng cũng xin được thắp một nén hương lòng mà ngưỡng phục ông và viết ra đây một vài chi tiết trong giờ phút sau cùng của cuộc đời ông, do người thân kể lại.

...Ngày 30.4.1975, sau khi có lệnh đầu hàng của mặt Tướng họ Dương, vị Tư Lệnh Quân Đoàn IV là Tướng Nguyễn Khoa Nam đã tự sát, tình hình của Sư Đoàn 7 Bộ Binh ở Mỹ Tho cũng lâm vào tình trạng bị cô lập.

Đô Thành Sài Gòn-Chợ Lớn đã bị giặc cộng tiến chiếm sau lệnh đầu hàng nêu trên, khiến quân tình hỗn loạn.

Đám cách mạng 30 đổ ùa ra, chỉ cần với một “miếng vải đỏ” cột nơi cánh tay và với một cây súng cầm nơi tay, một dây vải đựng băng đạn quần ngay người, là có thể vỗ ngực xưng mình là “giải phóng quân”, đi nghênh ngang trên Đường phố như một kẻ anh hùng!!

Thế rồi, một đám người gồm thanh niên, thiếu niên xúm lại bu quanh những vị anh hùng “nức ngang” kia, mà trầm trồ, tâng bốc. Nơi này một đám, nơi kia một đám rải rác khắp các Đường phố, mà dân chúng đặt cho bọn họ là đám “cách mạng 30”, chứ bộ đội chính quy của Bắc Việt thì không có là bao, gồm toàn những thiếu niên miền bắc ngơ ngơ ngác ngác, tay ôm chặt khẩu AK-47 nhìn dân chúng, xe cộ tấp nập xuôi ngược trên Đường phố, với đủ màu sắc văn minh tân tiến của miền Nam thời bấy giờ, làm các “cu cậu lính già Hồ” choáng ngợp, như rơi vào một Thế Giới xa lạ không ngờ. Một số các “cu cậu” khác ngẩng đầu lên nhìn ngây ngất vào các lan can của những tòa buynh đình, mà trên đó có một vài bóng hồng mặc “mini jupe” đang nhìn xuống mặt đường và mãi ngẩng đầu làm rơi cái “nón cối” đánh bộp xuống mặt nhựa bên hè phố... cũng chẳng buồn nhặt lên.

Nhưng hùng hổ, xông xáo nhất vẫn là “đám 30” vì bọn chúng chính là những tên du thủ du thực của Thành Phố, hoặc những tên chuyên nghiệp trốn quân dịch trước đây, có thành tích chui vào “lu nước”, đội lên đầu những tờ giấy một ngàn khi có Cảnh Sát vào bố ráp trong xóm để bắt Lính. Nay úa ra xưng mình là có thành tích chống chế độ cũ, hoặc xưng mình có chú bác mà mười mấy năm về trước đây, đang chăn trâu, chăn vịt ngoài đồng được “cách mạng” bỏ vào “bung” chiến đấu, nay đang trở về bàn giao Thành Phố Sài Gòn v.v... và rồi bọn họ chiếm dụng nhưng chiếc xe jeep của Quân Đội vất bỏ bên vỉa hè, đẩy đến cây xăng gần đây đổ “chùa” đầy bình, rồi dăm bảy tên ngồi trên xe chạy dọc chạy ngang ngông nghênh trên Đường phố một cách loạn xạ.

Tình trạng của Thành Phố Mỹ Tho cũng không hơn không kém, đầy dẫy cái bát nháo của một Thị Trấn bỏ ngõ không kỷ cương...

Tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 7 của Tướng Hai, ảnh hưởng bởi lệnh đầu hàng trên Đài phát thanh Sài Gòn phát đi, đã làm cho Binh Sĩ nản lòng không ít, có số đã bỏ ngũ, bỏ súng trà trộn với dân thường để về nhà với vợ con. Số còn lại quyết định phòng thủ Bộ Tư Lệnh cho đến hơi thở cuối cùng.

Tướng Hai biết rằng tình thế đã đến lúc không còn làm gì hơn được nữa, ông đã khuyên Sĩ Quan, Hạ Sĩ Quan và Binh Sĩ đang còn hiện diện, nên tìm đường về

với vợ con là hơn. Nhưng một số đồng thấy ông không bỏ chạy, họ cương quyết tử thủ.

Khoảng xế trưa, có một tốp lính cộng sản Bắc Việt đến Bộ Tư Lệnh yêu cầu Tướng Hai bàn giao.

Ông ra điều kiện, phải có cấp chỉ huy ngang hàng với ông đến, thì mới chịu bàn giao.

Với lời lẽ cương quyết, với thái độ bình tĩnh, nghiêm nghị, bọn việt cộng không làm gì khác hơn, đành phải bằng lòng với yêu cầu này.

Một thời gian khá lâu, chúng đưa đến một tên việt cộng có vẻ là cấp chỉ huy và nói với Tướng Hai là cấp “sư trưởng” của bọn chúng đến nhận bàn giao theo như yêu cầu.

Tướng Hai cho mời hắn vào văn phòng để nhận bàn giao, rồi bất thần rút súng lục bắn tên “sư trưởng” đó trước sự ngạc nhiên của mọi người.

Hắn bị thương, vội cùng một vài tên tùy tùng tháo chạy ra ngoài, hai bên bắt đầu ghìm nhau và một trận xung chiến sắp sửa xảy ra...

Tướng Hai ung dung bước vào bên trong văn phòng... và ông đã tự kết liễu đời mình bằng một viên đạn Anh Hùng.

Thế là cuộc điện đã xoay chiều, Bản Doanh của ông cũng từ đây đổi chủ.

Bọn chúng tàn nhẫn không cho gia đình mang xác Tướng Hai về chôn, như có ý muốn trả thù về hành động trước khi tuấn tiết của ông.

Nghe đâu về sau này gia đình cũng lén lút mang được thi hài về chôn cất ở Gò Vấp.

Thật xúc động lòng người khi nghe đến cái chết dũng cảm của ông, nhất là hành động “mạng đổi mạng” như vừa nêu.

Dẫu biết rằng tên việt cộng đó được may mắn thoát chết trong đường tơ kẽ tóc và cũng chưa chắc hẳn thật sự là cấp ngang hàng với ông, nhưng trong tình thế đó ông hành động như vậy là đích đáng. Bởi lẽ, bọn việt cộng ma mãnh không bao giờ mang cấp bậc khi xuất trận, cũng như cách xưng hô giữa bọn chúng với nhau chỉ gọi bằng đồng chí, hoặc anh hai, anh ba... để nguy trang. Hơn nữa, bọn sĩ quan việt cộng mà ta thừa hiểu, là chúng có xuất thân ở một trường quân sự chính quy nào đâu... ngay như tên Đại Tướng Võ nguyên Giáp, cũng chỉ xuất thân ở trường “bụi rậm” mà thôi.

Do đó, một tên nào ở hạng người nào bất kể, nếu bọn chúng đưa đến nói rằng ngang cấp sư đoàn trưởng để bàn giao, thì Tướng Hai bắn nó, cũng là hành động bắn kẻ ngang hàng với mình vậy. Trước khi chết ông vẫn hạ được kẻ thù ngang chức vị, có lẽ ông cũng được phần nào mỉm cười nơi chín suối và không thẹn với lòng.

Sự việc Tướng Hai tự kết liễu đời mình ngay tại Bản Doanh là sự việc có thật, người viết bài này chỉ nghe một vài người thân kể lại. Chắc rằng tình tiết diễn biến trong thời gian ngắn trước khi ông chết và sau đó, còn nhiều những nét đặc biệt khác nữa, mong rằng các Sĩ Quan Tùy Viên, Chánh Văn Phòng, hoặc các Sĩ Quan Tham Mưu của ông, nếu có mục kích được rõ ràng xin lên tiếng, hoặc cho chúng tôi biết đích xác hơn, để làm sáng tỏ cái khí phách của ông và bổ túc cho những bài viết về sau này.

Điều mà chúng tôi xin kết luận, là suốt cuộc đời của ông, chỉ biết chính trực với lòng mình, cũng như với tất cả mọi người, thương lính như anh em, thanh liêm trong sạch, quyết một lòng trải mật phôi gan đền ơn Tổ Quốc.

Ông chết trong nỗi tiếc thương của Đồng Đội, dù không có Lá Quốc Kỳ phủ trên nắp áo quan, dù không có Lễ nghi quân cách đưa tiễn trong giờ phút sau cùng, nhưng từ đó đến nay, hai mươi năm đằng đẵng, lòng của các Chiến Sĩ Sư Đoàn 7,

các Chiến Sĩ Cảnh Sát Quốc Gia và toàn thể Binh Chủng Biệt Động Quân nói riêng, đều ngưỡng phục và toàn dân miền Nam Việt Nam nói chung đều thương tiếc vô cùng.

Đó chính là Lá Quốc Kỳ vĩnh cửu, tiếng Quân nhạc muôn đời đưa tiễn và tiếc thương cho con người bất khuất của ông.

Anh linh còn đó, non nước còn kia, chắc chắn một ngày mai rạng rỡ sẽ trở về với Dân Tộc Rồng Tiên, và trong Quân Sử oai hùng của nòi giống, sẽ không quên khắc ghi: “Chuẩn Tướng Trần Văn Hai Vị Quốc Vong Thân” vậy.

Nhật Hồng Nguyễn Thanh Vân

# THIẾU TƯỚNG NGUYỄN KHOA NAM

Phạm Phong Dinh

Hai mươi lăm năm đau bể kể từ ngày Đất Nước rơi vào tay cộng sản, những hồi ức đau buồn về một Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa bị ép buộc buông súng và bị bức tử thảm thương vẫn còn là những cái bọc nưng mủ sưng tấy trong lòng mỗi một Quân dân miền Nam. Bọn cộng nô vô tổ quốc, lũ tiểu nhân đặc chí thì ngổ ngáo, vênh váo, lằng mạp và sĩ nhục những Chiến Sĩ chân chính và Anh Hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Bằng mọi thứ từ ngữ mà chúng có thể nghĩ ra được. Nhưng sau hai mươi lăm năm, sự thật về cuộc chiến Việt Nam đã được phơi bày, ánh thái dương đã soi rọi được vào những góc ngách tăm tối, bí ẩn và ghê tởm nhất của cái gọi là cuộc “chiến thắng” ngày 30.4.1975. Thứ nhất, Hồ chí Minh một kẻ bất đắc chí vì không được người Pháp cho học Trường Thuộc Địa ra làm viên chức đặc lực cho nước Pháp, đã xoay qua xin làm tay sai cho một thứ khác còn ghê rợn hơn. Cán bộ nòng cốt của cộng sản quốc tế, thực hiện sách lược “Dùng người Việt giết người Việt” mở đường cho chủ nghĩa cộng sản tiến xuống vùng Đông Nam Á. Thứ hai, tướng lãnh Hà Nội rõ ràng đã thiêu nướng hàng triệu thanh niên miền Bắc một cách tàn nhẫn, vô lý và vô ích, để đi đến mục tiêu cuối cùng là, xin được khom lưng cúi đầu làm nô lệ cho kẻ họ gọi là kẻ thù. Từ những sự thật đó, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã tìm lại được chỗ đứng chính nghĩa của mình và những Tướng lãnh Việt Nam Cộng Hòa Vị Quốc Vong Thân chói sáng như những ánh sao trong sự trân trọng của Lịch Sử. Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam thuộc về một dòng họ danh gia vọng tộc ở đất Thần Kinh Huế. Một trong những vị Tổ của họ Nguyễn Khoa là Ngài Nội Tán Nguyễn Khoa Đăng trí dũng song toàn làm Quan dưới Triều Chúa Nguyễn. Ông nổi tiếng vừa là một Võ Tướng tài ba, vừa là một Văn Quan chính trực nổi tiếng xử án như Thần. Một trong những công nghiệp lớn lưu truyền trong sử sách của ngài là việc dẹp tan giặc cướp ở Trường Nhà Hồ, mở đường cho dân chúng qua lại buôn bán, thăm viếng. *Nhớ em anh cũng muốn vô, Sợ Trường Nhà Hồ, sợ Phá Tam Giang.* Lời tự tình nhớ thương của người con trai Đàng Ngoài đã được người con gái Đàng Trong tha thiết nhắn gửi ra: *Phá Tam Giang ngày rày đã cạn Trường Nhà Hồ Nội Tán cấm nghiêm.* Ngài Nội Tán Nguyễn Khoa Đăng còn được người đương thời sùng bái vì đức độ thanh liêm và phép xử án công minh. Như một câu chuyện cảm động sau về nỗi oan tình của một người vợ trẻ bị buộc tội đầu độc chồng, chờ ngày bị xử chém. Ngài Nội Tán vâng lệnh Chúa Nguyễn đi xét tra dân tình đã ghé qua Làng và giữ lại vụ án bí ẩn. Nhìn nét mặt tiều tụy và thân thể còm cõi bỏ ăn uống vì nhớ thương chồng nằm co người như một cái xác chết trong khám lạnh của người thiếu phụ, ngài Nội Tán tin chắc nàng bị hàm oan. Nhưng làm cách nào để minh oan nàng? Thiếu phụ bị làng nước buộc tội là đã tẩm độc trên lá trầu tèm cho chồng, người chồng ăn xong ngã ra chết. Ngài Nội Tán thần thờ đi giữa những hàng trầu bóp trán suy nghĩ. Chợt ngài trông thấy một con rắn độc trườn mình trong những dây trầu, thỉnh thoảng nó thè lưỡi liếm nhưng giọt sương đọng trên cuống lá trầu. Thì ra con rắn mới chính là thủ phạm làm chia rẽ phượng loan và suýt làm rơi một cái đầu. Người chồng chết vì ăn phải nọc độc của rắn dính trên cuống lá. Vụ án được sáng tỏ, từ đó về sau người Việt mỗi khi ăn trầu thường hay ngắt bỏ cuống lá để ngừa trường hợp trúng độc.

Những Cụ Tổ giòng họ Nguyễn Khoa từ đời này sang đời khác đều có công nghiệp giúp Chúa Nguyễn mở mang bờ cõi trong cuộc Nam tiến, đánh dẹp loạn lạc, đem lại thanh bình cho dân chúng. Được hun đúc từ truyền thống Bảo Quốc An Dân của Tiên Nhân, Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam nổi danh là một trong những Tướng lãnh tài năng và có đức độ nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Nguyên quán Tổ

Tiền là ở Làng An Cựu Tây, thuộc Huyện Hương Thủy, nhưng Thiếu Tướng Nam lại được sinh ra tại Đà Nẵng ngày 23.9.1927. Ông có một người chị là Cụ Nguyễn Khoa Diệu Khâm và một người em trai là Nguyễn Khoa Phước. Ông Cụ thân sinh của Thiếu Tướng Nam là Cụ Nguyễn Khoa Túc, Thanh Tra Giáo Dục Đà Nẵng, Cụ nghỉ hưu năm 1941 và trở về Huế. Bà Cụ thân sinh của Thiếu Tướng Nam họ Công Tôn Nữ thuộc dòng dõi Tuy Lý Vương, vị vương gia nổi tiếng hay thơ hay chữ đời Vua Tự Đức. “Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán. Thi đáo Tùng Tuy bất thịnh Đường”. Thiếu Tướng Nam lớn lên là một người con hiếu thảo, đạo đức và là một học sinh hiền lành chăm học. Trong khoảng năm 1933 đến 1939 cậu bé Nam được gửi theo học Trường Écoles des Garçons Đà Nẵng, tốt nghiệp lên học nội trú Trường Lycées Khải Định Huế. Trong tuổi học sinh đầy hoa mộng, chàng thanh niên có vóc dáng cao to cân đối ấy đã hướng niềm vui thanh cao vào nghệ thuật hội họa và có lần đã trưng bày nhiều tác phẩm của mình trong một cuộc triển lãm. Trong khoảng thời gian hai năm 1946-1947 chiến tranh nổ lớn sau khi quân đội Pháp trở lại Việt Nam, gia đình của chàng thanh niên Nguyễn Khoa Nam theo làn sóng tản cư ra khỏi Thành Phố. Ở độ tuổi 19 tràn đầy nhiệt huyết và lòng yêu nước ông xin phép gia đình gia nhập tổ chức Thanh Niên Tiền Phong, nhưng Bà Cụ thân sinh đã khuyên nhủ ông thông thả chờ đợi một thời gian nữa. Là người con chí hiếu ông tuân lời cha mẹ, trong lúc chờ đợi ông tiếp tục tài năng hội họa của mình, tập vẽ tranh sơn dầu, bột phấn và màu chì, cùng tự làm những khung tranh cho mình. Chàng thanh niên tài hoa ấy còn nhận ra rằng mình có năng khiếu về âm nhạc và có kiến thức rất vững chắc về nhạc lý. Tinh thần của ông còn tiến tới một mức cao hơn, khi ông an lạc thụ nhận những lời dạy về giáo lý nhiệm màu trong kinh sách của Phật giáo, đọc nhiều sách triết học và Nho giáo, theo đuổi một cuộc sống thanh cao và đầy tính nhân bản, ngay cả khi khoác áo nhà binh và chìm đắm trôi nổi trong những cơn bão lửa chiến tranh. Cùng với vị Tướng Tư Lệnh đức độ như cố Trung Tướng Nguyễn Việt Thanh, Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam nổi tiếng là vị Tướng từ ái, thương lính yêu dân. Cả hai vị Tướng đều ăn chay trường, cùng được Quân dân miền Tây hết mực kính trọng và yêu thương. Mỗi lần Thiếu Tướng Nam bay đến các Tiểu khu hay Đơn vị chiến trường nào người đều không muốn làm phiền thuộc cấp vì chuyện ăn uống. Lắm lúc ông chỉ cần vài trái bắp luộc là đã xong cho một bữa trưa, hay bao giờ ông cũng xuống Câu lạc bộ cùng dùng cơm với mọi Sĩ Quan khác, có gì ăn nấy. Bà con thân quyến hay thân hữu đến thăm ông thì được, nhưng để xin ân huệ đều nhận được sự từ chối thẳng thắn. Cuộc sống của người quá dung dị, không vợ con, không gì hết, đơn giản đến mức trở thành những huyền thoại.

Năm 1947 gia đình Thiếu Tướng Nam trở về lại Huế, ông tiếp tục hoàn tất chương trình Trung Học Đệ Nhị Cấp và được cho học khóa học về hành chánh sau đó. Đến năm 1953 ông được bổ làm Chủ Sự, nhưng chưa được bao lâu thì nhận được lệnh nhập ngũ bảo vệ Tổ Quốc. Đến đây cuộc đời của viên Chủ Sự trẻ tuổi mở ra một khúc quanh quan trọng, Quân Đội Quốc Gia non trẻ Việt Nam đón nhận một tài năng, Quân Sử ghi lại những trang chiến đấu hào hùng của một Tướng lãnh xuất sắc. Sinh Viên Sĩ Quan Nguyễn Khoa Nam theo học Khóa 3 Sĩ Quan Bộ Binh tại Trường Bộ Binh Thủ Đức. Tháng 10.1953, Tân Thiếu Úy Nguyễn Khoa Nam tốt nghiệp và quyết định tình nguyện về Binh Chủng Nhảy Dù lúc ấy đang trên đà lớn mạnh. Hai cụ thân sinh của người đã qua đời, cho nên người quyết định dâng hiến cuộc đời cho Quân Đội và Binh Chủng Nhảy Dù. Sau một Khóa học đặc biệt về nhảy dù, Thiếu Úy Nam cùng Đơn vị được điều động ra Bắc chiến đấu. Trong vòng một năm, sự chiến đấu quả cảm và tài năng Thiếu Úy Nam đã được xác định bằng chiếc lon mới Trung Úy năm 1954. Trung Úy Nam cùng toàn bộ các Đơn Vị Nhảy Dù trở vào Nam, sau khi Hiệp định Genève chia đôi đất nước đã ký ngày 20.7.1954. Trung



Úy Nam gặp lại người em là Cụ Nguyễn Khoa Phước sau nhiều năm xa cách, Cụ Phước lúc ấy chỉ mới 20 tuổi có lần hỏi khi nào anh mình mới lập gia đình. Trung Úy Nam mỉm cười hiền lành và từ tốn trả lời: "Anh là Lính Nhảy Dù, nếu anh kết hôn sẽ làm cho người ta trở thành góa bụa tội nghiệp lắm". Trong thân quyến họ hàng nhiều người có giới thiệu nhiều cô gái xinh đẹp, đức hạnh nhưng Trung Úy Nam đều nhẹ nhàng từ chối. Năm 1955 Trung Úy Nam được đề bạt lên nắm một Đại Đội thuộc Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù, tham dự chiến dịch tảo trừ lực lượng Bình Xuyên của Tướng Bảy Viễn. Lữ Đoàn Dù lúc ấy đang đặt dưới quyền Chỉ Huy của Thiếu Tá Đỗ Cao Trí mà sau này nổi danh là viên Đại Tướng kiệt xuất nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, được các Nhà Viết Quân Sử và Phóng viên Thế Giới kính trọng gọi là "G. Patton của Việt Nam", là tên của vị Tướng Thiết Giáp Mỹ lừng danh trong Đệ Nhị Thế Chiến về tài hành binh thần tốc và bách thắng. Trong thời gian Đại Tướng Đỗ Cao Trí làm Tư Lệnh Quân Đoàn III những năm 1969-1971, ông đã mở nhiều cuộc hành quân lớn, phối hợp nhiều Binh Chủng, đánh cho các lực lượng cộng quân trong lãnh thổ Quân Khu III thua xiểng liểng đến thất điên bát đảo. Chiến dịch tấn công qua Kampuchea năm 1970 do Đại Tướng Trí làm Tư Lệnh được bảo mật tối đa, Quân Việt Nam Cộng Hòa càn quét các mật khu và căn cứ hậu cần của địch, phá hủy một khối lượng vật chất chiến tranh mà giặc có thể dùng trong 10 tháng. Đại Tướng Trí đã dùng phương sách "Gậy ông đập lưng ông", các Chiến Đoàn của ông mở nhiều mũi xung kích đột phá chớp nhoáng vào các vị trí cộng quân, đánh xong chuyển hướng khác. Tướng lãnh việt cộng điên đầu không biết chỗ nào là "Điểm" chánh, chỗ nào là "Diện" phụ để tổ chức phòng thủ hay phản công. Một vị Tướng khác nữa của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa là Trung Tướng Ngô Quang Trưởng cũng được kính trọng gọi là "Montgomery của Việt Nam", là vị Tướng lừng danh nhất của Anh Quốc trong thời Đệ Nhị Thế Chiến đánh tan quân đoàn bắc phi của Tướng Đức Rommel và cùng Tướng Patton giải phóng Châu Âu. Chính Trung Tướng Trưởng đã vạch kế hoạch phản công tái chiếm Quảng Trị với Chiến Dịch Lôi Phong. Nếu mấy tháng đầu hè 1972 cộng quân đã dội những cơn bão lửa kinh khủng lên chiến tuyến của quân Việt Nam Cộng Hòa và cả lên hàng trăm ngàn thường dân vô tội chạy lánh nạn. Thì Chiến Dịch Lôi Phong cũng dội ngàn ấy lửa đạn lên khắp vị trí quân giặc cho đến tan tành hoa lá, rời Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân và Kỳ Binh của Quân Ta tấn công cường kích đẩy lui nhanh chóng địch quân chạy trốn chết về phía Bến Hải.

Quân Đội Quốc Gia Việt Nam đánh thắng được quân Bình Xuyên và truy quét tàn quân đến mãi tận Vùng Rừng Sát, các lực lượng võ trang khác của các Giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo chịu về hợp tác và hợp nhất với Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, chuẩn bị trận chiến đấu sinh tử chống lại cuộc chiến tranh do Hà Nội phát động, dùng con tốt Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam mở đường xâm chiếm Nước Việt Nam Cộng Hòa non trẻ. Sau chiến thắng Bình Xuyên, Đại Úy tân thăng Nguyễn Khoa Nam được gọi đi học một Khóa Kỹ Thuật đặc biệt 8 tháng tại Quân Trường Pau bên Pháp. Năm sau Đại Úy Nam trở về nước và nhận một Chức Vụ khiêm nhường là Đại Đội Trưởng Đại Đội Kỹ Thuật Nhảy Dù, Đại Đội đồn trú trong khuôn viên Trại Hoàng Hoa Thám, Sài Gòn. Cuộc đời binh nghiệp của Đại Úy Nam vụt chói sáng sau chín năm làm việc ở Hậu Cứ, được vinh thăng Thiếu Tá và được đề bạt làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù. Tiểu Đoàn 5 Dù nổi tiếng chiến đấu anh dũng trong trận Điện Biên Phủ, dưới quyền Chỉ Huy quả cảm của Đại Úy Tiểu Đoàn Phó Phạm Văn Phú, người mà sau này sẽ là vị Tư lệnh Quân Đoàn II & Quân khu II gánh vác cả một gánh nặng chiến tranh trên vai, cùng những nỗi oan khuất của cuộc triệt thoái không mong muốn và đã uống thuốc độc Tử Tiết ngay trong ngày 30.4.1975, không hàng giặc và giữ tròn tiết tháo của một vị Thần Tướng.

Làm Tiểu Đoàn Trưởng của một Tiểu Đoàn với những vị Chỉ Huy đầy huyền thoại trước và sau ông như Phạm Văn Phú, Trương Quang Ân, Ngô Quang Trưởng, Lê Quang Lương, ...Thiếu Tá Nam cùng Tiểu Đoàn miệt mài hành quân trên khắp bốn vùng chiến thuật, rồi năm 1967 vinh thăng Trung Tá lên nắm Lữ Đoàn 3 Dù và được tưởng thưởng Đệ Tứ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương. Là con người đạo đức, giàu lòng nhân ái khi ngày ngày phải đối diện với mọi nỗi mọi hình thái kinh khiếp của chiến tranh, Trung Tá Nam từng u sầu nói với cụ Phước: "Chiến tranh mang đến chết chóc và tang thương". Lính Việt cộng mười lăm mười sáu tuổi nằm chết đầy trên núi, Đơn vị Anh cũng có hàng tá Chiến Sĩ bị thương, thật là đau xót. Chắc chắn là vợ con họ sẽ đau khổ biết dường nào. Khi trở về hậu cứ Anh sẽ tìm cách giúp đỡ những gia đình ấy". Từ khi còn là Thiếu Úy cho đến sau này lên đến Thiếu Tướng, người hết sức yêu thương và chăm lo cho đời sống của Binh Sĩ thuộc cấp. Thiếu Tướng Nam không bao giờ quan niệm Nhất Tướng công thành vạn cốt khô, cho nên trong cuộc đời binh nghiệp Thiếu Tướng Nam không có những trận đánh lớn và đổ lửa. Người là một Phật tử, phát nguyện ăn chay 15 ngày trong một tháng, cố gắng tôn trọng những giới răn, tránh sát giới nhưng vẫn làm tròn bổn phận của một người lính bảo vệ đất nước. Vì vậy dưới sự chỉ huy hiệu quả của Trung Tá Nam, Lữ Đoàn 3 Dù đã đánh thắng một trận vang dội trên đồi Ngok Van, được vinh thăng Đại Tá cùng với chiếc huân chương Đệ Tam Đẳng Bảo Quốc. Đại Tá Nguyễn Khoa Nam đã dẫn dắt Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù về Sài Gòn trong những ngày Mậu-Thân binh lửa năm 1968, góp phần vào chiến thắng chung của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa trên toàn lãnh thổ, tiêu diệt hầu như toàn bộ lực lượng võ trang của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Quãng đường chông gai chiến đấu cho nền tự do của Tổ Quốc đối với Đại Tá Nam vẫn còn dài thăm thẳm, khi binh đội miền Bắc ngày càng ồ ạt và công khai theo đường mòn Hồ Chí Minh tràn xuống chiếm lấy miền Nam. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tin nhiệm tài năng của vị Đại Tá Dù, ông quyết định bổ nhiệm Đại Tá Nam về miền Tây làm Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh trong năm 1969 và một thời gian ngắn sau vinh thăng lên Chuẩn Tướng. Định mệnh đã đưa người hùng Quân Lực về Sư Đoàn 7 Bộ Binh và để chuẩn bị đưa người lên một vị trí cao hơn, lừng lẫy hơn rồi đi vào lịch sử ngàn đời. Làm Tư lệnh Sư Đoàn 7 hay Sư Đoàn 21 Bộ Binh có nghĩa là ở trong vị thế sẽ được đề bạt lên Chức Vụ Tư Lệnh Quân Khu bất cứ lúc nào, như trường hợp Trung Tướng Nguyễn Viết Thanh, Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi. Năm 1972, Chuẩn Tướng Nam vinh thăng Thiếu Tướng, người nhận trách nhiệm nặng nề bảo vệ các Tỉnh bờ Bắc Sông Tiền Giang, trong khi Sư Đoàn 21 Bộ Binh và Trung Đoàn 15 của Sư Đoàn 9 Bộ Binh hành quân lên Bình Long tăng viện Sư Đoàn 5 Bộ Binh và giải tỏa An Lộc. Song song với ba Mặt Trận lớn và đổ lửa Quảng Trị, Komtum, An Lộc, binh đội chính quy Bắc Việt cũng mở Mặt Trận lớn tại miền Tây, gồm các đơn vị của sư đoàn 1 Bắc Việt và các trung đoàn địa phương. Chiến sự miền Tây nổ lớn từ ngày 7.4.1972 lần lượt trên các Mặt Trận Kiến Phong, Kiến Tường và Định Tường. Vào cuối tháng 5.1972, sư đoàn 5 Bắc Việt bị đánh tan nát tại Bình Long chạy về vùng Tháp Mười dưỡng quân và bắt thêm quân bổ sung, hợp với sư đoàn 1 Bắc Việt đánh phá miền Tây. Thiếu Tướng Nam Chỉ Huy các Trung Đoàn 10, 11, 12 của Sư Đoàn 7 Bộ Binh chặn đánh quân giặc tổng số lên đến 6 trung đoàn trên khắp Mặt Trận, rồi lại phải điều động các Đơn Vị hành quân sang Cambodia giải cứu cho Thị Trấn Kompong Trabek, một Thị Trấn nối liền với bến phà chiến lược Neak Luong nằm trên Quốc Lộ 1. Tướng Hùng thì phải có Binh mạnh, có Anh Hùng thì phải có Hào Kiệt, các vị Trung Đoàn Trưởng của Sư Đoàn 7 Bộ Binh đều là những Sĩ Quan xuất sắc, trong đó có Đại Tá trẻ tuổi Đặng Phương Thành, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 10 đã lập nhiều chiến công

cho Quân Đội. Đại Tá Thành đã đánh thắng lớn trận cuối cùng tại Thủ Thừa tiêu diệt một trung đoàn giặc trong tháng 4.1975, giữ vững Quốc Lộ 4. Khi Đại Tá Thành đi tù cộng sản ngoài Bắc, nhân khi ông vượt ngục bị bắt lại, hậm hực vì mới nhục thua trận Quốc Lộ 4, bọ cai ngục treo Đại Tá Thành lên và đánh đập tàn nhẫn cho đến chết.

Sau 22 ngày ác chiến Quân Sư Đoàn 7 Bộ Binh đánh lui địch ra khỏi Thị Trấn, nhưng khi bàn giao lại cho Quân Đội Cộng Hòa Kampuchea rút về Việt-Nam thì Thị Trấn lại rơi vào tay cộng quân như cũ. Đến tháng 7.1972, Trung Đoàn 15 Bộ Binh của Đại Tá Hồ Ngọc Cần, rồi tháng 8.1972 toàn Sư Đoàn 21 Bộ Binh của Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường trở về Quân Khu IV, Thiếu Tướng Nam đã có thể rãnh tay phóng ra những cuộc hành quân lớn quét các lực lượng tại Kiến Phong, Kiến Tường và Định Tường. Lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh miền Tây, Sư Đoàn 7 Bộ Binh trong một trận đánh đã bắt được đến 78 tù binh sau 8 ngày kịch chiến. Hầu hết các tù binh đều còn trong hạn tuổi thiếu niên, ốm yếu và trang bị kém. Nào lòng hơn nữa, những tù binh nhỏ tuổi này cho biết họ đã bị các cấp chỉ huy bỏ rơi, khi tình hình đã trở nên nguy ngập trước sức tấn công dồn dập của Chiến Sĩ Sư Đoàn 7 Bộ Binh "Ó Trắng Miền Tây". Thậm chí tại Mặt Trận Hà Tiên, một viên tiểu đoàn trưởng ra hàng cung khai rằng toàn tiểu đoàn của anh chỉ còn sống sót có ba mươi người. Đến giữa tháng 12.1972, sau hơn 8 tháng chiến cuộc sôi động, Quân Ta đã tái lập nhịp an bình cho miền Tây, các Chiến Sĩ dũng mãnh của Sư Đoàn 7 Bộ Binh đã có thể cho phép mình tận hưởng một vài dây phút bình an trong mùa Giáng Sinh năm ấy.

Trong tháng 11.1974 Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam được đề bạt lên làm Tư Lệnh Quân Đoàn IV & Quân Khu IV thay thế Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi. Thiếu Tướng Nam vô cùng an tâm và hài lòng khi biết vị Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh thay thế ông là Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, một con người kiệt xuất và nhiều huyền thoại. Chắc là ông đã được cho nghe câu chuyện Chuẩn Tướng Hai cùng hai Sĩ Quan Biệt Động Quân đã đáp máy bay C-130 và nhảy xuống chiến trường Khe Sanh đầu năm 1969 ra tận chiến hào tiền tuyến để thăm nom và khích lệ Chiến Sĩ Tiểu Đoàn 37 Biệt Động Quân trấn thủ. Một tin vui khác cũng đến với vị Tân Tư Lệnh, Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, người Hùng An Lộc nhận lệnh về trình diện ông với Chức Vụ Tư Lệnh Phó Quân Khu IV. Thiếu Tướng Nam cũng đặt hết tin tưởng vào Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường, Tư lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh, nguyên Đại Tá Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 8 của Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Trung Đoàn mà đã đương đầu trực tiếp với chiến xa T-54 địch, bắn cháy 4 và bắt sống 1 chiếc trong ngày đầu tiên đổ lửa trên các Đường phố An Lộc tháng 4 năm 1972 và Chuẩn Tướng Huỳnh Văn Lạc, Tư lệnh Sư Đoàn 9 Bộ Binh, trấn thủ vững vàng Khu vực trách nhiệm. Năm vị Tư Lệnh cùng với Ban Tham Mưu mạnh và đầy tài năng của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV đã tạo nên một bức tường thép vững chãi bảo vệ Quân Khu IV. Cho nên trong lúc tình hình các Quân Khu I, II và III nguy ngập thì tại Quân Khu IV quân địch bực tức bó tay không cách nào có thể làm xoay chuyển thế trận để chiếm lấy miền Tây.

Bại Tướng Dương Văn Minh trong ngày 30.4.1975 ra lệnh cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa buông súng và bàn giao các vị trí cho giặc, trang sử chiến đấu oanh liệt và hào hùng cho nền tự do của Tổ Quốc của Quân Dân Việt Nam Cộng Hòa bị lật sang trang một cách tức uất. Trong lúc những chiếc khăn rằn và những chiếc áo xanh màu rêu mốc của cộng quân tràn ngập khắp Phố phường Thủ Đô Sài Gòn sau 10 giờ sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, thì dưới Quân Khu IV, các vị Tướng lãnh vẫn còn chưa chịu đầu hàng dễ dàng như vậy. Vài ngày trước đó Thiếu Tướng Nam và Chuẩn Tướng Hưng đã cùng soạn kế hoạch phòng thủ Quân Khu IV, chỉnh đốn

Binh Lực, tu sửa Doanh Trại, Công Sở tại Cần Thơ để làm Thủ Đô phòng thủ và đón Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa từ Sài Gòn di tản về tiếp tục chiến đấu. Bản kế hoạch điều động và phối trí các Đơn Vị được giao cho một Đại Tá trong Ban Tham Mưu Quân Đoàn để liên lạc với các Đơn Vị đã không đến tay các Đơn Vị Trưởng để được thi hành. Người Đại Tá này đã bỏ ngũ và biến mất, có lẽ ông ta đã di tản được ra khỏi Việt Nam. Thiếu Tướng Nam và Thiếu Tướng Hưng chỉ có thể lắc đầu, thời gian và tinh thần không còn thuộc về phía Việt Nam Cộng Hòa, nói chính xác hơn Miền Tây trong ngày 30.4.1975. Vận nước đã đến lúc tang thương như thế này, Thành mất thì Tướng phải mất theo Thành, cho tròn tiết tháo và dũng khí người làm Tướng. Hai vị Tướng đứng dưới cột cờ trong sân Bộ Tư Lệnh, thần thái vẫn ung dung và từ giả nhau sau cái bắt tay vĩnh biệt. Thiếu Tướng Nam đi vào Quân Y Viện Phan Thanh Giản Cần Thơ thăm những Chiến Hữu Thương Binh của ông lần cuối cùng. Những ánh mắt u sầu của những Chiến Sĩ bất hạnh nhìn vị Tư Lệnh, hy vọng người sẽ bảo bọc chở che cho trong những giây phút thê thảm ấy. Thiếu Tướng Nam mắt nhắm nhắm nhìn những người Chiến Sĩ thân thương của ông, người rùng mình không dám nghĩ đến những chuyện ghê rợn mà quân cộng sẽ đối xử với những người thất trận thương phế này, sau khi ông đã vĩnh viễn đi thật xa sang một Thế Giới khác. Có một lần khi người xem cuộn phim Đường số 9 Nam Lào tịch thu được trong một cuộc hành quân, với cảnh Đại Tá Nguyễn Văn Thọ, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù, Đơn vị cũ của ông, bị sa vào tay giặc, Thiếu Tướng Nam thờ dài nói với một Sĩ Quan ngồi gần bên: “Nếu rơi vào hoàn cảnh như vậy, chắc mình phải tự sát”. Giờ đây cái ý tưởng không chịu cúi đầu sống nhục trong cùm xích cộng sản và lấy cái chết để báo ơn Tổ Quốc trở lại và hiện rõ hơn bao giờ hết. Mỗi thương cảm vận nước, Chiến Hữu và Thương Binh đã làm cho đôi mắt của người sưng húp lên.

Khi Thiếu Tướng Nam trở về Dinh Tư Lệnh nằm bên bờ con Sông Cái Khế buổi tối cùng ngày, nhận được tin Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng đã nổ súng tự kết liễu tại Văn Phòng Tư Lệnh Phó, ông điện sang Bà quả phụ Chuẩn Tướng Hưng an ủi. Người tự biết giờ ra đi của mình cũng chỉ trong khoảng khắc ngắn ngủi nữa thôi. Có một viên thiếu tá địch xin vào gặp Thiếu Tướng để tiến hành việc bàn giao, vẫn giữ uy phong của một vị Tư Lệnh, người đã đồng dục trả lời: “Chúng tôi sẽ thu xếp, nhưng các anh không được phép bạo động. Nếu trái lại, tôi sẽ không bảo đảm ngay chính mạng sống của anh”. Đến nửa đêm, Thiếu Tướng Nam trân trọng vận bộ lễ phục trắng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, với gù vai, giầy biểu chương, huy chương các loại gắn trên ngực áo, nghiêm chỉnh ngồi ngay ngắn trong chiếc ghế sau bàn Tư Lệnh. Rồi người đưa súng lên bắn vào màng tang, đầu người gục xuống về phía trái. Trên bàn có một chiếc cặp đựng một ít giấy tờ cá nhân cùng 40.000 đồng, số tiền lương khiêm nhường của một vị Tướng. Ngoài ra trong túi áo người còn có một quyển kinh Phật gói trong bao plastic. Vị Sĩ Quan thân cận cũng cho khẩu súng Browning vào túi Thiếu Tướng Nam. Anh linh của người đã thăng thiên, gặp lại những Đấng Tiên Nhân, Tiên Liệt, tên của người vĩnh viễn được ghi vào Sử xanh, như là Anh Hùng của Dân Tộc Việt Nam. Ngày hôm sau một vài Sĩ Quan còn ở lại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn vào chào kính vị Chỉ Huy Anh Dũng và tìm cách mai táng thi thể Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam. Một người chỉ huy cộng sản lấp bắp nói: “Ông này là một Tướng ngụy tự tử sao các anh lại chào kính?”. Một Sĩ Quan Việt Nam Cộng Hòa quay lại nghiêm giọng: “Ông ấy là Võ Tánh. Ông ấy là Anh Hùng làm vinh dự cho người Việt Nam, trong đó có cả anh nữa”. Trung Tá Bác Sĩ Quân Y Hoàng Như Tùng, Chỉ Huy Trưởng Quân Y Viện Phan Thanh Giản cùng một số Chiến Sĩ làm lễ hạ huyết và mai táng Thiếu Tướng Nam trong Nghĩa Trang Quân Đội Cần Thơ ngày 1.5.1975. Ngày 2.5.1975 cụ bà Diệu Khâm cùng người con gái xuống Cần

Thơ và dựng mộ bia cho người. Cho đến tháng 3.1994 Cụ bà hiện nội Cụ Nguyễn Khoa Phước, trong lúc Cụ Phước còn trong nhà tù miền Bắc, đã xuống Cần Thơ bốc mộ và hỏa thiêu hài cốt Thiếu Tướng Nam dựng trong hũ đem về thờ trong Chùa Gia Lâm nằm trên Đường Lê Quang Định, Gò Vấp, Tỉnh Gia Định cho mãi đến ngày nay.

Lịch sử rớt cuộc đã trả lại công lý và sự thật cho những oan khuất mà Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã ngậm đắng nuốt cay mang từ một phần tư thế kỷ qua. Các Nhà Viêt Quân Sử Thế Giới, kể cả ông Henry Kissinger trong thời điểm hiện nay đều cùng thừa nhận Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã chiến đấu rất Anh Dũng và là một nhân tố tích cực chống giữ an toàn cho vùng Đông Nam Á, để những nước này có những cơ hội trở thành những con rồng, con hổ ở Á Châu. Những vị Thần Tướng nước Nam Nguyễn Khoa Nam, Phạm Văn Phú, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai, Lê Nguyên Vỹ, Hồ Ngọc Cẩn v.v... là những ánh sao chói chang của Lịch Sử, là niềm tự hào của Đất nước chúng ta và những thế hệ con cháu Việt Nam cho đến ngàn đời sau.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Khoa Phước, Mourning Thoughts About General Nguyen Khoa Nam. Trương Dưỡng, Đời Chiến Binh, Trần Hoài Thư, Đôi Mắt Người Tư Lệnh. Ngô Quang Trưởng, The Easter Offensive, Bắc Đẩu, Đại Tá Đặng Phương Thành.

Diễn Đàn Phụ Nữ 195-2000

# Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn Anh Hùng Vị Quốc Vong Thân

Phạm Phong Dinh

Tên tuổi của Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn đã bắt đầu lừng lẫy từ khi người còn là một Sĩ Quan cấp Ủy phục vụ trong Binh Chủng Mũ Nâu Biệt Động Quân ở miền Tây. Các cấp chỉ huy Biệt Động Quân trong thời điểm đầu những năm 1960 đã để ý nhiều đến tân Chuẩn Ủy Hồ Ngọc Cẩn, Trung Đội Trưởng Biệt Động Quân, về những hành động quả cảm đến phi thường trong những cuộc giao tranh. Người Trung Đội Trưởng trẻ mới có 22 tuổi đời đã đứng xông lừng dẫn Quân Mũ Nâu xung phong lên đánh những trận long trời trên chiến trường Đồng Bằng Sông Cửu Long. Những chiếc lon mới nở nhanh theo cùng với những chiến thắng. Chỉ trong vòng bốn năm, Chuẩn Ủy Hồ Ngọc Cẩn đã được vinh thăng lên đến cấp bậc Đại Ủy và được điều về làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 1 thuộc Trung Đoàn 33 của Sư Đoàn 21 Bộ Binh "Tia Sét Miền Tây". Lúc đó trên lãnh thổ Vùng 4 Chiến Thuật đã nổi lên những khuôn mặt chiến binh dũng mãnh mà đã được ca tụng là những con mãnh hổ miền Tây, Đại Ủy Hồ Ngọc Cẩn có vinh dự nằm trong số năm vị này. Những vị còn lại gồm những tên tuổi lừng lẫy:

\*Đại Tá Nguyễn Văn Huy, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân.

\*Thiếu Tá Lưu Trọng Kiệt, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 42 Biệt Động Quân.

\*Thiếu Tá Lê Văn Dân, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 44 Biệt Động Quân.

\*Thiếu Tá Lê Văn Hưng, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 Trung Đoàn 31, Sư Đoàn 21 Bộ Binh

\*Thiếu Tá Vương Văn Trỏ, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 3 Trung Đoàn 33 Sư Đoàn 21 Bộ Binh

Thật ra bản danh sách này chỉ có tính cách ước lệ và tượng trưng, đâu phải một miền Tây rộng bát ngát mà chỉ có vồn vẹn có 5 người hùng. Mỗi người Linh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa xứng đáng được vinh danh là những anh hùng, vì những đóng góp máu xương quá lớn cho Tổ Quốc.

Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn sinh ngày 24.3.1938 tại Xã Vĩnh Thạnh Vân, Rạch Giá, Thân phụ của ông là một Hạ Sĩ Quan phục vụ trong Quân Đội Quốc Gia Việt Nam (Danh xưng của Quân Đội trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa, dưới sự lãnh đạo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm). Đại Tá Cẩn không may sinh ra và lớn lên trong thời buổi chiến tranh, nên khi lên 7 tuổi ông sắp sửa cấp sách đến trường, thì chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, việc học của ông bị gián đoạn. Mãi hai năm sau, tức vào năm 1947 ông mới được đi học lại, sau khi tình hình ở các Thành Phố trở lại yên tĩnh, quân Việt Minh rút về các chiến khu, quân Pháp chiếm đóng các Thành Phố. Cậu bé Cẩn học muộn đến những hai năm, khi ông học tiểu học được bốn năm thì thân sinh của cậu quyết định xin cho cậu nhập học Trường Thiếu Sinh Quân Gia Định. Có lẽ vị thân sinh của người đã nhìn thấy được những dấu hiệu, những nảy nở của tinh thần và ý hướng, mà sau này sẽ hướng người vào con đường binh nghiệp, sẽ làm nên những công nghiệp lớn có ích lợi cho Đất Nước.

Cuộc đời đèn sách trẻ nãi của chàng thiếu niên Hồ Ngọc Cẩn, lúc này đã 17 tuổi, đã ngáng bước đi lên về mặt văn hóa. Theo học quy của Trường Thiếu Sinh Quân, một học sinh ở độ tuổi 17 chưa học xong Đệ Ngũ, sẽ được gửi đi học chuyên môn. Vì vậy chàng thiếu niên Hồ Ngọc Cẩn được Trường gửi lên Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức học Khóa chuyên môn CC1 Vũ Khí. Trong lớp văn hóa hồi ở Trường Thiếu Sinh Quân, ông chỉ ở mức trung bình, nhưng sau ba tháng học ở Thủ Đức, chàng trai trẻ lại đậu hạng ưu. Ông được cho học thêm Khóa chuyên môn vũ khí bậc nhì CC2. Sau khóa học này ông quyết định đăng vào phục vụ trong Quân Đội Quốc

Gia Việt Nam, với cấp bậc Binh Nhì. Theo quy chế dành cho các Thiếu Sinh Quân, thì ba tháng sau, Binh Nhì Hồ Ngọc Cẩn sẽ được thăng lên Hạ Sĩ, ba tháng kế tiếp được lên Hạ sĩ Nhất và ba tháng sau nữa được thăng Trung Sĩ. Trong vòng 9 tháng kế tiếp, với khả năng ưu hạng về môn vũ khí, Trung Sĩ Hồ Ngọc Cẩn được chọn làm Huấn Luyện Viên vũ khí cho Trường.

Cuộc đời làm Huấn Luyện Viên của ông tưởng như êm đềm trôi và tài năng quân sự của người sẽ bị mai một trong một ngôi Trường khiêm tốn. Nhưng định mệnh đã dành cho người Anh Hùng một vị trí xứng đáng trong Quân Đội và những cơ hội thi thố tài năng, mà sau này được mọi người truyền tụng lại như là những huyền thoại, để phục vụ và bảo vệ Tổ Quốc. Tình hình quân sự càng ngày càng nghiêm trọng cho một Quốc Gia non trẻ và một Quân Đội còn tập tễnh kinh nghiệm chiến đấu, Sĩ Quan chỉ huy thiếu hụt. Bộ Quốc Phòng quyết định mở các Khóa Sĩ Quan đặc biệt bắt đầu từ năm 1962 để cung cấp thêm Sĩ Quan có khả năng cho chiến trường và nâng đỡ những Hạ Sĩ Quan có ước vọng thăng tiến. Một may mắn lớn cho Trung Sĩ Hồ Ngọc Cẩn, mà cũng là may mắn cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Đại Tướng Lê Văn Tỵ, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, một Cựu Thiếu Sinh Quân, đã nâng đỡ cho các đàn em Thiếu Sinh Quân. Những Thiếu Sinh Quân không hội đủ năm năm quân vụ và có bằng Trung học đệ nhất cấp vẫn được cho đi học Khóa Sĩ Quan đặc biệt. Hơn nữa, dường như Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Đại Tướng Lê Văn Tỵ có mật lệnh, các tân Chuẩn Úy xuất thân từ Thiếu Sinh Quân đều được đưa về các Binh Chủng thiện chiến hay đặc biệt như Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Thiết Giáp, Biệt Động Quân, Quân Báo, An Ninh Quân Đội, Lực Lượng Đặc Biệt. Tổng Thống Diệm và Đại Tướng Tỵ cũng không quên gởi những Thiếu Sinh Quân tốt nghiệp Tú Tài vào học các Trường Cao Đẳng Sư Phạm và Y Khoa để có nhân tài phục vụ xã hội và huấn luyện lại cho những thế hệ tuổi trẻ kế tiếp. Đặc biệt nhiều Thiếu Sinh Quân cũng được cho vào học Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt để làm nền tảng cho cái xương sống chỉ huy chuyên nghiệp trong hệ thống Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.

Trung Sĩ Hồ Ngọc Cẩn được cho theo học Khóa 2 Sĩ Quan Hiện Dịch tại Trường Hạ Sĩ Quan Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa Đồng Đế Nha Trang. Các Tân Chuẩn Úy Đặc Biệt, trong đó có Chuẩn Úy Hồ Ngọc Cẩn tung cánh đại bàng bay đi khắp bốn phương và sau này đã trở thành những Sĩ Quan tài giỏi nhất của Quân Lực, lưu danh quân sử. Chuẩn Úy Hồ Ngọc Cẩn được tuyên chuyển về Biệt Động Quân Vùng IV Chiến Thuật miền Tây, sau một Khóa học Rừng Núi Sinh Lầy của Binh Chủng Mũ Nâu. Lúc đó các Đại Đội Biệt Động Quân biệt lập theo lệnh của Tổng Thống Diệm, đã được cải tổ và sát nhập thành các Tiểu Đoàn. Khu 42 Chiến Thuật gồm lãnh thổ các Tỉnh Phong Dinh, Chương Thiện, Ba Xuyên, Bạc Liêu và An Xuyên, có hai Tiểu Đoàn Biệt Động Quân, mà lại là hai Tiểu Đoàn lừng lẫy nhất của Binh Chủng, đó là Tiểu Đoàn 42 Biệt Động Quân "Cọp Ba Đầu Rắn" và Tiểu Đoàn 44 Biệt Động Quân "Cọp Xám". Chuẩn Úy Hồ Ngọc Cẩn nhận sự vụ lệnh trình diện Tiểu Đoàn 42 Biệt Động Quân và làm Trung Đội Trưởng. Khả năng quân sự thiên bẩm, tài chỉ huy và sự chiến đấu hết sức gan dạ của Chuẩn Úy Cẩn, mà đã đem nhiều chiến thắng vang dội về cho Tiểu Đoàn 42 Biệt Động Quân, được thăng cấp đặc cách nhiều lần tại Mặt Trận, đã nhanh chóng xác nhận Trung Úy Tân thăng Hồ Ngọc Cẩn có khả năng chỉ huy Tiểu Đoàn. Trung Úy Cẩn được bổ nhiệm làm Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 42 Biệt Động Quân, đặt dưới quyền chỉ huy của một Chiến binh lừng lẫy và nhiều huyền thoại không kém gì Trung Úy Hồ Ngọc Cẩn. Thiếu Tá Lưu Trọng Kiệt, xuất thân từ Sư Đoàn 21 Bộ Binh, với tác phong chiến đấu dũng cảm làm quân giặc kiêng sợ và thuộc cấp kính phục.

Cung cách đánh giặc như vũ bão của Trung Úy Cẩn còn được nhân lên thập bội, khi lời yêu cầu của ông lên cấp chỉ huy xin cho các Chiến binh gốc Thiếu Sinh Quân được về chiến đấu chung với ông. Lời yêu cầu này được thỏa mãn một phần, nhưng cũng đủ để cho Trung Úy Cẩn có thêm được sức mạnh cần thiết. Có lần ông tâm sự với một người bạn lý do này: “Một là để dễ sai. Tất cả bọn Cựu Thiếu Sinh Quân này đều ra Trường sau tôi. Chúng là đàn em, dù tôi không phải là cấp trên của chúng, mà chúng nó lộn xộn, tôi vẫn hèo vào đít chúng nó được. Nay tôi muốn chúng nó về với tôi, để tôi có thể dạy dỗ chúng nó những gì mà Quân Trường không dạy. Hai là truyền thống của tôi khi ra trận là chết thì chết chứ không lùi. Vì vậy cần phải có một số người giống mình, thì đánh nhau mới đã. Bọn Thiếu Sinh Quân đều như tôi”.

Một câu chuyện dũng cảm và cảm động khác kể về Trung Tá Hồ Ngọc Cẩn, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 15 Bộ Binh tại Mặt Trận An Lộc năm 1972. Trong khi quân của Trung Đoàn 15 thuộc Sư Đoàn 9 Bộ Binh bị pháo địch nã hàng ngàn quả ghim đầu xuống những hố cá nhân bên Đường Quốc Lộ 13 gần Thị Xã An Lộc, thì Binh Sĩ Trung Đoàn ngạc nhiên lẫn cảm kích khi thấy vị Trung Đoàn Trưởng của họ dẫn vài người Lính cũng quả cảm như vị chỉ huy điềm tĩnh đi thẳng lưng dưới cơn hỏa pháo cuồng kích như bão lửa của sư đoàn 7 Bắc Việt từ công sự này đến hố chiến đấu kia thăm hỏi Chiến Sĩ, an ủi các Chiến Thương và khích lệ tinh thần Binh Sĩ. Chiến binh Hồ Ngọc Cẩn coi thường cái chết, mà dường như cái chết cũng sợ hãi và tránh xa con người kiệt xuất ấy. Định mệnh sẽ dành cho người một cái chết cao cả nhất, ít nhất cũng chưa phải là trong Mùa Hè Đỏ Lửa của năm 1972. Dường như giữa Trung Tá Cẩn và cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí có rất nhiều chất hào hùng quả cảm giống như nhau. Đại Tướng Đỗ Cao Trí thường nói với các phóng viên ngoại quốc đi trong cánh quân của người, khi họ tỏ lòng khâm phục người Chiến Binh Nhảy Dù vĩ đại ấy đã đứng giờ cao khẩu súng Browning thúc dục Binh Sĩ tiến lên, giữa những làn đạn chéo như vài trấu của địch quân: “Nếu đạn không trúng mình thì mình được tiếng anh hùng, mà nếu đạn có trúng thì mình cũng được tiếng anh hùng luôn”.

Các loại pháo địch từ 122 ly đến 130 ly, chưa kể đến những loại cối 81 ly và các loại súng đại bác không giật 75 ly và 90 ly dội hàng chục ngàn quả lên vị trí của Quân Ta. Quân Trung Đoàn 15 đánh lên An Lộc dọc theo Quốc Lộ 13 từ Tân Khai tiến rất chậm vì đạn pháo giặc. Để tránh bị thiệt hại nặng, Trung Tá Hồ Ngọc Cẩn đã lệnh cho Binh Sĩ mỗi người đào một hố nhỏ như những cái “miệng ve” để ẩn trú. Nếu pháo dội trúng cái “miệng ve” nào, thì một Chiến Sĩ ở chỗ đó bị tử thương mà thôi. Trong một khoảng chiến tuyến mỗi chiều bề dài 300 thước, có hàng mấy trăm cái hố nhỏ, mấy ngàn quả pháo của cộng quân dội xuống, tính trung bình mỗi mét vuông lãnh vài trái. Nếu tính theo lý thuyết toán học thì mỗi Chiến Sĩ Trung Đoàn “ăn” từ hai trái lấy lên và như vậy toàn bộ Trung Đoàn coi như chết hết. Nhưng thật kỳ diệu, chiến thuật “cò ỉa miệng ve” của Quân Ta lại cứu sống hàng ngàn sinh mạng Chiến Sĩ. Dứt cơn pháo địch, Chiến Sĩ ta nhú đầu lên điểm danh quân số, thì thấy rằng, nhờ ơn trời, rất ít chiến thương. Tuy nhiên khi Quân Trung Đoàn 15 tiến quân trên Quốc Lộ 13 và giao chiến với quân địch, thì con số thương vong lên rất cao. Có nhiều Đại Đội trên 100 người, khi tàn cuộc chiến trở về Quân Khu IV chỉ còn khoảng ba chục Chiến Sĩ.

Ở phía Nam Tân Khai, Sư Đoàn 21 Bộ Binh cũng bị thiệt hại nặng vì pháo, nhiều Sĩ Quan cao cấp bị tử thương. Trung Đoàn Trưởng của Trung Đoàn là Trung Tá Nguyễn Viết Cẩn và một vị Trung Tá Trung Đoàn Phó của một Trung Đoàn khác hy sinh vì pháo địch quá ác liệt. Trung Tá Nguyễn Viết Cẩn chính là bào đệ của cố Trung Tướng Nguyễn Viết Thanh. Ông xuất thân từ Binh Chủng Mũ Đỏ Nhảy Dù,



con đường binh nghiệp đang có nhiều triển vọng đi lên thì ông bị liên can đến vụ thuộc cấp ngộ sát hai Quân Cảnh Mỹ tại Sài Gòn. Thiếu Tá Cần bị tuyên chuyển về Sư Đoàn 21 Bộ Binh, ít lâu sau ông thăng Trung Tá và nắm Trung Đoàn. Cuối cùng thì dòng họ Nguyễn Viết đã cống hiến cho Đất Nước đến hai người con ưu tú. Theo lời kể lại của Đại Úy Tiến, một vị Tiểu Đoàn Phó của Trung Đoàn 15 Bộ Binh lên An Lộc tham chiến, thì Trung Tá Cần đã lệnh cho ông đứng lên điều động Binh Sĩ giữa lúc đạn pháo giặc dội như bão xuống các vị trí Trung Đoàn. Tất cả các vị chỉ huy cao cấp của Trung Đoàn đều phải nêu gương dũng cảm cho thuộc cấp và Chiến Sĩ, để cùng xông lên giải cứu An Lộc.

Vì những chiến công ngoài chiến trường, tính đến năm 1970 thì Trung Tá Hồ Ngọc Cần là Chiến Sĩ được thưởng nhiều hy chương nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, với 78 chiếc gồm :1 Đệ Tứ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương, 25 Anh Dũng Bội Tinh với Ngành Dương Liễu, 45 Anh Dũng Bội Tinh với các loại Ngôi Sao, 3 Chiến Thương Bội Tinh và 4 Huy Chương Hoa Kỳ .

Sau khi trở về từ An Lộc, Trung Đoàn 15 Bộ Binh còn tăng viện cho các Trung Đoàn bạn và Sư Đoàn 7 Bộ Binh đánh những trận long trời ở miền biên giới Việt Miên, các Tỉnh bờ Bắc Sông Tiền Giang. Những tổn thất và vết thương còn chưa hồi phục từ chiến trường miền Đông, lại vỡ toác ra từng mảnh lớn khác. Nhưng có sá gì chuyện tử sinh, làm thân Chiến Sĩ thì người Lính của chúng ta chỉ biết tận lực hiến dâng xương máu cho nền tự do của Tổ Quốc và cho niềm hạnh phúc của dân tộc. Một lần nữa, Đại Tá Hồ Ngọc Cần được trao cho một chức vụ trọng yếu và hết sức khó khăn, khó có ai đảm đương nổi. Ông sẽ đi trấn nhậm Tỉnh Chương Thiện, một Tỉnh có địa hình phức tạp nhất vùng đồng lầy miền Tây, với cái gai nhọn nhức nhối mật khu U Minh Thượng trong lãnh thổ, từ đó quân Bắc Việt và việt cộng phóng ra những cuộc đánh phá lớn, uy hiếp các Quận Xã hẻo lánh. Chọn Đại Tá Cần về trấn giữ Tỉnh Chương Thiện, vị Tư Lệnh Quân Đoàn IV biết chắc Đại Tá Cần cùng với Lực Lượng Địa Phương Quân-Nghĩa Quân thiện chiến của ông sẽ ít nhất hóa giải được áp lực giặc, không cho chúng tiến xuống Cần Thơ. Giữ vững được Chương Thiện tức là bảo đảm an toàn cho lãnh thổ Quân Khu IV ở bờ Nam Sông Hậu Giang.

Trong thời gian Đại Tá Cần làm Tỉnh Trưởng Chương Thiện, một huyền thoại khác về người đã được kể lại. Đại Tá Cần chẳng những là một Nhà Quân Sự xuất chúng, mà còn là một Nhà Cai Trị và Bình Định tài ba. Có một ông Quận Trưởng nọ, muốn cho Chi Khu của mình được an toàn tối đa, chiều nào cũng xin Pháo Binh Tiểu Khu yểm trợ hỏa lực, nại lý do việt cộng pháo kích hay tấn công. Đại Tá Cần thỏa mãn tối đa và được báo cáo là Quận bị thiệt hại một kho xăng và kho lương thực. Đại Tá tin thật, ông lệnh cho Sĩ Quan Trưởng Phòng 3 chuẩn bị xe jeep đi xuống Quận. Buổi chiều chạng vạng trên những con đường đất hoang vắng rợn người ở vùng quê Chương Thiện mà vị Tỉnh Trưởng trẻ của chúng ta dám đi xe jeep cùng với một vài người Lính, chỉ có những Chiến binh dũng cảm như Đại Tá Cần mới làm được. Ông Quận Trưởng đang nằm trên võng rung đùi uống Martell với một người đẹp hoảng kinh ngồi bật dậy mặt mũi tái xanh đứng nghiêm chào vị Tỉnh Trưởng đầy huyền thoại. Đại Tá Cần đi thẳng xuống Trung Tâm Hành Quân của Chi Khu xem bản đồ và ra lệnh cho ông Quận: "Tôi muốn những Ấp loại C sau ba tháng được nâng lên loại B. Những Ấp loại B sau ba tháng phải được nâng lên loại A". Ngài Quận Trưởng tạm ngưng uống rượu và làm việc trời chết. Đại Tá Cần không trừng trị tội xao nhãng nhiệm vụ của ông Quận, nhưng cung cách độ lượng và cương quyết của Đại Tá Cần giống như lưới gươm trừng phạt treo đung đưa trên đầu. Đúng ba tháng sau, nhận được báo cáo khả quan của vị Quận Trưởng, Đại Tá Cần lại xuống Quận ngủ đêm, sau khi đã trân trọng gắn lon mới thưởng cho ông này.

Nếu tất cả 44 Tỉnh của Việt Nam Cộng Hòa đều có những vị Tỉnh Trưởng can đảm, mẫn cán và tài ba như Đại Tá Cẩn, làm sao giang sơn hoa gấm của Tổ Tiên của chúng ta có thể lọt vào tay bọn cộng nô tay sai Nga-Tàu dễ dàng như vậy được. Chúng ta cũng được biết rằng. Đại Tá Cẩn là vị Tỉnh Trưởng trẻ tuổi nhất của Việt Nam Cộng Hòa. Ông nhận chức vụ này hồi năm 1973, lúc ông mới có 35 tuổi.

Những đóng góp và hy sinh của Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn lớn lao và nhiều không sao có thể kể được hết, suốt một đời người đã tận tụy với nước non, danh tiếng lừng lẫy và nắm giữ những Chức Vụ khó khăn và lừng lẫy, mà người vẫn khiêm nhường hết mực, giữ cuộc sống trong sáng và thanh liêm, tâm tư lúc nào cũng hướng về những thế hệ đàn em. Một người bạn cũ trong một dịp gặp lại Đại Tá Cẩn ở Cần Thơ vào mùa hè 1974, đã hỏi ông: “Anh từng là Trung Đoàn Trưởng, hiện làm Tỉnh Trưởng, anh có nghĩ rằng sau này sẽ làm Tư Lệnh Sư Đoàn không?”. Con người danh tiếng lừng lẫy trên các chiến trường đã khiêm tốn trả lời: “Tôi lận lợi suốt mười bốn năm qua, gối chưa mỏi, nhưng kiến thức có hạn. Được chỉ huy Trung Đoàn là cao rồi, mình phải biết liêm sỉ chớ, coi Sư Đoàn sao được. Làm Tỉnh Trưởng bất quá một hai năm nữa rồi tôi phải ra đi, cho đàn em họ có chỗ tiến thân. Bấy giờ tôi xin về coi Trường Thiếu Sinh Quân, hoặc coi các lớp huấn luyện Đại Đội Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng, đem những kinh nghiệm thu nhặt được dạy đàn em. Tôi sẽ thuật trước sau hơn ba trăm trận đánh mà tôi đã trải qua”. Ôi! Cao cả biết ngàn nào tầm lòng vĩ đại trân trọng với nước non và với thế hệ chiến binh đàn em của người. Con người chân chính để lại cho hậu thế những lời công chính.

Cuối cùng thì cái ngày tang thương 30.4.1975 của Đất Nước đã đến. Dân Tộc Việt Nam được chứng kiến những cái chết bi tráng hào hùng của những vị Thần Tướng nước Nam, của những Sĩ Quan các cấp còn chưa được biết và nhắc nhở tới của những người Chiến Sĩ Vô Danh, một đời tận tụy vì nước non, những đôi vai nhỏ bé gánh vác cả một sức nặng kinh khiếp của chiến tranh. Sinh mệnh của Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn cũng bị cuốn theo cơn lốc ai oán của vận mệnh đất nước. Chu vi phòng thủ của Tiểu Khu Chương Thiện co cụm dần, quân giặc hung hăng đưa quân tràn vào vây chặt lấy bốn phía. Những Chiến Sĩ Địa Phương Quân-Nghĩa Quân của Tỉnh Chương Thiện nghiêng răng ghì chặt tay súng, quyết một lòng liều sinh tử với vị chủ tướng anh hùng của mình. Đại Tá Cẩn nhớ lại lời đanh thép của ông: “chết thì chết chứ không lùi”. Ông tự biết những khoảng khắc của cuộc đời mình cũng co ngắn lại dần theo với chu vi chiến tuyến. Ông nhớ lại những ngày sinh lầy với Biệt Động Quân, những ngày lên An Lộc với Chiến Sĩ Sư Đoàn 9 Bộ Binh đi trong cơn bão lửa giữa nghiêng, những lúc cùng Chiến Sĩ Sư Đoàn 21 Bộ Binh đi lùng giặc trong những vùng rừng U Minh hoang dã và những chuỗi ngày chung vai chiến đấu với Chiến Sĩ Địa Phương Quân-Nghĩa Quân thân thiết và dũng mãnh của ông trên những cánh đồng Chương Thiện hoang dã. Hơn ba trăm trận chiến đấu, nhưng chưa lần nào ông và Chiến Sĩ của ông phải đương đầu với một cuộc chiến cuối cùng khó khăn đến như thế này.

Khoảng hơn 9 giờ tối ngày 30.4.1975, gần nửa ngày sau khi Tướng Dương Văn Minh đọc lệnh cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa buông súng đầu hàng, Đại Tá Cẩn cố liên lạc về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV xin lệnh của Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam. Người trả lời ông lại là phu nhân Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng. Đại Tá Cẩn ngỡ ngác không biết chuyện hệ trọng nào mà đã đưa Bà Hưng lên văn phòng Bộ Tư Lệnh. Bà Hưng áp sát ông nghe vào tai, bà nghe có nhiều tiếng súng lớn nổ ào ào từ phía Đại Tá Cẩn. Như vậy là Tiểu Khu Chương Thiện vẫn còn đang chiến đấu ác liệt và không tuân lệnh của hàng tướng Minh. Trước đó, khoảng 8 giờ 45 phút tối 30.4.1975 Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng đã nổ súng Tử Tiết, Thiếu Tướng Nam đang đi thăm Chiến Sĩ và Thương bệnh binh lần cuối cùng trong Quân Y Viện

Phan Thanh Giản Cần Thơ, rồi người tự sát ngay trong đêm. Bà Hưng biết Đại Tá Cần kiên quyết chiến đấu đến cùng, thà chết không hàng, vì đó là tính cách thiên bẩm của người Chiến Sĩ Hồ Ngọc Cần. Nếu có chết thì Đại Tá Cần phải chết hào hùng, trong danh dự của một người Chiến Sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa công chính. Đại Tá Hồ Ngọc Cần và các Chiến Sĩ Tiểu Khu Chương Thiện đã đánh một trận tuyệt vọng nhưng lừng lẫy nhất trong chiến sử Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Đánh tới viên đạn và giọt máu cuối cùng và đành sa cơ giữa vòng vây của bầy lang sói. Khi những người lính cộng chia súng vào hầm chỉ huy Tiểu Khu Chương Thiện, họ chỉ thấy còn có mỗi Đại Tá Hồ Ngọc Cần và một Trung Sĩ gốc Thiếu Sinh Quân. Người Trung Sĩ đã hiên ngang đối đáp với gã đại tá việt cộng. Cái họng súng đen ngòm và hăng hắc mùi thuốc súng của khẩu K-54 áp sát vào màng tang cùng những lời chửi rủa cục cằn của tên đại tá phi cộng đã không áp đảo được những lời khí khái của người anh hùng vô danh ấy. Một tiếng nổ chát chúa, viên đạn rời khỏi nòng súng đi xuyên qua đầu người Chiến Sĩ. Máu và não bắn tung tóe, người anh hùng ngã xuống, trên môi còn nở nụ cười ngạo nghễ. Bọn phi không giết Đại Tá Cần ngay, chúng muốn làm nhục người và làm nhục Quân dân miền Tây. Bọn chúng sẽ thiết trí một pháp trường và dành cho người một cái chết thảm khốc hơn. Đại Tá Cần không thể Tử Tiết, vì là con chiên ngoan đạo, luật Công Giáo không cho phép con cái Chúa được tự tử. Đại Tá Cần thường cầu nguyện mỗi buổi sáng thổ lộ tâm tư với thuộc cấp trước khi ra trận: "Sống chết nằm trong tay Chúa". Vì vậy viên đạn cuối cùng người bắn vào kẻ thù, để cho chúng biết rằng nước Nam không thiếu Anh Hùng.

Quân dân miền Tây đã chứng kiến và khóc thương cái chết của hai vị Thần Tướng Nguyễn Khoa Nam và Lê Văn Hưng trong ngày u ám đen tối nhất của Lịch Sử Việt Nam. Giờ đây, cũng trong bầu không khí ảm đạm đau buồn của ngày 14.8.1975, người dân Thủ Phủ Cần Thơ sẽ được chứng kiến giây phút liê đời cao cả của người Anh Hùng Hồ Ngọc Cần. Bọn lang sói đã áp giải người từ Chương Thiện về Cần Thơ và cho bọn nguưu đầu đi phóng thanh loan báo địa điểm và giờ phút hành hình người Anh Hùng cuối cùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Bọn tiểu nhân cuồng sát thay vì nghiêng mình kính phục khí phách của người đối địch, thì chúng lại lấy lòng dạ của loài khỉ và loài quỷ để đòi máu của người phải chảy. Chúng quyết tâm giết Đại Tá Cần để đánh đòn tâm lý phủ đầu lên những người yêu nước nào còn dám tổ chức kháng cự lại bọn chúng.

Đại Tá Cần bị giải lên chỗ hành hình, mấy tên khăn rằn hung hăng ghim súng bao quanh người Chiến Sĩ. Trước khi bắn người, tên chỉ huy cho phép người được nói. Đại Tá Cần trong chiếc áo tù vẫn hiên ngang để lại cho Lịch Sử lời khẳng khái: "Tôi chỉ có một mình, không mang vũ khí, tôi không đầu hàng, các ông cứ bắn tôi đi. Nhưng trước khi bắn tôi xin được mặc Quân Phục và chào Lá Quốc Kỳ của tôi lần cuối". Dĩ nhiên lời yêu cầu không được thỏa mãn. Đại Tá Cần còn muốn nói thêm những lời trời trăn hào hùng nữa, nhưng người đã bị mấy tên khăn rằn nón cối xông lên đè người xuống và bịt miệng lại. Tên chỉ huy ra lệnh hành quyết người anh hùng. Điều duy nhất mà bọn chúng thỏa mãn cho người là không bịt mắt, để người nhìn thẳng vào những họng súng thù, nhìn lần cuối khuôn mặt người con gái lớn và Quốc Dân Đồng Bào. Rồi người ngạo nghễ ra đi. Cùng ngẩng cao đầu đi vào Chiến Sử Việt Nam với Đại Tá Hồ Ngọc Cần, là người Anh Hùng Thiếu Tá Trịnh Tấn Tiếp, Quận Trưởng Quận Kiên Hưng, bạn đồng Khóa với Đại Tá Cần đã cùng các Chiến Sĩ Địa Phương Quân Chi Khu chiến đấu dũng cảm đến sáng ngày 1.5.1975 thì ông bị sa vào tay giặc. Hai người Anh Hùng cuối cùng của miền Tây đã vĩnh viễn ra đi. Đất trời những ngày đầu mùa mưa bỗng tối sầm lại. Một nhân chứng đứng ở hàng đầu dân chúng kể lại rằng, trong những giây phút cuối cùng, Đại Tá Cần đã đồng

dục hét lớn: “Việt Nam Cộng Hòa muôn năm! Đả đảo cộng sản!” Năm sáu tên bộ đội nhào vào tấn công như lũ lang sói, chúng la hét man rợ và đánh đấm người Anh Hùng sa cơ tàn nhẫn. Người phụ nữ nhân chứng nước mắt ràn rụa, bà nhắm nghiền mắt lại không dám nhìn. Bà nghe trong cõi âm thanh rùng rú có nhiều tiếng súng nổ chát chúa. Khi bà mở mắt ra thì thấy nhiều tên việt cộng quây quanh thi thể của Đại Tá Cẩn và khiêng đem đi.

Đúng ra, phải vinh danh Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn là Chuẩn Tướng Hồ Ngọc Cẩn, vì người đã anh dũng chiến đấu trên chiến trường và Vị Quốc Vong Thân. Nhưng Tổng Thống Tổng Tư Lệnh, Tổng Tham Mưu Trưởng đã bỏ chạy từ lâu, Tư Lệnh Quân Khu IV đã Tử Tiết, lấy ai đủ tư cách trao gấn lon và truy thăng Chuẩn Tướng cho người. Anh linh của Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn đã thăng thiên. Tên tuổi của người đã đi vào lịch sử đến ngàn đời sau. Xin người hãy thương xót cho Dân Tộc và Đất Nước Việt Nam còn đang chìm đắm trong tối tăm và gông xiềng cộng sản, xin hãy ban cho những người còn đang sống khắc khoải sức mạnh và quyết tâm. Để cùng nhau đứng dậy lật đổ chúng, hất bọn chúng, tất cả bọn tự nhận là con cháu loài vượn đó vào vực thẳm lạnh lẽo nhất của địa ngục.

# VIẾT LẠI NỖI BẤT HẠNH CỦA QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

Hồ Đĩnh

Tự ngàn xưa, Quân Đội Việt Nam đã nổi tiếng kiêu hùng, đạt được nhiều chiến công hiển hách trong suốt dòng Lịch Sử như phá Tống, bình Chiêm, đánh đuổi quân Nguyên, Minh, Thanh và làm cho Xiêm La, Lào, Miên phải kinh hồn bạt vía. Là con cháu của Hồng Lạc, chúng ta ngưỡng mộ và hãnh diện qua công đức vĩ đại của Tiên Nhân, của Quân Đội trong sự nghiệp bảo vệ Đất Nước và sinh mệnh của đồng bào.

Với ý nghĩa thiêng liêng cao quý trên. Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa được hình thành trong giai đoạn Đất Nước tạm phân (1955-1975) với trách nhiệm chống lại sự xâm lăng của đế quốc cộng sản Hà Nội, giữ gìn phân nửa giang sơn gấm vóc của Tiên Nhân. Đây là một cuộc chiến tranh sinh tử giữa Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và bộ đội cộng sản Bắc Việt, chứ không phải giữa Hoa Kỳ và Hà Nội như giới truyền thông Tây phương đã bóp méo để đầu độc dư luận Thế Giới, làm giảm uy tín của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và tô vẽ chính nghĩa cho quân xâm lăng Bắc Việt. Đây cũng là sự thảm thê chất ngất của người Lính miền Nam Việt Nam, trong suốt hai mươi năm máu lửa. Vì định kiến, vì buông xuôi, vì thủ đoạn chính trị con buôn quốc tế, tất cả đã dồn ép Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa vào chân tường, vào cuộc chiến đơn độc. Hai mươi năm lửa máu, người Lính miền Nam phía trước phải đối đầu trực diện với kẻ thù gian ngoa hiểm ác. Sau lưng bị thọc, bởi hậu phương bạc bẽo vô tình, còn trên đầu có Đồng Minh và thượng cấp luôn luôn rình rập phản bội và bán đứng. Cảm nhận được thân phận nhược tiểu và bất hạnh trên, nhưng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa vẫn làm tròn bổn phận và trách nhiệm của người trai thời loạn đối với Dân-Nước, cho tới khi Tổng Thống một ngày Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng.

Từ sau ngày 1.5.1975, đế quốc cộng sản chiếm được toàn cõi Việt Nam. Hà Nội thắng tay thu vén của cải của đồng bào miền Nam Việt Nam, chiến lợi phẩm và 16 tấn vàng của Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam do Nguyễn Văn Hảo dâng nạp. Chỉ có thể thôi và cũng kể từ đó theo thời gian, hàng loạt những huyền thoại về người bộ đội miền Bắc vượt Trường Sơn đi cứu nước cũng tan biến theo dư ảnh của cuộc đời mạt lộ.

Hai mươi bốn năm tan hàng rã ngũ, Quân Dân miền Nam đã qua hết chín tầng địa ngục trần gian của thiên đàng xã hội chủ nghĩa. Nhưng dù thể xác có bị vùi dập rã rời trong hận thù nghiệt ngã, tinh thần của người Lính còn lại hôm nay vẫn nguyên vẹn không hề thay đổi và cũng không có ai có thể thay thế họ trong trách nhiệm quang phục Đất Nước. Người Lính miền Nam Việt Nam còn lại hôm nay nào khác hình ảnh bất khuất của Ban Siêu thời Tây Hán, một đời da ngựa bọc thây, gồng gánh trên vai trách nhiệm Bảo Quốc-An Dân, cho tới khi tóc đã điểm trắng mái đầu xanh, mới được quay về cố hương:

Dấu binh lửa nước non như cũ  
Kẻ hành nhân qua đó chạnh thương  
Phận trai giá ruỗi chiến trường  
Chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về  
(Chinh Phụ Ngâm)

## Những lý do phát sinh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

Ngày 13.8.1945 Nhật đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện sau khi bị Mỹ thả hai trái bom nguyên tử xuống Trường Kỳ và Quảng Đảo. Lợi dụng cơ hội trên, thực dân Pháp qua sự tiếp tay của quân Anh, trở lại chiếm Nam kỳ. Ngày 2.9.1945, cộng sản cướp chính quyền tại Hà Nội, Huế, Sài Gòn và chính Hồ chí Minh vì quyền lợi của cá nhân và đảng, đã thỏa thuận để Pháp đổ bộ lên đất Bắc, thay thế quân Trung Hoa giải giới quân Nhật. Theo Sử liệu, thì Pháp và Hồ chí Minh đồng thuận dựng lên một vở kịch, y như vở bi kịch Dương Văn Minh đuổi Mỹ năm 1975. Trong vở hài kịch trên, chính Pháp đã mớm lời cho Hồ chí Minh kêu gọi toàn dân nổi lên đánh Pháp năm 1946. Có kêu gọi, đảng cộng sản mới nắm được quyền lãnh đạo toàn dân và vì toàn dân Việt Nam nổi lên chống thực dân, nên Pháp phải đem quân vào đánh dẹp mà không bị dư luận Thế Giới chỉ trích. Cũng kể từ đó, người Việt Nam thay vì đoàn kết chống giặc thù ngoại xâm, lại chia xẻ thành phe nhóm với các xu hướng chính trị khác nhau, khiến cho máu dân Việt lại tiếp tục đổ và Đất Nước tang tác thêm vì bom đạn. Trong giai đoạn này, hai lực lượng quân sự của người Việt đã thành hình, đó là bộ đội Việt Minh bị Hồ chí Minh và cộng sản quốc tế khống chế bằng chủ thuyết Mác Lê. Lực lượng thứ hai gọi là Quân Đội Quốc Gia cũng bị thực dân Pháp và các lãnh tụ chính trị áp đảo. Tóm lại người Việt lúc đó dù chiến đấu trong hàng ngũ nào cũng tổn xương máu vô ích, vì chỉ để phục vụ cho các chủ thuyết chính trị quốc tế mà thôi.

Riêng sự thành hình của Quân Đội Quốc gia Việt Nam thật phức tạp nhưng cũng có thể tóm tắt qua bốn lý do chính sau đây:

### Pháp lợi dụng thành phần hợp tác cũ

Ngay khi đặt chân được trên đất Nam Kỳ vào cuối năm 1945, Pháp đã sử dụng các thành phần theo Pháp ngày trước như công chức, quan lại, hương chức, kỳ hào, lính khổ xanh, khổ đỏ, các Dân Tộc Tiểu Số Thái, Mường, Nùng, Thổ... và các Bộ Lạc ở Cao Nguyên Trung phần để làm một lực lượng thân binh. Chính thành phần này là lực lượng quân sự đầu tiên chống lại cộng sản vì họ bị dồn vào chân tường không còn con đường nào để lựa chọn.

### Cộng sản xô đẩy các đảng phái quốc gia theo pháp

Ngay khi Pháp đổ bộ trên đất Bắc thế chân quân Lữ Hán của Trung Hoa thì cộng sản đề tam quốc tế núp dưới chiêu bài Việt Minh. Để độc quyền lèo lái toàn dân và đất nước Việt Nam theo đường hướng Mac-Le. Do đó, cộng sản đã thẳng tay tiêu diệt các đảng phái Quốc Gia dù rằng lúc đó các lực lượng này đang cùng Việt Minh đứng chung trong chánh phủ liên hiệp chống Pháp. Vì sự phản bội và khủng bố trên, lực lượng đảng phái Quốc Gia phải tách rời Việt Minh để sống còn. Họ đã kết thành một lực lượng chống cộng sản quyết liệt khi Pháp dựng lên Chính Phủ Bảo Đại.

### Cộng sản xô đẩy các lực lượng tôn giáo thành thù địch

Với chủ trương tận diệt mọi đối tượng để được độc quyền. Việt Minh qua cộng sản Hà Nội đã xô đẩy các Lực lượng Tôn Giáo như Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo thành một Lực Lượng đối nghịch chống lại cộng sản.

### Cộng sản xô đẩy mọi thành phần xã hội vào hàng ngũ quốc gia

Việt Minh qua sự khống chế của cộng sản đề tam quốc tế, đã dùng bạo lực để tiêu diệt mọi thành phần đối tượng xã hội như Trí Thức, Địa Chủ, Tiểu Tư Sản, Thợ Thuyền... qua các chiến dịch gọi là diệt tề và phản động, khiến cho một số lớn thanh niên nam nữ đang chiến đấu trong hàng ngũ Việt Minh, đã bỏ về vùng Pháp chiếm đóng, chống lại cộng sản.

Trên lý thuyết, bốn lực lượng trên đều chủ trương chống cộng sản năm 1947. Thực tế Lực lượng Quân Sự của Quốc Gia Việt Nam được chính thức thành lập ngày 11.5.1950 cho tới khi Hiệp Định Genève được ký kết vào năm 1954, vẫn trực

thuộc Pháp. Bắt đầu từ năm 1955 cho tới ngày 30.4.1975, Việt Nam Cộng Hòa được độc lập. Cũng kể từ đó Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa lớn mạnh và trưởng thành, thoát khỏi ảnh hưởng của ngoại bang, đủ sức chống chọi với cộng sản miền Bắc trong suốt hai mươi năm và nếu không bị Mỹ bán đứng, giờ này chưa chắc Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ.

### **Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa**

Theo tinh thần của Hiệp Định Genève năm 1954, thì lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa chạy dài từ vĩ tuyến 17 trên Sông Bến Hải, Tỉnh Quảng Trị cho tới Hà Tiên, được phân chia 4 Vùng Chiến Thuật và một Biệt Khu Thủ Đô. Tính đến ngày ký Hiệp Định ngưng bắn 1973, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa gồm có 220.000 Chủ Lực Quân, chia thành 11 Sư Đoàn Bộ Binh mang các số: 1, 2, 3, 5, 7, 9, 18, 21, 22, 23 và 25. Ngoài ra còn có Hai Sư Đoàn Tổng Trừ Bị là Sư Đoàn Thủy Quân Lực Chiến và Sư Đoàn Nhảy Dù, mười lăm Liên Đoàn Biệt Động Quân (mỗi Liên Đoàn có 3 Tiểu Đoàn) và một Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù thuộc Binh Chủng Lực Lượng Đặc Biệt. Riêng Binh Chủng Yểm Trợ gồm có:

#### **Pháo Binh**

Gồm 66 Tiểu Đoàn và 164 Trung Đội Pháo biệt lập với 1492 khẩu pháo đủ loại (105, 155, 175 ly) và 7 Tiểu Đoàn Pháo Binh Phòng Không.

#### **Thiết Giáp**

Gồm 22 Thiết Đoàn và 51 Chi Đoàn Thiết Giáp biệt lập, sử dụng 2074 xe bọc thép đủ loại gồm M-113, M-114, M-41 và M-48.

#### **Không Quân**

Có 6 Sư Đoàn chiến thuật với quân số cơ hữu là 41.000 người được phân phối như sau:

Sư Đoàn 1 Không Quân Đà Nẵng. Sư Đoàn 2 Không Quân Nha Trang. Sư Đoàn 3 Không Quân Biên Hòa. Sư Đoàn 4 Không Quân Cần Thơ. Sư Đoàn 5 Không Quân Sài Gòn và Sư Đoàn 6 Không Quân Pleiku. Không Quân có tất cả 66 Phi Đoàn gồm 22 Phi Đoàn chiến đấu với 510 phi cơ đủ loại, kể cả 30 chiếc phản lực cơ tối tân F-5E. Có 25 Phi Đoàn trực thăng với 900 chiếc, 5 Phi Đoàn vận tải với 80 phi cơ và 14 Phi Đoàn trinh sát cơ. Quân Chủng Không Quân có Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân tại Nha Trang, đào tạo các Sĩ Quan Không Quân. Sau ngày 30.4.1975, chỉ có 172 phi cơ bay được sang Thái Lan và một ít trực thăng bay ra Hạm Đội 7.

#### **Hải Quân**

Với quân số tính đến năm 1975 là 39.000 người. Quân Chủng Hải Quân gồm 1611 tàu và thuyền đủ loại, được phân chia thành 5 Vùng Duyên Hải và 2 Vùng Sông Ngòi, một Hạm Đội tuần duyên gồm 83 chiếc hạm đủ loại. Có 4 Lực Lượng Đặc Nhiệm thuộc hành quân lưu động sông. Lực Lượng Đặc Nhiệm 2/2 Tuần Thám, Lực Lượng 211 Thủy Bộ, Lực Lượng 214 Trung Ương và Lực Lượng Đặc Nhiệm 99. Còn có Lực Lượng 213 Duyên Phòng, Liên Đoàn Tuần giang, 28 Duyên Đoàn, 20 Giang Đoàn xung phong, Ba Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân. Riêng Trung Tâm Nha Trang dành đào tạo Sĩ Quan Hải Quân.

#### **Các Cơ Cấu Tiếp Vận**

Gồm 5 Bộ Chỉ Huy Tiếp Vận với các cơ cấu trực thuộc như: Quân Vận, Quân Cự, Quân Nhu, Quân Y, Truyền Tin, Công Binh. Tất cả đều yểm trợ trực tiếp cho các Quân, Binh Chủng các Tiểu Khu.

Ngoài các Lực Lượng Chính Quy trên còn có 140.000 Địa Phương Quân, được tổ chức thành 367 Tiểu Đoàn và 85 Đại Đội Biệt Lập, tất cả đặt dưới quyền sử dụng của các Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng. Trong suốt cuộc chiến, nhiều Tiểu Đoàn Địa Phương Quân tại Long An, Long Khánh, Bình Thuận, chiến đấu hào hùng không kém các Sư Đoàn Bộ Binh và các Binh Chủng.

# Một Vài Đơn Vị nổi tiếng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

## Sư Đoàn Nhảy Dù

Là một trong những Đại Đơn Vị kiêu hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, có kỷ luật, cương kỷ và được sự mến mộ kính phục của đồng bào miền Nam. Nhảy Dù Việt Nam được hình thành kể từ ngày 29.9.1954 khi Pháp giao lại cho Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa Chiến Đoàn 3 Nhảy Dù (6AP3) Gồm các Tiểu Đoàn Dù 1, 3, 4, 5, 6, 7 do Thiếu Tá Đỗ Cao Trí làm Tư Lệnh. Ngay khi nhập cuộc, Liên Đoàn Nhảy Dù đã đánh tan Bình Xuyên tại Sài Gòn-Chợ Lớn và tiêu diệt chúng ngay sào huyệt ở Rừng Sát. Ngày 26.10.1959, Liên Đoàn Nhảy Dù đổi thành Lữ Đoàn Nhảy Dù do Trung Tá Nguyễn Chánh Thi làm Tư Lệnh.

Vì nhu cầu chiến trường gia tăng, từ ngày 1.2.1965 Lữ Đoàn Nhảy Dù được nâng thành Sư Đoàn Dù với đầy đủ các Đơn vị tác chiến, yểm trợ và phân thành 3 Lữ Đoàn tác chiến, ba Tiểu Đoàn Pháo Binh Dù, một Tiểu Đoàn Quân Y, Một Tiểu Đoàn Công Binh, các Đại Đội Trinh sát và Phân Đội Tác Chiến, Điện Tử, Kỹ Thuật. Từ năm 1964 tới năm 1972, Trung Tướng Dư Quốc Đống làm Tư Lệnh Sư Đoàn Dù. Sau 1972 cho tới khi tan hàng, Tư Lệnh là Chuẩn Tướng Lê Quang Lương. Vào những ngày sắp mất nước, Sư Đoàn Dù có thêm Lữ Đoàn 4 gồm các Tiểu Đoàn 12, 14, 15. Chính Đơn vị này do Trung Tá Lê Minh Ngọc Chỉ Huy trong những ngày cuối cùng trên chiến trường Ven Đê, đã gây nhiều tổn thất cho cộng sản Hà Nội.

## Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến

Từ ngày thành lập cho tới khi tan hàng. Thủy Quân Lục Chiến đã cùng với Nhảy Dù, Lực Lượng Đặc Biệt, Biệt Động Quân... vẫy vùng khắp Bốn Vùng Chiến Thuật và Mặt Trận ngoại biên. Các địa danh Đầm Dơi, Huế, Cổ Thành Đinh Công Tráng Quảng Trị, Quốc Lộ 9... đã đưa tên tuổi người Lính Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam vào Quân Sử, hãnh diện đứng ngang hàng với các Binh Chung thiện chiến trên Thế Giới. Thủy Quân Lục Chiến được thành lập chính thức vào tháng 10.1954 với quân số nòng cốt tuyển chọn từ Hải Quân, Bộ Binh và Biệt Kích. Nhân số buổi đầu là 2400 người, được thành lập Tiểu Đoàn 1 Thủy Quân Lục Chiến và các Đơn vị cấp Đại Đội. Chính Tiểu Đoàn 1 Thủy Quân Lục Chiến đã đánh đuổi bọn Tàu ô Trung cộng, khi chúng vịn vào lời tuyên bố của Phạm văn Đồng về hai Hải Đảo Hoàng Sa, Trường Sa, xua quân đến chiếm lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa.

Đầu năm 1961, Thủy Quân Lục Chiến tăng quân số lên 3321 người, chia thành 4 Tiểu Đoàn và các Đơn vị yểm trợ, đặt trực thuộc Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Ngày 1.1.1962 được nâng thành Lữ Đoàn với quân số 5483 người. Trong dịp Việt Nam Hóa Chiến Tranh, Thủy Quân Lục Chiến trở thành Sư Đoàn vào năm 1969 với Quân số 11.000 người cho đến khi hầu như bị tan hàng vào tháng 4.1975 khi có lệnh rút quân bỏ Huế. Trong suốt 20 năm chiến đấu, Thủy Quân Lục Chiến luôn luôn là Đơn vị nòng cốt của Quân Lực, từ ngày 5.5.1972 tới lúc tan hàng, Thiếu Tướng Bùi Thế Lân giữ chức Tư Lệnh Sư Đoàn.

## Biệt Động Quân

Trong các Đơn vị làm trừ bị cho Bộ Tổng Tham Mưu, Biệt Động Quân bị thiệt thòi nhiều nhất, từ cơ cấu tổ chức, cho tới vấn đề biệt phái sử dụng. Nguyên do là Biệt Động Quân không có Bộ Tư Lệnh mà chỉ có Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân với các Chỉ Huy Trưởng như Thiếu Tá Phan Trọng Chinh, Đại Tá Lam Sơn, Đại Tá Tôn Thất Xứng, Đại Tá Phan Xuân Nhuận, Đại Tá Trần Văn Hai, Đại Tá Trần Công Liễu và



cuối cùng là Thiếu Tướng Đỗ Kế Giai. Cho đến khi sụp đổ, Biệt Động Quân có tất cả 15 Liên Đoàn với 45 Tiểu Đoàn chiến đấu.

Biệt Động Quân được thành lập từ năm 1960 và là một Binh Chủng Biệt Động, Cẩm Tú, được sử dụng tối đa trong các cuộc hành quân trực thăng vận nhảy vào các căn cứ hậu cần và mật khu cộng sản khắp 4 Vùng Chiến Thuật. Biệt Động Quân có hai Trung Tâm Huấn Luyện, Dục Mỹ và Trung Hòa (Củ Chi). Đây là những lò luyện thép, Huấn luyện tân binh cùng các Khóa Rừng Núi Sinh Lầy Biệt Động cho Hạ Sĩ Quan và Sĩ Quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Trong suốt cuộc chiến, dân chúng ở Bốn Vùng Chiến Thuật, không ai là không biết tới các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân 44, 42, 43. Năm 1967, Tiểu Đoàn 37 Biệt Động Quân Việt Nam là Đơn vị Việt Nam duy nhất đã biệt phái cho Đơn vị Hoa Kỳ tại Khe Sanh, Tiểu Đoàn trên đã giữ vững được phòng tuyến khi bị cộng sản Bắc Việt tấn công biển người. Sự kiện trên đã làm cho người Hoa Kỳ kính nể.

Từ năm 1966, Binh Chủng Biệt Động Quân cải tổ và thành lập các Liên Đoàn Biệt Động Quân đặt trực thuộc các Quân Đoàn. Ngày nay khi nhớ về Binh Chủng, những Quân Nhân các cấp của Biệt Động Quân luôn luôn hãnh diện vì đã làm tròn trách nhiệm. Nhiều cấp Chỉ Huy của Biệt Động Quân đã đi vào Quân Sử như Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, Trung Tá Võ Vàng, Thiếu Tá Trần Đình Tự...

### Lực Lượng Đặc Biệt

Được thành lập vào đầu năm 1957 cho tới trước ngày 1.11.1963, Binh Chủng Lực Lượng Đặc Biệt thuộc Sở Liên Lạc Phủ Tổng Thống, gồm có Ba Đơn Vị: Sở Bắc (sau đổi thành Nha Kỹ Thuật), Sở Nam (sau thành Sở Liên Lạc) và các Toán Lực Lượng Đặc Biệt. Sở Bắc đặc trách Tình báo chiến lược ngoài lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, Sở Nam đặc trách công tác Tình báo trong nước. Các Toán Lực Lượng Đặc Biệt gọi là Biệt Kích-Biệt Cách, đó là những Đơn Vị cảm tử, chuyên hoạt động sâu trong lòng địch đóng, không được quân bạn yểm trợ và mọi trường hợp khẩn cấp, Biệt kích quân phải tự mưu sinh để sống còn.

Từ năm 1966, Hoa Kỳ chuyển giao tất cả các Tiểu Đoàn dân sự chiến đấu Mike Forces cho Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam. Vì là một Đơn Vị Lực Lượng Đặc Biệt trong chiến tranh quy ước, nhưng Binh Chủng Lực Lượng Đặc Biệt có lúc lên tới 36.000 người, gồm có 66 Trại Lực Lượng Đặc Biệt nằm rải rác dọc theo biên giới Lào Miên. Các Trại Lực Lượng Đặc Biệt là những chướng ngại vật của cộng sản Bắc Việt trên đường xâm nhập Việt Nam Cộng Hòa, vì vậy từ sau năm 1965 về sau, nhiều trận đánh đẫm máu giữa Bắc Việt và Lực Lượng Đặc Biệt tại Pleiku, Benhet, Đức Cơ, Dakto, Đồng Xoài, Lộc Ninh, Tống Lê Chân, Katum, Bến Sỏi v.v...

Bắt đầu năm 1970, các Trại Lực Lượng Đặc Biệt bị giải tán, chuyển thành các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng. Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt thành Nha Kỹ Thuật và các Tiểu Đoàn Biệt Kích Quân thành Đơn Vị Địa Phương Quân. Riêng quân số của Trung Tâm Huấn Luyện Hành Quân Delta và Tiểu Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù được nhập chung thành Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù, đặt trực thuộc Phòng 3 Bộ Tổng Tham Mưu. Trong những ngày cuối cùng của Đất Nước chính Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù đã bắn cháy nhiều chiến xa T-54 và PT-76 của Bắc Việt tại Ngã Tư Bảy Hiền, Bệnh Viện Vì Dân, Lăng Cha Cả... Hai câu thơ bất hủ sau đây, ca tụng chiến tích và sự hy sinh cao độ của người Lính Biệt Cách Nhảy Dù:

An Lộc địa sử ghi chiến tích  
Biệt Cách Dù vị Quốc vong thân

# NGHĨA TRANG QUÂN ĐỘI BIÊN HÒA

Tổng Hợp Từ Các Tài Liệu:

- 1.- Quân Sử Việt Nam Cộng Hòa Tập 4
- 2.- Tài liệu của IRRC. Inc
- 3.- Đặc San Công Binh 1/1975.

Arlington của Hoa Kỳ là một nơi để toàn dân Hoa Kỳ qua các thế hệ hướng tới chiêm ngưỡng, biết ơn sự hy sinh của biết bao nhiêu Chiến Binh Hoa Kỳ đã Vị Quốc Vong Thân.

Trước năm 1975, Việt Nam Cộng Hòa cũng đã tạo dựng một nơi như Arlington của Hoa Kỳ cho hàng vạn Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa đã hy sinh trong cuộc chiến Bảo Vệ Tự Do, chống sự xâm lược của đế quốc cộng sản qua cộng sản Bắc Việt. Đó là một Khu đất rộng nằm khoảng giữa xa lộ Sài Gòn-Biên Hòa được gọi là Nghĩa Trang Quân Đội.

Được hình thành vào năm 1965, Khu Nghĩa Trang này dự trù khoảng 30 ngàn ngôi mộ. Cũng trong dự trù sau đó, Nghĩa Trang Quân Đội sẽ là Nghĩa Trang Quốc Gia nghĩa là không chỉ riêng cho Tướng Lãnh, Sĩ Quan, Hạ Sĩ Quan, Binh Sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa mà còn dành nơi yên nghỉ cho các thành viên Chính Phủ Hành Pháp, Luật Pháp và Tư Pháp.

Toàn Khu Nghĩa Trang có hình con ong. Về chuyện Nghĩa Trang có hình con ong, thì có người kể lại rằng: “Nguyên trong một buổi họp để Ban Xây Dựng thuyết trình dự án lên Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Thuyết trình viên là Trung Tá Dàn có nói rằng: “Thưa Tổng Thống, mô hình Nghĩa Trang là hình con ong. Sở dĩ lấy hình con ong là vì con ong không thờ hai chúa, con ong là chỉ có một cây kim, khi chích xong là chết, như người Chiến Sĩ chỉ có một lá cờ. Người Chiến Sĩ chiến đấu và chết dưới lá cờ đó”. Nghe đến đây Tổng Thống đã vỗ tay xuống bàn nói: “Đúng! Đúng!” và ông đã chọn mô hình này”.

Theo mô hình đó thì Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa, nằm trên Xa Lộ Sài Gòn-Biên Hòa cách Sài Gòn 22 km. Nghĩa Trang nằm bên trái Xa Lộ. Ngay lối vào là Tượng Đài Tiếc Thương gồm bệ cao 3 thước trên đó đặt bức tượng bằng đồng đen cao 5 m. Người Lính ngồi tưởng niệm các Chiến Hữu của mình đã hy sinh. Một lối vào thẳng sẽ gặp một cổng Tam Quan dẫn lên Đền Thờ Liệt Sĩ trên một ngọn đồi thấp này. Lối đi tới Cổng Tam Quan sẽ rẽ đôi thành hai con đường chạy vòng bao quanh Nghĩa Trang và cũng là lối dẫn thẳng vào sâu phần cuối Nghĩa Trang.

Nơi đây, trên đỉnh cao của ngọn đồi này là Nghĩa Dũng Đài với ngọn tháp cao có hình lưỡi lê 3 khía trên một Vành Khăn Tang vĩ đại. Nghĩa Dũng Đài gồm 3 phần. Các Khu mộ được chia bao quanh Nghĩa Dũng Đài thành hình bát giác. Tất cả các Chiến Sĩ khi hy sinh sẽ lần lượt được chôn cất tại đây không kể cấp bậc, nghĩa là không có nơi dành cho quân hay lính. Riêng đối với các cấp Tướng Lãnh mới có một Khu riêng gần Nghĩa Dũng Đài.

Để thực hiện được công tác này, các Cơ Quan sau đây phải luân phiên thi hành:

- Bộ Công Chánh Việt Nam Cộng Hòa.
- Trường Kỹ Thuật Phú Thọ phối hợp với tổ chức cuộc thi thiết kế.
- Sở Kỹ Thuật, Cục Công Binh trách nhiệm kỹ thuật xây cất, được chia giao cho Liên Đoàn 5 Công Binh Kỹ Thuật gồm có Đại Đội 541 của Tiểu Đoàn 54 Công Binh Kỹ Thuật trực tiếp xây dựng thực hiện công tác.
- Ngày khởi công là tháng 11.1967.
- Ngày dự trù hoàn tất: 19.6.1975.

báo cáo năm 1999 của nhóm thương phế binh biệt khu thủ đô cho tổ chức ircc, inc

Khu Vực này rất bao quát, vì lý do tế nhị nên việc kiểm tra không thể hoàn hảo và chính xác. Sau đây là các điều ghi nhận được:

Phong Cảnh Tổng Quát: Từ Xa Lộ Biên Hòa đi Vũng Tàu, Nghĩa Trang chiếm một một khu đất rộng lớn phía tay trái, cách Sài Gòn 22 km. Có con đường đi vào gặp Cổng Nghĩa Trang rồi đến Đền Liệt Sĩ trên một Khu đồi thấp. Con đường dẫn vào Đền Liệt Sĩ đến chân đồi thì chia làm 3. Đường chính giữa là bậc thềm lên Đền và hai đường dưới đất bọc hai bên đều đi vào Nghĩa Trang. Con đường bọc qua phía trái hiện nay dân chúng làm nhiều lò gạch. Các con đường đều bị hư hại. Cây hai bên đường bị đốn hết nay mới được trồng lại (không biết ai phụ trách trồng các cây này). Phần lớn cỏ dại mọc um tùm.

Chúng tôi cũng ghi bổ túc thêm là ngay tại Cổng hiện vẫn còn một bệ ciment trước đây là bức tượng Tiếc Thương. Tượng này đã bị gãy tay được đem đi cất trong kho phế liệu tại Dĩ An, bây giờ không rõ ở đâu hay đã bị nấu lấy đồng. Tại nơi bệ ciment này bây giờ là nhà tư nhân vá vỏ xe.

Trở lại với con đường dẫn vào Nghĩa Trang sau khi đi bọc qua Đền Liệt Sĩ đến Khu Nghĩa Trang rộng lớn theo hình lưới nhện mà ở giữa là Nghĩa Dũng Đài tức là Vành Khăn Tang. Chung quanh Nghĩa Dũng Đài chia làm 8 Khu phân lô đúng như lưới nhện. Mỗi ô đều hình rẽ quạt, càng gần Đài thì nhỏ và càng xa Đài thì lớn. Các lô đánh dấu thứ tự như sau. Phía tay phải Đài Liệt Sĩ và Nghĩa Dũng Đài có các lô: H, A, I và B. Phía trái có các lô D, C, E và G. Chúng tôi không hiểu tại sao lại theo thứ tự như vậy, ngoài ra không có lô F.

Phía ngoài của lô H gần Đài Liệt Sĩ có một hồ sen nay không còn gì cả. Nhà Quàn và Cơ Sở của Liên Đội Chung Sự ở phía tay phải của lô I nay cũng không còn gì.

Lô H nằm phía tay phải con đường chính từ Đài Liệt Sĩ vào Nghĩa Dũng Đài là lô quan trọng.

Trước kia dự trù là chỗ sẽ chôn cất các thành phần Quân Dân Chính cao cấp, có công trạng đặc biệt với đất nước như Nghĩa Trang Arlington tại Hoa Kỳ, như các Vị Tổng Thống, Thủ Tướng Việt Nam Cộng Hòa v.v...

Tuy nhiên vì thời thế nên không có Tổng Thống, Phó Tổng Thống hay Thủ Tướng nào nằm ở đây cả.

Đặc biệt cũng tại Khu này trước đây đã an táng các Vị Tướng Lãnh như Đại Tướng Đỗ Cao Trí nhưng sau này thân nhân đã cải táng về quê.

Bao Nhiêu Ngôi Mộ: Chúng tôi đã có lưu ý kiểm tra số mộ phần nhưng không tìm được con số chính xác vì cây cỏ um tùm và vì các lý do đặc biệt khác. Chỉ biết rằng phần mộ của các lô vòng trong cùng sát Nghĩa Dũng Đài có Vành Khăn Tang thì ít chỗ hơn vòng ngoài, thường được chôn trước trừ các chỗ dành riêng chưa sử dụng.

Từ vòng số 1 có A1, B1, C1, D1, E1 và G1 có chừng 300 chỗ cho đến vòng ngoài cùng số 5 có chỗ chôn được 1.000 Tử Sĩ.

Như vậy mỗi lô có thể chôn được 3.200 Tử Sĩ và cộng chung là 25.600 phần mộ. Số đã được chôn có thể lên đến 8.000 phần mộ.

Tuy nhiên tại quê nhà chúng tôi không có được con số chính xác. Có thể các anh em đã qua Mỹ truy tìm trong tài liệu hay trong ký ức có thể có các con số đúng hơn. Trong số 8.000 phần mộ do chúng tôi ước lượng thì có một số đã được thân nhân tự lo cải táng và đem về quê.

Một số khác còn để lại nhưng có thân nhân đến chăm sóc tu bổ hàng năm.

## NGHĨA DŨNG ĐÀI

Tú Cao

Lời Nói Đầu: Bài phóng sự này viết đầu năm 1975, chuẩn bị cho việc khánh thành Nghĩa Dũng Đài trên Nghĩa Trang Biên Hòa. Tuy nhiên vì tháng 4.1975, miền Nam thất thủ Nghĩa Dũng Đài dang dở vẫn còn đó, bài báo mới vượt biên qua Mỹ tháng 10 năm 2002. Trung Tá Tâm và Đại Úy Núi hiện ở San Jose. Chúng tôi xin đăng lại bài này trích trong toàn bộ tác phẩm tựa đề "Nghĩa Trang Biên Hòa và 16.000 người ở lại". Quý Vị muốn có toàn bộ tác phẩm này xin liên lạc về:

IRCC, Inc. 420 Park Ave., San Jose CA. Fax: (408) 971-7882. Email: iree @ ireesj.com

\*\*\*

Chỉ lên họa đồ tổng quát vùng Nghĩa Trang Quốc Gia ở Biên Hòa. Đại Úy G. nói với tôi "Đây là địa điểm xây cất Nghĩa Dũng Đài, nằm trên lưng con ong, tượng trưng cho sự cần cù, kiên nhẫn là cũng đầy ý chí 'chống xâm lăng' một khi bị tấn công".

Những Chiến Sĩ đang yên nghỉ trong những ngôi mộ trắng toát của Nghĩa Trang, theo tôi nghĩ, cũng có thể biểu hiện được những đức tính đó của dân tộc ta.

Đúng thế, họ gồm đủ mọi thành phần, mọi lớp tuổi tôn giáo, trình độ và nghề nghiệp, đã đáp lời kêu gọi của Tổ Quốc và giờ đây, già từ vườn ruộng, mái trường, nhà máy, thân bằng quyến thuộc, để vĩnh viễn là mối tiếc thương của 20 triệu dân miền Nam. Những người còn sống, dù đã bận rộn với công cuộc chiến đấu lâu dài và gian khổ cũng cảm thấy cần phải làm một cái gì để ghi ơn và nhắc nhở cho thế hệ mai sau, lòng dũng cảm, của những người đã nằm xuống.

"Một cái gì đó" hiện giờ đang thành hình và hương hồn anh linh của các Tử Sĩ đang ngày đêm theo dõi công trình xây cất Nghĩa Dũng Đài của các Chiến Sĩ Tiểu Đoàn 54 Công Binh Kiến Tạo.

Từ trên máy bay nhìn xuống, Nghĩa Trang Quốc Gia Biên Hòa mang hình một con ong khổng lồ quay mặt ra xa lộ Sài Gòn-Biên Hòa với bức tượng "Thương Tiếc" một thời đã tạo nên những câu chuyện thiêng liêng truyền khẩu đến ngậm ngùi.

Đầu con ong là Đền Thờ Chiến Sĩ, nơi mà hàng năm Vị Nguyên Thủ Quốc Gia tới chủ tọa Lễ Chiến Sĩ Trận Vong, vào dịp Quốc Khánh hay kỷ niệm ngày Quân Lực. Lưng con ong là những đường vòng cung với những dãy mộ mang danh hiệu A1, A2...B1, B2...

Toàn bộ Nghĩa Trang Quốc Gia có một diện tích 125 mẫu tây, có thể chôn cất 30.000 phần mộ, một Nghĩa Trang có tầm vóc lớn nhất có thể trở thành một "Arlington" Việt Nam. Hiện nay đã có khoảng trên 16.000 phần mộ của các Chiến Sĩ đủ các Quân Binh Chung Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Tuy nhiên mới chỉ có khoảng gần 8.000 ngôi mộ từ cấp Binh Nhì đến cấp Tướng đã xây cất xong vô số còn lại sẽ được hoàn tất với kinh phí 140 triệu đồng.

Chính giữa cái lưng ong đồ sộ này, đang vương lên hình dáng cao lớn của Nghĩa Dũng Đài. Tuy mới đổ bê tông cao được một nửa nhưng đứng trên điểm cao nhất, người ta sẽ nhìn thấy Cầu Sài Gòn về hướng Thủ Đô và Cầu Mới của Thành Phố Biên Hòa ở hướng Bắc.

Ngược dòng thời gian vào trong tuần tháng 11.1967. Công Binh được Bộ Tổng Tham Mưu Tổng Cục Tiếp Vận ủy nhiệm thiết lập đồ án Nghĩa Dũng Đài tại Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa. Nhận thấy tầm vóc to lớn của công cuộc kiến trúc và để toàn dân có thể tham gia trực tiếp vào công trình tri ân các Chiến Sĩ, đề nghị tổ chức cuộc thi tuyển đồ án kiến trúc Nghĩa Dũng Đài được chấp thuận và với sự hợp tác của Trường Đại Học Kiến Trúc thuộc Viện Đại Học Sài Gòn, cuộc thi tuyển có 54 đồ án tham dự.

Ngày 10 tháng 6.1971. Hội Đồng chấm tuyển gồm các đại diện: Trường Đại Học Kiến Trúc, Bộ Tổng Tham Mưu Tổng Cục Tiếp Vận, Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, Cục Quân Nhu và Cục Công Binh và kết quả ghi nhận được không có giải nhất, chỉ có giải nhì, giải ba và 6 giải an ủi.

Từ tháng 9.1971 đến tháng 5.1972. Cục Công Binh chính thức thiết lập toàn bộ hồ sơ kỹ thuật của đồ án xây cất Nghĩa Dũng Đài với các Sĩ Quan chuyên viên thuộc Cục, Kỹ Sư Công Chánh, Kiến Trúc Sư, Kỹ Sư Điện v.v...

Ngày 15.10.1972, Tiểu Đoàn 54 Công Binh Kiến Tạo bắt đầu thực hiện đồ án. Hàng chục ngàn thước khối đất được đào lên, người Lính Công Binh đang khởi sự xây cất một công trình lưu danh vạn thuở, nói lên sự hy sinh cao cả của các Chiến Sĩ Quân Dân Chính.

Nêu cao tinh thần bất khuất cổ truyền của dân tộc Việt Nam và cũng là một tác phẩm nghệ thuật biểu dương sắc thái hùng vĩ, trang nghiêm. Về phương diện mỹ quan quả là một sự hòa hợp khéo léo giữa thiên nhiên và nhân tạo trong khung cảnh bi hùng của Nghĩa Trang Quốc Gia.

### Người Xưa Cảnh Mới

Xe jeep của Tiểu Đoàn 54 Công Binh Kiến Tạo đến đón chúng tôi lúc 8 giờ sáng. Chúng tôi gồm anh Thanh Hiệp kỹ giả, anh Phát An nhiếp ảnh viên và tôi Tú Cao. Đó là nhóm phóng sự của Tòa Soạn Đặc San Công Binh.

Cái ban "tam ca" này thường là "bạn tri âm" của hầu hết các Đơn Vị Công Binh và chúng tôi đã gặp một số anh em cũ ở Đại Đội 541 Công Binh Kiến Tạo. Đơn Vị phụ trách xây cất Nghĩa Dũng Đài. Vị chỉ huy công trường Đại Úy Núi đón chúng tôi khi tới Nghĩa Trang Quốc Gia. Con người vừa tốt nghiệp Khóa Sĩ Quan Cao Cấp này, trông không có vẻ gì lạnh lùng, làm lý như "núi" cả. Trái lại cả một bầu nhiệt huyết trong công tác và mỗi nhiệt tình trong lối xã giao. Sau cái bắt tay thân mật, anh đưa chúng tôi vào "Cafe 541".

Đó là một quán nước dựng sơ sài trong phạm vi công trường, vách tranh, mái tôn, bàn ghế là những tấm ván dài đã ngã màu trong gió bụi. Câu chuyện khởi đầu qua những mẫu vụn vặt về thời sự và nhân sự quen thuộc, ly cà phê đá lạnh, điểm một vài tiếng cười cợt mở. Các Sĩ Quan Trung Đội Trưởng thấy chúng tôi tới cũng lần lượt tới bắt tay thăm hỏi Trung Úy Quyền Thiếu Úy Đồng đều là những khuôn mặt mới. Riêng ông Đại Đội Phó với lối "súc miệng buổi sáng" bằng loại nước dựng trong chai nâu lùn sùi bọt của hãng BGI, làm chúng tôi liên tưởng tới một Vị Tiểu Đoàn Trưởng Công Binh, cũng có nét đặc thù này.

Đang nói chuyện với chúng tôi. Đại Úy Núi vội xin lỗi và chạy tới một chiếc xe jeep dân sự vừa trờ tới. Tôi nhìn theo, thì ra Trung Tá Tâm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 54 Công Binh Kiến Tạo. chúng tôi đứng dậy bắt tay. Câu nói đầu tiên của Trung Tá là: "Xin lỗi tôi chậm, kẹt một vài việc chẳng đặng đừng. Nhẽ ra Trung Tá Liên Đoàn Trưởng cũng đến đây, nhưng Trung Tá xin cáo lỗi vì có Phái Đoàn Thanh Tra".

Cái răng khểnh duyên dáng, miệng luôn nở nụ cười hiền từ và cái trán cao biểu hiệu sự nhân hậu và thông minh, đó là vài nét đặc biệt của con chim đầu đàn thuộc tổ ấm 54. Những Chiến Hữu từng làm việc với Trung Tá Tâm đều công nhận ông là một nhân vật của mọi người. Từ Vị Sĩ Quan cho đến anh Binh Nhì thuộc quyền đều mến phục và không quên những sự săn sóc riêng tư cũng như lối chỉ huy khoa học. Đối với bạn bè ông luôn bày tỏ một thái độ thân hữu, đôi khi thật cảm động.

Ngồi vào bàn, Trung Tá Tâm rút bao thuốc nội hóa mời chúng tôi. Quả là một sự thay đổi lớn lao. Hồi ở Trường và ra Đơn Vị, rồi sang Mỹ, luôn luôn ông cảm ơn

khi được mời thuốc, nhưng không bao giờ hút và giờ đây, tôi bỏ thuốc vì tiết kiệm thì lại được mời hút.

Sau khi cạn ly cà phê, chúng tôi được hướng dẫn vào phòng thuyết trình. Đứng bên 24 họa đồ đủ loại. Đại Úy Núi trình bày tỉ mỉ cho chúng tôi biết từ một khung cảnh tổng quát cho đến những chi tiết nhỏ nhặt về bê sắt, nối sắt, khoảng cách bắt buộc...

Ông Tâm cũng đi sâu vào một số chi tiết để vấn đề được sáng tỏ.

### Đây Nghĩa Dững Đai

Theo lời Quý Vị Sĩ Quan trách nhiệm xây cất Nghĩa Dững Đai thì công trình kiến trúc này hình thành bằng 3 phần căn bản sau đây: Nền Đai, Trụ Đai và Vành Khăn Tang.

Nền Đai: Nền Đai được thực hiện bằng một nền phẳng hình tròn với đường bán kính là 29 thước cao 1,5 mét đối với trục đường chính bằng qua công viên xây cất Nghĩa Dững Đai. Đại Úy Núi cho biết dù với cao độ nhỏ nhoi này. Đại Đội cũng phải cất cử 6 xe benne làm việc liên tục trong một tháng rưỡi để chuyên chở 10.000 thước khối đất và khi hoàn tất xong phần kiến trúc hướng vào tâm công viên và được rào bằng hệ thống trụ gang với quả cầu bằng đồng trên trụ và liên kết bằng dây xích sắt xen kẽ giữa các tấm đan là những đường nhỏ trồng cỏ.

Trong tương lai, khi du khách tới thăm Nghĩa Dững Đai sẽ lên sân bằng 4 bậc tam cấp ở bốn góc đối diện nhau và các bậc này cũng được tô đá mài.

Trụ Đai: Trụ Đai cao 43 mét kể từ mặt đất thiên nhiên một chiều cao hiện vượt hẳn các công trình kiến trúc hiện có tại Việt Nam. Trụ nằm trên một đế hình nón, được kết hợp bởi 4 cánh thành một hình chữ thập. Các cánh càng lên cao càng nhỏ dần, nghĩa là chiều rộng tại chân là 6,5 mét và chiều rộng tại đỉnh là 3,5 mét.

Để tạo sự cân xứng cho toàn khối chiều cao trụ đài được ấn định là 41, 50 mét kể từ mặt Sân Đai, tức là cao hơn mặt trên của Vành Khăn là 34 mét.

Trụ Đai khi thực hiện sẽ để nguyên mặt bê tông tự nhiên với các hình dáng lồi lõm thẳng đứng chồng chất lên nhau.

Khi được hỏi về ảnh hưởng của gió, Trung Tá Tâm cho biết là Đai này đủ sức chịu gió thổi với vận tốc 120 km giờ. Với sức chịu đựng này, Đai sẽ tồn tại lâu dài với khí hậu và sự thay đổi thời tiết của miền Nam.

Anh tiếp: Sau này về ban đêm Đai sẽ được chiếu sáng bằng một hệ thống đèn pha từ dưới dọi lên và như vậy từ xa, đêm càng tối Đai càng dễ nhận thấy. Đó là chưa kể ngọn đèn đỏ trên đỉnh Đai được thắp sáng suốt ngày đêm để máy bay biết mà tránh và để giữ mỹ quan cho công trình, tất cả những đường dây điện đều được chôn ngầm.

Thắc mắc về Trụ Đai quá cao, lại nằm trên một ngọn đồi, thế Đơn Vị có nghĩ tới sự bảo vệ nó khỏi sự nguy hiểm của sét. Đại Úy M. đáp ngay: Có, chúng tôi phải thiết lập 2 cột thu lôi. Ở Vùng Nhiệt Đới này mưa hay có nhiều sấm sét, nên khi thiết lập đồ án, Vị Sĩ Quan chuyên viên đã nghĩ tới điều này.

Chúng tôi hỏi thêm là Trụ Đai có thiết trí thang máy hay không thì Trung Tá Tâm cho biết chỉ có thang leo. Thang này bằng sắt, nằm trong lòng trụ. Thang có khung an toàn phía sau và cứ mỗi đoạn 6 mét lại có một chỗ nghỉ chân để người leo đỡ mệt. Nhà báo hỏi đùa là có cho du khách leo tuốt lên cao không thì Đại Úy Núi cười đáp là không được rõ vì Công Binh chỉ biết xây cất mà thôi.

Phần Vành Khăn Tang: Với bề cao 5 mét dày 1, 2 mét và trải tròn theo một đường kính 34 mét, Vành Khăn bê tông cốt sắt này được đặt nằm trên 4 trụ vuông mỗi cạnh 3 mét cao 2,5 mét. Móng mỗi trụ đều được tăng cường bằng 8 cây cừ dài 10 mét vuông 25 phân.

Mặt ngoài Vành Khăn sẽ là một công trình điêu khắc bằng đồng diễn tả các Chiến Sĩ Việt Nam qua các Triều Đại từ Thời Lập Quốc cho đến ngày nay. Mặt trong Vành Khăn dành để ghi các chiến tích của dân tộc cùng các danh ngôn của các Vị Anh Hùng Liệt Sĩ của Việt Nam.

Đại Úy Núi kết luận: Công Binh chỉ phụ trách phần kiến trúc còn phần điêu khắc thì đã có cuộc thi tuyển tác phẩm điêu khắc và người trúng giải là Điêu Khắc Sư Lê Văn Mậu và con là Lê Minh Hiệp với tác phẩm dự thi dấu hiệu Huỳnh Long.

### Đây Công Trình Lịch Sử

Bước qua bàn bên cạnh, những hồ sơ ngăn nắp, phân loại từng công tác một đang nằm gọn ghẽ dưới mắt chúng tôi. Dừng lại và dở từng hồ sơ một. Trung Tá Tâm nói: “Phân loại như thế này để dễ dàng trao nhiệm vụ cho từng toán một. Toán nào phụ trách Trụ Đài thì phải nghiên cứu và áp dụng một chỉ tiêu kỹ thuật ghi trong hồ sơ về Trụ Đài. Các toán kia cũng thế”.

Rồi anh chỉ lên bảng phân công: “Đây, các anh thấy là thoạt đầu, thời gian và phân toán trách nhiệm đã được ấn định như bảng CPM này. Có một số trở ngại bất khả kháng nên tuy các toán không thay đổi, mà thời gian không thể đạt được như dự trù. Tỷ dụ như khởi công từ 15.10.1972 và dự trù hoàn tất ngày 15.19.1974. Nhưng hôm nay công trường hân hạnh tiếp đón các anh, mà Trụ Đài mới xong được một nửa và Vành Khăn Tang cùng Sân Đài cũng chưa hoàn tất”.

Có tiếng anh “phó nhòm” mời tất cả ra chụp chung 1 tấm làm kỷ niệm. Mô hình Nghĩa Dũng Đài được dùng để làm phối cảnh cho tấm hình lưu niệm này. Nhìn mô hình, người ta có thể hình dung được khung cảnh hùng vĩ và nhịp nhàng của một công trình kiến trúc đồ sộ và đầy nghệ thuật. Nếu thực tế, được chiêm ngưỡng thêm những tác phẩm điêu khắc bằng đồng gắn trên Vành Khăn Tang thì du khách mới thực sự cảm thấy mình nhỏ bé trước lịch sử. Trung Tá Tâm cho chúng tôi biết là riêng mô hình này cũng đã trị giá 200.000 đồng rồi. Vừa lúc đó thì Đại Úy Núi cho biết là có Phái Đoàn Thanh Tra của Cục đang chờ Trung Tá ở Hóc Môn.

Chúng tôi bắt tay Trung Tá Tâm và anh không quên nói với Đại Úy Núi: “Rất tiếc là không ở lại với các anh trưa nay được. Thôi anh Núi thay tôi tiếp anh em hộ nghe”.

Chúng tôi thực sự đi vào công trường. Trên một đồi đất đỏ đắp cao đầy dấu vết những đường nước sỏi Trụ Đài đang ngạo nghễ vương cao trên đỉnh, những anh Lính Công Binh trở nên nhỏ bé và khó nhận thấy giữa những tấm “pan-nô” to lớn và hàng đả gỗ. Một chiếc xe cần trục gần bên đang gầm gừ cố gắng nhấc cao chiếc cần dài tối đa, nặng nề và công kênh. Đại Úy Núi giải thích: “Những anh em trèo lên cao đều bắt buộc phải đeo thắt lưng an toàn để tránh những tai nạn rủi ro”.

Tôi hỏi ngay: “Thế, từ lúc khởi đầu tới giờ đã xảy ra bao nhiêu tai nạn rồi?” thì Đại Úy Núi cười đáp: “May mắn là chưa hề có một tai nạn nào.” và Vị Sĩ Quan Chỉ Huy Trường này tiếp: “Có một điều lạ là mỗi lần ráp xong panneaux và chuẩn bị đổ bê tông, thì bắt buộc chúng tôi phải có dự cái lễ cúng vong hồn anh em Chiến Sĩ ở đây. Nếu không cúng thì không tài nào đổ nổi. Vì hồ tự nhiên vữa ra và phải bỏ dù chúng tôi đã lường nước, đá xi măng đúng phân lượng. Phải nhận là có một thế giới huyền bí mà mình chưa hiểu nổi. Được cái “anh em” ở đây chỉ đòi “hưởng lộc” sơ sơ thôi, chứ không phá phách gì chúng tôi cả. Dù sao cũng còn tình chiến hữu chứ, dù âm dương đôi ngã”.

Anh chỉ cái giàn trò bằng ống sắt và nói: “Trước kia, chúng tôi phải đóng échafaudage bằng gỗ nên càng lên cao, anh em càng thấy run, vì gió lộng quá. Cái giàn trò cứ rung động dưới chân khiến anh em không an tâm. Bây giờ được cái giàn trò bằng ống, do Hãng Paul Mehner ở Tây Đức cung cấp, nên vừa chắc chắn, vừa dễ ráp, công tác có phần tiến triển hơn”.

Và anh quay lại hỏi chúng tôi: “Quý Vị có biết giá một giàn trò giá bao nhiêu không?” Không đợi trả lời anh tiếp ngay: “suýt soát 19 triệu đấy”. Chúng tôi le lưỡi Trung Úy Hỏa tiếp: “Nhưng cũng đáng đồng tiền bát gạo. Với những raccords kỳ diệu của nó, ta có thể ráp theo kiểu nào cũng được, là cao bao nhiêu tùy ý, miễn còn raccord và thêm ống sắt”.

Chúng tôi được phát mỗi người cái nón nhựa vàng để tránh những rủi ro, khi đi thăm những anh em làm việc. Các anh Lính Công Binh ở tít trên cao cũng đội nón như chúng tôi và thân người được treo vào những khung sắt bằng những sợi nịt an toàn. Với microphone cầm tay. Đại Úy ra lệnh cho họ từ dưới đất.

Tôi hỏi Đại Úy Núi họ đang làm gì ở trên? Anh cho biết họ đã cột xong sắt đoạn thứ tám và hôm nay họ đang ráp panneaux để ngày mai chuẩn bị đổ beton. Cũng xin nhắc lại ở đây là ván đóng coffrage không phải là kéo từng miếng một lên ráp lại, mà đã được đo cắt ráp theo một mẫu mực nhất định ở xưởng mộc, thành những tấm panneaux rộng lớn, nặng nề, rồi được đưa lên ráp theo họa đồ. Lúc chúng tôi tới Chân Trụ thì một khoảng bán Tiểu Đội Công Binh, đội nón an toàn, đang hè nhau kéo một panneau lên cao bằng hệ thống ròng rọc. Chiếc panneau cứng đầu, quay mình trong gió khiến anh em phải lựa lúc thuận tiện mới kéo lên, để tránh gây thiệt hại đến giàn trò đắt giá. Tôi chỉ cái can trực đang vương cao song song với Trụ Đài toan hỏi thì Đại Úy Núi đã nhanh nhẹn nói: “Cái can trực này dùng để đưa hồ lên cho anh em đổ. Phải cầu cứu đến nó mới đổ nhanh được. Mỗi lần nó đưa lên khoảng 300 kg beton. Đưa lên nhiều sẽ quá nặng và anh em ở trên khó xoay xở. Thế mà muốn hoàn tất một đoạn 3, 142 mét chúng tôi phải mất 2, 5 ngày”.

Tôi nêu thắc mắc là nếu can trực hư hoặc Trụ đã vượt quá tầm cao tối đa của can thì sao? Vị Sĩ Quan Chỉ Huy công trường trầm ngâm nói: “bất đắc dĩ cũng phải cho kéo bằng tay. Dĩ nhiên sức người đâu bằng sức máy, nên thời gian đổ beton sẽ phải tăng thêm lên”.

Tôi giờ tay chào tất cả và đi về phía sau Trụ Đài. Đại Úy Núi chỉ cho tôi thấy cái cửa sau của Trụ Đài. Cửa này rộng 0,60 mét cao 1 mét để đi vào ruột trụ và dùng thang leo lên đỉnh đài. Tôi đứng lại ngấm và nói: Chắc phải có cửa và hệ thống khóa đặc biệt?

- Dạ có, cửa sẽ làm bằng sắt dây và có khóa.

Ngay sau lưng chúng tôi, ván bọc (coffrage) vòng cung cho đoạn vành đang lo đặt, nối và buộc sắt. Đại Úy Núi quay lại giới thiệu: “Đây là toán anh em bên Đại Đội 543 Công Binh Kiến Tạo mới sang tăng cường cho chúng tôi”. Tôi leo lên và bắt tay Vị Sĩ Quan Trung Đội Trưởng. Anh ta hướng dẫn tôi lại chỗ buộc sắt. Sắt chi chít và toàn cỡ sắt và kỹ thuật nối sắt, anh Sĩ Quan Trung Đội Trưởng trình bày: “Dạ, tất cả làm đúng theo hồ sơ kỹ thuật. Tuy nhiên chúng tôi đã thực tế hóa những quy luật kỹ thuật để anh em dễ làm việc. Tỷ dụ khoảng cách giữa hai thanh sắt là 3 phân, chúng tôi đã có một số gỗ nhỏ dày 3 phân để anh em cứ đặt vào giữa 2 thanh sắt. Hoặc chỗ nối đầu 2 sắt 25 ly là 30 dm chẳng hạn, thì không thể để anh em mất thì giờ tính toán, mà chúng tôi đã cho cắt những thanh gỗ có chiều dài là 30 dm để anh em cứ thế mà đo và nối cho nhanh. Anh dự trừ bao giờ hoàn tất chưa? Nguyên tắc thì bây giờ được chia ra làm hai giai đoạn: Giai đoạn 1 thì Trụ Đài và Vành Khăn hoàn tất trong ngày 19.6.1975 Phần còn lại là Sân Đài và trang trí Vành Khăn, nằm trong giai đoạn hai và dự trừ hoàn tất trước ngày 1.11.1975. Nhưng thực sự mà nói thì khó mà hoàn tất đúng hạn, vì có nhiều trở ngại về kỹ thuật cũng như thời tiết. Tuy nhiên “cố gắng hết mình” là khẩu hiệu làm việc duy nhất của chúng tôi hiện nay ở đây.

Rời Vành Khăn chúng tôi được hướng dẫn đến xưởng mộc, nơi sản xuất những panneaux và cung cấp chuyên viên làm coffrage cho Trụ Đài và Vành Khăn. Mọi người đều làm việc như một cái máy. Những tấm ván ghép so le và lồi lõm khác



nhau nhưng theo đúng kích thước ấn định kết thành những tấm panneaux nặng nề và đầy tác dụng, vì như trên đã nói, khi beton khô, gỡ panneaux ra, người ta sẽ để nguyên hình mặt beton tự nhiên đó với hình dáng lồi lõm thẳng đứng của panneaux.

Trước khi đi dùng cơm trưa, rồi lên thăm Điều Khắc Sư Lê Văn Mậu ở Biên Hòa, tôi hỏi Đại Úy Chỉ Huy Trường công trường và anh em Sĩ Quan về cảm tưởng của họ cũng như những nguyện vọng khi được cử để xây cất Nghĩa Dũng Đài.

Đại Úy Núi nhìn những lớp mộ trắng toát trùng điệp xung quanh và nói: “Tất cả chúng ta rồi cũng có ngày yên phận dưới nắm mồ này. Lúc đó mọi người đều bình đẳng và không còn bị quyền lợi chi phối nữa. Nhưng trước khi bình đẳng tôi tất cả, chúng tôi vẫn hoài vọng phải đạt được một cái gì vĩnh cửu tồn tại với thời gian và không gian. Nghĩa Dũng Đài, không phải là sản phẩm tinh thần của chúng tôi, nhưng chúng tôi đã góp công lao để nó hiện diện và nóng lòng dồn mọi nỗ lực cho mau hoàn tất”.

### Tác Phẩm Để Đời

Chúng tôi toan đi về hướng Biên Hòa thì xe của Đại Úy K. đã chặn đầu hỏi: “Nhà báo định đi thăm Cụ Mậu à? Tôi cười gật đầu. Đại Úy K. khoa bàn tay: “Không có ở Biên Hòa đâu, bây giờ Cụ ấy đang ở Cục đó. Thôi về luôn với chúng tôi may ra gặp”.

Thế là tôi đành đổi hướng. Nhưng cũng còn may mắn là gặp Cụ ở Sở HCTC. Sau khi biết dự định của nhà báo, Cụ Mậu tỏ ra hoan hỉ và hẹn sẽ mời nhà báo lên Biên Hòa một ngày không xa. Nhưng có lẽ Cụ còn bận đảm nhận chức vụ Chủ Tịch Ủy Ban chấm giải về Điều Khắc một bộ môn trong giải Văn Học Nghệ Thuật của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, nên có lẽ cuộc hẹn này chỉ thuận tiện sau thời gian công việc của Cụ hoàn tất. Mà thời gian này lại “kẹt” cho nhà báo vì bài phải nộp Tòa Soạn trước ngày 5.1.1975. Vì thế, trong khi chờ đợi được gặp Điều Khắc Sư trúng giải nhất về tác phẩm điêu khắc Vành Khăn Tang, chúng tôi tới tìm “tài liệu” nơi Đại Úy K. người có liên hệ mật thiết với Cụ Mậu.

Đại Úy K. cho biết Cụ Mậu xuất thân Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương ở Hà Nội (École Supérieure des Beaux-arts). Cụ sáng lập và nguyên là Hiệu Trưởng Trường Mỹ Nghệ Biên Hòa và nay là Giáo Sư Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định. Sau khi đoạt giải nhất tác phẩm dự thi, với giải thưởng 300.000 vào đầu tháng 10.1973 sẽ có hai giai đoạn để tác phẩm thành hình.

### Giai Đoạn 1

Cụ Mậu phải thành lập hồ sơ kỹ thuật thời gian là 20 tháng kể từ ngày tổng đạt kế ước, tức là ngày 26.11.1974.

Hồ sơ kỹ thuật gồm có:

1.- Thực Hiện Họa Cảo: Thực hiện trên giấy Calque và giấy Canson, bố cục tổng quát, khối lượng, đường nét theo luật quốc tế, các nhân vật, chiến mã, chiến xa, chiến thuyền, phi cơ, binh phục, binh khí cùng hậu cảnh, hòa hợp các hình thể được linh động và phát huy ý tưởng. Thời gian thực hiện 6 tháng.

2.- Thực Hiện Mô Hình Bằng Thạch Cao: Điều khắc các tầng lớp hình thể, dựa theo người mẫu, vật mẫu, để thực hiện rõ ràng đường nét, khối tượng, sức nổi, quang năng, chân lý và vẻ đẹp nghệ thuật. Thời gian thực hiện 8 tháng.

3.- Thực Hiện Mảng Điều Khắc Bằng Đồng Mẫu: Bằng các vật liệu cần thiết và cũng dựa theo mẫu mô hình bằng thạch cao, các hình, vật và những nét để phù hợp chân lý và cái đẹp nghệ thuật. Thời gian thực hiện 6 tháng.

Trị giá của hồ sơ này là 6 triệu 200 ngàn. Tất cả sẽ được một Hội Đồng thầu nhận (thành phần như Hội Đồng chấm thi) và hồ sơ này, sau khi đã được chuẩn nhận, sẽ giao cho Quân Nhu trưng bày tại Nghĩa Trang Quốc Gia Biên Hòa. Lúc đó Điều Khắc Sư Lê Văn Mậu bắt tay vào giai đoạn 2, giai đoạn thực hiện tác phẩm.

## Giai Đoạn 2

Cụ Mậu năm 1973, đã đề nghị một ngân khoảng là 60 triệu và một thời gian là 5 năm để thực hiện tác phẩm điêu khắc. Nhưng, vẫn theo lời Đại Úy K. thì ngân khoản có lẽ phải tăng lên 100 triệu vì thời giá đã khác trước và thời gian thực hiện sẽ kéo dài trong 6 năm và sẽ bắt đầu từ năm 1976.

Riêng về số đồng dự trù là 120 tấn, sẽ do Quân Đội cung cấp. Đồng sẽ do Quân Nhu lấy ở số vỏ đạn đại bác đã bắn rồi, giao cho Lục Quân Công Xưởng đúc thành từng khối và cung cấp dần theo nhu cầu của Điều Khắc Sư. Công Binh chỉ phụ trách mang xe remorque đến chuyên chở tác phẩm, ráp lên Vành Khăn Tang rồi hàn lại. Cụ Mậu sẽ phụ trách retouche đánh bóng và sơn. Sẽ dùng cùng một màu sơn để tránh ảnh hưởng thời gian và thời tiết có thể làm cho màu sắc thay đổi.

Khi được hỏi về những hình ảnh sẽ được nêu trong tác phẩm điêu khắc tương lai, thì Đại Úy K. đã tỉ mỉ mô tả và giải thích điều khắc phẩm mệnh danh là “Dòng Lịch Sử Việt Nam Huy Hoàng” đã từng được Cụ Mậu trình bày và Đại Úy K. đã được hân hạnh dự thính.

Công trình nghệ thuật lịch sử Việt Nam tại Nghĩa Dũng Đài của Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa, sẽ là hình ảnh sống động đầy dân tộc tính, sẽ nói lên cho dư luận Quốc Nội và Quốc Tế biết rõ được “Dòng Lịch Sử Việt Nam Huy Hoàng” biến chuyển không ngừng với những chiến tích hào hùng rạng danh trong lịch sử chiến tranh thế giới, cùng với lòng anh dũng, bất khuất của dân tộc Việt Nam cùng sự phát triển trên mọi lãnh vực quân sự, kinh tế chính trị, văn hóa xã hội của toàn thể Quân Dân Cán Bộ, xây dựng một Quốc Gia Việt Nam độc lập hùng cường và thịnh vượng.

Qua những sự thâm cứu Lịch Sử Việt Nam Điều Khắc Sư Lê Văn Mậu chú trọng đến những giai đoạn lịch sử quan trọng nhất và đề cập trong tác phẩm điêu khắc “Dòng Lịch Sử Việt Nam Huy Hoàng” như sau:

- 1.- Sinh hoạt Thời Hùng Vương.
- 2.- Trưng Vương đại thắng Nhà Đông Hán (40-43).
- 3.- Lý Thường Kiệt đại thắng Chiêm Thành (1069) tại Phật Thệ Bình Định.
- 4.- Lý Thường Kiệt đại thắng Nhà Tống (1076) tại Ung Châu (Quảng Đông).
- 5.- Trần Hưng Đạo đại thắng quân Mông Cổ (1287) tại Bạch Đằng Giang.
- 6.- Lê Lợi đại thắng Nhà Minh (18.9.1427) tại Chi Lăng.
- 7.- Vua Lê Thánh Tôn đại thắng Chiêm Thành (1471) tại Đồ Bàn (Bình Định).
- 8.- Vua Lê Thánh Tôn đại thắng Lão Qua (Ai Lao) (1479).
- 9.- Vua Lê Thánh Tôn đại thắng Bồn Man (1479).
- 10.- Chúa Nguyễn Phước Chu chiếm nốt Chiêm Thành (1697).
- 11.- Chúa Nguyễn Phước Khoát đại thắng Chân Lạp (1755) tại Nam Vang.
- 12.- Chúa Nguyễn Phước Thuần đại thắng Xiêm La (1772) tại Nam Vang.
- 13.- Vua Quang Trung đại thắng Nhà Thanh (1789) tại Ngọc Hồi.
- 14.- Nguyễn Trung Trực đại thắng quân Pháp (10.12.1861) tại Nhật Tảo.
- 15.- Hùng Khí của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.
- 16.- Thành quả của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Xây Dựng Tự Do Hòa Bình Thịnh Vượng.

Tuy nhiên Đại Úy K. tiếp nếu chỉ nói lên hình ảnh mà không đề cập tới quan niệm nghệ thuật của Điều Khắc Sư thì quả là một điều thiếu sót to lớn.

Và không đợi cho tôi hỏi ông nói: “Theo Cụ Mậu, điêu khắc phẩm ‘Dòng Lịch Sử Việt Nam Huy Hoàng’ cần được sáng tạo bằng sự hòa điệu nghệ thuật dựa trên các khiếu năng căn bản của con người. Tất cả sẽ bắt đầu cuối năm 1975, hoàn tất năm 1976”.

Và đó là giấc mơ mà một Nhà Văn Hóa, một Điều Khắc Gia Việt Nam tưởng rằng gần đạt được nhưng đã đứt gánh giữa đường.

Ngày 30.4.1975 chấm dứt biết bao nhiêu ước mơ lớn nhỏ trong đó có cả một công trình nghệ thuật trên Vành Khăn Tang vĩ đại của Nghĩa Trang Biên Hòa.

## Ba Mươi Năm Trở Lại Sài Gòn Đi Thăm Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa

Đỗ Ngọc Vinh

LTS.- Anh Đỗ Ngọc Vinh nguyên là một Quốc Gia Nghĩa Tử đã theo học Trường Quốc Gia Nghĩa Tử từ năm 1966-1973. Trong dịp về thăm Việt Nam gần đây, anh Vinh đã cùng bạn bè không quên đến viếng thăm Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa, nơi 18.000 Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa đã được chôn cất tại đây. Anh Đỗ Ngọc Vinh đã có dành cho Nhật Báo Người Việt bài viết của anh và những hình ảnh anh đã chụp tại chỗ trong cuộc hành hương này. Chúng tôi xin giới thiệu với độc giả một tài liệu về Nghĩa Trang Quân Đội mới nhất và xin cảm ơn nhã ý của Anh Vinh.

Sáng thứ Hai 22.03.2005 một buổi sáng như mọi ngày giữa Thành Phố Sài Gòn náo nhiệt. Sau bữa ăn điếm tâm, anh bạn học thuê xưa tại Quốc Gia Nghĩa Tử thời Trung Học, cho bác tài xế lái chiếc Toyota SUV chở chúng tôi trực chỉ hướng Đông ra xa lộ Hà Nội để đi Biên Hòa. Chỉ vọn vẹn hơn một tháng nữa ở nơi đây chính phủ sẽ kỷ niệm ba mươi năm ngày miền Bắc xâm lăng chiếm đoạt miền Nam để tuyên bố thống nhất đất nước. Nhân chuyến ghé Việt Nam lần này, chúng tôi muốn viếng thăm Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa nơi an nghỉ của các Tử Sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, những Chiến Sĩ đã ngã gục trong trận chiến Việt Nam vì tranh đấu cho lý tưởng tự do dân chủ.

Rời Sài Gòn khoảng 30 km trên xa lộ mà ngày xưa trước 1975 có cái tên là xa lộ Biên Hòa, nay được gọi là xa lộ Hà Nội bất thành linh anh bạn học cho bác tài xế quẹo trái để đi vào một con đường đất hơi khúc khuỷu. Anh bạn bắt đầu hướng dẫn:

- Sắp tới rồi đó. Góc đường này ngày xưa đặt bức tượng "Thương Tiếc".

Tôi còn nhớ khúc này, hồi đó là đồng trống mà nay nhà cửa đã mọc lung tung hai bên đường. Bất chợt một cánh cổng hiện ra với hai cột trụ vĩ đại tựa như những cánh cổng lớn vào các China Towns ở Hoa Kỳ. Về uy nghi của nó làm tôi linh cảm ngay lập tức đã bắt đầu vào đến nghĩa trang. Anh bạn lên giọng có vẻ dồn dập hơn:

- Đây là khu quân sự. Máy chụp hình gì thì lẹ lên, khi nào tao nói ngưng thì cất máy đi.

Tôi rầm rập làm theo chụp lia lịa từ trong xe. Cánh cổng khắc tên "Đền Tử Sĩ" với chữ còn chữ mất, nước sơn đã ngã màu theo thời gian theo tôi đoán thì đã 30 năm chưa được sơn phết lại. Cột trái cánh cổng đắp hàng chữ theo thứ tự từ trên xuống dưới: "Vi Nước Hy Sinh", cột phải ghi: "Vi Dân Chiến Đấu". Cả hai hàng chữ đắp bằng xi măng theo thời gian mưa gió đã làm chữ rớt mất, chỉ để lại dấu vết nên vẫn còn đọc được. Dưới chân cột là một tấm bảng sơn chữ xanh vừa đủ đọc: "Khu Vực Cấm Vào". Nóc cũng là một mái ngói cong mà cỏ dại đã mọc lên tua tủa, trông rất cũ kỹ.

Xe tiếp tục chạy ven theo hàng rào, trước mặt hiện ra "Đài Tử Sĩ" ngày nào, với những bậc thang cao dẫn lên đồi cao và trên cùng là thềm nhà với mái che hình ngũ giác nay đã là chòi canh của công an địa phương. Lại một tấm bảng đề chữ vàng: "Khu Vực Cấm". Cỏ dại cao hàng thước mọc hai bên bậc thang giải thích phần nào giá trị, cùng số người thường xuyên đi lại thăm viếng khu vực này. Anh bạn học gần giọng: "Cất máy hình đi", rồi cầm bao thuốc lá 555, cho bác tài dừng xe anh bước xuống và tiến về phía người mặc quân phục có lẽ là công an. Anh nói gì tôi không nghe vì xe đóng cửa kính cho đỡ bụi chỉ thấy anh chìa bao thuốc mời và nói cười. Anh lính canh rút điếu thuốc rồi gạt gù chỉ hướng cho chúng tôi đi vào. Xe tiếp tục chạy anh bạn tiếp tục gặt giọng:

- Bây giờ máy chỉ chụp bằng máy điện thoại di động không thôi trên đài nó nhìn thấy, xuống tịch thu máy hình xịn của máy rắng chịu.

Tôi ngoan ngoãn làm theo như cái máy, tiến vào Nghĩa Trang, công trình “Vành Khăn Sô” lồ lộ ra trước mặt một ống khói xi măng cao vút như ngạo nghễ với thời gian và cảnh vật, bên dưới là tòa nhà cánh cung mà theo anh bạn dẫn giải là từ trước 1975 chính phủ dự định xây cất tòa nhà này là nhà quản và nơi hỏa táng các thi hài Tử Sĩ theo lời yêu cầu của thân nhân.

Ra khỏi xe, chúng tôi bước theo anh bạn học. Trời nắng chang chang mới 9 giờ 30 sáng mà nhiệt độ đã lên cao thật oi bức, thêm cái nóng trong lòng vì hồi hộp lo lắng gặp trở ngại, mồ hôi tôi bắt đầu nhỏ giọt. Cố tạo vẻ bình thản theo chân người bạn. Lốm đốm đó đây những bia đá cao độ 40 cm hiện ra tôi không tin nhưng nghi ngờ đó là các ngôi mộ vì cỡ đại cao quá. Tôi hỏi anh bạn học thì được anh xác định chính là các mộ phần, lại thêm các mộ đất cao làm tôi tưởng như có người đang đào huyết mới, nhưng được giải thích đó là những đồng đất sét của lò gạch bên cạnh để len lõi giữa các ngôi mộ ven biên, họ mang đất từ đâu đến đổ đồng để chờ làm gạch.

Tôi tiến sâu vào nội địa, từ từ tôi thấy các bia đá và các khối bê tông đã ngả màu đen đục hiện ra nhiều hơn. Các tấm bê tông bề ngang để 70 cm, và bề dài khoảng 1, 60 mét, bên trên mặt có một lỗ vuông để người viếng cắm nhang hoặc hoa, đã bị đất cát phủ kín. Hơn 30 năm trước đây tôi đến Nghĩa Trang này, các mộ phần xếp hàng thẳng tắp như một đồn diễu hành, và được quét vôi trắng tốt. Các dãy mộ ngày đó trắng và thẳng đẹp như hàm răng anh Bảy Chà trên hộp đựng kem đánh răng, thì nay sao lại khúc khuỷu gập ghềnh chỗ lên chỗ xuống, chỗ lồi chỗ lõm vô trật tự. Tôi dụi mắt, gạt nước không biết vì mồ hôi hay giọt lệ bụi ngùi, để biết rõ là mình đang tỉnh táo. Quả thật đây là những ngôi mộ của các Chiến Sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa hay sao? Tôi đọc được rõ ràng trên bia mộ: “Hạ Sĩ...sinh 1950 tại H N, Tiểu Đoàn 33 Biệt Động Quân, tử trận ngày 3.7.72”. Bên kia “Thượng Sĩ...sinh 27.3.49, tại Trảng Bàng, Tiểu Đoàn 1 Nhảy Dù, tử trận ngày 27.7.72”. Những mộ phần khúc khuỷu vì các bia mộ ngã nghiêng, cái còn cái mất.

Các tấm bê tông có tấm đã sụp ở giữa tạo hình chữ V bẹt. Xa xa rải rác một vài ngôi mộ đã xây lên cao hơn và quét sơn màu khác, những ngôi mộ này có lẽ có người chăm sóc đều đặn. Cũng có vài mộ phần còn giữ nguyên hình dạng cũ và được quét vôi trắng làm cỏ gọn gàng. Theo tôi nhận xét những ngôi mộ này có lẽ cũng được thăm nom thường xuyên nhưng tình hình tài chánh kém hơn những người trước, và cũng có rải rác nhiều ngôi mộ còn đắp mộ chưa có bê tông. Có lẽ những Chiến Sĩ này chết trận ngay gần ngày 30.04.1975. Bỗng dưng tôi ngưng lại ngay trước một ngôi mộ mà bê tông đã gãy bể tùm lum, vô tình tôi đọc được trên bia mộ “VÔ DANH...Tử trận ngày 14.7.72”. Một cảm giác rần rần trên da tay. Tôi cố sửa lại ngay ngấn vài tảng bê tông và tự hỏi ai sẽ là người chăm sóc những ngôi mộ này?

Tôi tiếp tục lướt qua các bụi cỏ dại, mê man đọc tên hết bia này đến bia khác, tất cả đều có cấp bậc và mang dấu chữ Vạn hoặc dấu Thập Tự Giá, tượng trưng cho tôn giáo mà người nghỉ yên trong mộ phần tin theo, ngoại trừ những bia mộ vô danh, người chết có lẽ tan thân trong bom đạn mất hết thẻ bài, giấy tờ hộ thân nên đương nhiên cũng chẳng rõ tín đồ của tôn giáo nào. Vì trời nắng chang chang và chụp hình vội vàng để tránh sự dòm ngó của thiên hạ không biết hình ảnh sẽ ra sao?

Tôi dừng lại ở một góc khá xa các người bạn, khẽ ngồi xuống gối phải chạm đất như bái phục, là một tín đồ Công Giáo tôi khẽ đọc một kinh cầu cho các linh hồn mồ côi rồi chán chường quay trở lại chỗ bạn bè đang đứng đợi, vừa ngay khi một người lạ lái chiếc xe gắn máy chạy ngang hỏi: “Các anh đi viếng mộ thân nhân?” Anh bạn học cũ nhanh nhẹn trả lời “Vâng!” rồi quay qua chúng tôi anh nói tiếp: “Xong rồi thôi mình đi về” Thút thểu trở lại xe, tôi bàng khuâng thăm nghĩ đến những

bãi tha ma đã đi qua, tất cả đều có chiều cao của các ngôi mộ và màu sắc rõ rệt, nhưng sao bãi tha ma này như chìm lún xuống mặt đất? Có lẽ vì quá nhiều cỏ dại? Cộng thêm cảnh xiêu vẹo của bia đá và mộ phần làm mất đi vẻ trịnh trọng của một nghĩa trang. Quả nhiên các mộ phần này đã bị bỏ quên trong nhiều năm qua. Thân nhân có lẽ vì lo sợ bị liên lụy hay quá nghèo đói để nghĩ đến người chết.

Những người nằm yên nghỉ nơi đây đã một lần được vinh danh là anh hùng của trận mạc, được Anh Dũng Bội Tinh với Hành Dương Liễu, nhưng thế sự đã đổi thay và ngay cả người chết cũng không được mộ yên mà đẹp. Lịch sử sẽ phê phán những kẻ thất nhân tâm chấp nhất cả với những người đã ngã ngựa. Hãy thức tỉnh và ăn năn thống hối đền bù cho những vong linh tại Nghĩa Trang Quân Đội.

Xe đã chuyển bánh từ hồi nào ra khỏi khu vực sau khi anh bạn đã dúi vào tay anh công an vài tờ giấy bạc. Không bao xa một Nghĩa Trang Liệt Sĩ nằm bên kia đường rặng rục như muốn phơi bày hai thái cực người chiến thắng và kẻ thất trận. Đã 30 năm mà dấu vết hận thù vẫn còn đây. Thậm chí ngay cả với những người đã chết.

USA 07.4.2005  
Đỗ Ngọc Vinh

## Thăm Lại Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa

Lương An Cảnh

Nếu không có người hướng dẫn, không thể nào tôi tìm được đường vào Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa. Trước 75, tôi có dịp đến đây làm Lễ Truy Diệu vào những ngày lễ lớn hay an táng các vị Tướng lãnh từ trần.

Trước kia khi có dịp qua đây, mọi người đều bị thu hút bởi vẻ uy nghi của tượng đồng Tiếc Thương trên một bệ cao cạnh xa lộ với tư thế suy tư sau cuộc hành quân mệt mỏi, súng gác ngang đùi, mắt hướng vào cõi xa xăm, một tác phẩm rất giá trị về ý nghĩa lẫn nghệ thuật và tạo nhiều huyền thoại trong dân chúng sống gần đó, hay những người thường qua lại vào lúc ban đêm.

Bên cạnh là con đường rộng rợp bóng cây dẫn đến Đài Tưởng Niệm Tử Sĩ. Nay tất cả đều bị hủy diệt không còn để lại dấu tích. Thay vào đó là những dãy nhà chen chúc mang bằng hiệu thương mại kinh doanh. Đường vào nghĩa trang bị thu hẹp lại thành một con đường nhỏ như các hẻm trong khu lao động. Đài Tưởng Niệm Tử Sĩ này bị bỏ hoang không ai chăm sóc, cây cỏ mọc um tùm. Điều khôi hài là ngay bậc thang đầu tiên có một tấm bảng lớn với hàng chữ "Cấm Chụp Hình". Đường như đó là một dấu hiệu phổ thông, hiện diện khắp nơi của chế độ cộng sản, mặc dù thực tế chẳng có gì quan trọng để phải cấm. Chung quanh nơi này được bao bọc bởi những bức tường cao làm cho ta có cảm tưởng Nghĩa Trang rộng lớn trước kia chỉ còn sót lại duy nhất nơi này thôi.

Người tài xế rẽ trái vào một con đường nhỏ hơn, lồi lõm, dọc theo những bức tường cao bao quanh những biệt thự lớn, nhà lầu có lẽ do những cán bộ gộc chiếm hữu. Đi ngang qua hãng làm gạch, đến một bức tường có cổng nhỏ đủ cho một chiếc xe vào. Những ngôi mộ hiện ra. Ngay lập tức có hai anh bộ đội xuất hiện, chặn xe hỏi đi đâu? Do kinh nghiệm lần trước, vì kém thông minh nên tôi đã không được cho vào. Lần này tôi liền đưa một "tờ giấy phép có hình Bác" và nói vào thấp nhang cho thân nhân. Anh bộ đội liền đổi ngay thái độ, vui vẻ cho xe vào, hỏi tên thân nhân và cho anh ta biết nằm ở khu nào? Tôi không biết trả lời ra sao, nhưng tôi nhớ lại trước 75, một nhạc viên trong ban nhạc của tôi là một người Miền, chết ngày 30.3.1975, đứng vào ngày Nam Vang lọt vào tay Khmer Đỏ, một tháng trước Sài Gòn bị mất. Tôi liền trả lời tìm mộ Thượng Sĩ Sơn Xuân, vì lâu quá nên không nhớ khu nào, để tôi định hướng mới có thể nhớ lại được. Tôi xin phép chụp vài tấm hình. Anh ta bảo chụp gần đây thôi không nên đi xa, nếu các sĩ quan họ thấy, kiểm soát có hình chụp tại đây, máy của anh sẽ bị tịch thu.

Tôi định đi bộ vào bên trong, nhưng ngay lúc ấy có một anh chạy Honda đến hỏi tôi muốn đến khu nào anh sẽ dẫn đi, và tự giới thiệu là người dọn dẹp trong nghĩa trang. Nhưng theo tôi, có lẽ anh là người có nhà gần đây, khi thấy người lạ vào thì đến hướng dẫn và chở đi để kiếm tiền chứ không phải là người có trách nhiệm chăm sóc trong khu này như anh ta tự giới thiệu. Nhớ có lần được đọc một bài viết về nghĩa trang có nói đến Thanh Minh hay Tết, tôi ngậm ngùi nhớ lại nghĩa của của một số anh em thương phế binh của chúng ta tổ chức dọn dẹp hay tu bổ lại những ngôi mộ bị hư hại cho đồng đội mình ngày xưa.

Sau khi chụp một số hình chung quanh, tôi bảo anh chở tôi vào khu chôn cấp Tướng. Tại đây chỉ còn lại hai ngôi mộ của Tướng Nguyễn Văn Phước và Nguyễn Huy Ánh. Những ngôi mộ cấp Tướng khác chỉ còn lại nền và cột xi măng. Tôi hỏi khu cấp Tướng trước kia có bao nhiêu ngôi mộ, anh cho biết có sáu. Nhìn bia mộ của hai vị Tướng Phước và Tướng Ánh chỉ ghi ngày sinh và ngày chết, không còn ghi cấp bậc, dấu xi măng chung quanh tấm bia trám lại rất thô sơ. Có thể bia đã bị đập phá, hay viết cộng ra lệnh cho thân nhân làm lại như hiện nay.

Tại nơi này, trước kia Ban Quân Nhạc chúng tôi cùng toán chào kính của Tiểu Đoàn Danh Dự Liên Quân đã đưa tiễn người đầu tiên là Tướng Đỗ Cao Trí và người cuối cùng là Tướng Nguyễn Văn Hiếu. Riêng Tướng Hiếu bị chết một cách mờ ám không bao lâu trước ngày miền Nam bị cưỡng chiếm.

Theo lời người trong gia đình cho biết, khi còn sống Tướng Trí thường nói: "Lúc sống, ông cùng anh em binh sĩ luôn luôn sát cánh, sống chết có nhau nơi chiến trường, vì thế khi chết ông muốn cùng nằm bên cạnh anh em binh sĩ".

Trước Tướng Trí, khi có một vị Tướng lãnh nào tử trận, gia đình họ thường chôn một nơi nào đó hay đem vào nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, một nơi sang trọng dành cho các giới có chức quyền và giàu có. Tuy không nói ra, nhưng nhiều người đều có chung một ý nghĩa Nghĩa Trang Quân Đội lúc bấy giờ dành cho binh sĩ hay sĩ quan cấp thấp, không mang ý nghĩa cao quý như Nghĩa Trang Arlington của Mỹ, người được chôn nơi đó mang danh dự quốc gia và được Tổ Quốc tri ân. Khi thân nhân Tướng Trí nói ra ý nguyện của ông, các cấp lãnh đạo bấy giờ rất vui mừng, chỉ thị chọn một khu đất cao, địa điểm tốt để dành nơi an nghỉ cho các Tướng lãnh sau này. Việc dọn dẹp khu đất, đào huyệt giao cho Công Binh phụ trách. Khi mọi việc đã hoàn tất, vợ Tướng Trí đến xem địa điểm và dẫn theo một ông thầy địa lý. Ông này cho rằng, địa điểm và phong thủy nơi này không tốt, đề nghị chọn một khu khác, các giới chức có trách nhiệm cũng phải chiều theo. Vì thời gian gấp rút, đất Biên Hòa rất khô cứng toàn đá đổ nên toán công binh phải làm việc cả ngày đêm. Hôm sau, mọi đơn vị có trách nhiệm về đám tang phải có mặt tại địa điểm để biết vị trí của mình. Còn tôi theo ông Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn Danh Dự Liên Quân để biết địa điểm của mình. Theo nghi lễ, một nghi lễ Quốc Táng, quan tài phải được di chuyển trên thiết vận xa M113 và di chuyển trên một đoạn đường dài cho công chúng chiêm ngưỡng. Theo vị sĩ quan Thiết Giáp có trách nhiệm di chuyển quan tài, nhược điểm của xe này là hay bị giật rất mạnh khi quan chui qua vì một dây xích thắng lại và dây bên kia vẫn cào mặt đường chạy tới, nếu không khéo, quan tài để trên có thể bị đổ xuống. Tài xế phải lái thăm dò trước đoạn đường sẽ đi qua, nhất là khi vào nghĩa trang.

Đang đứng trên khu đất này, nếu anh dẫn đường không cho biết đây là khu dành cho cấp Tướng, tôi cũng không nhận ra vì không còn một dấu vết quen thuộc nào lúc mình có mặt tại đây mấy mươi năm trước. Tôi hỏi thường có nhiều người đến viếng mộ thân nhân không? Anh cho biết, mộ Tướng Phước và Tướng Ánh năm nào cũng có thân nhân từ ngoại quốc về thăm, nhưng trông gia đình có vẻ nghèo. Theo tôi nghĩ, có lẽ anh cho rằng Việt kiều thì người nào cũng nhiều tiền, xài sộp, mà những người nào không cho anh ta nhiều nên anh cho rằng họ nghèo chẳng. Anh chỉ cho tôi một nền xi măng và nói, đây là nền của ngôi mộ Tướng Đỗ Cao Trí. Khi thân nhân bốc mộ, họ đào lên được một mẻ đay bằng vàng rất lớn, dày cả phân. Tôi cười thầm vì anh này chẳng biết gì cả, có lẽ đây là một trong những huy chương của Tướng Trí mà gia đình chôn theo và chẳng có huy chương nào làn bằng vàng thật cả.

Nhìn chung, tuy không được sạch sẽ khang trang như những ngôi mộ liệt sĩ được chăm sóc chu đáo của Việt cộng, nhưng không đến nỗi hoang phế như những tầm hình của một anh bạn bên Mỹ về thăm năm rồi. Có những ngôi mộ đất được đắp cao, cỏ cũng tương đối sạch, không um tùm hoang phế. Tôi còn đang suy nghĩ thì anh dẫn đường cho biết, sau hội nghị APEC vừa qua, có một đoàn quay phim của Mỹ từ Hà Nội vào đây quay suốt ngày. Thì ra nhờ thế nên Nghĩa Trang mới sạch sẽ để coi một chút. Hoặc có thể những ngôi mộ phía ngoài thì như thế, vì có nhiều người thường tới lui, còn những ngôi mộ sâu ở phía trong thì chưa biết thế nào! Tôi hỏi anh, có bao nhiêu ngôi mộ còn lại đây, anh ta cho biết còn khoảng 50.000 và đã



được bốc đi khoảng 10.000. Không biết có chính xác không, vì một mình tôi không dám đi vào sâu phía bên trong.

Qua chuyến thăm vừa qua, cá nhân tôi có một ý nghĩ: Nếu anh em mình có dịp về, cố gắng thu xếp ghé qua thăm Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa trong giấy lát, trước là thấp vài nén nhang để tưởng nhớ đến đồng đội cũ đã hy sinh vì Tự Do, nay không biết họ còn thân nhân đến thăm viếng hay chăm sóc mộ phần của họ hay không. Điểm quan trọng hơn là cho bên kia thấy, dù họ có nguy trang, làm lu mờ dấu tích cũ, tưởng như đã bị hủy diệt, nhưng chúng ta cũng tới lui thường xuyên nên họ sẽ không dám xóa đi. Cũng như những nhà tranh đấu hiện nay, họ rất dè dặt và không dám quá mạnh tay với những người nổi tiếng mọi người đều biết. Còn những người mà tên tuổi chưa ai biết đến, họ đối xử rất tàn bạo.

Trường hợp Nghĩa Trang Biên Hòa cũng thế, nếu chúng ta không chú ý tới, lần lần chúng có những hành động thăm dò như phá hủy dần những khu hoang phế ít người chăm sóc. Nếu chúng ta không quan tâm và im lặng, không lên tiếng, đến ngày nào đó, may ra chỉ còn lại Đài Tưởng Niệm Tử Sĩ trợ trợ như hiện nay thôi.

Nhân đây, tôi xin trình bày một vài điều mà tôi được biết về Tướng Trí và Tướng Hiếu để rộng đường dư luận.

Cái chết của Tướng Trí và Tướng Hiếu cho đến nay vẫn còn trong vòng bí ẩn, chưa có câu giải đáp thỏa đáng. Tuy nhiên có một vài điểm trùng hợp, nếu chúng ta chịu khó để ý đến. Vị Tướng nào có chức vụ ở Quân Đoàn 3, đều phải là người thân tín tuyệt đối của Tổng Thống đương nhiệm, vì mỗi khi có đảo chánh hay chống đảo chánh, lực lượng chính vẫn là Quân Đoàn 3. Khi chết, Tướng Trí và Tướng Hiếu đều ở Quân Đoàn 3: Tướng Trí là Tư Lệnh, Tướng Hiếu là Tư Lệnh Phó. Trước khi chết, cả hai đều có liên hệ mật thiết hay lời nói và cử chỉ thân mật với Phó Tổng Thống Trần Văn Hương.

Trước khi chết, Tướng Hiếu được Phó Tổng Tổng Thống đề cử giữ chức vụ Trưởng Ban Điều Tra Bài Trừ Tham Nhũng. Bỗng nhiên có tin Tướng Hiếu chết tại văn phòng làm việc vì súng bị cướp cò. Khi tin này loan ra, hầu hết giới quân nhân đều cảm thấy buồn cười, vì ông ta là Tướng chứ không phải tân binh quân dịch dễ dàng để súng cướp cò. Nhà Tướng Hiếu nằm trong Cư Xá Sĩ Quan Chí Hòa. Chúng tôi vào đó làm nghi lễ tại nhà, khi xong phải di chuyển trước lên nghĩa trang chờ đợi đoàn xe chở quan tài. Khi quẹo vào, thấy một đoàn xe 3 chiếc, chiếc trước là Quân Cảnh dẫn đường, kế đến là một xe màu đen gắng bằng sao cấp Tướng, kế đến là một xe Dodge bố trí đại liên và quân nhân hộ tống. Khi quan tài tới nơi, lễ nghi tiến hành, các vị Tướng lãnh mặc đại lễ đang đọc diếu văn và chia buồn cùng gia đình, thì bỗng nhiên, một chiếc trực thăng đáp xuống cạnh tượng Tiếc Thương, Tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư Lệnh Quân Đoàn 3, mặc đồ trận, đội bê-rê thiết giáp bước xuống trực thăng lên xe màu đen, xe Quân Cảnh hộ còi dẫn đường, xe hộ tống theo sau chạy vào địa điểm tang lễ. Mấy vị Tướng hiện diện đưa tay chào, ông chào lại, nhìn qua nhìn lại, không ai biết ông đang suy nghĩ gì hay cảm thấy lạc lõng mà chẳng nói tiếng nào. Ông liền trở lại xe, còi quân cảnh lại hộ để đưa ông ra trực thăng, mặc dù trong nghĩa trang đường vắng tanh, không có chiếc xe nào. Ông lại lên trực thăng, đoàn xe không có ông lại trực chỉ về Biên Hòa. Mọi người cùng nhìn nhau tỏ vẻ chưng hửng, quả là một màn trình diễn uy quyền vô duyên.

Riêng trường hợp của Tướng Trí, sau tai nạn máy bay, dư luận cho rằng có bàn tay của Mỹ nhúng vào, nhưng điều đó vẫn còn là một nghi vấn, chưa có câu giải đáp thỏa đáng.

Năm 1996, Tướng Cao Văn Viên, cựu Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đang dưỡng bệnh ở Long Island, có một người thân đến thăm. Trong lúc nói chuyện, người này có đề cập đến những chuyện đã xảy ra nhưng chưa

có câu trả lời, trong đó có trường hợp Tướng Trí. Tướng Viên bèn kể một câu chuyện có thật xảy ra. Ông chỉ cho biết diễn tiến câu chuyện rồi tùy nhận xét của mỗi người, còn kết luận câu chuyện thì ông không biết chính xác lắm nên ông không dám kết luận.

Câu chuyện như sau: Một hôm, trong lúc chuẩn bị ra về khi sắp hết giờ làm việc, bỗng có một Tướng Mỹ, Cố Vấn ở Bộ Tổng Tham Mưu bước vào hỏi ông có hay tin gì chưa? Ông trả lời chưa, thì vị này cho biết, Tổng Thống Thiệu cho Tướng Trí thay thế ông vào chức vụ Tổng Tham Mưu Trưởng hiện nay. Tướng Viên nói như vậy rất tốt, đúng theo nguyện vọng của ông vì ông đã xin nghỉ nhiều lần rồi mà Tổng Thống cứ hứa nhưng chưa chấp thuận. Một hôm Tướng Trí vào gặp Phó Tổng Thống Hương, trong lúc đề cập đến việc gì không biết, Tướng Trí có nói câu: "Cần việc gì Cụ cứ cho biết, con sẽ ủng hộ Cụ hết mình". Sau đó quyết định chức Tổng Tham Mưu Trưởng không thấy đâu, nhưng có tin là Tướng Trí sẽ về nhậm chức Tư Lệnh Vùng 4. Tướng Trí kiểm chứng lại thì thấy tin đó đúng sự thật, ông liền xin gặp Tổng Thống Thiệu. Ông nói: "Tổng Thống hứa cho tôi chức Tổng Tham Mưu Trưởng nay lại đưa tôi về Vùng 4. Nếu như vậy tôi ở lại làm Tư Lệnh Quân Đoàn 3 như cũ còn hơn". Tổng Thống Thiệu im lặng. Sau đó trong một chuyến thị sát mặt trận, tướng Trí bị chết vì tai nạn máy bay.

Lương An Cảnh (SA)

Một chuyến về thăm quê hương cuối năm 2006

# Niềm Đau Dân Tộc

Trịnh Mai

Hai mươi năm trước, đây là Nghĩa Trang Quốc Gia lớn nhất, với Đài Tưởng Niệm dành cho các chiến sĩ miền Nam Việt Nam Cộng Hòa chết trận. Bây giờ bãi đất hoang vu, không được chăm sóc đang bị những kẻ chiến thắng dày xéo. Họ cuốc mò, đào mả, xây lên nhà cửa và công xưởng.

(Gordon Dillow, The Orange County Register, 22-3-1995)

Nghĩa Trang Biên Hòa. Đó là giấc mơ mà một nhà văn hóa, một điêu khắc gia Việt Nam tưởng rằng gần đạt được nhưng đã đứt gánh giữa đường. Ngày 30 tháng 4 năm 1975 chấm dứt biết bao nhiêu ước mơ lớn nhỏ trong đó có cả một công trình nghệ thuật trên Vành Khăn Tang vĩ đại của Nghĩa Trang Biên Hòa.

(Giao Chỉ, Tin Biển San Jose).

Lịch sử đang phơi bày trước mắt, không cầu kỳ hay bóp méo, như dấu tích đập phá trên bia mộ cùng khắp nghĩa trang, như ngôi tháp Nghĩa Dũng Đài hùng vĩ đứng giữa trời kia, như ngôi Đèn Tử Sĩ chứng nhân trên đồi cao.

(Chu Lynch, Hồn Ai Trong Gió, Văn Nghệ, 26-3-2004)

Ba mươi năm qua, bị che khuất sau những dãy nhà mới mọc, bên cạnh xa lộ Biên Hòa nườm nượp xe cộ, mảnh đất gần như nằm trong quên lãng, bỗng gần đây trở thành chủ đề nóng bỏng của thời cuộc. Nghĩa Trang Biên Hòa, nơi an nghỉ của những Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa Vị Quốc Vong Thân.

Nghĩa Trang được nói đến từ hai phía, người cộng sản lẫn người quốc gia. Với người cộng sản, đề cập đến nghĩa trang như một nhu cầu trang trí về hòa giải cho một chế độ đã từ lâu vắng bóng tình người. Với người Việt không cộng sản, chăm sóc mồ mả là thể hiện trách nhiệm, đạo lý và lương tâm con người từ hăng thế hệ đã qua.

Một dịp nào đó, về thăm nghĩa trang, nhìn cảnh hoang tàn hôm nay và hồi tưởng lại thắng cảnh tôn nghiêm ngày nào của Nghĩa Trang Biên Hòa, bạn sẽ không khỏi ngậm ngùi theo nỗi lòng của Nguyễn Du:

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng

Nghĩa trang bị tàn phá bởi thời gian không đáng kể bằng sự tàn phá có chủ tâm của con người. Khắp nơi là dấu vết của đập phá và lấn chiếm. Nhà cửa mọc lên sát khu vực nghĩa trang, xưởng gạch lấn chiếm vào bên trong trong rào. Những hố sâu không được lấp lại, những ụ đất không được san bằng, ống cống và trụ đèn bị đánh cắp. Những phần mộ bằng tấm đúc bị lấy đi hàng loạt. Không thể quy trách cho dân chúng và trẻ con về sự phá hoại quy mô này. Hãy nhìn những vết đập trên bia mộ để thấy sự ác tâm và thù hằn của kẻ chiến thắng. Ngoài những nắm mộ được thân nhân chăm sóc, số còn lại ngấp trong rừng cỏ um tùm lặng im với chim rừng kêu áo nã.

Nghĩa Trang Biên Hòa không phải là nơi duy nhất bị tàn phá. Người cộng sản đã không triệt phá tất cả nghĩa trang tại các thành phố miền Nam, nếu trong tim họ có một chút tình dân tộc, một chút trắc ẩn về những người đã nằm xuống.

Gần đây nhất, ngày 15.12.2004, báo lao động trong nước đã viết: Hà Nội chưa quyết định thu hồi đất cũng không ban hành, nhưng tin lại loan trên đài phát thanh và truyền hình địa phương, làm cả Thành Phố Phan Thiết hỗn loạn vì lệnh dời mả cây mồ, để lấy đất bán cho Việt kiều và tư bản nước ngoài xây khách sạn, khu du lịch.

Trước năm 1975, Nghĩa Trang Biên Hòa là một công trình quy mô mang tính chất lịch sử và nghệ thuật. Theo dự án, Nghĩa Trang Biên Hòa sẽ trở thành Nghĩa Trang Quốc Gia sau khi hoàn tất. Công trình chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn đầu

xây dựng những kiến trúc căn bản và dự trù sẽ khánh thành vào ngày 19.6.1975. Giai đoạn kế tiếp là phần của nghệ thuật trang trí trên Vành Khăn Tang vĩ đại, với những tác phẩm điêu khắc công phu ghi lại những chiến thắng tiêu biểu suốt chiều dài lịch sử của dân tộc và khắc tên những người đã hy sinh vì đất nước.

Một câu hỏi lớn trong lòng người Việt tha hương. Người cộng sản đã loại bỏ các nghĩa trang chế độ cũ, kể cả nghĩa trang nổi tiếng và lâu đời như Nghĩa Trang Mạc Đĩnh Chi, nhưng tại sao Nghĩa Trang Biên Hòa là một ngoại lệ? Phải chăng người cộng sản đã thức tỉnh sau bao năm bàn tay vấy máu? Những kẻ từng phản bội dân tộc, tàn sát đồng bào, đầu tố cả cha mẹ, sát hại cả những đồng chí của mình, lại có thể xúc động trước những nấm mồ?

Mười năm trước đây, khu vực Nghĩa Trang Biên Hòa đã được dự trù bán cho ngoại nhân, nhưng rồi dự án bất thành. Có người nói giới kinh doanh kinh nghiệm ít ai dám làm ăn trên phần đất của người chết, người khác cho rằng vùng đất này là giới hạn cuối cùng của thế lực vô hình mà người cộng sản không thể bước qua.

Cũng trong thời điểm đó, một số người có tâm huyết, bị thôi thúc bởi ý nghĩ nghĩa trang có thể bị phá hủy, đã cố thuyết phục chính quyền cộng sản xin trưng tu lại nghĩa trang, nhưng họ cho biết nghĩa trang sẽ được biến cải thành lò thiêu xác. Đến nay, điều đó vẫn chưa xảy ra.

Nghĩa trang vẫn còn đó, dù trong hoang tàn.

Ngày 13.6.2003, lần đầu tiên tại Hoa Thịnh Đốn, đã diễn ra cuộc gặp gỡ giữa một nhóm người Việt vùng Thủ Đô và phái đoàn liên ngành cộng sản Việt Nam do Thứ Trưởng Ngoại Giao Nguyễn đình Bin cầm đầu tại Tòa nhà Ngân Hàng Thế Giới do văn phòng Giám Đốc Điều Hành tổ chức theo yêu cầu của phái đoàn cộng sản. Ngoài những trình bày từ hai phía tình hình trong nước về kinh tế, ruộng đất, ngân hàng, công tác từ thiện bị làm khó dễ, kỳ thị người chế độ cũ cho đến những vấn đề hải ngoại như Cờ Vàng Việt Nam Cộng Hòa, kêu gọi đầu tư tiền bạc và chất xám, việc trưng tu Nghĩa Trang Biên Hòa được nhóm người Việt hải ngoại trực tiếp đặt vấn đề với ông Nguyễn đình Bin.

Tôi nghĩ vấn đề nghĩa trang, chỉ sửa chữa lại cho khang trang, không phải là xây dựng một tượng đài. Tôi cũng nhìn thấy khi mình quyết định làm thì mình sẽ làm được. Bằng cố là mình quyết định giúp Hoa Kỳ tìm xác những người mất tích và khi kiếm được xác thì mình làm lễ rất là trang nghiêm để quý trọng người đã khuất. Mình làm được cho người Mỹ như vậy, nhưng mà mình lại đào xới mộ của những người đã chết rồi. Đối với tôi là một người ở ngoài, tôi nhìn thấy rất đau thương và không chấp nhận được. (Ông Phạm Đức Trung Kiên, Giám Đốc Vietnam Education Foundation).

Dachau, Auschwitz, lò thiêu xác kinh hoàng do Đức Quốc Xã thiết lập để tiêu diệt hàng triệu người Do Thái, ngày nay vẫn được chính phủ Áo bảo toàn như một chứng tích lịch sử của nhân loại. Người Pháp đã cho phép người Đức thiết lập nghĩa trang trên đất nước mình cho những người lính Đức đã chết trong cuộc xâm chiếm nước Pháp hồi Thế Chiến Thứ Hai. Vậy mà tại Việt Nam, người cộng sản sau khi chiếm được miền Nam, chưa thỏa mãn với những của cải cướp được, lại còn nhẫn tâm đẩy ra đường tất cả thương binh Việt Nam Cộng Hòa đang còn chữa trị trong các bệnh viện và đã trút hận thù lên cả những người đã nằm xuống. Nghĩa tử là nghĩa tận, chết coi như hết thù hận và xí xóa tất cả nợ nần mà người đó lúc còn sống đã gây ra. Nhưng cộng sản thì chết vẫn chưa hết, vẫn phải trả thù, trả nợ. (Mường Giang, Thanh Minh Trong Tiết Tháng Ba, Thời Đại, 14.04.05).

Giả sử chính phủ Việt Nam không có tiền và giả sử nhà nước cần 100.000 đô la để sửa sang Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa cũ, chỉ cần hô lên một tiếng thì chính người Việt hải ngoại sẽ đóng góp một cách dễ dàng trong một vài tuần lễ để

sửa sang nghĩa trang. Quý vị kêu gọi 'đại đoàn kết' mà việc này quý vị không làm được thì không có gì là cụ thể. (Ông Nguyễn Quốc Khải, Giáo Sư tại JHU).

Phái đoàn cộng sản ra về lắng nghe phần trình bày của nhóm người Việt Thủ Đô, nhưng không đi vào một hành động cụ thể nào, ngược lại, như thường lệ, họ lẩn tránh qua những vấn đề khác. Bây giờ đất nước đã thay đổi nhiều rồi. Không ai làm khó dễ người Việt hải ngoại về làm công tác từ thiện, chính quyền tạo mọi điều kiện dễ dàng cho người ngoài về kinh doanh. Duy trì Cờ Vàng là duy trì hận thù. Nhà nước không phân biệt người chế độ cũ. Những tiêu cực là do một vài cá nhân không quán triệt chủ trương của đảng và nhà nước.

Đặc biệt, Luật Sư Trần Văn Tạo, Chủ Tịch Liên Hiệp các tổ chức Hữu Nghị thành phố Hồ Chí Minh đánh vào mặt tình cảm hải ngoại nhưng lại không ăn nhập gì đến cốt lõi đang trao đổi:

Tôi cũng nghĩ trong lòng là không biết tại sao mà các anh ở ngoài giận dai vậy? Các anh giận dai quá. Nếu các anh về những vùng của đất nước mình, có lẽ lòng các anh sẽ bớt giận đi.

Chuyện phao kích trường học giết trẻ thơ, chuyện chôn sống hàng trăm người quanh Thành Phố Huế Tết Mậu Thân, chuyện đày ải hàng trăm ngàn người trong các trại tập trung, chuyện sát hại bao nhiêu nhân mạng vô tội trong chiến dịch cải cách ruộng đất người cộng sản đã gây nên, và gần đây nhất, là chuyện dâng đất dâng biển, được ông Tạo cho là chuyện giận hờn giữa hai anh em cần được chín bỏ làm mười. Họ lập lờ chuyện tình cảm vu vơ để lẩn tránh sự thật. Bất cứ nơi đâu, lịch sử của đảng cộng sản là lịch sử của tội ác. Dù chưa bị đưa ra trước tòa án quốc gia hay tòa án quốc tế, nhưng họ đã là những tội đồ của dân tộc và của nhân loại.

Đêm 7.3.2005, tại Sài Gòn, cựu Tướng Nguyễn Cao Kỳ đã trả lời cuộc phỏng vấn của Đài Á Châu Tự Do. Ông cho biết nhân chuyến về Việt Nam lần này ông sẽ đặt vấn đề tu bổ Nghĩa Trang Biên Hòa với chính quyền cộng sản.

RFA: Có thông tin cho rằng, các Nghĩa Trang Quân Đội chế độ cũ sẽ được chính phủ hiện tại cho dựng bảng, đặt tên lại, theo một danh xưng mới, thưa có phải như thế không ?

Ô. Nguyễn Cao Kỳ: Thật ra những chi tiết chúng tôi sẽ bàn bạc với nhau thôi, chuyện này chưa có gì rõ ràng đâu. Cái chắc chắn là đã có sự đồng ý, nhất là các địa phương đã nhận lệnh của trung ương để dọn dẹp các nghĩa trang cũ cho sạch sẽ. Có thể trong một vài tuần nữa, tôi cùng một số anh em sẽ tới nơi để thăm viếng và thấp nhang.

RFA: Việc trùng tu Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa sẽ cần nhiều chi phí, vậy thân nhân những người đã khuất, nhất là người Việt ở hải ngoại sẽ có thể đóng góp theo hình thức nào ?

Ô. Nguyễn Cao Kỳ: Lúc đầu khi nói chuyện với mấy anh em trong chính quyền, tôi có đặt vấn đề trùng tu dọn dẹp, nếu có tốn phí thì chúng tôi sẵn sàng đóng góp...Nhưng hôm nay anh em trả lời là không cần thiết, chính phủ sẽ lo chuyện đó. Có thể nói rằng đó là một cử chỉ đẹp.

Hai điều ghi nhận trong cuộc phỏng vấn này. Cộng sản đã dùng miệng lưỡi 'anh em' của một viên chức cao cấp chế độ cũ nhưng cũng không thể đánh bóng cho sáng lên một chế độ u tối đã mất lòng dân và mất cả phương hướng đi tới. Trước đây, khi người Việt hải ngoại đề cập tới việc trùng tu nghĩa trang, họ nói họ không có ngân khoản, bây giờ lại sẵn sàng chi tiền. Hay chẳng họ sẽ bỏ tiền ra biến cải kiến trúc và đặt tên lại Nghĩa Trang Biên Hòa theo ý đồ của họ thành Nghĩa Trang Nhân Dân như tin từ trong nước vừa gởi ra?

Với muôn vàn tội ác người cộng sản đã tạo ra khắp thế giới gần một thế kỷ nay, và sau sự sụp đổ của các chế độ cộng sản tại Liên Xô và Đông Âu, những

người lãnh đạo các nước cộng sản còn lại, có nhận ra ngõ cụt của đường đi, có chút sám hối nào về những tội ác của họ đang được các viện bảo tàng thế giới thu thập hay các tượng đài Nạn Nhân Cộng Sản được xây dựng cho thế hệ hôm nay và mai sau làm bài học?

Người cộng sản đã thống nhất lãnh thổ hai miền Nam Bắc, nhưng họ đã bỏ lỡ biết bao cơ hội để thống nhất dân tộc và xây dựng dân chủ. Hãy trở về tinh thần chống ngoại xâm của dân Việt. Một ngàn năm đô hộ giặc Tàu nhưng không bị đồng hóa, không bị mất đất mất biển, mà ngày nay mảnh đất này lại bị cắt da cắt thịt. Suốt quá trình lập quốc và kiến quốc, chưa có giai đoạn lịch sử nào tủi nhục và căm hận như hôm nay !

Không một quốc gia nào đi giúp không công một quốc gia khác, nếu không có những quyền lợi tiềm ẩn trong đó. Bài học bằng máu và nước mắt của dân tộc qua các thời kỳ lịch sử vẽ ra bức tranh ảm đạm về sự lệ thuộc các thế lực Tàu-Pháp-Nhật-Nga-Mỹ. Không chừng chúng ta lại trở thành nạn nhân một lần nữa. Trên quê hương này, mọi chủ thuyết đều nhất thời. Bạo chúa nào rồi cũng thành tro bụi. Chỉ có Dân Tộc trường tồn, như nhận định của Tiến Sĩ Lâm Lễ Trinh :

Cái thế của Dân Tộc vô địch và vô song. Không tin, không tạo và không sử dụng triệt để 'thế Dân Tộc' thì thất bại đương nhiên. Thất bại thê thảm. Tự do như một cánh chim. Vung cánh bay lên, rồi phải biết nơi nào đáp xuống và lúc nào quay về tổ cũ. Chủ thuyết, chế độ, quyền lực...tất cả đều phù du, mỏng manh và rút cuộc tan biến với thời gian. Chỉ có Dân Tộc mới trường tồn. Vĩnh cửu. Bất diệt.

Trong muôn vàn lừa đảo và dối trá, người cộng sản Việt Nam hôm nay có được một lần đối diện lương tâm và tình đồng bào mà giao lại công việc trùng tu Nghĩa Trang Biên Hòa cho những người hàng thiết tha với đất nước? Và trong tâm tư của họ, có dấy lên được tình tự dân tộc để chấp nhận Nghĩa Trang Biên Hòa được tiếp tục công trình lịch sử và nghệ thuật dang dở ba mươi năm nay: Công trình điêu khắc trên Vành Khăn Tang ghi lại những chiến thắng huy hoàng của dân tộc Việt Nam? Nghĩa Trang Biên Hòa sẽ biến thành Nghĩa Trang Quốc Gia, chôn cất những người đã nằm xuống trong cuộc chiến tranh vừa qua, bất luận họ đã ở chiến tuyến nào khi còn sống.

Phải chăng đó là giấc mơ của những người cựu Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa hay những người cựu chiến binh cộng sản, những người đã xả thân vì cuộc chiến, sẽ cùng nhau biến giấc mơ ấy thành sự thật. Có lẽ không có cơ hội nào tốt hơn cho mọi người Việt Nam, trên quê hương hay đang lưu thân viễn xứ, dù đã muộn màng, để thiết lập một đất nước độc lập, thống nhất lãnh thổ và thống nhất lòng người.

Nghĩa Trang Biên Hòa/Ba mươi năm hoang phế/Niềm đau của dân tộc/Vấn đề của lương tâm

Hoa Thịnh Đón, 23.04.2005